**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 19 : CHỦ ĐỀ 2: THƠ TRỮ TÌNH HIỆN ĐẠI VÀ CÂU NGHI VẤN**

**Tiết 1+2**

**NHỚ RỪNG**

***Thế Lữ***

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết đọc – hiểu một tác phẩm thơ lãng mạn tiêu biểu của phong trào Thơ mới.

- Thấy được một só biểu hiện của sự đổi mới về thể loại, đề tài, ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật được thể hiện trong bài thơ.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn.

- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

**3. Thái độ**

- Trân trọng tài năng nghệ thuật và lòng khao khát tự do

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Sơ giản về phong trào Thơ mới

- Chiều sâu tư tưởng thầm kín của lớp thế hệ trẻ tri thức Tây học chán ghét thực tại, vươn tới cuộc sống tự do.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn.

- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

**3. Thái độ**

- Yêu tự do, hoà bình. Biết trân trọng tự do hoà bình do ông cha đem lại bằng sự đánh đổi cả xương máu.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp Tiếng Việt, Tập làm văn

- Tích hợp lịch sử: XH Việt Nam đầu TK XX

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy** :

- Soạn bài, tư liệu về tác giả, tác phẩm. (Chân dung nhà thơ, tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp, lời bình, lời đánh giá về bài thơ.

- Hướng dẫn HS sưu tầm trên mạng về nhà thơ và phong trào Thơ mới.

**2. Chuẩn bị của trò**:

- Soạn bài, tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm theo hướng dẫn của GV

**IV – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1')

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ (***3-5')

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV cho HS quan sát tranh về con hổ trong vườn bách thú.  - Nêu yêu cầu: Những hình ảnh trên gợi cho em liên hệ vấn đề gì? Em hiểu gí về v/đề đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 73,74. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trỡnh bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phỳt***  **I. Đọc - Chú thích** |  |
| **1**.GV nêu y/cầu đọc: Bài thơ là lời tâm sự, là nỗi lòng của con hổ bị nhốt trong cũi sắt ->cần đọc với các giọng khác nhau: lúc than thở, lúc thì oai phong, lúc thì khao khát.  \*Giáo viên đọc mẫu một đoạn  \* Gọi HS đọc, nhận xét. | *HS nghe, xác định cách đọc.*  *2 HS đọc hết bài* | ***1. Đọc*** |  |
| **2**.Hãy đọc chú thích và cho biết những nét chính về tác giả, tác phẩm ?  \* GV bổ sung thêm | *HS đọc CT, trình bày. HS khác bổ sung* | ***2. Chú thích***  ***a. Tác giả: Thế Lữ*** |  |
| (1907-1989), tên khai sinh: Nguyễn Thứ Lễ  - Là nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới( 1932-1945) góp phần quan trọng vào việc đổi mới thơ ca, đem lại chiến thắng cho Thơ mới.  - Là người có công đầu xây dựng ngành kịch nói ở nước ta.  - Được truy tặng Giải thưởng HCM về VHNT- năm 2003  ***b. Tác phẩm***  - Là bài thơ tiêu biểu nhất, góp phần mở đường cho sự thắng lợi của Thơ mới | |  |
| **3**. Cho HS đọc các CT trong sgk, lưu ý các từ H-Vvà từ cổ. | *1HS đọc các chú thích. HS còn lại nghe.* | ***c. Từ khó*** |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 55- 60' | | |  |
| * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **1.HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **4**.Hãy nhận xét về thể thơ của bài thơ ? (số câu, số chữ, số khổ thơ?).  - Chỉ ra những điểm mới của hình thức bài thơ này so với các bài thơ đã học (VD: Thể thơ Đường luật)  - Bài thơ được ngắt làm 5 đoạn, hãy cho biết nội dung mỗi đoạn?  - Với nội dung đó, hãy xác định PTBĐ chính của bài thơ và hình tượng được khắc hoạ chính trong bài thơ? | *HS nhận xét, trả lời*  ***- Thể thơ:*** tự do 8 chữ vần liền; vần bằng, trắc hoán vị đều đặn.  Những điểm mới : Bài thơ có nhiều khổ, số câu, số chữ trong mỗi khổ không đồng đều. Nhịp ngắt tự do, vần không cố định. Giọng thơ ào ạt, phóng khoáng  - ***Bố cục:***  + Đoạn 1: *Tâm trạng của con hổ bị giam hãm ở vườn Bách Thú*.  + Đoạn 2,3: *Quá khứ hào hùng oanh liệt của chúa sơn lâm.*  + Đoạn 4,5: *Sự chán ghét thực tại và niềm khao khát tự do mãnh liệt*.  ***- Phương thức biểu đạt***: Biểu cảm gián tiếp thông qua tự sự và miêu tả.  ***- Hình tượng chính***: hình tượng con hổ | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| **5**.Gọi HS đọc khổ 1. Nêu y/cầu  - Hai câu thơ đầu cho ta biết được điều gì về cảnh ngộ thực tại của con hổ?  - Trong cảnh ngộ đó, tâm trạng của con hổ được diễn tả qua những chi tiết nào?  - Em hiểu “*khối căm hờn*” là như thế nào?, “*nằm dài*” biểu hiện tư thế gì của con hổ?  - Để thể hiện tâm trạng của con hổ, tác giả đã sử dụng những biện pháp NT gì? Qua đó cho ta thấy được tâm trạng gì của con hổ?  - Vì sao con hổ lại có tâm trạng đó? | 1HS đọc, cả lớp nghe.  Hs HĐ cá nhân, trả lời: | ***Khổ 1. Tâm trạng của con hổ*** |  |
| \* ***Cảnh ngộ:*** Bị giam cầm trong cũi sắt -> ***bị tù hãm***, ***mất tự do***  \* ***Tâm trạng***: gậm một khối căm hờn, nằm dài trông ngày tháng dần qua.  + *Gậm khối căm hờn*: lòng căm hờn ngưng kết, dồn lại thành khối, không tan được như một khối đá đè nặng trong lòng->*nỗi căm giận chất chồng*  + *Nằm dài*: Nằm yên gần như bất động ->*tư thế bất lực, buồn chán*  \* *Nghệ thuật*: nhân hoá, ẩn dụ, nhiều ĐT,TT có sức gợi tả, biểu cảm cao.  =>***Tâm trạng uất hận, buồn chán và bất lực.***  - Con hổ có tâm trạng đó vì nó đường đường là chúa sơn lâm mà bây giờ lại phải sống trong cảnh nhục nhằn tù hãm, bị làm thứ đồ chơi, ngang bầy với bọn gấu dở hơi và cặp báo vô tư lự. Sống trong môi trường tù túng, chán ngắt không thể tự giải thoát nên nỗi căm hận càng chất chồng trong lòng nó. | |  |
| ***(Hết tiết 1, chuyển tiết 2)***  **TIẾT 2.** | | |  |
| **6**. Có phải con hổ tuy nằm dài, bất lực, như không hề suy nghĩ nhưng nội tâm của nó lại hoạt  động rất dữ dội. Em hãy tìm câu thơ thể hiện điều đó? | *HS suy nghĩ, trả lời:*  Ta sống mãi.... những ngày xưa ->luôn nhớ về  quá khứ của nó nơi chốn rừng sâu | ***Khổ 2,3. Nỗi nhớ quá khứ hào hùng của chúa sơn lâm*** |  |
| **7**.Cho HS theo dõi khổ 2. Hỏi:  - Nhớ về quá khứ, con hổ nhớ đến những gì?  - Cảnh sơn lâm được gợi tả qua những chi tiết nào ? Nhận xét về BP tu từ được sử dụng trong những lời thơ này ?Tác dụng?  - Em có nhận xét gì về cảnh núi rừng được tái hiện trong nỗi nhớ của con hổ? | *HS theo dõi khổ 2,3; suy nghĩ cá nhân, trả lời:* | ***a. Cảnh núi rừng*** |  |
| - bóng cả cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi  \* Biện pháp tu từ: nhân hoá, điệp từ “với”, những động từ mạnh (gào, hét)->gợi tả sự mãnh liệt của núi rừng  =>***Cảnh thâm nghiêm, hùng tráng, mãnh liệt và cổ kính*** | |  |
| **8**.Trong không gian ấy, hình ảnh con hổ hiện lên qua nhũng chi tiết nào? Có gì đặc sắc trong những câu thơ miêu tả hình ảnh chúa sơn lâm? Từ đó cho ta thấy chúa sơn lâm có vẻ đẹp như thế nào? | *HS theo dõi VB, phát hiện, suy nghĩ, trả lời:* | ***b. Hình ảnh chúa sơn lâm*** |  |
| - Tư thế: *bước chân dõng dạc, đường hoàng*  - Dáng vẻ: *thân như sóng cuộn nhịp nhàng*  - Uy quyền: *mắt thần quắc khiến mọi vật đều im hơi, chúa tể muôn loài*  ->Những câu thơ sống động, giàu chất tạo hình  =>***Vẻ đẹp vừa mềm mại, uyển chuyển vừa oai phong, dũng mãnh*** giữa núi rừng thâm nghiêm hùng vĩ***.*** | |  |
| **9**. Theo dõi khổ 3, hãy cho biết con hổ nhớ tới những gì về cuộc sống của nó nơi chốn rừng sâu?  **10.** Cho HS thảo luận:  - Cảnh sắc trong mỗi thời điểm có gì nổi bật ?  - Giữa TN ấy, chúa tể của muôn loài đã sống một cuộc sống như thế nào ?  - Trong đoạn thơ, những biện pháp tu từ nào được sử dụng? Tác dụng của những BPTT đó?  - Em có nhận xét gì về cảnh vật và cuộc sống của con hổ ở những thời điểm đó? | *HS theo dõi VB, phát hiện trình bày:*  *HS thảo luận theo 4 nhóm. Đại diện trình bày* | ***c. Cuộc sống nơi chốn rừng sâu*** |  |
| - ***Những đêm vàng bên bờ suối.... uống ánh trăng tan:*** ánh trăng như tan chảy trong không gian, cảnh vật như được nhuộm vàng, con hổ như một thi sĩ mơ màng, say mồi và say trăng.  - ***Những ngày mưa*** ***... đổi mới***: mưa dữ dội, mờ mịt, rung chuyển cả núi rừng, có thể làm kinh hoàng những con thú hèn yếu nhưng con hổ không mảy may sợ hãi. Lúc này hổ như một nhà hiền triết điềm nhiên lặng ngắm sự thay đổi của thiên nhiên. Cái vẻ lặng ngắm chứa đựng cả một sức mạnh chế ngự, một bản lĩnh vững vàng không gì lay chuyển nổi..  - ***Những buổi bình minh*** .... *tưng bừng*: cả vương quốc tràn ngập một màu xanh, hổ nằm ngủ trong khúc nhạc tưng bừng của tiếng chim ca.Cảnh thiên nhiên tươi đẹp,rộn rã của buổi bình minh làm giấc ngủ của hổ thêm nồng, thêm say.  - ***Những chiều tà lênh láng máu....chiếm lấy riêng phần bí mật:*** trong khoảnh khắc hoàng hôn rực rỡ trong gam màu đỏ “lênh láng máu sau rừng”, một bức tranh thật dữ dội và bi | |  |
| \* *Cuộc sống tự do, phóng khoáng và quá khứ quá huy hoàng, đẹp đẽ nên khi gặp phải thực tại, con hổ đã cất lên lời than u uất. Câu hỏi tu từ cuối cùng của khổ thơ đã chấm dứt hào quang, trở lại thực tại của con hổ.* | tráng. Hổ như một mãnh chúa đầy uy quyền, chiếm lấy riêng phần bí mật để tung hoành trong đêm tối.  ->*Đây là bốn cảnh rất đẹp, cảnh nào cũng có thiên nhiên hùng vĩ tráng lệ. Có thể coi 4 cảnh này như một bộ tứ bình đẹp lộng lẫy, vừa rực rỡ, huy hoàng vừa hùng vĩ, bí ẩn.*  \* BPNT: Đại từ “*ta”*, điệp từ “*nào đâu*”, câu hỏi tu từ kết hợp với câu cảm thán ở cuối khổ thơ thể hiện sự tiếc nuối quá khứ huy hoàng, đẹp đẽ và cuộc sống tự do, phóng khoáng của con hổ  =>Đây là ***một cuộc sống tự do, phóng khoáng, một quá khứ hết sức huy hoàng, đẹp đẽ*** | |  |
| **11**. Gọi Hs đọc khổ 4. Hỏi:  - Trở lại cuộc sống thực tại, con hổ có thái độ như thế nào? Vì sao con hổ có thái độ đó?  - Chán ghét cuộc sống thực tại, con hổ chỉ còn biết làm gì?  - Qua thái độ đó của con hổ cho ta thấy được tâm sự gì của con hổ? | *HS theo dõi VB, phát hiện,trả lời:* | ***Khổ 4,5: Thái độ với cuộc sống thực tại*** |  |
| + Uất hận vì bị giam cầm, tù hãm, mất tự do.  + Chán ghét cảnh thực tại vì đó là cảnh vật tầm thường,nhạt nhẽo, tù túng, giả dối, ....  + Tiếc nuối cảnh nước non hùng vĩ và cuộc sống tự do đã mất  + Mộng tưởng về chốn rừng núi, giang sơn cũ  =>***Bất hòa sâu sắc với thực tại, khao khát tự do mãnh liệt*** | |  |
| \*Tâm sự của con hổ ở vườn bách thú, chính là tâm sự của người dân VN đương thời. Đó là khát vọng được sống trong xứ sở của chính mình, khát vọng được giải phóng, khát vọng tự do | | |  |
| **12**. Căn cứ nội dung bài thơ, hãy giải thích vì sao tác giả phải mượn “*lời con hổ ở vườn bách thú*”. Việc mượn lời đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ? | *HS trao đổi trong bàn, trả lời:* |  |  |
| Tác giả phải mượn lời con hổ để bộc lộ suy nghĩ của mình ví những suy nghĩ ấy khó có thể giãi bày trực tiếp, công khai trong thực trạng xã hội lúc bấy giờ. Mượn lời vì con hổ có vẻ đẹp oai hùng, là chúa sơn lâm đầy uy quyền ở chốn nước non hùng vĩ, bị tù hãm là biểu tượng rất thích hợp về người anh hùng mang tâm sự u uất. Mượn lời con hổ để nói lên một cách đầy đủ, sâu sắc nỗi đau của thân phận nô lệ, khơi gợi niềm khát khao tự do cùng nỗi nhớ tiếc thời oanh liệt đầy tự hào của dân tộc | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **14**. Hãy cho biết:  - Bài thơ có những đặc sắc gì về nghệ thuật?  - Qua bài thơ em cảm nhận được điều gì? | *HS tóm tắt, trả lời*: | ***1. Nghệ thuật***: |  |
| - Sử dụng bút pháp lãng mạn với nhiều biện pháp nghệ thuật như nhân hoá, đối lập, phóng đại, sử dụng từ ngữ gợi hình, giàu sức biểu cảm.  - Xây dựng hình tượng nghệ thuật có nhiều tầng ý nghĩa.  - Âm điệu thơ biến hoá qua mỗi đoạn thơ nhưng thống nhất | |  |
| \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | giọng điệu dữ dội, bi tráng trong toàn bộ tác phẩm.  ***2. Nội dung ý nghĩa***  - Mượn lời con hổ trong vườn bách thú, tác giả kín đáo bộc lộ tình cảm yêu nước và niềm khao khát tự do thoát khỏi kiếp đời nô lệ mãnh liệt.  *1HS đọc GN* **\* *Ghi nhớ*: *sgk/7*** | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **15**. Cho HS làm BTTT | *HS đọc, chọn, trả lời* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| **16**. Cho HS thảo luận: Nhà phê bình văn học Hoài Thanh có nhận xét về thơ Thế Lữ: Đọc đôi bài....ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi thường”  Em hiểu sức mạnh phi thường ở đây là gì ? | *HS HĐ theo nhóm bàn, đại diện trình bày:* |  |  |
| Đó là sức mạnh của cảm xúc. Trong thơ lãng mạn, cảm xúc mãnh liệt là yếu tố quan trọng hàng đầu. Từ đó kéo theo sự phù hợp của hình thức câu thơ => Cảm xúc mãnh liệt kéo theo những chữ bị xô đẩy. | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

\* **Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng (1')**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Đọc tham khảo bài bình luận về bài thơ. | - Thực hiện ở nhà |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài cũ:***

-Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT

- Hãy đóng vai con hổ ghi lại tâm trạng lúc bị nhốt trong vườn bách thú.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Câu nghi vấn*

- Tìm hiểu đặc điểm, công dụng của kiểu câu nghi vấn.

- Tìm trong các văn bản đã học những câu nghi vấn và công dụng của nó.

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 19**

**Tiết 3**

**CHỦ ĐỀ 2: ÔNG ĐỒ**

**Vũ Đình Liên**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Thấy được một só biểu hiện của phong trào Thơ mới về thể loại, đề tài, ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật lãng mạn.

- Hiểu được những xúc cảm của tác giả trong bài thơ.

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc – hiểu một tác phẩm thơ lãng mạn để bổ sung thêm kiến thức về tác giả, tác phẩm của phong trào Thơ mới.

- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

**3. Thái độ**

- Trân trọng tấm lòng của tác giả và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Sự đổi thay trong đời sống xã hội và sự tiếc nuối của nhà thơ đối với những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc đang dần bị mai một.

- Lối viết bình dị mà gợi cảm của nhà thơ trong bài thơ.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm.

- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

**3. Thái độ**

Giáo dục HS tình yêu, sự trân trọng một nét văn hoá cổ truyền rất đẹp của dân tộc

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp Tiếng Việt, Tập làm văn (Thuyết minh)

- Tích hợp lịch sử: XH Việt Nam đầu TK XX

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy** :

- Soạn bài, tư liệu về tác giả, tác phẩm. (Chân dung nhà thơ, tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp, lời bình, lời đánh giá về bài thơ.

- Tranh vẽ ông đồ của tác giả Bùi Xuân Phái, một số tư liệu về ông đồ hiện đại.

- Hướng dẫn HS sưu tầm trên mạng.

**2. Chuẩn bị của trò**:

- Soạn bài, tìm hiểu về nghệ thuật chơi câu đối Tết của người xưa.

- Tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm trên mạng theo hướng dẫn của GV

**IV – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1')

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ (***3-5')

GV cho HS làm các BT trắc nghiệm kiểm tra kiến thức bài cũ.

Lựa chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu trả lời sau:

*1. Trong nền thơ ca Việt Nam, thơ Tản Đà là viên gạch nối giữa hai nền thơ cổ điển và hiện đại. Đúng hay sai?*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đúng | B. Sai |

*2. Bài thơ “Muốn làm thằng Cuội” được sáng tác theo thể thơ nào?*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thơ tự do bảy chữ  B. Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt | C. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật  D. Thơ tự do năm chữ. |

*3. Chủ đề của bài thơ “Muốn làm thằng Cuội” là gì?*

A. Chán ngán cõi trần thế.

B. Mơ tưởng chốn cung trăng để được thảnh thơi, vui thú.

C. Lòng yêu đời và khát khao tự do của nhà thơ.

D. Tâm sự của nhà thơ: buồn chán trước thực tại tầm thường, xấu xa, muốn được thoát li bằng mộng tưởng lên cung quế với chị Hằng.

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* GV quan sát một số tranh. Nêu y/cầu: Những h/ả trên gợi cho em liên tưởng đến lớp người nào trong XH PK xưa? Em hiểu biết gì về họ?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát. trao đổi* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 65,66. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, | | |  |
| **I.HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch**  **\*B1. HD HS đọc văn bản.** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch**  **1. HS đọc văn bản** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch**  **1. Đọc** |  |
| **1. *GV nêu yêu cầu* :** VB cần đọc với giọng điệu, cách ngắt nhịp như thế nào?  - GV đọc mẫu, gọi HS đọc,  gọi HS khác nhận xét, GV uốn nắn cách đọc | *HS nêu yêu cầu về cách đọc văn bản, nghe GV đọc mẫu, 2 HS đọc, cả lớp nghe, nhận xét cách*  *đọc của bạn* | ***1. Đọc***  **-** Giọng điệu: Vui tươi, phấn khởi ở khổ 1, 2. Chậm, buồn, xúc động ở  khổ 3, 4. Bâng khuâng,sâu lắng ở khổ 5.  -Ngắt nhịp: 2/3, 3/2, 2/1/2 |  |
|  |
| **2**. Hãy đọc chú thích và nêu những hiểu biết của em về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách sáng tác của VĐL?  **\*** Cho HS quan sát chân dung nhà thơ và bổ sung:  ***\* Phong trào “Thơ Mới”:*** Từ đầu chỉ là những sáng tác của tầng lớp trí thức trẻ, trở thành một phong trào thơ lãng mạn, phát triển rực rỡ với sự đổi mới, cách tân về ngôn ngữ, đề tài, thể loại và cả nội dung trong thơ.  ***\* Về phong cách sáng tác***: Khi giới thiệu về Vũ Đình Liên, nhà nghiên cứu phê bình văn học Hoài Thanh trong cuốn ***“Thi nhân Việt Nam”*** nhận xét: *“Người (Vũ Đình Liên) cũng ca tình yêu như hầu hết mọi nhà thơ bấy giờ. Nhưng hai nguồn thi cảm chính của người là lòng thương người và tính hoài cổ. Người thương những kẻ thân tàn ma dại, người nhớ những cảnh cũ người xưa. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác* ***“Ông đồ”.*** | *HS đọc và trình bày* | ***2. Chú thích*** |  |
| ***a. Tác giả:* Vũ Đình Liên (1913-1996)**  **\* Cuộc đời:**  - Quê gốc: thôn Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.  - Chủ yếu sinh sống ở phố Hàng Bạc - Hà Nội.  - Đỗ Tú tài năm 1932, là cử nhân luật khoa.  **\* Sự nghiệp :**  ***+ Trước Cách mạng tháng Tám*:** ông là một trong những nhà thơ lãng mạn đầu tiên của nước ta, xuất hiện trong phong trào ***“Thơ Mới”***  ***+ Sau Cách mạng tháng Tám***:  - Ông tham gia cách mạng ngay từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp trong Hội văn nghệ liên khu 3.  - Ông từng tham gia giảng dạy văn học nhiều năm, từng là Chủ nhiệm khoa tiếng Pháp của Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay một hội trường lớn của Đại học quốc gia HN mang tên Vũ Đình Liên  - Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật.  - Là hội viên sáng lập nên Hội Nhà văn Việt Nam.  - 1990: ông được nhận danh hiệu: ***“Nhà giáo Nhân dân”.***  **\* Phong cách sáng tác:**  Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ. | |  |
| **3.** Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh nào? Có vị trí như thế nào trong sự nghiệp sáng tác của Vũ Đình Liên và Phong trào ***“Thơ mới”?***  ***- GV bổ sung:*** *Đúng như lời Hoài Thanh nhận xét “Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ lưu danh với người đời.”*  \* GV giới thiệu một số tác phẩm khác của VĐL:  - Lòng ta là những hàng thành quách cũ. (Trong “Thi nhân | *- HS trả lời cá nhân, HS khác bổ sung, Nghe GV chốt nhấn mạnh. Ghi nhanh vào vở.*  *- Quan sát trên máy chiếu một số tác phẩm của Vũ Đình Liên* | **b. Tác phẩm:**  ***- Hoàn cảnh ra đời:*** Bài thơ ra đời lần đầu vào năm 1935, lúc đầu có khổ 1 và mùa xuân năm 1936 mới xong 4 khổ tiếp theo.  ***- Bài thơ được đăng trên báo*** ***“Tinh hoa”-1936*** do chính tác giả làm chủ biên.  ***- Vị trí: Là bài thơ tiêu biểu nhất của hồn thơ giàu thương cảm Vũ Đình Liên và là một trong*** |  |
| Việt Nam” ; Đôi mắt (1957); Người đàn bà điên ga Lưu Xá (1977)  - Sơ thảo lịch sử Văn học Việt Nam (1957- cùng nhóm Lê Qúy Đôn);Dịch thơ “Thơ Baudelaire” **4**. Cho HS đọc các chú thích. | *HS tìm hiểu các CT trong sgk* | ***những bài thơ hay nhất của Phong trào “Thơ mới”.***  **c. Từ khó.** *sgk* |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**  ***- PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình.   * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 50- 55' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc -tìm hiểu VB**  **1.HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **6.** *GV nêu yêu cầu:*  - Bài thơ được làm theo thể thơ gì? Hãy nhận diện thể thơ đó qua bài thơ?  - PTBĐ chủ yếu của VB?  - Cảm xúc chủ đạocủa bài thơ là gì? Cảm xúc ấy đã chi phối đến giọng điệu của bài thơ như thế nào?  - Bài thơ có thể chia làm mấy phần ? Nội dung của từng phần | *HS xác định, trình bày* |  |  |
| **- Thể loại: *thơ* *ngũ ngôn hiện đại***  **+** Cả bài gồm có 5 khổ thơ, mỗi khổ có 4 câu (dòng) thơ, gieo vần chân, vần liền, vần cách, vần bằng, vần trắc xen kẽ hoặc nối tiếp nhau.  + Ngôn ngữ giản dị, hình ảnh thơ lãng mạn, bay bổng thích hợp nhất với việc diễn tả những tình cảm, cảm xúc sâu lắng, tâm tình  **- PTBĐ : *biểu cảm*,** kết hợp tự sự, miêu tả  - **Cảm xúc chủ đạo:** Qua h/ảnh đáng thương của ông đồ, tác giả đã bộc lộ niềm xót thương đối với một lớp người đang tàn lụi và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa  **- Giọng điệu :** chủ yếu là trầm lắng, ngậm ngùi thể hiện được tâm trạng buồn thương, tiếc nuối một cái gì đó đến tội nghiệp.  **- Bố cục: 3 phần**  - Khổ 1,2 : H/ảnh ông đồ trong mùa xuân năm xưa  - Khổ 3,4 : Hình ảnh ông đồ trong mùa xuân hiện tại  - Khổ 5 : Nỗi lòng của tác giả. | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| **7**. Đọc lại hai khổ thơ đầu, hãy cho biết:  - Ông đồ xuất hiện vào thời điểm không gian và thời gian như thế nào? Em có nhận xét gì về thời điểm mà ông đồ xuất hiện? | *HS đọc, phát hiện chi tiết, nhận xét, trả lời.* | ***1. Hình ảnh ông đồ trong mùa xuân năm xưa*** |  |
| **\* Sự xuất hiện:**  ***- Thời gian:*** hoa đào nở -> báo hiệu Tết đến, xuân về  ***- Không gian:*** bên hè phố, đông người qua lại.  ***-> Ông có mặt vào giữa mùa đẹp, vui nhất, hạnh phúc nhất của con người, trong khung cảnh tấp nập, đông vui khi Tết đến, xuân về.*** | |  |
| - Ông đồ xuất hiện cùng với những gì? Để làm gì?  - Nêu hiểu biết của em về phong tục chơi câu đối trong ngày Tết ở nước ta xưa kia? | **\*Ông đồ :** Bày mực tàu, giấy đỏ...->viết câu đối.  \* *Phong tục chơi câu đối trong ngày Tết ở nước ta*  *xưa kia****:*** Chơi chữ, treo câu đối chữ Nho nhất là trong ngày Tết là một nét sinh hoạt văn hoá rất đẹp của người Việt Nam từ ngàn xưa.  - Ngày Tết, dù người sang hay kẻ hèn đều tìm đến những người văn hay, chữ đẹp để xin chữ, đem về làm vật trang trí trong nhà, cầu mong những điều tốt đẹp nhất đến trong năm và thường treo ở những nơi trang trọng nhất. Hoặc người viết chữ đẹp thường đem tặng, đem biếu chữ của mình cho người thân .  - Người ta viết lên giấy điều hay mảnh lụa, phiến gỗ... | |  |
| **8**.Trong khổ thơ đầu, tác giả sử dụng cặp từ ***“mỗi- lại”*** và hai hình ảnh sóng đôi là ***“hoa đào” và “ông đồ”.***  ? Em hãy phân tích giá trị sử dụng của hai cặp từ này? | *HS trao đổi nhóm bàn, trả lời,* | ->Sự lặp lại trở thành nếp, thành quy luật tuần hoàn của thời gian, không gian và con người => S***ự tồn tại của ông đồ trong xã hội là không thể thiếu, rất quen thuộc với mọi người và góp phần làm nên nét đẹp văn hoá truyền thống dân tộc.*** |  |
| **9**. Theo dõi khổ tiếp theo, hãy cho biết tài viết chữ của ông đồ được tác giả gợi tả qua các chi tiết nào ?  - Em hiểu *bao nhiêu,* *tấm tắc* là gì? Có ý nghĩa gì?  - Hai câu thơ ***“ Hoa tay… phượng bay”,*** tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy?  - Em hình dung như thế nào về nét chữ của ông đồ qua hình ảnh so sánh đó ?  **\*GV bình:** | *HS theo dõi VB, suy nghĩ, trả lời* | **\* Tài năng của ông đồ:**  *Bao nhiêu ... rồng bay*. |  |
| - *Bao nhiêu*: là từ chỉ số lượng có tính phiếm định gợi hình ảnh người đến thuê viết rất đông, rất nhiều và ông rất đắt hàng.  - *Tấm tắc*: là tính từ biểu đạt sự thán phục, ca ngợi, trân trọng tài nghệ của ông.  ***- Nghệ thuật :***  + Phép hoán dụ : ***hoa tay*** (Ông đồ rất tài hoa, viết câu đối đẹp)  + Phép so sánh : ***thảo- như- phượng múa rồng bay.***  + Sử dụng thành ngữ: ***“phượng múa rồng bay”***  ***->*** làm nổi bật vẻ đẹp trong nét chữ của ông: Nét chữ rất đẹp, bay bướm, uốn lượn, vừa ***phóng khoáng, bay bổng, song lại cao quý, oai phong, sống động, có hồn.*** | |  |
| *Bằng bút pháp miêu tả tinh tế, ngôn ngữ điêu luyện, trong hai câu thơ, tác giả như khắc hoạ trước mắt người đọc hình ảnh của ông đồ già với dáng ngồi, dáng lưng khom, nét mặt tuy khắc khổ nhưng ẩn chứa niềm vui và đôi bàn tay già, gầy guộc đưa lên hạ xuống như bay như múa, như đang tung hoành trên nền giấy điều thắm tươi.* ***Lúc này đây ông đồ như một người nghệ sĩ tài hoa trước công chúng*** | | |  |
| **10**. Nét chữ tài hoa ấy, giúp cho ông đồ có địa vị như thế nào trong con mắt của người đời? | *HS suy nghĩ, trả lời. HS khác bổ sung,* | => ***Được mọi người quý trọng, ngưỡng mộ.***  Là trung tâm của mọi sự chú ý. Ông được sáng tạo, |  |
| ? Qua hai khổ thơ đầu, em có suy nghĩ gì về hình ảnh ông đồ?  **?** Vì sao lúc này ông đồ được mọi người mến mộ như vậy? |  | sự sáng tạo của ông có ích cho mọi người.  ***-> Đây thực sự là những ngày huy hoàng, đắc ý nhất của cuộc đời ông khi Nho học vẫn thịnh hành. (Chữ thánh hiền vẫn còn được coi trọng)*** |  |
| **11**. Cho HS thảo luận: Đọc hai khổ thơ đầu, có người cho rằng*: Đây là những ngày huy hoàng đắc ý nhất của ông đồ.*Nhưng lại có người bảo rằng:*Ngay từ đầu bài thơ đã cho ta thấy những ngày tàn của Nho học và thân phận buồn của ông đồ.*Ý kiến của em như thế nào trước hai nhận định trên? | *- HS trao đổi, thảo luận nhóm,, đại diện trình bày, nhận xét,* |  |  |
| \* Đây là những ngày đắc ý nhất của ông đồ :  - Vẫn còn có người nhớ đến ông, nhớ đến tài hoa của ông, nhớ đến chữ thánh hiền.  - Ông vẫn còn có khách, vẫn còn đắt hàng, vẫn còn có niềm vui, vẫn còn tồn tại được.  \* Đây đúng là những ngày tàn của Nho học, ngày buồn của ông đồ:  - Chữ Nho- chữ thánh hiền vốn dùng để cho, tặng, biế u - nay đem bày bán trên hè phố  - Nhà Nho- ông đồ vốn sống thanh bần bằng nghề dạy học, nay không còn trò phải đi bán chữ để kiếm sống trên phố phường chật hẹp, bon chen.  - Ông đồ: kẻ sĩ sinh bất phùng thời, tài hoa nhưng không đựơc trọng dụng đúng chỗ  -> Ẩn chứa một nỗi buồn xót xa. | |  |
| Nếu mới đọc qua, nhìn thấy sắc màu rực rỡ của hoa đào, của giấy điều và nghe những lời khen hào phóng của người đời…thì thấy rằng dường như ông đang gặp thời. Nhưng nếu ngẫm kĩ thì ta thấy bài thơ buồn ngay từ những dòng đầu tiên, buồn ngay cả khi ông đang ở thời đắc ý. Ngày Tết, mài mực bán chữ ngoài vỉa hè chắc cũng là việc làm bất đắc dĩ của Nho gia, là cái cực của kẻ sĩ mọi thời. Chữ thì biếu, tặng, cho, chứ ai lại bán. Thứ hàng của ông tuy thể hiện sự tài hoa nhưng cũng chỉ là một thứ hàng bán trên hè phố. Tài năng của ông không được trọng dụng, ông chỉ là kẻ sĩ sinh bất phùng thời. Quả thực là đau xót biết chừng nào. Nhưng thôi, kẻ mướn, người thuê nhộn nhịp cũng là vui rồi, âu đó cũng là cái tình mà người đời dành cho ông, an ủi ông phần nào. Đó cũng là dịp để ông gửi hồn vào chữ, được hoá thân làm nghệ sĩ, để máu nghệ sĩ được nổi lên qua nét bút tài hoa.  **GV chuyển.** Nhưng cuộc đời đã không như thế mãi, cái ý thích của người đời cũng thay đổi theo thời cuộc. Lớp người mới lớn không có liên hệ gì để mà quyến luyến cái thứ chữ tượng hình kia. Cái tài, cái chữ của ông, họ không cần biết đến. Vậy trong hiện tại hình ảnh ông đồ ntn? | | |  |
| **12.** GV gọi đọc hai khổ 3,4.  Nêu yêu cầu:  - Từ “nhưng” được tác giả đặt ở đầu khổ tho có tác dụng gì?  - Hãy chỉ ra sự tương phản trong 2 khổ thơ này so với 2 khổ tho đầu? Qua đó giúp em | *HS đọc, so sánh, trình bày* | **2. Hình ảnh ông đồ trong mùa xuân hiện tại.** |  |
| *- “Nhưng”* – tạo sự tương phản, đối lập.  + Xưa : Bao nhiêu người thuê viết, tấm tắc ngợi khen  + Nay: Mỗi năm mỗi vắng - Người thuê viết nay đâu  ***=> Xuất hiện trong cảnh tượng vắng vẻ, thưa dần.***  Ông đồ lúc này ế hàng | |  |
| hình dung gì về khung cảnh xuất hiện của ông đồ vào lúc này?  - Trong khung cảnh đó, tâm trạng ông đồ là tâm trạng gì? | -> ***Tâm trạng buồn*** vì không có người thuê viết, không có người thích thú với tài nghệ viết chữ Nho của ông. Cho nên ông ngồi đấy mà không chạm đến giấy, không cầm đến bút. *=> Lúc này ông rơi vào tình cảnh người nghệ sĩ hết công chúng.* | |  |
| **13**. Nỗi buồn vắng khách của ông đồ thể hiện qua hình ảnh thơ nào? Hãy phân tích để làm nổi bật điều đó?  - Lúc này, thái độ của mọi người với ông đồ ntn? Em có nhận xét gì về giọng điệu và nhịp điệu trong hai câu thơ này?Qua đó giúp em hình dung như thế nào về ông đồ ở thời điểm này? | *- Giấy đỏ buồn .... nghiên sầu:* ***BPNT:*** nhân hoá->Nỗi buồn dường như đọng lại thành nỗi sầu tủi lan toả sang cả những vật vô tri vô giác và làm cho chúng trở thành những sinh thể có hồn. Tờ giấy đỏ cứ phơi ra đấy mà chẳng được đụng đến bỗng trở nên bẽ bàng, vô duyên không thắm nên được, nghiên mực cũng chẳng được bút lông chấm vào, nên đọng lại trở thành nghiên sầu -> ***tâm trạng buồn xót xa thấm vào cảnh vật của ông đồ.***  ***-*** Ôngđồ:*vẫn ngồi đấy ... không ai hay*-> ông đồ không thay đổi, vẫn cố bám lấy sự sống***,*** vẫn muốn có mặt với đời nhưng mọi người thay đổi, họ đã phủ nhận ông, ông hoàn toàn bị lãng quên, không ai biết đến sự có mặt của ông, cuộc đời đã quên hẳn ông.  Giọng điệu trầm, buồn, trùng xuống  ***=> Ông đồ già nua, sầu tủi, trở nên xa lạ, lạc lõng, lẻ loi, cô độc giữa dòng đời.*** | |  |
| **14**. ***Cho HS thảo luận nhóm***:  - Tâm trạng buồn thương của ông đồ được đẩy cao hơn qua hình ảnh nào?  - Tác giả đã sử dụng BPNT nào để diễn tả tâm trạng của ông đồ?  - Qua đó cho ta thấy thêm điều gì về tình cảnh của ông đồ lúc này ?  ***\*GV bình:*** *Đọc hai câu thơ chúng ta dường như có thể nhìn thấy dáng ngồi bó gối bất động của ông đồ nhìn mưa bụi bay. Nơi ông ngồi là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ lạnh lùng. Trời đất ảm đạm thê lương như chính lòng ông đồ buồn sầu dâng lên ngang tầm vũ trụ* | *HS thảo luận theo nhóm bàn, đại diện trình bày.* | *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài giời mưa bụi bay.* |  |
| ***BPNT:*** *tả cảnh ngụ tình, lấy cái ngoại cảnh để thể hiện cái tâm cảnh*  ***- Lá vàng***: hình ảnh ẩn dụ gợi sự tàn tạ, buồn bã, rơi rụng. Lá vàng lại rơi trên những tờ giấy viết câu đối của ông đồ. Phải chăng nó báo hiệu một sự tàn tạ của cả một thời Nho học huy hoàng .  - Mưa bụi : thứ mưa của mùa xuân nó rất nhỏ, bay lất phất nhưng sao nay nó rả rích dầm dề gợi nên sự lạnh lẽo, ảm đạm, thê lương, như xoá nhoà đi hình ảnh ông đồ. Mưa xuân hay mưa trong lòng ông đồ.  *-> Nhấn mạnh* *nỗi buồn, sự cô đơn của ông đồ dâng lên đến tận cùng ngang tầm vũ trụ như báo trước cho một thời tàn*  ***=> Ông đồ bị bỏ rơi, bị lãng quên theo thời gian.*** | |  |
| **15**.Ông đồ bị cuộc đời lãng quên có phải là ông đồ hết tài năng không? Vì sao?  - Sự đối lập hình ảnh ông đồ ở khổ 3, 4 và khổ 1, 2 gợi cho em cảm nhận gì?  \* Liên hệ thơ của Tú Xương: | *HS trao đổi, thảo luận, trình bày* |  |  |
| - Ông đồ bị lãng quên không phải vì ông hết tài năng mà do hoàn cảnh xã hội thay đổi, kéo theo sự thay đổi của con người  - Qua hình ảnh ông đồ giúp cho ta cảm nhận được bước thăng trầm của nền Nho học nước ta buổi giao thời. Thời | |  |
| *Nào có ra gì cái chữ Nho/ Ông Nghe, ông Cống …* | thế thay đổi, quan niệm của con người cũng thay đổi. Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị văn hoá cổ truyền được coi là mĩ tục của người VN | |  |
| **(Hết tiết 1, chuyển tiết 2)**  **Tiết 2.** | | |  |
| **16.** Gọi HS đọc khổ thơ cuối. Nêu yêu cầu:  - Khổ thơ cuối có gì giống và khác với khổ thơ đầu?  - Sự giống và khác nhau này có ý nghĩa gì ?  - Theo em, có cảm xúc nào ẩn sau cái nhìn đó của tác giả ?  - Tình cảm của tác giả được bộc lộ như thế nào? Đó là tình cảm gì? | *HS đọc, suy nghĩ, trình bày. HS khác bổ sung.* | **3. Tình cảm của tác giả** |  |
| - Giống nhau: đều xuất hiện hoa đào nở  - Khác nhau: nếu ở khổ thơ đầu ông đồ xuất hiện như thường lệ thì ở khổ thơ cuối này không còn thấy hình ảnh ông đồ nữa  ->TN vẫn tồn tại đẹp đẽ và bất biến con người thì không thể =>Niềm xót xa, thương cảm.  - Từ hình ảnh ông đồ, thi sĩ đã liên tưởng tới hình ảnh “Những người muôn năm cũ” và tự hỏi. Câu hỏi tu từ đặt ra là một lời tự vấn, tiềm ẩn sự ngậm ngùi day dứt. Đó là nỗi niềm trắc ẩn, xót thương cho những người như ông đồ đã bị thời thế khước từ. | |  |
| **\*Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **17**.Hãy nhắc lại những biện pháp nghệ thuật chủ yếu của bài thơ? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy?  - Đằng sau những lời thơ tái hiện hình ảnh ông đồ giúp cho em hiểu được điều gì về bài thơ, về tác giả ? | *HS khái quát, trình bày.* | ***1. Nghệ thuật.*** |  |
| * Thể thơ ngũ ngôn hiện đại. * Xây dựng được những hình ảnh đối lập * Kết hợp giữa biểu cảm với kể, tả * Lời thơ gợi cảm xúc.   ***2. Nội dung ý nghĩa***  Qua hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối những giá trị cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai. | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **18.** Cho HS làm BTTN: | *HS đọc, lựa chọn* | ***1. Trắc nghiệm.*** |  |
| ***1. Bài thơ “Ông đồ” được làm theo thể thơ gì?***   |  |  | | --- | --- | | A. Thơ tự do bảy chữ  B. Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt | C. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật  D. Thơ ngũ ngôn. |   ***2. Trong hai khổ thơ đầu, hình ảnh ông đồ hiện ra như thế nào?***  A. Ông được mọi người yêu mến, kính phục  B. Ông bị người đời lãng quên theo thời gian  C. Ông là trung tâm của mọi sự chú ý.  D. Cả A và C đều đúng.  ***3. Ý nào nói đúng nhất về hình ảnh ông đồ ở khổ 3, 4?***  A. Ông đồ trở nên cô đơn, lạc lõng giữa những con phố đông người qua lại.  B. Không còn ai thuê ông viết chữ.  C. Ông vẫn đang cố bám lấy sự sống, lấy cuộc đời.  D. Tất cả các phương án trên. | | |  |
| **19**. Viết đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về 2 khổ thơ 3, 4 của bài thơ? | *HS viết cá nhân, trình bày.* | ***2. Viết đoạn văn*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Viết đoạn văn cảm nhận về nội dung bài thơ | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

\* **Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng (2')**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm đọc những bài thơ trong phong trào thơ Mới | - Đọc thêm tư liệu |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (1’)***

- Học thuộc lòng bài thơ “*Ông đồ*”. Nắm vững những kiến thức đã học về tác giả, tác phẩm và h/ảnh ông đồ ở hai thời điểm , các biện pháp nghệ thuật được sử dụng.

- Nêu được cảm nhận của cá nhân về hình ảnh ông đồ.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: Câu nghi vấn

+ Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hỏi và bài tập

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 19**

**Tiết 4**

**CÂU NGHI VẤN**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn.

**2. Kĩ năng**

- Biết sử dụng câu nghi vấn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

Giáo dục ý thức học tập tích cực.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Đặc điểm hình thức của câu nghi vấn.

- Chức năng chính của câu nghi vấn.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của câu nghi vấn trong văn bản cụ thể.

- Phân biệt câu nghi vấn với một số kiểu câu dễ lẫn.

**3. Thái độ**

Giáo dục ý thức học tập tích cực.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định công dụng của câu nghi vấn trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kể tên các kiểu câu phân loại theo mục đích nói? Các dấu câu thường sử dụng trong mỗi kiểu câu đó?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Cho HS quan sát lại khổ cuối bài thơ “Ông đồ”. Nêu yêu cầu: Trong khổ thơ, câu thơ cuối thuộc kiểu câu gì? Em hiểu gì về kiểu câu đó?  - Từ phần trình bày của HS, | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 73,74.* Câu nghi vấn...** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** |  |
|  | **I.Tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn** | **I. Đặc điểm hình thức, chức năng chính** |  |
| **1**.GV chiếu đoạn trích. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Trong đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn ?  - Những đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn?  - Những câu nghi vấn trong đoạn trích trên dùng để làm gì? | *HS quan sát, 1HS đọc .*  *HS xác định, trả lời* | **1*.Đoạn trích:*** sgk |  |
| \* Câu nghi vấn:  - Sáng nay người ta đấm u có đau lắm ***không*** ?  - Thế ***làm sao*** u cứ khóc hoài mà không ăn ?  - ***Hay là*** u thương chúng con đói quá ?  \* Đặc điểm hình thức:  - Dấu câu ở cuối câu: dấu chấm hỏi (?)  - Có các từ nghi vấn: *không, làm sao, hay là* *(hay)*  \*Mục đích: Dùng để hỏi về những điều chưa biết hoặc còn băn khoăn. | |  |
| **2**.Hãy đặt các câu nghi vấn và chỉ ra các yếu tố tạo câu nghi vấn ?  \* GV nhận xét, sửa chữa. | *HSHĐ cá nhân, đặt câu, trình bày. HS khác nh/xét* |  |  |
| **3.** Qua các VD, hãy khái quát đặc điểm của câu nghi vấn?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc. | *HS tóm tắt, trả lời:*  *1HS đọc ghi nhớ* | \****Ghi nhớ*** (sgk/11) |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **4.** GV chiếu BT1. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu: Xác định câu nghi vấn trong những đoạn trích và đặc điểm hình thức của mỗi câu nghi vấn đó? | *HS làm bài trên giấy trong*  *HS quan sát, nhận xét* | ***Bài 1***: Xác định câu nghi vấn và đặc điểm hình thức |  |
| a. Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải ***không*** ?  b.***Tại sao*** con người lại phải khiêm tốn đến như thế?  c. Văn là ***gì*** ? Chương là ***gì*** ?  d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui ***không***?  - Đùa trò ***gì*** ? | |  |
| GV chiếu bài tập của HS, cho nhận xét | - Hừ ... hừ ... cái ***gì*** thế ?  - Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy ***hả*** ? | |  |
| **5**. GV chiếu BT2. Hỏi:  - Căn cứ vào đâu để xác định những câu trên là câu NV ?  - Có thể thay từ “*hay*” bằng từ “*hoặc*” được không? Vì sao? | *HS quan sát, suy nghĩ, TL* | ***Bài 2*.** Những căn cứ để xác định câu NV. |  |
| - Căn cứ để xác định: có từ NV “*hay*”  - Không thể thay từ “*hay*” bằng từ “*hoặc*” được vì: nếu thay như vậy câu nghi vấn sẽ sai ngữ pháp hoặc biến thành một câu kiểu khác như cầu trần thuật, ý nghĩa sẽ khác hẳn | |  |
| **\*** Cho HS làm BT củng cố:  a. Cho biết câu nghi vấn sau dùng để làm gì ?  T*ôi chỉ biết khóc chứ còn làm sao được nữa ? Thẻ của nó người ta giữ ...*  b. Thử đảo trật tự các từ trong câu này để tạo ra những câu nghi vấn khác? Phân biệt ý nghĩa của các câu đó?  *Sao không bảo nó đến?* | *HS quan sát, suy nghĩ, trả lời* | ***\* Bài tập củng cố*** |  |
| ***a.*** Câu nghi vấn dùng để bộc lộ cảm xúc (*sẽ học tiết sau)*  b. Đảo trật tự các từ:  - Sao nó bảo không đến?  - Sao bảo nó không đến?  - Sao không đến bảo nó?  **-** Nó bảo không đến sao?  \* Phân biệt ý nghĩa: | |  |
| ***(hết tiết 1, chuyển tiết 2)***  **TIẾT 2.** | | |  |
| **6. GV chiếu BT3.** Cho HS quan sát BT3. Hỏi: Có thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối những câu đó được không? Vì sao? | *HS quan sát, suy nghĩ, trả lời.* | ***Bài 3*.** |  |
| - Không thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối các câu đó vì đó không phải là những câu nghi vấn  - Câu a, b các từ nghi vấn: *không, tại sao*, nhưng những kết cấu chứa những từ này chỉ làm chức năng bổ ngữ trong một câu  - Câu c, d : *ai, nào* là những từ phiếm định, có ý nghĩa khẳng định chứ không phải là nghi vấn | |  |
| **7**. GV chiếu 2 câu văn BT4. Cho HS thảo luận. Nêu yêu cầu:  - Phân biệt hình thức và ý nghĩa của 2 câu trên ?  - Xác định câu trả lời thích hợp đối với từng câu?  - Đặt một số cặp câu nghi vấn sử dụng mô hình *có... không* và *đã .... chưa*? | *HS quan sát, suy nghĩ và làm BT lên giấy trong. Một số HS trình bày.* | ***Bài 4***: Phân biệt hình thức và ý nghĩa cặp câu nghi vấn |  |
| \* ***Giống nhau***: Đều dùng để hỏi thăm sức khoẻ.  \* ***Khác nhau***:  - Về hình thức: có ... không, đã ... chưa  - Về ý nghĩa  + Câu thứ 2 có giả định là người được hỏi trước đó có vấn đề về sức khoẻ  + Câu thứ nhất là một lời hỏi thăm xã giao  \* Đặt câu: | |  |
| **8**.GV chiếu bài tập 5. Hãy cho biết sự khác nhau về hình thức và ý nghĩa của 2 câu:  a. Bao giờ anh đi Hà Nội?  b. Anh đi Hà Nội bao giờ? | *HS quan sát, suy nghĩ, nhận xét, trả lời:* | ***Bài 5***: Phân biệt ý nghĩa các câu NV |  |
| - Về hình thức: Trật tự từ thay đổi.  - Về nội dung:  + Câu a: Hỏi về thời điểm sẽ diễn ra hoạt động  + Câu b: Hỏi về thời điểm hoạt động đã diễn ra | |  |
| **9**.Cho biết hai câu nghi vấn trong BT 6 đúng hay sai ? Vì sao ? | *HS quan sát câu văn, suy nghĩ, trả lời.* | ***Bài 6***: Xác định |  |
| - Câu a đúng vì không biết bao nhiêu kg (đang phải hỏi) ta có thể cảm nhận được một vật nào đó nặng hay nhẹ (nhờ bưng, vác).  - Câu b sai vì chưa biết giá bao nhiêu (đang phải hỏi) thì không thể nói món hàng đắt hay rẻ | |  |
| **10.** Viết đoạn văn hỏi thăm sức khoẻ người thân có sử dụng câu nghi vấn. | *HS viết cá nhân, trình bày* | ***Bài 7.*** Viết đoạn văn |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Đặt một vài câu nghi vấn | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

\* **Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng (2')**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết một đoạn văn ngắn về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường, trong đoạn văn có dùng câu nghi vấn. | - Đọc thêm tư liệu |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Tìm một số câu nghi vấn trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh*

- Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hỏi.

- Xem lại khái niệm về văn bản thuyết minh, các PPTM chủ yếu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 20**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**Câu nghi vấn** ***(Tiếp theo)***

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

Hiểu rõ câu nghi vấn không chỉ dùng để hỏi mà còn dùng để thể hiện các ý cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe doạ, bộc lộ cảm xúc ...

**2. Kĩ năng**

Vận dụng kiến thức đã học về câu nghi vấn để đọc - hiểu và tạo lập văn bản

**3. Thái độ**

Giáo dục ý thức học tập tích cực.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

Các câu nghi vấn dùng với các chức năng khác ngoài chức năng chính.

**2. Kĩ năng**

Vận dụng kiến thức đã học về câu nghi vấn để đọc - hiểu và tạo lập văn bản

**3. Thái độ**

Giáo dục ý thức học tập tích cực.Yêu mến sự phong phú đa dạng của tiếng Việt.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định công dụng của câu nghi vấn trong các VB đã học

- Tích hợp KNS, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

- Nêu đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn?

- Xác định câu nghi vấn trong đoạn trích: “*Năm nay đào lại nở...ở đâu bây giờ?*”

=>Giáo viên nhận xét, sửa bài làm và cho điểm

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | |  |
| \* Cho HS quan sát lại khổ cuối bài thơ “Ông đồ”. Nêu yêu cầu: Trong khổ thơ, câu thơ cuối thuộc kiểu câu gì? Em hiểu gì về kiểu câu đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 81.* Câu nghi vấn...** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu những chức năng khác của câu nghi vấn.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** |  |
|  | **I.HS tìm hiểu những chức năng khác của câu NV** | | **III. Những chức năng khác** |  |
| **1**.Cho HS quan sát các đoạn trích. Gọi HS đọc. Hỏi:  -Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn ?  - Các câu nghi vấn trong đoạn trích trên có dùng để hỏi không ? Nếu không dùng để hỏi thì để làm gì ?  - Nhận xét về dấu hiệu kết thúc những câu nghi vấn trên? Có phải bao giờ cũng là dấu chấm hỏi không? | *HS quan sát. 1HS đọc.*  *HS HĐ cá nhân,* *xác định câu nghi vấn*,*trả lời.* | | ***1. Ví dụ:*** sgk/ |  |
| - Các câu nghi vấn: đều không dùng để hỏi.  a.Những người .... ở ***đâu*** bây giờ ***?*** ->***Bộc lộ cảm xúc, tình cảm*** (Sự hoài niệm, tiếc nuối)  b. Mày định nói cho cha mày nghe đấy ***à*** ***?->Đe doạ.***  c. ***Có*** biết ***không ?*** Lính ***đâu ? Sao*** bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy ***?*** Không còn phép tắc gì nữa ***à?*** ***->Đe doạ.***  d.Cả đoạn trích là một câu nghi vấn. -> ***Khẳng định*** (tác dụng của văn chương)  e. Con gái tôi vẽ đây ***ư ?*** ***Chả lẽ*** lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy. ->***Bộc lộ cảm xúc***  - Kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Có lúc câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm than (câu 2- e) | | |  |
| **2.** Qua tìm hiểu VD, em thấy ngoài chức năng chính để hỏi, câu nghi vấn còn có chức năng nào khác? | *HS tóm tắt, trả lời* | | **=>**Các chức năng khác của câu nghi vấn :  ***2***.***Ghi nhớ***(SGK/22) |  |
| **3.** Trong giao tiếp, khi gặp nhau, người ta thuờng sử dụng các câu nghi vấn như: *Anh ăn cơm chưa?; Cậu đi đâu đấy?...*  - Các câu NV trên dùng để hỏi hay để làm gì?  - Mối q/hệ giữa người nói và người nghe ở đây ntn? | *HS suy nghĩ, trình bày:*  - Các câu NV đó không dùng để hỏi mà để chào nhau.  - Mối quan hệ giữa người nói và người nghe ở đây là quan hệ xã giao thông thường. | |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **4**. Quan sát các đoạn trích và cho biết: Câu nào là câu nghi | | *HS q/sát xác định, trình bày* | ***Bài 1:*** Xác định câu nghi vấn và chức năng |  |
|  | |  |
| vấn ? Những câu nghi vấn đó được dùng để làm gì ? | | a.Con người đáng kính ấy .. để có ăn ư ? => *bộc lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên)*  b.Trừ câu “Than ôi !”; Tất cả các câu còn lại đều là câu nghi vấn=>*Phủ định, bộc lộ cảm xúc.*  c. Sao ta không ... lá nhẹ nhàng rơi => *Cầu khiến,* a.Con người đáng kính ấy .. để có ăn ư ? => *bộc lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên)*  b.Trừ câu “Than ôi !”; Tất cả các câu còn lại đều là câu nghi vấn=>*Phủ định, bộc lộ cảm xúc.*  c. Sao ta không ... lá nhẹ nhàng rơi => *Cầu khiến,bộc lộ cảm xúc.*  d. Ôi, nếu thế thì đâu là quả bóng bay => *Phủ định, bộc lộ cảm xúc.* | |  |
| **5**. Xét các đoạn trích và cho biết câu nào là câu ng/vấn ?  - Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn ? Những câu đó được dùng để làm gì ?  - Trong những câu nghi vấn đó câu nào có thể thay thế được bằng một câu không phải là câu nghi vấn mà có ý nghĩa tương đương ? Hãy viết những câu có ý nghĩa tương đương đó ? | | *HS suy nghĩ, trao đổi với các bạn để làm* | ***Bài 2.***  ***\* Các câu nghi vấn*** |  |
| a. - Sao cụ lo xa quá thế ?  - Tội gì ... để lại ?  - Ăn mãi hết ... gì mà lo liệu ?  =>*Phủ định.*  b. Cả đàn bò giao cho ... chăn dắt làm sao ?  =>*Bộc lộ sự băn khoăn, ngần ngại.*  c. Ai dám bảo ... tình mẫu tử ?  =>*Khẳng định.*  d. - Thằng bé kia mày có việc gì?  - Sao lại đến đây mà khóc ?  => *Hỏi.* | |  |
| **5**. Xét các đoạn trích và cho biết câu nào là câu ng/vấn ?  - Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn? Những câu đó được dùng để làm gì ?  - Trong những câu nghi vấn đó câu nào có thể thay thế được bằng một câu không phải là câu nghi vấn mà có ý nghĩa tương đương ? Hãy viết những câu có ý nghĩa tương đương đó ? | | HS suy nghĩ, trao đổi với các bạn để làm | ***Bài 2.***  ***\* Các câu nghi vấn*** |  |
| a. - Sao cụ lo xa quá thế ?  - Tội gì ... để lại ?  - Ăn mãi hết ... gì mà lo liệu ?  =>*Phủ định.*  b. Cả đàn bò giao cho ... chăn dắt làm sao ?  =>*Bộc lộ sự băn khoăn, ngần ngại.*  c. Ai dám bảo ... tình mẫu tử ?  =>*Khẳng định.*  d. - Thằng bé kia mày có việc gì?  - Sao lại đến đây mà khóc ?  => *Hỏi.*  ***\* Các câu có ý nghĩa tương đương***  a. Cụ không phải lo xa quá như thế. Cụ không nên nhịn đói mà để tiền lại. Ăn hết thì lúc chết không có tiền để mà lo liệu.  b. Không biết chắc là thằng bé có thể chăn dắt được đàn bò hay không.  c.Thảo mộc tự nhiên cũng có tình mẫu tử | |  |
| **6**. Phát phiếu HT cho HS. Nêu yêu cầu BT 3: Đặt câu NV dùng để  a. Yêu cầu một người bạn kể lại nội dung của một bộ phim vừa được trình chiếu | | *HS đặt câu theo nhóm bàn. Một số HS trình bày. HS khác n/xét.* | ***Bài 3.*** ***Đặt câu.***  VD:  a. Bạn có thể kể lại cho mình nghe về bộ phim tối hôm qua được không? |  |
| b. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc trước số phận của một nhân vật văn học.  **7.** Nêu yêu cầu: Viết đoạn văn ngắn (6-8 câu), chủ đề tự chọn, trong đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn để cầu khiến hoặc bộc lộ cảm xúc. | | *HS viết cá nhân, 2-3 HS trình bày. HS khác nhận xét.* | b. Sao số phận của cô bé bán diêm lại bất hạnh đến vậy?  ***4. Viết đoạn văn*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| - Đặt một vài câu nghi vấn với các chức năng khác nhau | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà | Bài tập |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Dự án.

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết một đoạn văn ngắn về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường, trong đoạn văn có dùng câu nghi vấn. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. | Bài tập  Kiến thức trọng tâm của bài |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Tìm một số câu nghi vấn trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: Thuyết minh về một phương pháp (cách làm)

- Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hỏi.

- Xem lại cách làm bài văn thuyết minh, các PPTM chủ yếu.

- Xem xét, tìm hiểu về một số loại đồ chơi mà em có hoặc sách dạy nấu ăn

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh dụng ý của tác giả khi mượn lời con hổ

- Nhấn mạnh về tinh thần yêu nước thầm kín của thế hệ nhà thơ

**Tuần 20**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**QUÊ HƯƠNG**

***Tế Hanh***

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức, kĩ năng.**

Sau khi học xong bài này, HS:

***a. Kiến thức:***

- Biết đọc - hiểu một tác phẩm thơ lãng mạn để bổ sung thêm kiến thức về tác giả, tác phẩm của phong trào thơ mới.

- Hiểu được tình yêu quê hương đằm thắm và những sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả trong bài thơ.

- Vận dụng vào trong cảm thụ văn học.

***b. Kĩ năng:***

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ.

- Phân tích được những chi tiết miêu tả, biểu cảm đặc sắc trong bài thơ.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương, đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy:**

- Phương pháp:

+Vấn đáp, thuyết trình.9

+ Thảo luận nhóm.

- Đồ dùng:

+ SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kĩ năng, giáo án.

**2. Trò:**

-Đọc và soạn bài theo các câu hỏi ở SGK.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Ho¹t ®éng cña trß** | **Chuẩn KT-KN cÇn ®¹t** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** Nêu yêu cầu: Hãy giới thiệu một vài nét đặc sắc về quê hương em.  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 78,79,80. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **- *PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích   * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** |  |
| **1**.GV HD đọc: nhẹ nhàng hồ hởi, vui tươi, trìu mến, chú ý những chi tiết m/tả và những chi tiết thể hiện t/cảm của tác giả. Ngắt nhịp 3/2/3 và 3/5.  - GV đọc 1 lần. Gọi HS đọc | *HS nghe, xác định cách đọc.*  *1HS đọc văn bản, HS khác lắng nghe nhận xét.* | ***1. Đọc*** |  |
| **2**.Cho HS đọc chú thích và trình bày những nét chính về tác giả, tác phẩm ?  GV giới thiệu chân dung nhà thơ và nhấn mạnh ý chính. | *HS đọc và trình bày.* | ***2. Chú thích***  ***a. Tác giả: Tế Hanh*** |  |
| - Tên khai sinh Trần Tế Hanh - Sinh năm 1921.  - Thơ ông chan chứa tình cảm sâu nặng với quê hương.  - Ông được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT năm 1996.  ***b. Tác phẩm***  - Rút trong tập “*Nghẹn ngào*”(1939), sau in lại trong tập “*Hoa niên”*(1945) | |  |
| ***GV bổ sung***: *Tế Hanh là một nhà thơ của quê hương, gắn bó tha thiết với làng quê. Ngay từ những sáng tác đầu tay của tuổi hoa niên, hồn thơ lãng mạn của ông đã gắn bó tha thiết, sâu nặng với quê hương, với làng chài ven biển, nơi ông sinh ra và lớn lên. Mảng thơ thành công nhất của ông cũng là mảng viết về đề tài quê hương. Bài thơ* “*Quê hương*”*là bài thơ được viết* | | |  |
| *trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê khi tác giả đang là học trò xa quê. Đây là mảnh hồn trong trẻo nhất mà Tế Hanh có được trong những ngày trước CMT8.* | | |  |
| **3.** Cho HS tìm hiểu các CT. GV giải thích thêm: *cánh buồm vôi, phăng mái chèo* | *HS tự tìm hiểu trong sgk* | ***c. Từ khó*** |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** |  |
| **B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản** | **HS tìm hiểu khái quát văn bản** | **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **4**. Cho HS trao đổi cặp đôi :  - Xác định thể thơ và nhận dạng thể thơ trong bài thơ?  (Số câu, số chữ, cách gieo vần)  - Mạch cảm xúc trong bài thơ được phát triển như thế nào trong bài thơ?  - Căn cứ mạch cảm xúc ta có thể chia bài thơ làm mấy phần? Nêu nội dung từng phần? | *HS căn cứ VB, nhận xét, trao đổi, trình bày:* |  |  |
| ***- Thể thơ***: tự do 8 chữ. Bài thơ có nhiều khổ, số dòng trong khổ không đồng đều, gieo vần linh hoạt ở tiếng cuối mỗi dòng thơ.  ***- Mạch cảm xúc***: Giới thệu chung ->Tái hiện cụ thể về quê hương ->Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  ***- Bố cục***: 2 phần  + 3 khổ đầu: *Bức tranh quê hương*  + Khổ cuối: *Tình cảm của tác giả*  (Phần chính, đặc sắc nhất của bài thơ là tái hiện h/ảnh con người và cuộc sống làng chài quê hương của t/g) | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| **5.**Theo dõi phần đầu bài thơ, hãy cho biết:  - Tác giả đã giới thiệu về quê hương của mình qua những chi tiết nào?  - Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả về quê hương?  - Qua cách giới thiệu đó em cảm nhận được điều gì về quê hương của tác giả? | *HS HĐ cá nhân, theo dõi VB, phát hiện chi tiết, suy nghĩ, trả lời* | ***a. Bức tranh quê hương***  ***\* Giới thiệu về quê hương***: |  |
| + *Vốn làm nghề chài lưới*  *+ Nước bao vây cách biển nửa ngày sông*  -> Cách giới thiệu tự nhiên giản dị mộc mạc như một lời tâm sự, vừa nêu rõ nghề truyền thống vừa nêu rõ vị trí của làng. Cách giới thiệu còn độc đáo ở cách tính độ dài khoảng cách không gian bằng thời gian đi thuyền trên sông.  ***->Đây là một làng quê miền biển, sống chủ yếu bằng nghề đánh cá*** | |  |
| **6**.Theo dõi khổ thơ thứ 2 và cho biết  - Cảnh thuyền đánh cá ra khơi được tác giả tái hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào?( thiên nhiên, con người, cảnh vật...)  -Để miêu tả cảnh đoàn thuyền | *HS tìm chi tiết trong văn bản suy nghĩ và trả lời* | **\* *Cảnh dân làng ra khơi đánh cá*** |  |
| + *Thiên nhiên*: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng ->*Báo hiệu một ngày biển cả thanh bình, thời tiết tốt, thuận lợi cho việc ra khơi.*  + *Con người*: trai tráng ->*trẻ , khoẻ mạnh*  + Con thuyền: nhẹ, hăng như con tuấn mã, phăng mái chèo | |  |
| ra khơi, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó?  -Qua sự tái hiện của tác giả, em có nhận xét gì về cảnh ra khơi đánh cá của dân làng? | vượt trường giang  + Cánh buồm: giương to như mảnh hồn làng, rướn thân thâu góp gió  (Nghệ thuật: so sánh, nhân hoá, liên tưởng độc đáo  kết hợp việc sử dụng những ĐT, TT gợi tả...)  -> *khí thế mạnh mẽ , vóc dáng khoẻ khoắn và vẻ đẹp hùng tráng, đầy ấn tượng của con thuyền.*  =>***Khung cảnh lao động hăng say, phấn chấn, hào hùng*** | |  |
| *Hình ảnh con thuyền được tác giả liên tưởng, so sánh đầy ấn tượng. Con thuyền được so sánh với con tuấn mã, một con ngựa đẹp, khoẻ và phi nhanh dưới bàn tay điều khiển của những trai tráng làng chài như chứa đựng cả niềm say mê, hào hứng của những người dân làng chài.Hình ảnh so sánh kết hợp một loạt từ ngữ giàu chất tạo hình:hăng, phăng, vượt... đã diễn tả khí thế mạnh mẽ, vẻđẹp hùng tráng đầy ấn tượng của con thuyền cũng như của người dân lao động.*  *Hình ảnh cánh buồm no gió cũng được so sánh cũng rất độc đáo. Cánh buồm là vật hữu hình được so sánh với* “*mảnh hồn làng*”*, cái vô hình, trừu tượng khiến cho hình ảnh cánh buồm trở nên bay bổng, lãng mạn. Hình ảnh cánh buồm trắng no gió trở nên lớn lao, thiêng liêng, thơ mộng, trở thành một biểu tượng đẹp của người dân làng chài. Có thể nói 6 câu thơ trong sáng, bình dị, giàu sức gợi đã khắc hoạ thành công khung**cảnh lao động hăng say, phấn chấn, hào hùng của người dân làng chài.* | | |  |
| **7**.Theo dõi khổ thơ thứ 3 và cho biết cảnh thuyền đánh cá về bến được tác giả khắc hoạ bằng bằng mấy chi tiết ? Đó là những chi tiết nào ?  - Không khí ồn ào tấp nập đón ghe về cùng với lời tâm niệm “nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe” cho thấy cuộc sống nơi đây như thế nào ?  - Miêu tả người dân chài và con thuyền, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của BPNT đó?  - Em hình dung như thế nào về hình ảnh con thuyền và con người sau chuyến ra khơi trở về ? | *HS trao đổi, thảo luận, tìm chi tiết trong văn bản suy nghĩ và trả lời* | **\* *Cảnh thuyền cá về bến*** |  |
| + *Không khí*: ồn ào, tấp nập  + *Cá* đầy thuyền, tươi ngon  + *Con người*: da ngăm rám nắng, thân hình nồng thở vị xa xăm  + *Con thuyền*: im bến mỏi trở về nằm, nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.  =>***Một cuộc sống lao động bình dị với nhiều niềm vui và cùng những nỗi lo âu.***  - Nghệ thuật:  + Miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn kết hợp nhân hoá ->Những người đi biển dạn dày nắng gió biển khơi khiến cơ thể khoẻ mạnh, rắn rỏi như còn nóng hổi vị mặn mòi của biển lúc trở về. Người dân chài mang vẻ đẹp và sự sống nồng nhiệt của biển cả.  + Phép nhân hoá khiến con thuyền như một cơ thể sống, như một phần sự sống lao động ở làng chài, gắn bó mật thiết với cuộc sống con người ở nơi đây. | |  |
| **8**. Qua dòng hồi tưởng về quê hương, em có cảm nhận gì về bức tranh làng chài ven biển miền Trung của tác giả? | *HS suy nghĩ trả lời* | ***=>Bức tranh lao động tươi sáng, dạt dào sức sống và niềm vui*** |  |
| **9**.Theo dõi khổ thơ cuối, hãy cho biết: | *HS phát hiện chi tiết, suy nghĩ, trả lời.* | ***b. Tình cảm của tác giả*** |  |
| - Trong xa cách, nhớ về quê nhà, tác giả nhớ đến những gì?  -Qua nỗi nhớ đó, ta thấy được tình cảm gì của tác giả đối với quê hương? | - Xa quê - nhớ: *màu nước xanh, cá bạc, buồm vôi, con thuyền rẽ sóng ra khơi, mùi nồng mặn...*  ->những hình ảnh thân thuộc, gắn bó, mang hương vị riêng đầy quyến rũ của miền biển.  =>***T/cảm gắn bó, yêu quê hương tha thiết, sâu nặng.***  Mùi nồng mặn vừa nồng nàn lại vừa mặn mà đằm thắm. Đó là mùi vị riêng của làng biển được cảm nhận bằng tấm lòng của người con xa quê. Đây là nỗi nhớ quê cụ thể, thắm thiết thể hiện sự gắn bó thuỷ chung của tác giả với quê hương cho dù xa cách. | |  |
| **10**. Để có thể tái hiện hình ảnh quê hương đẹp, tươi sáng như vậy chứng tỏ tác giả là người như thế nào? | *HS bộc lộ suy nghĩ:*  Tác giả có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, gắn bó sâu nặng với con người, cuộc sống làng quê. |  |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **11**.Bài thơ có những đặc sắc nào về nghệ thuật? Qua đó, em cảm nhận được điều gì từ bài thơ và tình cảm của tác giả ?  \* GV -> GN. Gọi HS đọc | *HS suy nghĩ, tóm tắt và trả lời theo ghi nhớ:* | ***1. Nghệ thuật*** |  |
| - Sáng tạo nên những h/ả c/sống lao động thơ mộng  - Tạo liên tưởng, so sánh độc đáo, lời thơ bay bổng, đầy cảm xúc.  - Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại có những sáng tạo mới mẻ, phóng khoáng.  ***2. Nội dung:***  Tình yêu quê hương tha thiết đằm thắm của tác giả  *1HS đọc* ***\* Ghi nhớ:*** sgk/18 | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |

**Hoạt động 3: luyện tập. (5’)**

- Phương pháp: hoạt động cá nhân, nhóm

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| H: Đọc diễn cảm bài thơ ?  H: H.ả nào trong bài thơ mà em thích nhất? Vì sao?  H: Em có thể hát bài hát: Quê hương ?  H: Sưu tầm một số câu thơ, đoạn thơ về tình cảm quê hương? | - 2 HS đọc bài thơ.  - HS trả lời trước lớp  ->HS khác nhận xét bổ sung.  - Sưu tầm câu thơ, đoạn thơ về quê hương. | **IV. Luyện tập**  - Đọc diễn cảm bài thơ  - Sưu tầm một số câu thơ, đoạn thơ về tình cảm quê hương. |  |

**Hoạt động 4: vận dụng. (5’)**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Cảm nhận về câu thơ em cho là hay nhất trong bài. | - HS thực hiện | …………… |  |

**Hoạt động 5: Tìm tòi mở rộng (3)**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| HS về nhà tìm và tham khảo hai bài thơ ***Quê hương*** của Đỗ Trung Quân và Giang Nam | - HS thực hiện | …………… |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

HS về nhà tìm và tham khảo hai bài thơ ***Quê hương*** của Đỗ Trung Quân và Giang Nam

\* Bài cũ:

- Đọc thuộc lòng bài thơ.

\* Bài mới:

- Soạn: ***“Khi con tu hú”.***

***\* Rút kinh nghiệm***

***- Nhấn mạnh tình yêu quê hương tha thiết của tác giả***

***-Cho hs viết đoạn văn nêu cảm nhận về quê hương***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 20**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**KHI CON TU HÚ**

***Tố Hữu***

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức, kĩ năng.**

Sau khi học xong bài này, HS:

***a. Kiến thức:***

- Biết đọc hiểu một tác phẩm thơ bổ sung thêm kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại

- Hiểu được lòng yêu sự sống, niềm khao khát tự do cháy bỏng của người c/sĩ CM trẻ tuổi đang bị giam cầm trong tù ngục được thể hiện bằng những h/ả gợi cảm và thể thơ lục bát giản dị mà tha thiết.

- Vận dụng vào cảm thụ văn bản.

***b. Kĩ năng:***

- Đọc diễn cảm một tác phẩm thơ thể hiện tâm tư người chiến sĩ cách mạng bị giam giữ trong ngục tù.

- Nhận ra và phân tích được sự nhất quán về cảm xúc giữa hai phần của bài thơ; thấy được sự vận dụng tinh tế thơ truyền thống của tác giả ở bài thơ này.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương, đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy:**

- Phương pháp:

+Vấn đáp, thuyết trình.

+ Thảo luận nhóm.

- Đồ dùng:

+ SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kĩ năng, giáo án.

**2. Trò:**

-Đọc và soạn bài theo các câu hỏi ở SGK.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**A. Hoạt động khởi động. (2’)**

- Phương pháp: nêu vấn đề.

- Kĩ thuật : động não, tia chớp.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| *GV dẫn dắt vào bài:*Nói đến Tố Hữu ta không chỉ nói đến một nhà thơ lớn của dân tộc mà ta còn nói đến một nhà cách mạng vĩ đại. Ông đã tham gia cách mạng từ khi còn rất trẻ, với tình yêu cách mạng cháy bỏng đã được thể hiện ở nhiều bài thơ. Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu một bài thơ của ông để thấy được sự khát khao tự do của người tù người chiến sĩ cộng sản. | **……** |  |  |

**B. Hoạt động hình thành kiến thức. (30’)**

- Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, khái quát.

- Kĩ thuật: động não, tia chớp.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** |  |
| **1**.Gv hướng dẫn đọc. Gọi HS đọc, nhận xét cách đọc của HS. | *HS nghe, xác định cách đọc. 2 HS đọc bài thơ. HS khác nhận xét.* | ***1. Đọc*** |  |
| **2**.Đọc chú thích và trình bày những nét chính về tác giả, tác phẩm ?  \**GV tóm tắt, bổ sung:*  Tố Hữu là nhà thơ lớn, tiêu biểu của nền VHCM đương đại. Cuộc đời CM và cuộc đời thơ là một. | *HS HĐ cá nhân, trả lời* | ***2. Chú thích*** |  |
| ***a. Tác giả: Tố Hữu*** (1920-2002): tên thật: Nguyễn Kim Thành; quê ở Thừa Thiên-Huế  - Giác ngộ lí tưởng cách mạng từ khi còn trẻ.  - Là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến, là nhà thơ lớn, tiêu biểu  - Được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT năm 1996  ***b. Tác phẩm: Bài thơ*** “***Khi con tu hú***”  - Được sáng tác trong nhà lao Thừa Phủ, khi tác giả mới bị bắt giam | |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 45- 50' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **1.HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **3**. Hãy nhận dạng thể thơ của bài(số câu, số tiếng, cách hiệp vần...), PTBĐ của bài thơ? | *HS nhận dạng, trả lời* | - ***Thể thơ:*** lục bát  - ***PTBĐ***: biểu cảm |  |
| **4**. Bài thơ có nhan đề “Khi con tu hú”. Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ?  - Vì sao tiếng chim tu hú lại tác động mạnh mẽ đên tâm hồn nhà thơ như vậy? | *HS suy nghĩ, trả lời:*  - Nhan đề của bài thơ chỉ là một vế phụ của câu nên chưa trọn ý. Tên bài thơ tự nó đặt ra câu hỏi: Khi con tu hú kêu thì điều gì sẽ xảy ra? Hoặc là khi con tu hú kêu tức là mùa hè đến, cái nóng nực của mùa hè càng khiến người chiến sĩ CM cảm thấy ngột ngạt, càng thèm khát cuộc sống tự do bên ngoài. Tên bài thơ đã gợi mở cảm xúc toàn bài.  - Tiếng chim tu hú là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, sự sống tưng bừng. Vì thế nhà thơ càng cảm thấy ngột ngạt khi bị giam cầm, tiếng chim tu hú như càng thúc giục khát khao trở về c/sống tự do. | |  |
| **5.** Theo em, bài thơ này có | *HS xác định, trả lời* | - ***Bố cục***: 2 phần |  |
| thể chia thành mấy phần? Nội dung từng phần? | - 6 câu đầu: Bức tranh mùa hè trong tâm tưởng người tù CM  - 4 câu cuối: Tâm trạng của người tù cách mạng | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| **6**.Theo dõi phần đầu và cho biết: Âm thanh tiếng chim tu hú đã khơi gợi trong tâm hồn người tù CM khung cảnh mùa hè như thế nào?  - Em có nhận xét gì về cảnh mùa hè được miêu tả trong 6 câu thơ đầu? | *HS quan sát VB, tìm chi tiết, suy nghĩ và trả lời*: | ***a. Bức tranh mùa hè*** |  |
| - Ngoài đồng: lúa chiêm đương chín  - Trong vườn: trái cây ngọt dần,dậy tiếng ve ngân  - Trên sân: bắp vàng rực, nắng đào  - Trên cao: bầu trời cao, trong xanh, diều sáo bay lượn  ->***Một thế giới rộn ràng, phóng khoáng, tràn trề nhựa sống***. Tất cả đều chan hoà ánh sáng, rực rỡ màu sắc, rộn rã âm thanh. Một mùa hè đầy ***tươi đẹp và thật thanh bình*** của làng quê VN | |  |
| \* *Chỉ từ một âm thanh, người tù hình dung ra cả bức tranh mùa hè ở mọi tầng bậc gần xa, cao thấp của không gian. Một bức tranh hài hoà cả về đường nét, màu sắc, âm thanh.* *Nhà thơ đã đón nhận cảnh tươi đẹp của mùa hè không chỉ bằng thính giác mà bằng cả tâm hồn.* | | |  |
| **7**. Trong bốn bức tường chật chội của nhà giam, tác giả đã cảm nhận rõ nét khung cảnh của mùa hè với tất cả vẻ đẹp  và sự hấp dẫn của nó. Điều đó cho ta thấy tác giả là người như thế nào ? | *HS tự bộc lộ:*  ->Có một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm; một trí tưởng tượng lãng mạn phong phú; có tình yêu cuộc sống nồng nàn, gắn bó thiết tha với cuộc đời và niềm  khao khát tự do mãnh liệt. | |  |
| **8**. Gọi HS đọc 4 câu thơ cuối. Hỏi:  - Tâm trạng người tù CM được thể hiện qua chi tiết nào? Đó là tâm trạng gì?  - Nhận xét nhịp điệu 4 câu thơ cuối? Tác dụng của cách ngắt nhịp đó?  - Hành động “*muốn đạp tan phòng*” có ý nghĩa gì? Hành động đó thể hiện khát vọng gì của người tù CM? | *HS quan sát, suy nghĩ, phát hiện và trả lời:* | ***b. Tâm trạng người tù*** |  |
| - Tâm trạng: *ngột làm sao, chết uất thôi..* -> ***uất ức, ngột ngạt, đau khổ khi bị giam cầm, mất tự do.***  - Cách ngắt nhịp bất thường(6/2, 3/3)->Làm tăng thêm cái ngột ngạt, chật chội, uất ức. Thiên nhiên, sự vật thì tự do trong không gian rộng mở còn con người khao khát tự do thì lại bị giam cầm trong nhà giam chật hẹp, tăm tối.  - Hành động “*muốn đạp tan phòng*”: phá tan nhà giam, đập tan xiềng xích nô lệ, áp bức  ->***Khát vọng tự do mãnh liệt, ước mơ giải phóng dân tộc*** . | |  |
| **9**. Cho HS thảo luận: Hãy so sánh khát vọng tự do trong bài thơ này với bài thơ “Nhớ rừng”  \* GV chốt lại. | *HS thảo luận, trình bày*  - *Nhớ rừng*: khao khát trở về cuộc sống tự do phóng khoáng, trở về quá khứ oai hùng xưa->tư tưởng trốn tránh thực tại  - *Khi con tu hú*: khao khát tự do được thể hiện qua hành động phá tan xiềng xích để được tự do | |  |
| **10**. Bài thơ mở đầu và kết thúc đều có tiếng chim tu hú nhưng tâm trạng người tù khi | *HS so sánh và trả lời*  - Phần mở đầu tiếng chim tu hú khơi gợi cảnh mùa hè tươi vui, đầy ắp sự sống, khơi gợi t/yêu, niềm say mê cuộc sống . | |  |
| nghe tiếng tu hú rất khác nhau. Hai tâm trạng đó khác nhau như thế nào ? Vì sao ? | - Phần kết thúc: tiếng chim khơi sâu vào nỗi nhức nhối, ngột ngạt, uất ức vì bị mất tự do. Tiếng chim tu hú như tiếng gọi của tự do, như lời giục giã, nung nấu ý chí hành động của tác giả. | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **11**.Theo em, cái hay của bài thơ thể hiện nổi bật ở những điểm nào?  - Qua nét đặc sắc về nghệ thuật đó của bài thơ em cảm nhận được những gì?  **\***GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS suy nghĩ, tóm tắt và trả lời theo ghi nhớ:* | ***1. Nghệ thuật*** |  |
| - Thể thơ lục bát mượt mà, uyển chuyển, giàu nhạc điệu.  - Lời thơ đầy ấn tượng, biểu lộ cảm xúc thiết tha, sôi nổi, mạnh mẽ.  - Các biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê... vừa tạo nên tính thống nhất về chủ đề của văn bản vừa thể hiện cảm nhận về sự đối lập giữa niềm khao khát sống đích thực, đầy ý nghĩa với hiện tại buồn chán của tác giả bị giam hãm trong nhà tù thực dân.  ***2. Nội dung***:  Lòng yêu sống, khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.  *1HS đọc ghi nhớ* ***\*Ghi nhớ***: sgk/20 | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **12.**Cho HS làm các BTTN | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| a. *Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa nhan đề bài thơ “Khi con tu hú”?*  A. Gợi ra sự việc được nói đến trong bài thơ.  B. Gợi ra tư tưởng được nói đến trong bài thơ.  C. Gợi ra hình ảnh nhân vật trữ tình của bài thơ.  D. Gợi ra thời điểm được nói đến trong bài thơ.  b. *Ý nào nói đúng nhất hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?*  A. Khi tác giả mới bị thực dân Pháp bắt và giam ở nhà lao Thừa Phủ.  B. Khi tác giả mới giác ngộ cách mạng.  C. Khi tác giả đang bị giải từ nhà lao này sang nhà lao khác.  D. Khi tác giả vượt tù ngục để trở về cuộc sống tự do. | | |  |
| **13.** Viết một đoạn văn (4-6 câu) tả cảnh mùa hè trên quê hương em | *HS viết cá nhân, 2-3 HS trình bày. HS khác nhận xét.* | ***2. Viết đoạn văn*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| H: Qua bài thơ, em hiểu gì về tác giả Tố Hữu? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà | Bài tập |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Dự án.

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| - Tìm đọc các bài phân tích, bình luận về bài thơ. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. | Bài tập  Kiến thức trọng tâm của bài |  |

**Bước 4 :Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà**

\* Bài cũ:

- Học thuộc bài thơ, nắm được nội dung.

- Hoàn thiện bài tập.

\* Bài mới:

- Chuẩn bị tiết 79: Thuyết minh về một phương pháp, cách làm

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa câu khó trong sgk

-Nhấn mạnh tâm trạng của người tù cách mạng

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 20**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**VIẾT ĐOẠN VĂN**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Kiến thức về đoạn văn, bài văn thuyết minh

**2. Kĩ năng**

Luyện cách viết một đoạn văn trong một bài văn thuyết minh

**3. Thái độ**

Tự giác, tích cực trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Kiến thức về đoạn văn, bài văn thuyết minh

- Yêu cầu viết đoạn văn thuyết minh

**2. Kĩ năng**

- Xác định được chủ đề, sắp xếp và phát triển ý khi viết đoạn văn thuyết minh

- Diễn đạt rõ ràng, chính xác

- Viết một đoạn văn thuyết minh có độ dài 90 chữ.

**3. Thái độ**

Thấy dược sự cần thiết của văn bản thuyết minh đời sống của con người.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các đoạn văn TM trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

- Thế nào là văn bản thuyết minh?

- Đặc điểm của VB thuyết minh?

- Các phương pháp thuyết minh chủ yếu?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3'   ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | |
| \* Nêu yêu cầu: Để viết được bài văn, đoạn văn TM, chúng ta cần phải làm gì? | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | *- 1 HS trình bày,*  *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 77.* Viết đoạn văn...** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’   ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | |
| **I.HD HS tìm hiểu về đoạn văn trong VB thuyết minh** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS tìm hiểu về đoạn văn trong văn bản thuyết minh** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Đoạn văn trong văn bản thuyết minh** |  |
| ***B1*. *HDHS tìm hiểu cách sắp xếp trong đoạn văn TM*** | ***HS tìm hiểu cách sắp xếp trong đoạn văn TM*** | ***1. Nhận diện các đoạn văn thuyết minh*** |  |
| **1**.Thế nào là đoạn văn? Nếu viết được các đoạn văn tốt thì sẽ có hiệu quả gì ?  =>Viết tốt các đoạn văn là ĐK để làm tốt bài văn | *HS quan sát SGK trả lời*  Đoạn văn là bộ phận của bài văn (thường gồm 2 câu trở lên, được sắp xếp theo thứ tự nhất định) |  |  |
| **2.** Cho HS đọc 2 đoạn văn trong SGK. Hỏi:  - Nội dung của mỗi đoạn là gì  - Mỗi đoạn được trình bày theo cách nào? Hãy tìm câu chủ đề, từ ngữ chủ đề của 2 đoạn văn đó?  - Các câu còn lại có vai trò, tác dụng ntn đối với câu chủ đề hoặc từ ngữ chủ đề? (giải thích, bổ sung gì ?)  - Mỗi đoạn văn đã sử dụng phương pháp thuyết minh nào ?Tác dụng? | *HS HĐ theo 2 nhóm, đại diện trình bày.* | ***\*Đoạn văn:*** sgk/14 |  |
| ***a.* *Nội dung:*** Nguy cơ thiếu nước sạch trên TG.  - Trình bày theo cách diễn dịch. Câu chủ đề: câu 1. Các câu sau bổ sung thông tin làm rõ câu chủ đề:  + Câu 2: Cung cấp TT về lượng nước ngọt ít ỏi  +Câu 3: Cho biết lượng nước ngọt ấy bị ô nhiễm.  + Câu 4: Nêu sự thiếu nước ở các nước trên TG.  + Câu 5: Dự báo đến năm 2025, 2/3 dân thiếu nước  - Phương pháp thuyết minh: dùng số liệu (3%, 2025, 2/3) kết hợp phân tích.  ***b.Nội dung*:** Giới thiệu về Phạm Văn Đồng  - Trình bày theo cách song hành:  + Không có câu chủ đề, chỉ có từ ngữ chủ đề: Phạm Văn Đồng.  + Các câu đều làm nhiệm vụ cung cấp thông tin về các hoạt động đã làm của PVĐ  - Phương pháp TM: Vừa giải thích vừa liệt kê. | |  |
| **3**. Qua 2 đoạn văn trên, em rút ra kết luận gì về cách trình bày nội dung một đoạn văn? | *HS suy nghĩ, trả lời:* | ->***Cách trình bày nội dung một đoạn văn TM*** |  |
| - Mỗi đoạn văn thường trình bày 1 ý, ý đó thường thể hiện ở câu chủ đề hoặc từ ngữ chủ đề.  - Các câu trong đoạn hướng về chủ đề, làm rõ chủ đề | |  |
| ***B2*:*HD HS nhận xét và sửa lại đoạn văn TM chưa chuẩn*** | ***HS nhận xét và sửa lại đoạn văn TM chưa chuẩn*** | ***2.Sửa lại đoạn văn TM chưa chuẩn*** |  |
| **4**.Gọi HS đọc 2 đoạn văn mục 2. Chia nhóm cho HS thảo luận theo yêu cầu: | *1HS đọc. HS HĐ theo nhóm, suy nghĩ trình bày.* | ***\*Đoạn văn a:*** Thuyết minh về cây bút bi. |  |
| - Cách thuyết minh chưa hợp lí vì đoạn văn không diễn đạt | |  |
| - Mỗi đoạn văn thuyết minh về đối tượng nào?  - Cách thuyết minh của đoạn như vậy đã hợp lí chưa? Vì sao? Hãy chỉ ra nhược điểm của mỗi đoạn và nêu cách sửa?  (Nếu giới thiệu cây bút bi thì nên giới thiệu ntn?  - Đoạn văn trên nên tách đoạn và mỗi đoạn viết lại như thế nào ?  - Nên giới thiệu về đèn bàn bằng phương pháp nào? Có thể tách làm mấy đoạn? Mỗi đoạn nên viết như thế nào?) | một ý mà có nhiều ý lẫn vào (câu 1 là đặc điểm, câu 2,3,4 là cấu tạo, câu 5 là cách sử dụng)->Sửa: tách thành 3 đoạn, mỗi đoạn viết về một ý:  + Đặc điểm của cây bút bi.  + Cấu tạo của bút bi.  + Cách sử dụng và bảo quản bút bi.  ***\* Đoạn văn b***: Thuyết minh về chiếc đèn bàn.  - Cách thuyết minh còn lộn xộn, không tuân theo thứ tự nhận thức sự vật và thứ tự cấu tạo sự vật.  ->Sửa: Sắp xếp lại cho phù hợp với nhận thức và thứ tự cấu tạo sự vật.: Cấu tạo đèn bàn:  + Phần chao đèn: làm bằng vải lụa có khung sắt ở trong và vòng thép gắn với thân đèn  + Phần thân đèn: là một ống thép rỗng, không gỉ để luồn dây điện phía trong, đầu dưới gắn với đế, đầu trên gắn với đui đèn để lắp bóng đèn  + Phần đế đèn: Là một hộp nhựa cứng vững chãi, đỡ thân đèn, có công tắc để bật tắt | |  |
| **5**. Hãy sửa lại 2 đoạn văn trên?  GV chiếu đoạn văn của HS, cho HS nhận xét. | *HS sửa lại, trình bày. HS khác nhận xét* |  |  |
| **6**. Qua các BT trên hãy cho biết khi làm bài văn TM cần phải làm gì? Khi viết đoạn văn cần phải làm gì? Các ý trong đoạn văn cần được sắp xếp như thế nào?  \*GV chốt lại.Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời theo GN.*  *1HS đọc GN* | **->**  - Khi làm bài văn TM  -Khi viết đoạn  -Các ý trong đoạn  \* ***Ghi nhớ***(SGK/15) |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **7**. Hãy viết phần mở bài và kết bài cho đề văn: “Giới thiệu trường em” | *HS viết theo 2 nhóm:* Nhóm 1: viết phần MB  Nhóm 2: viết phần KB | ***Bài 1***: ***Viết phần mở bài và kết bài*** |  |
| **8**. Nêu y/cầu BT2: Hãy viết thành 1 đoạn văn TM theo chủ đề: *Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân VN.* | *HS viết cá nhân. 2-3 HS trình bày, HS khác n/ xét.* | ***Bài 2: Viết đoạn văn TM theo chủ đề*** |  |
| VD. *Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân VN*. Người đã bôn ba khắp năm châu bốn biển tìm con đường đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách lầm than, nô lệ. Người đã sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam và lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, đem lại độc lập tự do cho dân tộc. Người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho dân, cho nước. | | |  |
|  |
| **9**. Nêu y/cầu BT3: Hãy viết đoạn văn giới thiệu bố cục sách Ngữ văn 8 tập 1. | *HS viết cá nhân. 2-3 HS trình bày, HS khác n/ xét.* | ***Bài 2: Viết đoạn văn giới thiệu bố cục sách Ngữ văn 8 tập 1.*** |  |
| ***BT3***. ***Giới thiệu bố cục SGK Ngữ văn 8, tập một***.  SGK Ngữ văn 8, tập một có bố cục hợp lí, khoa học. Sách gồm 17 bài. Mỗi bài có nội dung tích hợp 3 phân môn: Đọc -hiểu văn bản - Tiếng Việt -Tập làm văn. Ba phần này có quan hệ gắn bó, bổ sung cho nhau. Phần văn bản chủ yếu là các tác phẩm truyện kí hiện đại của Việt Nam và một số nước trên thế giới nhằm giúp HS thấy được vẻ đẹp của các tác phẩm , các hình tượng văn học, các nhân vật điển hình.... đồng thời cung cấp những ngữ liệu giúp HS tìm hiểu về các kiến thức trong phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn. Phần Tiếng Việt hướng vào tìm hiểu các đơn vị kiến thức về các lớp từ, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ từ vựng, các kiểu câu, dấu câu để từ đó giúp HS vận dụng linh hoạt trong tìm hiểu văn bản và trong giao tiếp. Phần Tập làm văn tập trung vào các kiểu văn bản tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, thuyết minh để giúp HS có kĩ năng tạo lập các loại văn bản này. | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Chỉ ra các PPTM và cách trình bày nội dung trong đoạn văn em vừa viết | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

\* **Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng (2')**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Tìm đọc một số đoạn văn thuyết minh hay, học tập cách trình bày nội dung trong các đoạn văn đó | - Đọc thêm tư liệu |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học***

- Nắm vững cách viết đoạn văn TM

- Làm hoàn thành các bài tập vào vở BT.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: “*Quê hương*”- Tế Hanh

- Tìm tư liệu về các nhà thơ

- Đọc kĩ các VB, trả lời các câu hỏi đọc, hiểu văn bản.

- Tìm những bài thơ của các nhà thơ khác cũng có cùng nhan đề.

\* Rút kinh nghieemj

- Cho học sinh viết đoạn văn trên lớp

- Cho sẵn đề tài giao các tổ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 21**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**TỨC CẢNH PÁC BÓ**

***Hồ Chí Minh***

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nâng cao năng lực đọc – hiểu một tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh.

- Thấy được nghệ thuật độc đáo và vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh trong bài thơ .

- Nắm được ý nghĩa triết lớ sõu sắc của bài thơ.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu thơ tứ tuyệt của Hồ Chí Minh

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm

**3. Thái độ**

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Một đặc điểm của thơ Hồ Chí Minh: Sử dụng thể thơ tứ tuyệt để thể hiện tinh thần hiện đại của người chiến sĩ cách mạng.

- Cuộc sống vật chất và tinh thần của Hồ Chí Minh trong những năm tháng hoạt động cách mạng đầy khó khăn gian khổ qua một bài thơ được sáng tác trong những ngày cách mạng chưa thành công.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu thơ tứ tuyệt của Hồ Chí Minh

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm

**3. Thái độ**

Yêu mến và kính trọng Bác, người đã hi sinh cả cuộc đời vì nước, vì dân.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TV và TLV: Các BPNT, văn miêu tả

- Tích hợp KNS, GD CD: tình yêu quê hương đất nước

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy** :

- Soạn bài, tư liệu về tác giả, tác phẩm. (Chân dung nhà thơ, tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp, lời binh, lời đánh giá về bài thơ.

- Hướng dẫn HS sưu tầm, tìm đọc các bài thơ của Bác viết trong thời gian này.

**2. Chuẩn bị của trò**:

- Soạn bài, tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm theo hướng dẫn của GV

**IV – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1')

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ (***3-5')

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm hai bài thơ “ *Ngắm trăng, Đi dường*” (Cả phiên âm và dịch thơ)

- Trình bày cảm nhận của em về hai bài thơ đó?

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Ho¹t ®éng cña trß** | **Chuẩn KT-KN cÇn ®¹t** | **Gchú** | |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  | |
| \* Cho HS quan sát 1 số ảnh chân dung của Bác.  **-** Nêu yêu cầu: Hãy trình bày hiểu biết của em về Bác Hồ  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  | |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 82. Văn bản.....*** |  | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  | |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** |  | |
| **1**. GV hướng dẫn cách đọc: giọng điệu thoải mái, thể hiện tâm trạng sảng khoái.  \* GV đọc VB. Gọi HS đọc. | *HS lắng nghe, xác định cách đọc.*  *2HS đọc văn bản. HS khác nhận xét.* | ***1. Đọc*** |  |
| **2**.Dựa vào CT, hãy trình bày những hiểu biết của em về Bác và hoàn cảnh ra đời của bài thơ? | *HS túm tắt những nột chớnh và trình bày.* | ***2. Chú thích*** |  |
| ***a. Tác giả*** : Hồ Chí Minh (1890-1969)  - Là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam  - Là nhà văn, thơ lớn, một danh nhân văn hoá thế giới.  ***b. Bài thơ:*** “*Tức cảnh Pác Bó*” sáng tác tháng 2-1941, khi Bác sống và hoạt động ở hang Pác Bó, một hang núi nhỏ sát biên giới Việt Trung (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng). | |  |
| \*Tháng 2 năm 1941, sau 30 năm bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Bác Hồ trở về Tổ quốc trực tiếp lónh đạo phong trào cách mạng.Trong thời gian này Người sống và làm việc ở trong hang Pác Bó với điều kiện sinh hoạt hết sức gian khổ nhưng Bác vẫn vui và thích nghi một cách nhanh chóng với cánh sống nơi rừng sâu ấy. | | |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 22- 25' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** |  |
| ***B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***1. Tìm hiểu khái quát*** |  |
| **3**.Nêu yêu cầu:  - Quan sát, nhận diện thể thơ của bài ? Kể tên một số bài thơ cùng thể thơ mà em biết?  - Nhận xét chung về giọng điệu của bài thơ? Qua đó thể hiện tâm trạng gì của Bác?  - Bài thơ có sự kết hợp của những PTBĐ nào, PTBĐ nào là chủ đạo ? | *HS xác định và trả lời*  - ***Thể thơ:*** thất ngôn tứ tuyệt (4 câu, mỗi câu có 7 tiếng. Hiệp vần ở tiếng cuối của các câu 1,2,4)  - ***Bố cục***: gồm 4 phần: khai, thừa, chuyển,hợp.  VD: Xa ngắm thác núi Lư (Lí Bạch), Thiên Trường vón vọng(Trần Nhõn Tụng).....  - ***Giọng điệu chung***: thoải mái, tự nhiên pha chút vui đùa, hóm hỉnh ->thể hiện cảm giác vui thích, sảng khoái.  - ***PTBĐ***: tự sự + biểu cảm, biểu cảm là chủ đạo | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| **4**.Theo dõi câu mở đầu bài thơ, hãy cho biết:  - Câu thơ mở đầu nói về điều gì trong cuộc sống của Bác?  - Câu thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  - Hành động “sáng ra suối, tối vào hang” diễn tả điều gì? Từ đó cho ta hiểu gì về cuộc sống của Bác khi ở Pác Bó ? | *HS quan sát câu 1 và trả lời* | ***Câu 1: Nơi ở và nề nếp sinh hoạt*** |  |
| - BPNT: dùng phép đối  + Đối vế câu: Sáng ra bờ suối >< tối vào hang.  + Đối thời gian: Sáng >< Tối  + Đối không gian: Bờ suối >< Hang  + Đối hoạt động: Ra >< Vào  - Ra suối tức là ra nơi làm việc. Vào hang là vào hang Pác Bó nơi sinh hoạt hằng ngày sau buổi làm việc ->*Nếp sinh hoạt đều đặn, thường xuyên*  =>S***ự gắn bó hoà hợp với thiên nhiên.*** | |  |
| **5**.Câu thơ thứ hai nói về điều gì trong cuộc sống của Bác? | *HS dựa vào CT, trao đổi và trình bày* | ***Câu 2. Đời sống vật chất của Bác.*** |  |
|  | |  |
| Dựa vào chú thích trong SGK, hãy giải thích ý nghĩa lời thơ “Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”  - Qua câu thơ đó cho ta thấy được cuộc sống của Bác ở nơi đây ra sao? | - Cháo bẹ - cháo ngô; rau măng - rau là măng rừng.->Đây là những thứ luôn sẵn có trong bữa ăn của Bác ở Pác Bó  - Bữa ăn đơn sơ, giản dị nhưng tinh thần cách mạng của Bác vẫn sẵn sàng. Hưởng thụ cháo bẹ rau măng là niềm vui của người cách mạng luôn biết sống gắn bó hoà hợp với thiên nhiên, đất nước, nhân dân lao động nghèo khổ của mỡnh.  ***->đơn sơ, giản dị, kham khổ, đạm bạc*** | |  |
| **6**. Hai câu thơ cùng giọng điệu nhẹ nhàng êm ái gợi cho em cảm nhận gì về Bác trong khung cảnh đó? | *HS tự bộc lộ* | Trong gian khổ vẫn thư thái, vui tươi say mê cuộc sống cách mạng, hoà hợp với thiên nhiên |  |
| **7.**Câu thơ thứ balà câu chuyển, chuyển từ chỗ nói về  đời sống của Bác sang công việc CM. Hóy cho biết điều kiện để Bác làm việc ntn?  - Em hiểu *chông chênh* là như thế nào? Nó gợi ra điều gì về điều kiện làm việc của Bác? | *HS theo dừi VB, suy nghĩ, trả lời* | ***Câu 3. Điều kiện làm việc của Bác*** |  |
| - *Chông chênh*: không vững chãi và không có chỗ dựa vững chắc  - *Bàn đá chông chênh*: Bàn làm việc của Bác là một hòn đá không phẳng , không vững chắc  -> ***Điều kiện làm việc gian khổ, thiếu thốn*** | |  |
| **8**.Cho HS thảo luận: Câu thơ thứ ba vừa có sự thống nhất, gắn bó với 2 câu trên vừa mở ra một hướng mới. Em hãy chỉ ra sự thống nhất đó? | *HS thảo luận, trình bày:* |  |  |
| - Thống nhất: Cả ba câu đều nói về cuộc sống của Bác ở Pác Bó.Tất cả đều nói lên sự gian khổ, thiếu thốn của Bác.  - Mở ra hướng mới: Bác làm một công việc hết sức lớn lao: dịch sử Đảng, vạch đường lối cho CM | |  |
| **9.** Gọi HS đọc câu kết .Hỏi:  - Nhận xét cách kết thúc bài thơ của Bác? Cách kết thúc như vậy nói lên điều gì?  - Em hiểu “sang” ở đây có nghĩa là gì?  - *Cuộc đời CM thật là sang* có nghĩa là như thế nào?    - Vì sao Bác lại cảm thấy *“Cuộc đời CM thật là sang”*? Câu thơ cho ta thấy điều gì ở Bác? | *1 HS đọc. HS HĐ nhóm bàn, trao đổi, trình bày* | ***Câu 4. Cuộc đời cách mạng*** |  |
| - Cách kết thúc bất ngờ, thú vị vì 3 câu đầu nói đến cuộc đời hoạt động CM đầy gian khổ thiếu thốn song câu kết lại khẳng định “thật là sang”  - *Sang*: Sang trọng, giàu có.  + Là sự sang trọng, giàu có về mặt tinh thần của những cuộc đời làm cách mạng lấy lí tưởng cứu nước làm lẽ sống không hề bị khó khăn, gian khổ thiếu thốn khuất phục.  + Ở đây còn là cái sang trọng, giàu có của một nhà thơ luôn tìm thấy sự hoà hợp tự tin, thư thái, trong sạch với TN đất nước.  + Còn là cái sang trọng, giàu có của người thấy mình hữu ích cho cách mạng cả trong gian khổ, thiếu thốn.  -> ***Sảng khoái, vui tươi, sang trọng***  ***-*** Bác cảm thấy cuộc đời CM là sang bởi Người hiểu rất rõ ý nghĩa của công cuộc CM mà mình đang thực hiện. Hơn nữa, nay lại được sống giữa đất nước quê hương, trực tiếp lãnh đạo CM để cứu nước. Vì thế có phải trải qua bao gian khổ, vất vả, Bác vẫn luôn lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi trong tương lai.  =>***Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan CM của Bác*** | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **10**. Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  - Bài thơ nói với chúng ta điều gì về những ngày Bác sống và làm việc ở Pác Bó ?  - Bài thơ giúp em hiểu thêm điều cao quý nào ở con người Hồ Chí Minh ?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS khái quát, trình bày* ***1. Nghệ thuật.***  - Bài thơ ngắn gọn, hàm súc, vừa mang đặc điểm cổ điển, truyền thống vừa có tính chất mới mẻ, hiện đại.  - Lời thơ bình dị pha giọng đùa vui, hóm hỉnh.  - Tứ thơ độc đáo, bất ngờ, thú vị và sâu sắc.  ***2. Nội dung***  \* Bác sống và làm việc ở Pác Bó:  - Sinh hoạt, làm việc đều đặn trong hang bên suối.  - Trong hoàn cảnh thiếu thốn, gian khổ. Nhưng vẫn có nhiều niềm vui của một cuộc đời CM  =>***Lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng mà người theo đuổi.***  *1 HS đọc ghi nhớ.* ***\* Ghi nhớ: sgk/30*** | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **11.** Cho HS làm các BTTN (Sách BTTN) | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| **12**. Cho HS trao đổi, thảo luận: Người xưa thường ca ngợi thú lâm tuyền (tức là niềm vui thú được sống với rừng suối). Theo em, thú lâm tuyền của Bác có gì khác so với người xưa ?  - Theo em có gì mới trong hình thức thơ TNBC của Bác với sáng tác của các nhà thơ Đường ?  **13**.Trong thơ Bác hay nói tới cái “sang” của người làm cách mạng kể cả khi chịu cảnh tù đày. Em còn biết những câu thơ nào như thế ? | *HS trao đổi, thảo luận theo bàn, trình bày.* | ***2. Thú lâm tuyền của Bác*** |  |
| Không phải là ẩn lánh đời, mà là sống hoà hợp với thiên nhiên để làm cách mạng và cứu nước.  + Cảnh sinh hoạt và làm việc đơn sơ nhưng mang nhiều ý nghĩa.  + Niềm vui cách mạng, niềm vui được sống hoà hợp với thiên nhiên.  + Tâm hồn hoà hợp với thiên nhiên.  + Lạc quan trong cách sống.  \* Nột mới trong hỡnh thức thơ TNBC của Bác:  - Lời thơ thuần việt, giản dị, dễ hiểu  - Giọng thơ tự nhiên, nhẹ nhàng.  VD:  - Hôm nay xiềng xích thay dây trói  Mỗi bước leng keng tiếng nhạc rung.  - Tuy bị tình nghi là gián điệp  Mà như khanh tướng vẻ ung dung. | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| **-** Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về tình yêu thiên nhiên của Bác được thể hiện qua bài thơ. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà | Bài tập |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Dự án.

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| - Tìm đọc các bài thơ Bác viết về thiên nhiên và việc rèn luyện đạo đức cách mạng của Bác | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. | Bài tập  Kiến thức trọng tâm của bài |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

- Học thuộc và đọc diễn cảm bài thơ

-Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT

- Tỡm đọc các bài thơ Bác viết về niềm vui thích được sống giữa thiên nhiên.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Câu cảm thán”*

- Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi để tìm hiểu các chức năng của câu cảm thán.

- Tìm các VD về câu cảm thán với các chức năng đó.

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh hoàn cảnh sống gian khổ của Bác từ đó nêu bật bức tranh tinh thần lạc quan của Người

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 21**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**Câu cầu khiến**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng chính của câucầu khiến.

- Biết sử dụng câucầu khiến phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết câucầu khiến trong văn bản.

- Sử dụng câucầu khiến phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

**-** Giáo dục ý thức học tập tích cực.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Đặc điểm hình thức của câucầu khiến.

- Chức năng chính của câucầu khiến.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết câucầu khiến trong văn bản.

- Sử dụng câucầu khiến phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

**-** Giáo dục ý thức học tập tích cực.

**-** Biết bày tỏ rõ thái độ trong lúc giao tiếp khi sử dụng câu cầu khiến.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định công dụng của câu cầu khiến trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Đặt hai câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để:

+ Yêu cầu một người bạn kể lại nội dung của một bộ phim vừa được trình chiếu.

+ Bộc lộ tình cảm, cảm xúc trước số phận của một nhân vật văn học.

=>Giáo viên nhận xét, sửa bài làm và cho điểm

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Hãy đặt một câu không phải câu nghi vấn để | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình*** | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| yêu cầu người bạn kể lại nội dung của một bộ phim vừa được trình chiếu.  Em hiểu gì về kiểu câu đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* |  |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 85.* Câu cầu khiến** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** |  |
|  | **I.HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến** | **I. Đặc điểm hình thức và chức năng** |  |
| **1**. GV chiếu đoạn trích, gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu cầu khiến?  - Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu cầu khiến ?  - Các câu cầu khiến trong những đoạn trích trên dùng để làm gì? | *HS quan sát , 1HS đọc.*  *HS xác định , trả lời* | ***1. Ví dụ:*** (sgk/30)  \* ***Đoạn trích 1*** |  |
| Câu cầu khiến:  ***a:*** - ***Thôi*** ***đừng*** lo lắng. -> khuyên bảo  - Cứ về ***đi*** . -> nêu yêu cầu  ***b***: - Đi ***thôi*** con. -> thúc giục | |  |
| **2**. Gọi HS đọc các câu trong mục 2. Hỏi:  - Cách đọc câu “Mở cửa !” trong mục (b) có gì khác với cách đọc câu “Mở cửa” trong mục(a)?  - Câu “Mở cửa!” trong mục (b) dùng để làm gì, khác với câu “Mở cửa” trong (a) ở chỗ nào ? | *1 HS đọc. Cả lớp nghe, suy nghĩ, trả lời.* | ***\* Đoạn trích 2*** |  |
| - Cách đọc phần (b): được nhấn mạnh hơn.  - Cách dùng:  + Mở cửa (a): dùng để trả lời cho câu hỏi -> Câu trần thuật  + Mở cửa (b): dùng để đề nghị, ra lệnh ->Câu cầu khiến | |  |
| **3.** Quan sát các VD, hãy cho biết khi viết, câu cầu khiến thường được kết thúc bằng dấu gì? | *HS quan sát, nhận xét, trả lời.* | =>Thường kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm (khi yêu cầu không cần nhấn mạnh) |  |
| **4**. Qua việc tìm hiểu các VD, hãy cho biết câu cầu khiến có những đặc điểm hình thức và chức năng chủ yếu nào?  \*GV chốt lại. Gọi HS đọc. | *HS tóm tắt, trả lời theo ghi nhớ.*  *1HS đọc ghi nhớ.* | - Đặc điểm: có những từ cầu khiến  - Chức năng: dùng để ra lệnh, yêu cầu....  ***2. Ghi nhớ*:** sgk/31. |  |
| **5.** Hãy đặt câu cầu khiến, chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến? | *HS đặt câu, xác định, trả lời* |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**.Gọi HS đọc BT1. Nêu yêu cầu:  - Đặc điểm hình thức nào cho biết những câu trên là câu cầu khiến ?  - Nhận xét CN trong những câu trên? Thử thêm, bớt hoặc thay đổi CN xem ý nghĩa của các câu thay đổi như thế nào ? | *1 HS đọc, xác định đặc điểm hình thức của các câu cầu khiến*. | ***Bài 1. Tìm hiểu đặc điểm câu cầu khiến*** |  |
| ***- Đặc điểm hình thức***: Có chứa từ cầu khiến:  a. hãy; b: đi; c: đừng  ***- Chủ ngữ khi thay đổi, thêm bớt.***  a.Vắng CN ->Thêm CN: Con hãy... Tiên Vương” =>*Không thay đổi ý nghĩa của câu mà chỉ làm cho đối tượng tiếp nhận được thể hiện rõ hơn và lời yêu cầu nhẹ nhàng, tình cảm hơn.*  b. CN là ông giáo, ngôi thứ 2, số ít. -> Bớt CN =>*ý nghĩa cầu khiến dường như mạnh hơn, câu nói kém lịch sự hơn.*  c. CN “chúng ta” ngôi thứ nhất số nhiều (dạng ngôi gộp, có người đối thoại) -> Thay bằng “các anh” => *Thay đổi ý nghĩa cơ bản của câu (trong số những người tiếp nhận lời đề nghị không có người nói).* | |  |
| **7**.GV chiếu BT 2. Gọi HS đọc. Hỏi: Trong những đoạn trích sau, câu nào là câu cầu khiến ? Nhận xét sự khác nhau về hình thức biểu hiện ý nghĩa cầu khiến giữa những câu đó ?  -Tình huống được mô tả trong truyện và hình thức vắng CN hai câu cầu khiến này có liên quan gì với nhau không ? | *HS quan sát, 1 HS đọc. HS HĐ cá nhân, trả lời* | ***Bài 2.Xác định câu cầu khién, nhận xét hình thức biểu hiện*** |  |
| \* Câu cầu khiến:  a. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sụt sùi ấy *đi*.  =>Có từ cầu khiến ***đi.*** Vắng CN, dùng để ra lệnh  b. Các em *đừng* khóc  =>Có từ cầu khiến ***đừng***. Có CN, ngôi thứ 2 số nhiều, dùng để khuyên nhủ.  c. Đưa tay cho tôi mau !  Cầm lấy tay tôi này !  =>Không có từ ngữ cầu khiến, chỉ có ngữ điệu cầu khiến. Vắng CN.  \* Hình thức vắng CN có liên quan đến tình huống: Trong tình huống cấp bách, gấp gáp đòi hỏi những người có liên quan phải có hành động nhanh và kịp thời, câu cầu khiến phải rất ngắn gọn. -> CN chỉ người tiếp nhận thường vắng mặt. | |  |
| **8**.Cho HS quan sát 2 câu văn BT3. Hãy so sánh hình thức và ý nghĩa của 2 câu cầu khiến | *HS suy nghĩ và trả lời* | ***Bài 3. So sánh*** |  |
| a. Vắng CN  b. Nhờ có CN ý cầu khiến nhẹ hơn, thể hiện rõ tình cảm của người nói đối với người nghe. | |  |
| **9**.Gọi HS đọc BT4.Hỏi:  - Dế Choắt nói với Dế Mèn câu trên nhằm mục đích gì? | *1HS đọc BT,cả lớp suy nghĩ, trả lời.* | ***Bài 4. So sánh 2 cách nói*** |  |
| Đó là kiểu câu gì?  -Vì sao trong lời nói với Dế Mèn, Dế Choắt không dùng những kiểu câu đã nêu?  - Qua BT này ta cần lưu ý điều gì khi muốn nhờ người khác làm điều gì đó? | - Mục đích: Muốn nhờ Dế Mèn đào giúp một cái ngách thông sang nhà Dế Mèn (vì Dế Choắt là người nhút nhát, yếu đuối.  - Dế Choắt không dùng những kiểu câu đã nêu vì những câu đó có tính chất ra lệnh.  ->Muốn nhờ: dùng câu nghi vấn có mục đích cầu khiến | |  |
| **10**. Đọc đoạn trích và cho biết có thể thay “Đi đi con !” bằng “Đi thôi con” không? Vì sao? | *HS đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi.* | ***Bài 5: So sánh ý nghĩa 2 câu văn*** |  |
| + Đi đi con: *chỉ có người con đi.*  + Đi thôi con: *Người con và cả người mẹ cùng đi.*  =>Không thể thay thế cho nhau được vì có nghĩa khác nhau. | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| - Đặt một vài câu cầu khiến với các từ cầu khiến khác nhau. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà | Bài tập |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Dự án.

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết một đoạn văn ngắn về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường, trong đoạn văn có dùng câu cầu khiến. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. | Bài tập  Kiến thức trọng tâm của bài |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Tìm một số câu cầu khiến trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh*

- Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hỏi.

- Tìm hiểu một danh lam thắng cảnh ở địa phương em.

- Ghi chép những nội dung ,số liệu cụ thể làm tài liệu cho bài viết sắp tới

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa bài khó trong sgk

- Thêm ngữ liệu ngoài sgk deerr hs rèn luyện

**Tuần 21**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**Thuyết minh về một phương pháp**

**(Cách làm )**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Bổ sung kiến thức về văn thuyết minh

- Nắm dược cách làm bài văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm)

**2. Kĩ năng**

- Quan sát đối tượng cần thuyết minh: một phương pháp (cách làm).

- Tạo lập được một văn bản thuyết minh theo yêu cầu: biết viết một văn bản thuyết minh về một cách thức, một phương pháp, cách làm có độ dài 300 chữ.

**3. Thái độ**

Biết học tập, quan sát và chú ý mọi vật xung quanh.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Sự đa dạng về đối tượng được giới thiệu trong văn bản thuyết minh.

- Đặc điểm và cách làm bài văn thuyết minh.

- Mục đích, yêu cầu, cách quan sát và cách làm bài văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm)

**2. Kĩ năng**

- Quan sát đối tượng cần thuyết minh: một phương pháp (cách làm).

- Tạo lập được một văn bản thuyết minh theo yêu cầu: biết viết một văn bản thuyết minh về một cách thức, một phương pháp, cách làm có độ dài 300 chữ.

**3. Thái độ**

Học tập, quan sát và chú ý mọi vật xung quanh.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TLV: Các phương pháp TM

- Tích hợp KNS,

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Nêu các bước tiến hành làm một bài văn thuyết minh ?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Để TM được về một PP, một cách làm, chúng ta cần phải làm gì? | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | *- 1 HS trình bày,*  *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 82.* Thuyết minh ...** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I. HD HS tìm hiểu cách** **làm bài văn TM về một phương pháp, cách làm** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. HS tìm hiểu cách** **làm bài văn TM về một phương pháp, cách làm** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Giới thiệu một phương pháp (Cách làm)** |  |
| **1**.Gọi HS đọc 2 bài văn (sgk)/24,25. Hỏi:  - Khi cần thuyết minh cách làm một đồ vật (hay nấu một món ăn, ...), người ta thường nêu những nội dung gì ?  - Cách làm được trình bày theo thứ tự nào ?  - Em có nhận xét gì về lời văn của các bài thuyết minh này ? | *2HS đọc bài văn, mỗi HS đọc một đoạn*  *HS quan sát bài văn mẫu và trả lời* | ***1. Ví dụ***: Văn bản a,b.  - Đảm bảo đủ 3 nội dung :  + Nguyên vật liệu.  + Cách làm.  + Yêu cầu thành phẩm.  - Cách làm: trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự ... làm ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.  - Lời văn: ngắn gọn, súc tích vừa đủ. |  |
| **2.** Qua 2 bài văn trên, em thất để làm được bài văn thuyết minh về một phương pháp, một cách làm, người viết cần phải làm gì?  **\***GV chốt lại GN. Gọi HS đọc. | *HS suy nghĩ và tự rút ra*  *1 HS đọc ghi nhớ* | -> TM về 1PP, cách làm  => ***Cách làm bài văn TM về một PP, (cách làm):***  ***\* Ghi nhớ:***(sgk/26) |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **3.** Chia nhóm cho HS HĐ. Nêu yêu cầu của BT: Hãy tự chọn một đồ chơi, trò chơi quen thuộc và lập dàn bài thuyết minh cách làm, cách chơi trò chơi đó ? | *HS thảo luận theo nhóm (2 bàn). Đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung* | ***Bài 1***: ***Cách làm đồ chơi, cách chơi một trò chơi***  - Tên đồ chơi (trò chơi).  - Nguyên liệu làm (dụng cụ chơi, người chơi)  - Cách làm đồ chơi (cách chơi trò chơi, luật chơi)  - Yêu cầu thành phẩm (yêu cầu đối với trò chơi) |  |
| **4.** Gọi HS đọc bài văn “PP đọc nhanh”/26,27. Nêu y/c:  - Hãy chỉ ra cách đặt vấn đề, các cách đọc và đặc biệt là nội dung và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh được nêu trong bài?  - Các số liệu trong bài có ý nghĩa gì đối với việc giới thiệu phương pháp đọc nhanh? | *HS đọc kỹ bài “PP đọc nhanh”, suy nghĩ và trả lời.* | ***Bài 2. Tìm hiểu về phương pháp đọc nhanh*** |  |
| - Cách đặt vấn đề: Làm thế nào để đọc nhanh được.  - Các cách đọc chủ yếu.  + Đọc thành tiếng.  + Đọc thầm.  - Hiệu quả: đọc thành tiếng chỉ đạt từ 150-200 từ/phút.  - Đọc thầm (đọc ý) đạt được 2000 và hơn/1 phút.  - Các số liệu đưa ra trong bài chứng tỏ việc đọc nhanh rất quan trọng. Nó giúp con người rút ngắn được thời gian đểcó thể chiếm lĩnh được tri thức của nhân loại nhanh hơn và theo kịp bước tiến của thời đại | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết mở bài và kết bài cho đề văn: Thuyết minh về cách làm một món ăn mà em thích. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà | Bài tập |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Dự án.

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm hiểu một số trò chơi dân gian và thuyết minh về các trò chơi đó. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. | Bài tập  Kiến thức trọng tâm của bài |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Vận dụng kiến thức để trình bày cách xào rau muống.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Tức cảnh Pác Bó*

- Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

- Trả lời các câu hỏi đọc-hiểu văn bản.

- Tìm đọc tập thơ “*Nhật kí trong tù*” – Hồ Chí Minh

\* Rút kinh nghiệm

- Hướng dẫn kĩ về cách làm văn thuyết Minh

Cho thêm ngữ liệu ngoài sgk

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 21**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

- Tiếp tục bổ sung kiến thức và kĩ năng làm bài văn thuyết minh

**2. Kĩ năng**

- Quan sát danh lam thắng cảnh.

- Đọc tài liệu, tra cứu, thu thập, ghi chép những tri thức khách quan về đối tượng để sử dụng trong bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

- Tạo lập được một văn bản thuyết minh theo yêu cầu: biết viết một văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh có độ dài 300 chữ.

**3. Thái độ**

Yêu mến, tự hào về quê hương, đất nước.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Sự đa dạng về đối tượng được giới thiệu trong văn bản thuyết minh.

- Đặc điểm và cách làm bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh.

- Mục đích, yêu cầu, cách quan sát và cách làm bài văn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh

**2. Kĩ năng**

- Quan sát danh lam thắng cảnh.

- Đọc tài liệu, tra cứu, thu thập, ghi chép những tri thức khách quan về đối tượng để sử dụng trong bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

- Tạo lập được một văn bản thuyết minh theo yêu cầu: biết viết một văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh có độ dài 300 chữ.

**3. Thái độ**

Yêu mến, tự hào về quê hương, đất nước.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: các VB thyết minh đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Thế nào là VB thuyết minh? Bố cục thông thường của bài văn TM ?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Để TM được về một danh lam thắng cảnh chúng ta cần phải làm gì?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,*  *-Ghi tên bài vào vở* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình***  ***Tiết 86.* Thuyết minh ...** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I. HD HS tìm hiểu bài văn giới thiệu một danh lam thắng cảnh** . | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. HS tìm hiểu bài văn giới thiệu một danh lam thắng cảnh** . | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh** |  |
| **1.**Gọi HS đọc bài văn. Nêu câu hỏi cho HS thảo luận:  - Bài văn giới thiệu về mấy đối  tượng? Những đối tượng đó có gì liên quan đến nhau?  - Bài văn đã giúp em hiểu biết những gì về hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn?  - Muốn viết bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh như vậy, người viết cần có những kiến thức gì ? | *1HS đọc.Cả lớp nghe. HS trao đổi, thảo luận trong bàn, trình bày* | **1. Bài văn: *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn*** |  | |
| ***- Đối tượng thuyết minh***: 2 đối tượng: hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn, 2 đối tượng ở gần nhau: đền ở trong lòng hồ, trên mặt hồ.  ***- Những hiểu biết:***  ***a. Nguồn gốc lịch sử, địa lí, tên gọi.***  + Hồ Hoàn Kiếm là một đoạn cũ của sông Hồng. Trước khi mang tên Hoàn Kiếm thì hồ có tên là Lục Thuỷ. Tên Hoàn Kiếm là do sự tích Lê Lợi trả gươm ở thế kỉ XV, sau có thêm tên là hồ Thuỷ Quân.  + Đền Ngọc Sơn: được xây dựng từ thế kỉ XIX, lúc đầu là chùa Ngọc Sơn, sau do không thờ Phật nữa mà thờ thánh Văn Xương và Đức Thánh Trần nên đổi thành đền Ngọc Sơn.  ***b. Các di tích quanh hồ:*** Tháp Bút, Đài Nghiên, cầu Thê Húc.  ***c. Các bộ phận chính của đền***: cổng đền, đền chính (gồm 3 nếp: nếp ngoài là bái đường, nếp giữa thờ Thánh Văn Xương, nếp sau thờ Trần Hưng Đạo.  =>Phải có kiến thức về các danh lam thắng cảnh đó trên các phương diện lịch sử, địa lí, văn hoá, kiến trúc... và nắm vững kĩ năng làm văn thuyết minh. | |  | |
| **2**.Làm thế nào để có kiến thức về một danh lam thắng cảnh như vậy | *HS suy nghĩ trả lời.*  Để có kiến thức về một danh lam thắng cảnh:  - Đến tận nơi quan sát cẩn thận, tìm hiểu những nét hấp dẫn của cảnh.  - Đọc sách, tra cứu tài liệu có liên quan hoặc hỏi han những người có hiểu biết về nguồn gốc lịch sử, địa lí; giá trị lịch sử, văn hoá, kiến trúc  =>*Am hiểu một cách tường tận thì mới viết được hay và hấp dẫn đối với người đọc.* | |  | |
| **3**.Bài viết được sắp xếp theo bố cục, thứ tự nào ? Theo em bài này có thiếu sót gì về bố cục ?  -Theo em, để bài viết trên có thể giới thiệu cho người đọc hình dung cụ thể về hồ và đền thì người viết cần bổ sung thêm những gì?  - Bài viết đã sử dụng phương pháp TM nào ? | *HS quan sát VB, phát hiện, trả lời* |  |  | |
| ***- Bố cục***: Gồm 2 phần:  + Phần giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm và các di tích ở khu vực giữa hồ: đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, Đài Nghiên, Tháp Rùa.....  + Phần kết thúc: Vị trí, giá trị của Hồ Gươm trong cuộc sống hiện tại.  ***- Thứ tự***: Từ quá khứ đến hiện tại, từ ngoài vào trong  ***- Thiếu sót:*** Thiếu phần mở bài: Giới thiệu chung  ***- Cần bổ sung***:  +Miêu tả vị trí, độ rộng, hẹp của hồ.  +Vị trí Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc.  +Miêu tả quang cảnh xung quanh, cây cối, màu nước xanh, thỉnh thoảng rùa lại nổi lên.  ***- Phương pháp TM***: giải thích, phân loại, phân tích | |  | |
| **4**. Qua bài văn trên em thấy muốn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh thì người viết | *HS tóm tắt, trả lời theo ghi nhớ.* |  |  | |
| phải làm gì ?  - Để bài viết có sức thuyết phục thì bài viết phải đảm bảo những yêu cầu gì?  \*GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | 1HS đọc ghi nhớ | ***2. Ghi nhớ:*** sgk/34 |  | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  | |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  | |
| **7**.Nêu yêu cầu BT1: Lập lại bố cục bài giới thiệu Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn một cách hợp lí ? | HS HĐ nhóm bàn, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. | ***Bài 1***. Lập lại bố cục bài giới thiệu Hồ Gươm và đền Ngọc Sơn |  | |
| ***a.Mở bài***: Giới thiệu khái quát về quần thể di tích, danh lam thắng cảnh Hồ Gươm.  ***b.Thân bài***:Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm và các di tích ở khu vực giữa hồ: đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, Đài Nghiên, Tháp Rùa..... trên các phương diện lịch sử hình thành, kiến trúc, giá trị kinh tế , văn hoá.....  ***c.Kết bài***: Thái độ và các biện pháp giữ gìn, bảo vệ, tôn tạo của Nhà nước và nhân dân ta. | |  | |
| **8**.Một nhà thơ nước ngoài gọi Hồ Gươm là “Chiếc lẵng hoa xinh đẹp giữa lòng Hà Nội”. Em có thể sử dụng câu đó vào phần nào trong bài viết của mình ? | *HS suy nghĩ, trả lời:*  Có thể sử dụng trong phần Mở bài hoặc Kết bài. |  |  | |
| **9**.Nếu muốn giới thiệu theo trình tự tham quan hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn từ xa đến gần, từ ngoài vào trong thì nên sắp xếp như thế nào? | *HS trao đổi nhóm, trả lời* | ***Bài 2.*** Sắp xếp theo trình tự tham quan |  | |
| -Từ xa đến gần: quang cảnh chung ->từng đối tượng: hồ, Tháp Bút, Đài Nghiên, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, Tháp Rùa  -Từ ngoài vào trong: cổng đền->đền (nếp ngoài, nếp giữa, nếp trong) | |  | |
| **10**.Nếu viết lại bài này theo bố cục ba phần, em sẽ chọn những chi tiết tiêu biểu nào để làm nổi bật giá trị lịch sử và văn hoá của di tích, thắng cảnh ? | *HS suy nghĩ, lựa chọn, trình bày.HS khác bổ sung* | ***Bài 3.***Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu |  | |
| -Lịch sử hình thành: nguồn gốc, tên gọi, quá trình hình thành.  -Vai trò, vị trí của di tích, thắng cảnh trong lịch sử, trong cuộc sống hiện tại, trong lòng người dân... | |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| - Trình bày về một nội dung em vừa viết | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà | Bài tập |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Dự án.

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm hiểu một danh lam tháng cảnh của địa phương em và và giới thiệu về các danh thắng đó. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. | Bài tập  Kiến thức trọng tâm của bài |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Tìm hiểu về một số danh lam thắng cảnh của địa phương em

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Ôn tập về văn bản thuyết minh*.

- Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hỏi.

- Hoàn thành các câu hỏi phần ôn tập lí thuyết.

- Bút dạ, giấy trong

\* Rút kinh nghiệm

- Giao mỗi tổ thuyết minh về 1 danh lam thắng cảnh của đất nước

- Cho hs lên bảng thuyết trình

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 22

Tiết 1+2

**ÔN TẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH (KKHS TỰ HỌC)**

**LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Hệ thống được kiến thức về văn bản thuyết minh

- Rèn luyện, nâng cao một bước kĩ năng làm bài văn thuyết minh.

**2. Kĩ năng**

- Khái quát, hệ thống những kiến thức đã học.

- Đọc hiểu yêu cầu đề bài văn thuyết minh.

- Quan sát đối tượng cần thuyết minh.

- Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn thuyết minh.

**3. Thái độ**

Học tập, quan sát và chú ý mọi vật xung quanh.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Khái niệm về văn bản thuyết minh.

- Các phương pháp thuyết minh.

- Yêu cầu cơ bản khi làm bài văn thuyết minh.

- Sự phong phú, đa dạng về đối tượng càn giới thiệu trong văn bản thuyết minh.

**2. Kĩ năng**

- Khái quát, hệ thống những kiến thức đã học.

- Đọc hiểu yêu cầu đề bài văn thuyết minh.

- Quan sát đối tượng cần thuyết minh.

- Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn thuyết minh.

**3. Thái độ**

Học tập, quan sát và chú ý mọi vật xung quanh.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TLV: Các phương pháp TM

- Tích hợp KNS,, MT

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra việc chuẩn bị bài của HS

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** | |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  | |
| \* Cho HS chơi trò chơi giải ô chữ. Từ chìa khóa: thuyết minh  - Từ phần ô chữ, dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, suy nghĩ, trả lời*  *-Ghi tên bài vào vở* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình***  ***Tiết 87.* Ôn tập ...** |  | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  | |
| **I. HD HS hệ thống hoá kiến thức** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. HS hệ thống hoá kiến thức** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Hệ thống hoá kiến thức** |  | |
| \*GV nêu lần lượt từng câu hỏi:  **1**.Văn bản thuyết minh có vai trò và tác dụng như thế nào trong đời sống?  **2**.Văn bản thuyết minh có những tính chất gì khác với văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận?  **3**.Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, cần phải chuẩn bị những gì? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì? | *HS dựa vào phần bài đã chuẩn bị để trả lời* |  | |  |
| ***1. Vai trò và tác dụng của văn bản thuyết minh:***  - Là văn bản thông dụng và cần thiết trong mọi lĩnh vực đời sống.  - Nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.  ***2. Tính chất của văn bản thuyết minh***:  - Có tính chất tri thức khách quan, thực dụng  - Là loại văn bản có khả năng cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người.  \* So sánh với các kiểu văn bản khác:  - ***Tự sự:*** không có sự việc, diễn biến, nhân vật...  - ***Miêu tả:*** không đòi hỏi trình bày chi tiết, cụ thể cho ta cảm nhận được mà cốt làm cho người ta hiểu về sự vật, con người.  - ***Biểu cảm:*** không đòi hỏi bộc lộ thái độ, cảm xúc của người viết đối với sự vật, sự việc, con người.  - ***Nghị luận***: không đòi hỏi trình bày ý kiến, luận điểm mà chủ yếu trình bày nguyên lí, quy luật, cách thức....  ***3.Muốn làm tốt văn bản thuyết minh***.  - Nghiên cứu, tìm hiểu kĩ đối tượng thuyết minh, xác định rõ phạm vi tri thức về đối tượng TM.  - Sử dụng phương pháp và trình tự thuyết minh phù hợp khi | | |  |
| **4**.Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vân dụng ? | thuyết minh.  - Ngôn từ chính xác, dễ hiểu.  - Bố cục 3 phần rõ ràng  => Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật được bản chất đặc trưng cơ bản của sự vật, hiện tượng =>Người viết phải có tri thức về đối tượng cần thuyết minh.  ***4. Các phương pháp thuyết minh chủ yếu:***  - Nêu định nghĩa, giải thích.  - Liệt kê.  - Nêu VD, dùng số liệu.  - So sánh, đối chiếu.  - Phân tích, phân loại. | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** | |  |
| **5**.GV chia lớp làm 4 nhóm, nêu yêu cầu: Hãy nêu cách lập dàn ý và lập dàn bài cho các đề bài sau:  a. Giới thiệu một đồ dùng trong học tập hoặc trong sinh hoạt.  b. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở quê hương em.  c. Thuyết minh về một văn bản, một thể loại văn học mà em học.  d. Giới thiệu cách làm một đồ dùng học tập (một thí nghiệm) | *HS HĐ theo 4 nhóm, mỗi nhóm lập ý và dàn ý cho 1 đề bài* | **Bài 1.** Lập ý và lập dàn ý cho các đề bài | |  |
| ***a. Giới thiệu một đồ dùng***  - MB: Giới thiệu sơ lược về đồ dùng đó (PP nêu định nghĩa)  - TB: Trình bày đặc điểm; cấu tạo; cơ chế hoạt động; tác dụng; cách sử dụng, cách bảo quản....  - KB:Vai trò của đồ dùng trong đời sống  ***b. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh***  - MB: Giới thiệu về DLTC  - TB:  + Vị trí, diện tích, hình dáng.  + Nguồn gốc hình thành DLTC, các tên gọi.  + Cấu trúc (giới thiệu chi tiết, cụ thể từng khu vực)  + Cảnh quan nổi bật.  + Cảnh xung quanh.  + Một số điểm tham quan.  - KB: ý nghĩa của DLTC trong đời sống .  ***c. Thuyết minh về 1 văn bản, thể loại văn học.***  - MB: Giới thiệu tác phẩm, thể loại văn học.  - TB:  + Giá trị nội dung  + Giá trị nghệ thuật  + Ý đồ của tác giả.  + Giới thiệu vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học.  - KB: Đánh giá về tác phẩm hoặc thể loại đó.  ***d. Giới thiệu cách làm một đồ dùng học tập***  - MB: Giới thiệu về đồ dùng đó  - TB: | | |  |
|  | + Nguyên liệu.  + Cách làm.  + Yêu cầu thành phẩm.  - KB: Giá trị của đồ dùng. | | |  |
| **6**. GV chọn 2 đề cho HS tập viết đoạn văn. Chia lớp làm 2 nhóm, mỗi nhóm viết theo 1 đề.  GV hướng dẫn HS viết. Gọi HS trình bày, nhận xét | *HS viết cá nhân, một số HS trình bày. HS khác nhận xét.* | ***Bài 2***. Tập viết đoạn  a.Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở quê hương em.  b.Giới thiệu về một loài hoa đặc trưng của quê hương em | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| - Trình bày về một nội dung em vừa viết | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà | Bài tập |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

***\* Phương pháp:***Dự án.

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian***: 5 phút .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm hiểu một danh lam tháng cảnh của địa phương và thuyết minh về danh thắng đó. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. | Bài tập  Kiến thức trọng tâm của bài |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức về văn thuyết minh, chuẩn bị cho bài viết số 5.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Ngắm trăng*

- Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

- Trả lời các câu hỏi đọc-hiểu văn bản.

- Tìm đọc các bài thơ của Bác viết trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

**Tuần 22**

**Tiết 3**

**NGẮM TRĂNG**

**Hồ Chí Minh**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nâng cao năng lực đọc – hiểu một tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh.

- Thấy được tình yêu thiên nhiên và sức hấp dẫn về nghệ thuật trong một bài thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.

- Nắm được ý nghĩa triết lí sâu sắc của bài thơ.

**2. Kĩ năng**

- Đọc diễn cảm bản dịch tác phẩm.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm

**3. Thái độ**

- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Hiểu biết bước đầu về tác phẩm thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh; sự khác nhau giữa văn bản chữ Hán với văn bản dịch bài thơ.

- Tâm hồn giàu cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên và phong thái Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh ngục tù và những thử thách trên đường.

- Ý nghĩa khái quát mang tính triết lí của hình tượng con đường và con người vượt qua những chặng đường gian khó.

- Vẻ đẹp của Hồ Chí Minh: ung dung, tự tại, chủ động trong mọi hoàn cảnh.

- Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ.

**2. Kĩ năng**

- Đọc diễn cảm bản dịch tác phẩm.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm

**3. Thái độ**

Yêu mến và thấy được thiên nhiên rất quan trọng và cần thiết cho con người.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TV và TLV: Các BPNT, văn miêu tả

- Tích hợp KNS, GD CD: tình yêu quê hương đất nước

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy** :

- Soạn bài, tư liệu về tác giả, tác phẩm. (Chân dung nhà thơ, tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp, lời bình, lời đánh giá về bài thơ.

- Hướng dẫn HS sưu tầm, tìm đọc tập thơ “Nhật kí trong tù”.

**2. Chuẩn bị của trò**:

- Soạn bài, tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm theo hướng dẫn của GV

**IV – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1')

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ (***3-5')

Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ “ Khi con tu hú” và trình bày cảm nhận của em về bài thơ?

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Ho¹t ®éng cña trß** | **Chuẩn KT-KN cÇn ®¹t** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| \* Cho HS quan sát 1 số ảnh chân dung của Bác.  **-** Nêu yêu cầu: Hãy trình bày hiểu biết của em về Bác Hồ  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 83,84. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** |  |
| **1**.GV nêu yêu cầu đọc. GV đọc văn bản (phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ) một lần.  - Gọi HS đọc, nhận xét. | *HS nghe, xác định cách đọc.2HS đọc văn bản (Mỗi HS đọc 1 VB). HS khác nhận xét* | ***1. Đọc*** |  |
| **2**.Theo dõi chú thích, hãy trình bày những hiểu biết của em về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tập thơ “Nhật kí trong tù” và xuất xứ của 2 bài thơ ? \* GV bổ sung thêm. | *1HS trình bày,HS khác nhận xét, bổ sung* | ***2. Chú thích*** |  |
| ***a. Tác giả*** : Hồ Chí Minh (1890-1969)  - Là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam  - Là một danh nhân văn hoá thế giới.  ***b. Tập thơ “Nhật kí trong tù”:*** là một tập thơ chữ Hán gồm 133 bài được Bác viết trong thời gian bị giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch  - Hai bài thơ được trích trong tập thơ “*Nhật kí trong tù”* | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** |  |
| ***B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***1. Tìm hiểu khái quát*** |  |
| **3**.Hãy xác định:  - Thể thơ và nhận diện thể thơ đó trong bài thơ?  - PTBĐ của 2 bài thơ?  - Dựa vào mô hình kết cấu | *HS xác định, trả lời:* |  |  |
| ***- Thể thơ:***  + Nguyên tác: thất ngôn tứ tuyệt  + Bản dịch bài *“Đi đường*” là lục bát  ***- PTBĐ:*** Biểu cảm | |  |
| của bài thơ tứ tuyệt , hãy xác định kết cấu của bài thơ? | - Kết cấu: 4 phần: *Khai, thừa, chuyển, hợp.* | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| ***\*HD HS tìm hiểu bài thơ*** “***Ngắm trăng***” | ***HS tìm hiểu bài thơ*** “***Ngắm trăng***” | ***Bài 1. Ngắm trăng*** |  |
| **4**.Tìm hiểu phần giải nghĩa, phần dịch nghĩa, so sánh bản dịch nghĩa và bản dịch thơ, em có nhận xét gì về những câu thơ dịch? | *HS tìm hiểu, so sánh:*  - Câu thơ thứ hai dịch chưa đúng, chưa sát câu thơ nguyên tác “nại nhược hà” - không biết làm thế nào dịch thành “khó hững hờ” không làm nổi bật được sự rung cảm mạnh mẽ.  - Hai câu 3,4 của bản dịch đã làm mất đi cấu trúc đăng đối; câu dịch thứ tư có hai từ gần đồng nghĩa “*nhòm, ngắm*”khiến cho câu thơ không cô đúc, chữ “*nhòm*” dùng không được trang nhã. | |  |
| **5**. Câu thơ thứ nhất cho ta biết Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh nào? Vì sao nói đến việc ngắm trăng Bác lại nói đến “không rượu, không hoa”? | *HS suy nghĩ, trả lời:*  Nói đến việc ngắm trăng Bác lại nói đến “Trong tù không rượu cũng không hoa” vì thi nhân xưa coi việc ngắm trăng là một thú vui tao nhã. Gặp cảnh trăng đẹp thi nhân xưa thường đem rượu ra uống trước hoa để thưởng trăng. | ***\* Câu 1. Hoàn cảnh ngắm trăng***  *- Hoàn cảnh: trong tù, không rượu, không hoa.*  ->***Hoàn cảnh thật đặc biệt: trong nhà tù, trong cảnh thân tù, gian khổ, thiếu thốn mọi bề.*** |  |
| **6**.Trong hoàn cảnh đó, Bác không hề nói đến sự cực khổ mà chỉ nhắc đến rượu và hoa. Việc Bác nhắc đến rượu và hoa trong hoàn cảnh đó cho ta thấy điều gì trong tâm hồn của Bác? | *HS suy nghĩ, trả lời:* |  |  |
| Thiếu rượu và hoa- > việc thưởng trăng chưa được trọn vẹn nhưng Bác không hề vướng bận về những thiếu thốn đó, tâm hồn của Bác vẫn tự do, ung dung, vẫn thèm được tận hưởng cảnh trăng đẹp | |  |
| **7**.Câu thơ thứ hai cho ta thấy được tâm trạng gì của Bác trước cảnh trăng đẹp?  Tâm trạng đó cho ta thấy điều gì trong tâm hồn của Người? | *HS đọc, suy nghĩ, trao đổi, trả lời* | ***\* Câu 2. Tâm trạng trước đêm trăng đẹp*** |  |
| -Khó hững hờ->Tâm trạng xốn xang, bối rối.  ->***Sự rung động mãnh liệt, yêu thiên nhiên một cách say mê*** | |  |
| \*GV bổ sung : Trong nguyên tác câu thơ thứ hai là một câu hỏi chứ chưa phải là câu khẳng định như trong bản dịch. Điều đó cho thấy trước cảnh đẹp tuyệt vời của đêm trăng, người tù xao xuyến, bối rối khó tả. Làm sao để có được một đêm thưởng trăng tao nhã giống các bậc tao nhân xưa trong hoàn cảnh lao tù thiếu thốn đủ đường. Câu thơ cho thấy tâm hồn nghệ sĩ đích thực của Người, quên đi thân phận tù để đón nhận đêm trăng đẹp. | | |  |
| **8**.Gọi HS đọc 2 câu thơ cuối. Nêu yêu cầu:  - Hai câu cuối của bài thơ có  cấu trúc đăng đối chuẩn mực, Hãy chỉ ra cấu trúc đăng đối trong câu thơ và hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cấu trúc đó? | *1HS đọc, cả lớp nghe, trao đổi, trả lời:* | ***\* Câu 3,4***. ***Sự gắn bó, giao hoà của người và vầng trăng*** |  |
| - Trong mỗi câu, chữ chỉ người (*nhân, thi gia*) và chữ chỉ trăng (*nguyệt*) được đặt ở 2 đầu, giữa là song sắt nhà tù (*song)*. Mặt khác, hai câu còn tạo thành một cặp đối : *nhân và nguyệt*, *minh nguyệt và thi gia.*  -> Cấu trúc đăng đối của hai câu thơ đã tạo ra một hình ảnh đẹp về sự giao hoà đặc biệt giữa người tù thi sĩ và vầng trăng. ***Cả người và trăng đều chủ động tìm đến giao hoà cùng nhau. Trăng được nhân hoá như một con người, gắn bó tri âm, tri kỉ với người.*** | |  |
| \* Có thể nói đây là một cuộc vượt ngục về tinh thần của người tù cách mạng HCM. Người tù thả tâm hồn vượt ra ngoài song sắt của nhà tù để ngắm trăng, giao hoà với vầng trăng tự do đang toả mộng. Vầng trăng cũng vượt qua song sắt nhà tù để tìm đến ngắm nhà thơ trong tù. Hai câu thơ cho thấysức mạnh tinh thần kì diệu của người chiến sĩ, thi sĩ. Phía này là nhà tù đen tối, là hiện thực tàn bạo còn ngoài kia là vầng trăng thơ mộng, là thế giới của cái đẹp, là bầu trời tự do, lãng mạn. Giữa hai thế giới đối cực đó là song sắt của nhà tù. Nhưng vơí cuộc ngắm trăng này, song sắt nhà tù đã trở nên bất lực, vô nghĩa trước những tâm hồn tri âm tri kỉ tìm đến với nhau.  Ngắm trăng vừa thể hiện tình cảm thiên nhiên đặc biệt sâu sắc, mạnh mẽ, một biểu hiện nổi bật của tâm hồn nghệ sĩ ở Bác Hồ, vừa cho thấy sức mạnh tinh thần to lớn của người chiến sĩ vĩ đại đó | | |  |
| **9**.***Cho HS thảo luận***: Bài thơ mở đầu bằng “*trong tù*”, kết thúc bằng “*nhà thơ*”, điều bất thường ấy gợi cho em suy nghĩ gì? Qua đó em cảm nhận được gì về Bác? | *HS thảo luận theo nhóm bàn, đại diện trình bày.* |  |  |
| Trong tù lẽ ra phải có người tù nhưng trong bài thơ, trong tù không có người tù mà chỉ có nhà thơ. Người tù CM ấy dường như không bận tâm về những gông cùm, đói rét, bệnh tật; bất chấp song sắt thô bạo của nhà tù để thả tâm hồn bay bổng để tìm đến giao hoà với vầng trăng tri âm.  *=>Bác Hồ là người có tình yêu thiên nhiên sâu sắc, mạnh mẽ (tâm hồn nghệ sĩ); có sức mạnh tinh thần to lớn, phong thái ung dung tự tại, vượt lên trên sự khổ cực, tàn bạo của kẻ thù (cốt cách người chiến sĩ)* | |  |
| **10.** Hãy nhận xét về nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? Qua bài thơem cảm nhận được những gì?  GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt theo ghi nhớ, trả lời.*  *1HS đọc ghi nhớ* | \****Ghi nhớ***: sgk/38 |  |
| **11.** Hãy tìm và đọc những câu thơ Bác viết về trăng? Cuộc ngắm trăng trong bài thơ và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ của Bác có gì đáng chú ý? | *HS liên hệ tìm, suy nghĩ, trao đổi, trả lời:*  VD: Đêm lạnh (NKTT), Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Tin thắng trận... | ->Bất kì hoàn cảnh nào, trăng cũng hiện lên lung linh và sáng đẹp, luôn luôn là biểu tượng của cái đẹp tuyệt vời, vĩnh cửu trong vũ trụ. |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **19**.Theo em, bài thơ có gì giống nhau và khác nhau? Qua bài thơ em cảm nhận được những gì về Bác?  **\***GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS suy nghĩ, tóm tắt và trả lời.* | *-> Tình yêu thiên nhiên*  *Phong thái ung dung, lạc quan trong mọi hoàn cảnh.* |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **20.** Cho HS làm các BTTN | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| *1. Tập thơ “Nhật kí trong tù” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?*  A. Bác Hồ đang hoạt động cách mạng tại Pháp.  B. Bác Hồ bị giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây (Trung Quốc)  C. Bác đang sống ở núi rừng Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp.  D. Bác đang sống ở Hà Nội để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mĩ.  *2. Nhận định nào nói đúng nhất hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua bài thơ “Ngắm trăng”?*  A. Một người có khả năng nhìn xa trông rộng.  B. Một người có bản lĩnh cách mạng kiên cường  C. Một người yêu thiên nhiên và luôn lạc quan  D. Một người giàu tình yêu thương.  *3. Dòng nào nói đúng nhất ý nghĩa triết lí của bài thơ “Đi đường”?*  A. Đường đời nhiều gian lao thử thách nhưng nếu con người kiên trì và có bản lĩnh thì sẽ đạt được thành công.  B. Để vững vàng trong cuộc sống thì con người cần phải tôi rèn bản lĩnh.  C. Để thành công trong cuộc sống thì con người phải biết chớp lấy thời cơ.  D. Càng lên cao thì càng gặp nhiều gian khổ. | | |  |
| **21.** Nêu yêu cầu: Có ý kiến cho rằng: Bài thơ “Ngắm trăng là một cuộc vượt ngục tinh thần của người tù cách mạng Hồ Chí Minh. Hãy chứng minh ý kiến trên. | *HS viết suy nghĩ, chứng minh, trình bày.* | ***2. Chứng minh:*** Bài thơ “Ngắm trăng” là một cuộc vượt ngục tinh thần của người tù cách mạng Hồ Chí Minh. |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

\* **Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng (1')**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Đọc tham khảo bài bình luận về bài thơ. | - Thực hiện ở nhà |  |  |

***Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học ở nhà (1'****)*

\* Bài cũ:

- Nắm đặc điểm câu nghi vấn, chức năng khác của câu nghi vấn.

- Hoàn thiện bài tập trong VBT.

\* Bài mới:

- Chuẩn bị tiết 84: soạn bài *Đi đường.*

**Tuần 22**

**Tiết 4**

**Câu cảm thán**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của câucảm thán.

- Biết sử dụng câucảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết câucảm thán trong văn bản.

- Sử dụng câucảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Đặc điểm hình thức của câucảm thán.

- Chức năng của câucảm thán.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết câucảm thán trong văn bản.

- Sử dụng câucảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

Biết bày tỏ rõ thái độ trong lúc giao tiếp khi sử dụng câu cảm thán.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định công dụng của câu cảm thán trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Trong những câu sau, câu nào là câu cầu khiến ? Vì sao?

a. Nhanh tay lên nào, các bạn ơi!

b. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?

c. Ơi Bác Hồ ơi, những xế chiều

Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu.

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Cho HS q/sát lại các VD trong phần KTBC.  \* Nêu yêu cầu: VD (c) trong bài tập trên thuộc kiểu câu nào? Em hiểu gì về kiểu câu đó? | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. |  |  |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 90.* Câu cảm thán** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Đặc điểm hình thức và chức năng** |  |
| **1.**Cho HS quan sát các VD trong đoạn trích.Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu cho HS trao đổi nhóm bàn:  - Trong những đoạn trích trên câu nào là câu cảm thán ?  - Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu cảm thán ?  - Câu cảm thán dùng để làm gì?  - Khi viết đơn, biên bản hợp đồng hay trình bày kết quả giải một bài toán... có thể dùng câu cảm thán không ? Vì sao ?  - Câu cảm thán thường xuất hiện trong những trường hợp nào? | *HS q/sát VD,1HS đọc. HS xác định và trả lời.* | **1.*Ví dụ:***  Đoạn trích(sgk/43) |  |
| \* Các câu cảm thán  - *Hỡi ơi*, lão Hạc !  - *Than ôi* !  - ***Đặc điểm hình thức***: có những từ cảm thán “*hỡi ơi, than ôi*” và cuối câu có dấu chấm than  \* ***Chức năng***: Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc.  - Khi viết đơn, biên bản hợp đồng hay trình bày kết quả giải một bài toán ... không thể dùng câu cảm thán vì đó là những v/đề khách quan đòi hỏi tư duy lô gíc, khoa học và chính xác, không cần bộc lộ cảm xúc.  - Câu cảm thán thường xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương. | |  |
| **2.** Qua tìm hiểu các VD trên, em hãy rút ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán? | *HS tóm tắt và trả lời theo ghi nhớ.*  *1HS đọc lại.* | ***2.Ghi nhớ:*** sgk/44 |  |
| **3.** Quan sát các VD, hãy cho biết khi viết, câu cảm thán thường được kết thúc bằng dấu gì? | *HS quan sát, nhận xét, trả lời.* | =>Thường kết thúc bằng dấu chấm than |  |
| **4.** Hãy đặt câu cầu khiến, chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán? | *HS đặt câu, xác định, trả lời* |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **5**. Gọi 1 HS đọc BT1/415. - Hãy cho biết các câu sau có | *1HS đọc. Lớp theo dõi, suy nghĩ và trả lời* | ***Bài 1: Xác định câu cảm thán:*** |  |
| phải đều là câu cảm thán không? Vì sao ?- Chỉ ra những câu cảm thán trong các đoạn? | - Không vì có những câu không chứa từ ngữ cảm thán *- HS xác định* | - Than ôi ! Lo thay ! Nguy thay!  - Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !  - Chao ôi, có biết đâu rằng ... của mình thôi  =>Vì những câu trên có từ ngữ cảm thán. |  |
| **6**. Gọi HS đọc BT2/44 (chia 4 nhóm)  - Phân tích tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong những câu sau:  a. Ai làm cho... gầy cò con.  b. Xanh kia... nên nỗi này  c. Tôi có chờ đâu... thêm sầu  d. Anh mà chết... bây giờ  - Có thể xếp những câu này vào kiểu câu cảm thán được không ? Vì sao ? | *1 HS đọc. Lớp theo dõi, trả lời* | ***Bài 2: Đặc trưng của câu cảm thán*** |  |
| Tất cả các câu đều bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  a. Lời than thở của người nông dân dưới chế độ phong kiến.  b. Lời than thở của người chinh phụ trước nỗi truân chuyên do chiến tranh gây ra.  c. Tâm trạng bế tắc của nhà thơ trước cuộc sống.  d. Sự ân hận của Dế Mèn trước cái chết thảm thương, oan ức của Dế Choắt => Đây không phải là các câu cảm thán, vì không có dấu hiệu hình thức đặc trưng của kiểu cầu này | |  |
| **7**. Đặt 2 câu cảm thán để bộc lộ cảm xúc.  a.Trước tình cảm người thân dành cho mình.  b.Khi nhìn thấy mặt trời mọc | *HS đặt câu theo yêu cầu:* |  |  |
| VD:  - Ôi! Lòng mẹ thật bao la.  - Đẹp biết bao khi bình minh lên. | |  |
| **8**. Hãy so sánh đặc điểm, hình thức và chức năng của câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán? | *HS thảo luận theo nhóm(2 bàn)*  *Đại diện trình bày. Nhóm khác bổ sung.* | ***Bài 4***/45. So sánh câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán |  |
| **9**. Cho HS viết đoạn văn có sử dụng câu cảm thán (Độ dài 4-6 câu) | *HS viết cá nhân- 1 số em trình bày. HS khác nhận xét.* | ***Bài 5***. Viết đoạn |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Đặt một vài câu cảm thán để bộc lộ cảm xúc | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| + Viết đoạn văn bày tỏ lòng yêu kính và biết ơn Bác ngắn có dùng câu cảm thán. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng (2-3’)**

- Đặt một vài câu cảm thán để bộc lộ cảm xúc

**Hoạt động 5: Phát triển mở rộng (2-3’)**

Viết một đoạn văn ngắn có dùng câu cảm thán.

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Tìm một số câu cảm thán trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

***b. Bài mới***:

- Chuẩn bị bài “*Câu trần thuật*”

+ Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi để tìm hiểu các chức năng của câu trần thuật.

+ Tìm các VD về câu trần thuật với các chức năng đó.

- Chuẩn bị bài viết số 5: *Văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.*

+ Tìm hiểu một danh lam thắng cảnh ở địa phương em.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 23**

**Tiết 1**

**ĐI ĐƯỜNG**

**(Tẩu lộ)**

***- Hồ Chí Minh-***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Cảm nhận được ý nghĩa tư tưởng sâu sắc của bài “Đi đường”: từ đi đường núi mà gợi ra bài học đường đời, đường cách mạng. Hiểu được cách dùng biểu tượng có hiệu quả cao của bài thơ.

***2. Kĩ năng***

- Đọc hiểu bản dịch tác phẩm.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

***3. Thái độ***

- Qua bài thơ có thái độ tự hào và tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

**II. TRỌNG TÂM**

***1. Kiến thức***

- Tâm hồn giàu cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên và phong thái Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh thử thách trên đường.

- ý nghĩa khái quát mang tính triết lí của hình tượng con đường và con người vượt qua nhũng chặng đường gian khó.

- Vẻ đẹp Hồ Chí Minh ung dung, tự tại, chủ động trước mọi hoàn cảnh.

***2. Kĩ năng***

- Đọc hiểu bản dịch tác phẩm.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

***3. Thái độ*.**

- Qua bài thơ có thái độ tự hào và tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

***4. Những năng lực học sinh cần phát triển***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***b. Năng lực chuyên biệt***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy:**

- Phương pháp:

+Vấn đáp, thuyết trình.

+ Thảo luận nhóm.

- Đồ dùng:

+ SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kĩ năng, giáo án.

**2. Trò:**

-Đọc và soạn bài theo các câu hỏi ở SGK.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***Bước 1. Ổn định tổ chức(1'****): Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.*

***Bước 2. Kiểm tra bài cũ:(5')***

H: Đọc thuộc lòng bài thơ “Ngắm trăng” và nêu cảm nhận của em về bài thơ?

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Ho¹t ®éng cña trß** | **Chuẩn KT-KN cÇn ®¹t** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| \* Cho HS quan sát 1 số ảnh chân dung của Bác.  **-** Nêu yêu cầu: Hãy trình bày hiểu biết của em về Bác Hồ  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 83,84. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** |  |
| ***\*HD HS tìm hiểu bài thơ*** “***Đi đường***” | ***HS tìm hiểu bài thơ*** “***Đi đường***” | ***Bài 2.*** “***Đi đường***” |  |
| **12**. Tìm hiểu phần giải nghĩa, phần dịch nghĩa, so sánh bản dịch nghĩa và bản dịch thơ, em có nhận xét gì về những câu thơ dịch?  **13.** Bài thơ có mấy lớp nghĩa? Là những lớp nghĩa nào? | *HS xác định, trả lời:*  - Đây là bài thơ dịch tốt, lời thoát, giữ được ý sát với nguyên tác, không có câu chữ gượng ép. Tuy nhiên nguyên tác viết theo thể thất ngôn nhưng bản dịch lại là lục bát làm giảm đi cái chắc chắn, chặt chẽ, gân guốc của nội dung tư tưởng của bài thơ. Câu thơ thứ hai chưa làm nổi bật sự gian nan chồng chất, dường như là bất tận.  \* Bài thơ có 2 lớp nghĩa:  - Nghĩa đen: chỉ việc đi đường trong thực tế  - Nghĩa bóng:chỉ con đường cách mạng, đường đời | |  |
| **14.**Việc điđường được tác giả nêu ra như thế nào?  - Việc lặp lại 2 lần “*tẩu lộ*” (đi đường) có hiệu quả nghệ thuật như thế nào? Vì sao Bác Hồ lại cảm nhận được sự khổ cực khi đi đường ? | *HS suy nghĩ, xác định, trả lời:* | ***\* Việc đi đường*** |  |
| - *Đi dường mới biết gian lao* -> ***đi đường thật khó khăn, gian nan.***  - Việc lặp lại 2 lần “*tẩu lộ*” ->làm nổi bật ý thơ. Chỉ có người từng trải mới cảm nhận một cách thấm thía và thấu hiểu sự thật hiển nhiên đó.  ->Bác lại cảm nhận được sự khổ cực khi đi đường vì đó là suy ngẫm mà Bác rút ra từ bao cuộc đi đường, chuyển lao triền miên mà Bác đã trải qua. Câu thơ đơn sơ nhưng mang nặng ý nghĩa khái quát sâu xa. | |  |
| **15**. Quan sát câu thơ thứ hai và cho biết ở câu thơ này có điểm gì đặc biệt ? Cấu trúc ấy có dụng ý gì ? | *HS q/sát, trả lời*  Phép lặp : Người tù đang cảm nhận thấm thía, suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường | - *Núi cao rồi lại núi cao trập trùng*  -> Phép lặp -> ***Khó khăn chồng chất, triền miên và bất tận.*** |  |
| **16.** Câu chuyển trong bài thơ có vị trí và vai trò ntn ? | *HS suy nghĩ, trả lời* | - *Núi cao lên đến tận cùng* |  |
| -> Mạch thơ chuyển khác: Lên đỉnh cao chót - lúc gian lao nhất cũng là lúc mọi khó khăn kết thúc. Tất cả những khó khăn đã lùi lại phía sau. Người tù cách mạng như vị khách du lịch, đứng trên đỉnh cao nhất để thưởng ngoạn cảnh núi non hùng vĩ bao la trải ra trước mắt | |  |
| **17**. Đọc tiếp câu hợp và cho biết; trạng thái tình cảm nào của con người được nói tới ? | *- Thu vào tầm mắt*  *muôn trùng nước non*  Từ tư thế con người đang bị đày đoạ đến kiệt sức, cực khổ ấy bỗng trở thành người du khách ung dung say sưa ngắm phong cảnh đẹp.  ->N***iềm vui sướng của người tù*** ***cách mạng được làm chủ thế giới.*** | |  |
| **18.** Hãy nhận xét về nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? Ý nghĩa triết lí được thể hiện qua bài thơ?  GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt theo ghi nhớ, trả lời.*  *1HS đọc ghi nhớ* | \* Bài học về đường đời, đường cách mạng: ***Vượt qua gian lao sẽ tới thắng lợi vẻ vang***  \* ***Ghi nhớ***: sgk/38 |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **19**.Theo em, 2 bài thơ có gì giống nhau và khác nhau? Qua 2 bài thơ em cảm nhận được những gì về Bác?  **\***GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS suy nghĩ, tóm tắt và trả lời.* | *-> Tình yêu thiên nhiên*  *Phong thái ung dung, lạc quan trong mọi hoàn cảnh.* |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **20.** Cho HS làm các BTTN | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| *1. Tập thơ “Nhật kí trong tù” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?*  A. Bác Hồ đang hoạt động cách mạng tại Pháp.  B. Bác Hồ bị giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây (Trung Quốc)  C. Bác đang sống ở núi rừng Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp.  D. Bác đang sống ở Hà Nội để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mĩ.  *23. Dòng nào nói đúng nhất ý nghĩa triết lí của bài thơ “Đi đường”?*  A. Đường đời nhiều gian lao thử thách nhưng nếu con người kiên trì và có bản lĩnh thì sẽ đạt được thành công.  B. Để vững vàng trong cuộc sống thì con người cần phải tôi rèn bản lĩnh.  C. Để thành công trong cuộc sống thì con người phải biết chớp lấy thời cơ.  D. Càng lên cao thì càng gặp nhiều gian khổ. | | |  |
| **21.** Nêu yêu cầu: Có ý kiến cho rằng: Bài thơ là một cuộc vượt ngục tinh thần của người tù cách mạng Hồ Chí Minh. Hãy chứng minh ý kiến trên. | *HS viết suy nghĩ, chứng minh, trình bày.* | ***2. Chứng minh:*** Bài thơ “Ngắm trăng” là một cuộc vượt ngục tinh thần của người tù cách mạng Hồ Chí Minh. |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Viết đoạn văn cảm nhận về nội dung bài thơ | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

\* **Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng (2')**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Đọc phần đọc thêm SGK. | - Đọc thêm tư liệu |  |  |

***Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học ở nhà (1'****)*

\* Bài cũ:

- Học thuộc bài thơ (phần phiên âm và dịch thơ).

- Hoàn thiện bài tập trong VBT.

\* Bài mới:

- Chuẩn bị tiết 85: soạn bài *Câu cảm than*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 23**

**Tiết 2**

**CHIẾU DỜI ĐÔ**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu biết bước đầu về thể chiếu

- Thấy được khát vọng xây dựng quốc gia cường thịnh, phát triển của Lí Công Uẩn cũng như của dân tộc ta ở một thời kì lịch sử.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể chiếu.

- Nhận ra và thấy được đặc điểm của kiểu nghị luận trung đại ở một văn bản cụ thể.

**3. Thái độ**

Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc..

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**:

- Chiếu: thể văn chính luận trung đại, có chức năng ban bố mệnh lệnh của nhà vua

- Sự phát triển của quốc gia Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.

- Ý nghĩa lịch sử trong đại của sự kiện rời đô từ Hoa Lư ra thành Thăng Long và sức thuyết phục mạnh mẽ của lời thuyết phục rời đô đó.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể chiếu.

- Nhận ra và thấy được đặc điểm của kiểu nghị luận trung đại ở một văn bản cụ thể.

**3. Thái độ**

Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc..

**4. Tích hợp giáo dục ANQP**

- Tầm nhìn chiến lược của Vua Lý Công Uẩn về quân sự

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Đọc thuộc lòng diễn cảm bài “Tức cảnh Pác Bó”. Qua bài thơ, em hiểu được điều gì về Bác?

=>Giáo viên nhận xét và cho điểm

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Ho¹t ®éng cña trß** | **Chuẩn KT-KN cÇn ®¹t** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| \* **Tích hợp giáo dục ANQP**  ***Cho HS quan sát 1 số tranh ảnh về lễ kỉ niệm 1000 năm Thăng Long .*** | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình*** | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| **-** Nêu yêu cầu: Em hiểu gì về sự kiện này  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* |  |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 89. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** |  |
| **1**. GV HD cách đọc: giọng trang trọng nhưng có chỗ cần nhấn mạnh sắc thái tình cảm tha thiết hoặc chân thành “Trẫm rất đau xót... dời đổi”  - GV đọc một đoạn. Gọi HS đọc tiếp đến hết. | *HS nghe, xác định cách đọc*.  *1 HS đọc tiếp-> hết* | ***1.Đọc*** |  |
| **2.** Dựa vào CT hãy giải thích: - Chiếu là gì?  - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả về Lí Công Uẩn và hoàn cảnh ra đời của bài “Chiếu dời đô”?  \**Bài Chiếu là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu sự vươn dậy, ý chí tự cường của dân tộc, thể hiện sự lớn mạnh của nhân dân, của đất nước ta, mở ra một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên Thăng Long huy hoàng.* | *HS căn cứ CT trình bày* | ***2. Chú thích*** |  |
| ***\* Chiếu***: là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh với chức năng là công bố những chủ trương, đường lối, nhiệm vụ mà vua và triều đình nêu ra và yêu cầu thực hiện. Chiếu thường thể hiện một tư tưởng lớn lao có ảnh hưởng đến vận mệnh triều đại, đất nước.  ***\* Tác giả:*** Lí Công Uẩn, tức Lí Thái Tổ (974-1028) là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. Năm 1009, Lê Ngoạ Triều chết, ông được tôn lên làm vua, mở đầu cho vương triều nhà Lí.  ***\* Tác phẩm***: Bài Chiếu ra đời năm 1010, để bày tỏ ý định rời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La. | |  |
| **3**. Cho HS tìm hiểu nghĩa của các từ khó, lưu ý CT 8 | *HS theo dõi sgk để hiểu nghĩa các từ.* | ***\* Từ khó:*** sgk/50 |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 22- 25' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** |  |
| ***B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***1. Tìm hiểu khái quát*** |  |
| **4.** Nêu yêu cầu cho HS trao đổi nhóm bàn:  **-** Bài chiếu này thuộc kiểu VB nào mà em đã học? Vì sao em xác định như vậy? | *HS trao đổi nhóm bàn, trình bày. Nhóm khác bổ sung.* | ***- Kiểu VB: nghị luận*** |  |
| . Vì: nó được viết bằng phương thức lập luận để trình bày và thuyết phục người nghe theo tư tưởng dời đô của tác giả  ***- Vấn đề nghị luận: Sự cần thiết phải dời kinh đô từ Hoa*** | |  |
| **-** Vấn đề nghị luận ở bài chiếu này là gì? Vấn đề đó được trình bày bằng mấy luận điểm? Mỗi luận điểm tương ứng với đoạn nào trong văn bản?  - Tác giả có vai trò gì trong bài chiếu này ?  - Em có nhận xét gì về lời văn của bài Chiếu này? | ***Lư về Đại La.***  Gồm 2 luận điểm:  + LĐ1:Từ đầu đến “không thể không dời đô”->***Lí do phải dời đô.***  ***+*** LĐ2: Tiếp theo->hết->***Vì sao thành Đại La có thể làm kinh đô tốt nhất của đất nước.***  *- Tác giả* là một vị vua luôn quan tâm đến đất nước, đến nhân dân.  ***- Lời văn***: Bên cạnh tính chất mệnh lệnh là tính chất tâm tình, vừa dùng lí lẽ vừa dùng tình cảm để chứng minh và thuyết phục mọi người về sự đúng đắn và cần thiết của việc dời đô. Từ đó bộc lộ lòng tin về tương lai tươi sáng của đất nước. | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết*** | ***HS tìm hiểu chi tiết VB*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| **6**. Luận điểm trong văn nghị luận thường được triển khai bằng một số luận cứ. LĐ vì sao phải dời đô được làm sáng rõ bằng những luận cứ nào ? | *HS quan sát văn bản, phát hiện trả lời*. | ***a. Vì sao phải dời đô.*** |  |
| - Trong lịch sử, đã từng có chuyện dời đô và đã từng đem lại những kết quả tốt đẹp  - Nhà Đinh và Lê đóng đô một chỗ là hạn chế. | |  |
| **7.** Phần mở đầu của bài Chiếu, tác giả viện dẫn sử sách nói về việc dời đô của các vua thời xưa bên Trung Quốc.Theo suy luận của tác giả thì việc dời đô đó nhằm mục đích gì? Kết quả của việc dời đô ấy ra sao? | *HS tìm trong VB và đọc* | ***\*Trong lịch sử cổ đại:*** |  |
| - Nhà Thương 5 lần dời đô, nhà Chu 3 lần dời đô  + Mục đích: không phải theo ý riêng, vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu, vừa thuận theo mệnh trời (phù hợp quy luật khách quan), vừa thuận theo ý dân (phù hợp nguyện vọng n/dân)  + Kết quả: khiến cho vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh ->***làm cho đất nước vững bền, phát triển thịnh vượng (đem lại kết quả tốt đẹp)*** | |  |
| **8.** Theo Lí Công Uẩn, kinh đô cũ ở vùng núi Hoa Lư của hai triều Đinh, Lê là không còn phù hợp. Vì sao?  . Bằng sự hiểu biết lịch sử, hãy giải thích lí do hai triều đại Đinh, Lê vẫn phải dựa vào vùng núi Hoa Lư để đóng đô ? | *HS suy nghĩ, trả lời* | \****Hai nhà Đinh, Lê*** |  |
| - ***Đóng đô ở nguyên chỗ cũ*** là hành động “theo ý mình, khinh thường mệnh trời -> ***triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi.***  - Thời Đinh, Lê phải dựa vào vùng núi Hoa Lư để đóng đô vì Hoa Lư là nơi địa thế kín đáo, hiểm trở do núi non tạo ra. Lúc đó, thế lực của cả hai triều đều chưa đủ mạnh nên phải dựa vào địa thế đó để chống chọi với nạn ngoại xâm. | |  |
| **10**.Sự viện dẫn sử sách của Trung Quốc và của nước ta như vậy của tác giả nhằm mục đích gì?  - Câu cuối của đoạn “*Trẫm rất đau xót về việc đó... không thể không dời đổ*i” đã phản ánh khát vọng nào của Lí Công Uẩn ? | *HS suy nghĩ, tự bộc lộ*  Chứng tỏ việc dời đô là đã có trong lịch sử và đã đem lại kết quả tốt đẹp, không có gì là khác thường, trái quy luật. Việc dời đô là noi gương sáng các triều đại hưng thịnh đi trước, là việc làm cần thiết và phù hợp để hưng thịnh đất nước.  -> *Phải dời đô từ Hoa Lư về Đại La là cần thiết.*  =>***Khát vọng xây dựng và phát triển đất nước đến lâu dài và hùng cường.*** | |  |
| **11**.Gọi HS đọc đoạn 2 của VB. Hỏi:  - Theo tác giả, thành Đại La có những thuận lợi gì để có | *HS tìm trong văn bản, suy nghĩ, trả lời.* | ***2. Vì sao thành Đại La được chọn làm nơi đóng đô.*** |  |
| - *Về vị trí địa lí*: ở vào nơi trung tâm trời đất, đượ cái thế rồng cuộn hổ ngồi, đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông, dựa núi. | |  |
| thể chọn làm nơi đóng đô? (Về vị trí địa lí, địa hình, sự thận tiện trong giao lưu và phát triển mọi mặt của đất nước | - *Về địa hình*: Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng, không phải chịu cảnh ngập lụt.  - *Về chính trị, kinh tế, văn hoá:* từng là kinh đô cũ, là nơi thắng địa, là đầu mối giao lưu tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, là mảnh đất hưng thịnh “*muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươ*i”  ->***Hội tụ đủ mọi điều kiện để trở thành kinh đô của đất nước*** | |  |
| **12**.*Cho HS thảo luận*: Khi tiên đoán Đại La sẽ là “*Chốn tụ hội... đế vương muôn đời*” tác giả đã bộc lộ nỗi khát vọng nào của nhà vua cũng như của dân tộc lúc bấy giờ ? | *HS thảo luận theo nhóm bàn. Đại diện trình bày.* |  |  |
| =>Khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất. Khẳng định sức mạnh, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc. | |  |
| **13**. Cuối bài Chiếu là lời tuyên bố: “*Trẫm muốn dựa vào ... để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào*”?  Em hiểu gì về tư tưởng và tình cảm của Lí Công Uẩn qua lời tuyên bố này ? | *HS tự bộc lộ cá nhân* |  |  |
| - Khẳng định ý chí dời kinh đô từ Hoa Lư về Đại La. Tin tưởng quan điểm dời đô là hợp ý trời và lòng dân ->Cách kết thúc mang tính chất đối thoại, trao đổi, tạo sự đồng cảm giữa mệnh lệnh của vua và thần dân.  =>*Lòng yêu nước cao cả, tầm nhìn sáng suốt về vận mệnh đất nước, tin tưởng mãnh liệt vào tương lai dân tộc.* | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **14**. Qua bài chiếu em hãy nêu trình tự lập luận của bài chiếu? | *HS suy nghĩ, trình bày*: - Trình tự lập luận:  + Nêu sử sách làm tiền đề, làm chỗ dựa cho lí lẽ.  + Soi sáng tiền đề vào thực tế đất nước để thấy sự nhất thiết phải dời đô.  + Đi tới KL: K/định thành Đại La là nơi tốt nhất để định đô. | |  |
| **15.** Vì sao có thể nói “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập tự cường và phát triển lớn mạnh của d/tộc Đại Việt?  - Sự đúng đắn về quan điểm dời đô về Đại La (Thăng Long) đã được minh chứng như thế nào trong lịch sử nước ta? | *HS suy nghĩ, trình bày:*  - Việc dời đô từ Hoa Lư (vùng núi) ra Đại La (vùng đồng bằng, đất rộng) chứng tỏ triều đình nhà Lí đã đủ sức chấm dứt nạn PK cát cứ; thế và lực đã đủ mạnh. Định đô ở Thăng Long là thực hiện nguyện vọng của nhân dân thu giang sơn về một mối để xây dựng đất nước phồn vinh  - Thăng Long (Hà Nội) luôn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của đất nước đến nay, là trái tim của Tổ quốc, luôn vững vàng trong mọi thử thách. | |  |
| **16**.Qua tìm hiểu bài Chiếu em cảm nhận được những gì ?  GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *HS tự bộc lộ.*  *1 HS đọc ghi nhớ* | ***\* Ghi nhớ***: sgk/51 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **17.**Cho HS làm các BTTN | *HS đọc bài, suy nghĩ, chọn ĐA đúng.* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| 1. “Chiếu dời đô”được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?  A. Tự sự. B. Biểu cảm. C. Thuyết minh. D. Lập luận.  2. Ai là người thường dùng thể *Chiếu*?  A. Nhà sư. B. Nhà vua.  C. Nhà nho ở ẩn. D. Cả A,B,C đều sai.  3. Ý nào nói đúng nhất mục đích của thể chiếu?  A.Giãi bày tình cảm của người viết.  B.Kêu gọi cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù.  C.Miêu tả phong cảnh,sự việc.  D.Ban bố mệnh lệnh của nhà vua.  4. Bố cục của bài “Chiếu dời đô”gồm mấy phần?  A. Hai phần. B. Ba phần C. Bốn phần D.Năm phần | | |  |
| **18.** Sức hấp dẫn của bài “Chiếu dời đô” là ở sự kết hợp lí trí và tình cảm. Dựa vào gợi ý ở câu hỏi trong SGK, hãy chứng minh ? | *HS thảo luận, trình bày* | ***2. Sức hấp dẫn của Chiếu dời đô*** |  |
| Trước hết, bài chiếu đã đưa ra hệ thống lí lẽ theo trình tự lô gíc và hợp lí để chứng minh .  + Đưa ra những dẫn chứng lịch sử chứng tỏ việc dời đô xưa nay không phải là tuỳ tiện mà trái lại luôn đáp ứng yêu cầu “muốn đóng đô ở nơi trung tâm... cho con cháu”. Việc làm đó phù hợp với ý dân và mệnh trời. Kinh đô Hoa Lư không còn phù hợp nữa bởi nó không đáp ứng đươc yêu cầu trên  + Thuyết phục người nghe bằng cách chỉ rõ những điều kiện thuận lợi của thành Đại La. Cuối cùng ông kết luận “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở”.  + Không chỉ thuyết phục bằng hệ thống lí lẽ, tác giả còn tác động vào tình cảm của người nghe bằng cách đan xen vào những lời ban bố mệnh lệnh lời bộc bạch tâm tư của mình “*Trẫm rất đau xót... không thể không dời đổi*”. Ông còn sử dụng ngôn ngữ mang tính chất đối thoại tạo không khí thân mật, cởi mở vì thế nội dung bài chiếu dễ dàng được người nghe chấp nhận.  +Bên cạnh đó, nguyện vọng XD đất nước phồn vinh của vua cũng là nguyện vọng của nhân dân. | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  Viết đoạn văn cảm nhận vef văn bản | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

\* **Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng (1')**

- Phương pháp: nêu vấn đề

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Đọc tham khảo bài văn phân tích, bình giảng về văn bản | - Thực hiện ở nhà |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT

- Học thuộc và đọc diễn cảm một đoạn trong “Chiếu dời đô”

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Câu phủ định*”

- Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi trong sgk

- Tìm một số câu cảm thán trong các VB đã học

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 23**

**Tiết 3**

**CÂU TRẦN THUẬT**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của câutrần thuật.

- Biết sử dụng câutrần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết câutrần thuật trong các văn bản.

- Sử dụng câutrần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

**-** Tự giác, tích cực học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Đặc điểm hình thức của câutrần thuật.

- Chức năng của câutrần thuật.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết câutrần thuật trong các văn bản.

- Sử dụng câutrần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

Yêu mến sự phong phú, đa dạng của tiếng Việt.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định công dụng của câu trần thuật trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

- Làm bài tập 3/45

- Đặt 2 câu cảm thán và phân tích tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong đó

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | | | | |  |
| \* Cho HS q/sát VD (a) (BT1/ 44).  \* Nêu yêu cầu: Tìm câu cảm thán trong VD ? Các câu còn lại thuộc kiểu câu gì? Vì sao | | | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** | |  |
| em xác định như vậy?  - Em hiểu gì về kiểu câu đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | | |  | |  | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | | | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 90.* Câu cảm thán** | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật** | | | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Đặc điểm hình thức và chức năng** | |  |
| 1.GV chiếu các đoạn trích trong sgk. Gọi HS đọc. Hỏi:  - Những câu nào trong đoạn trích trên không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến hoặc câu cảm thán ?  - Những câu này dùng để làm gì ? | | | *HS theo dõi, 1 HS đọc.*  *HS HĐ cá nhân, trả lời* | | ***1. Ví dụ:***  Đoạn trích: sgk/45 | |  |
| - Hầu hết các câu không có đặc điểm hình thức của câu NV, câu CK hoặc câu CT. (Chỉ có câu: “*Ôi Tào khê* !” có đặc điểm của câu cảm thán)  *->Câu trần thuật*  - Chức năng của các câu:  ***a***. Dùng để trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống của dân tộc ta (câu 1,2) và yêu cầu (câu 3).  ***b***. Dùng để kể (câu 1) và thông báo (câu 2).  ***c***. Dùng để miêu tả hình thức của một người đàn ông (Cai Tứ).  ***d***. Dùng để nhận định (câu 2) và bộc lộ tình cảm, cảm xúc (câu 3) | | | |  |
| **2.** Qua việc tìm hiểu các VD, em thấy câu TT có đặc điểm gì về hình thức và chức năng?  - Nhận xét dấu kết thúc của các câu trần thuật trên? | | | *HS khái quát, trả lời*.  - ***Đặc điểm hình thức***: không có đặc điểm của câu NV, câu CK hoặc câu CT.  - ***Chức năng***: Dùng để kể, miêu tả, thông báo, nhận định, đánh giá, yêu cầu hoặc bộc lộ cảm xúc....  - ***Dấu kết thúc câu***: Thường là dấu chấm, đôi khi là dấu chấm than, dấu chấm lửng. | | | |  |
| **3**. Đặt câu trần thuật theo các đặc điểm trên? | | | *HS tự đặt cá nhân, trình bày. HS khác nhận xét* | |  | |  |
| **4**.Trong 4 kiểu câu (câu cầu khiến, câu cảm thán, câu nghi vấn và câu trần thuật) kiểu câu nào được dùng nhiều nhất ? Vì sao ? | | | *HS trả lời và giải thích* | |  | |  |
| - Câu trần thuật là kiểu câu được dùng nhiều nhất, phổ biến nhất.  - Vì chức năng chính của nó là dùng để kể, tả, thông báo, nhận định -> phù hợp với giao tiếp hàng ngày. Nghĩa là gần như tất cả các mục đích giao tiếp khác nhau đều có thể được thực hiện bằng câu trần thuật. | | | |  |
| **5**.Từ các VD trên, hãy khái quát đặc điểm hình thức và | | |  | |  | |  |
| chức năng của câu TT?  \*GV chốt lại. Gọi HS đọc | | | *1 HS đọc ghi nhớ.* | | ***2. Ghi nhớ*** : sgk/47 | |  |
| **6**.Hãy so sánh sự khác nhau giữa các kiểu câu NV, CK, CT, TT về đặc điểm hình thức và chức năng? | | | *HS HĐ theo nhóm bàn, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.* | | **\* *So sánh sự khác nhau giữa các kiểu câu NV, CK, CT, TT .*** | |  |
|  | ***Câu nghi vấn*** | ***Câu cầu khiến*** | | ***Câu cảm thán*** | | ***Câu trần thuật*** |  |
| ***Đặc điểm*** | -Có chứa các từ nghi vấn: ai, gì, nào, à, ư, hay... | -Có chứa các từ cấu khiến:hãy,đừng,chớ, đi, thôi, nào.... | | -Có chứa từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, trời ơi, biết bao .. | | -Không có đặc điểm của câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán |  |
| ***hình thức*** | -Dấu kết thúc câu: dấu chấm hỏi, dấu chấm, chấm than | -Dấu kết thúc câu: dấu chấm than, dấu chấm | | -Dấu kết thúc câu: dấu chấm than | | -Dấu kết thúc câu: dấu chấm, dấu chấm than, dấu chấm lửng. |  |
| ***Chức năng*** | -Dùng để hỏi  -Dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ đinh, đe doạ, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... | -Dùng để ra lệnh khuyên bảo, sai khiến | | -Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói, người viết | | -Dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả.  -Dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | | | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** | |  |
| **7.** GV chiếu BT1, gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Hãy xác định kiểu câu và chức năng của các câu đó? | | | *HS quan sát , suy nghĩ cá nhân, trình bày.* | | ***Bài 1. Xác định kiểu câu và chức năng của câu.*** | |  |
| ***a***. Cả 3 câu đều là câu trần thuật  - Câu 1: dùng để kể  - Câu 2+3: dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của Dế Mèn đối với cái chết của Dế Choắt.  ***b***. Câu 1: Câu trần thuật dùng để kể  - Câu 2: Câu cảm thán (có từ cảm thán *quá*)-> bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  - Câu 3+4: Câu trần thuật ->bộc lộ tình cảm, cảm xúc | | | |  |
| **8**. Đọc câu thứ 2 trong phần dịch nghĩa và câu thứ 2 trong phần dịch thơ bài “*Ngắm trăng*” của Hồ Chí Minh. Cho nhận xét về kiểu câu và ý nghĩa của hai câu đó ? | | | *HS trao đổi trong bàn, trình bày.* | | ***Bài 2.Nhận xét về kiểu câu và ý nghĩa của 2 câu*** | |  |
| + Câu dịch nghĩa “*Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào*?” là một câu nghi vấn thể hiện sự băn khoăn của Bác trước cảnh trăng đẹp ngoài trời.  + Câu thơ dịch “*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*” là một câu trần thuật miêu tả trạng thái cảm xúc của Bác. Câu thơ này là sự khẳng định (không thể hững hờ) chứ không phải là sự băn khoăn như câu thơ ở bản gốc.  ->Hai câu khác nhau về kiểu câu nhưng giống nhau về ý  nghĩa: đêm trăng đẹp gây sự xúc động mãnh liệt cho nhà | | | |  |
|  | | | thơ khiến nhà thơ muốn làm một điều gì đó. Tuy nhiên ở câu thơ dịch, cái rung cảm không mạnh mẽ, xốn xang bối rối như ở câu thơ gốc. | | | |  |
| **9.**GV chiếu BT3.Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Ba câu trên thuộc kiểu câu nào và được sử dụng để làm gì?  - Hãy n/xét sự khác biệt về ý nghĩa của những câu đó? | | | *HS quan sát, 1HS đọc.*  *HS suy nghĩ, trao đổi.* | | ***Bài 3. Xác định kiểu câu và phân biệt ý nghĩa***. | |  |
| - Kiểu câu: a. Câu cầu khiến.  b. Câu nghi vấn.  c. Câu trần thuật.  - Chức năng: Cả 3 câu đều có chức năng cầu khiến:  + Câu (a) là lời y/cầu nghiêm khắc, có t/chất ra lệnh .  + Câu (b) là lời yêu cầu lịch sự dưới hình thức hỏi.  + Câu (c) là lời thông báo một quy định để người khác  biết và thực hiện. (*Thể hiện ý cầu khiến nhẹ nhàng, nhã nhặn và lịch sự hơn câu a*). | | | |  |
| **10.** Gọi HS đọc BT4. Hỏi: Những câu sau có phải là câu trần thuật không? Những câu này dùng để làm gì ? | | | *HS nghe, xác định, trả lời* | | ***Bài 4. Xác định kiểu câu và mục đích sử dụng*** | |  |
| - Tất cả các câu đều là câu trần thuật. Trong đó câu ở (a) và câu được dẫn lại trong (b) được dùng để cầu khiến (yêu cầu người khác thực hiện một hành động nhất định)  - Câu 1 trong (b) dùng để kể. | | | |  |
| **11.** Nêu yêu cầu BT5. Cho HS thi tiếp sức để đặt câu theo yêu cầu. | | | *HS thi tiếp sức theo dãy bàn, mỗi HS đặt 1 câu.* | | ***Bài 5. Đặt câu trần thuật*** | |  |
| ***- Để hứa hẹn***:  Con sẽ cố gắng hết sức để đạt được điểm tốt.  ***- Để xin lỗi***:  Chị thông cảm, cháu nó còn nhỏ dại chưa biết gì.  ***- Để cảm ơn***: Cháu xin cảm ơn bác.  ***- Để chúc mừng***:  Chị xin chúc mừng thành tích học tập của em.  ***- Để cam đoan***: Tôi xin đảm bảo đây là hàng tốt. | | | |  |
| **12**.Viết đoạn đối thoại có sử dụng 4 kiểu câu đã học. | | | HS viết cá nhân, 2-3 HS đọc bài. HS khác nh/xét | | ***Bài 5. Viết đoạn có sử dụng 4 kiểu câu đã học***. | |  |
| **VD**: Ngày mai là tôi thi hết học kì I. Thấy tôi cặm cụi học đến tận khuya mà chưa đi ngủ, mẹ tôi hỏi:  - Ngày mai con thi mấy môn?  - Con thi ba môn mẹ ạ!  - Trời ơi, nhiều môn thế thì học đến bao giờ cho xong?  Tôi vội trấn an mẹ:  - Mẹ yên tâm, con đã học kĩ rồi, con chỉ xem lại một chút thôi mẹ ạ.  Mẹ mỉm cười động viên tôi:  - Hãy cố gắng lên con nhé! | | | | | | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết đoạn đối thoại có sử dụng 4 kiểu câu đã học. | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Vẽ sơ đồ tư duy cho bài học | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày…. |  |  |

**\* Bước 4*. Hướng dẫn học ở nhà****.*

***a. Bài cũ:***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Tìm một số câu trần thuật trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

***b. Bài mới***:

- Chuẩn bị cho bài viết số 5

+ Đọc kĩ các văn bản trong sgk và trả lời các câu hỏi

+ Tìm hiểu thêm một số di tích lịch sử – văn hoá, những món ăn thuần Việt trên quê hương em. So sánh và tìm ra điểm khác biệt.

**Tuần 23**

**Tiết 4**

**CÂU PHỦ ĐỊNH**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của câuphủ định.

**2. Kĩ năng**

- Biết sử dụng câuphủ định phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Đặc điểm hình thức của câuphủ định.

- Chức năng của câuphủ định.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết câuphủ định trong các văn bản.

- Sử dụng câuphủ định phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ**

Yêu mến sự phong phú, đa dạng của tiếng Việt.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định công dụng của câu phủ định trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (Kiểm tra 15 phút)

*Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng bốn kiểu câu: nghi vấn, cảm thán, cầu khiến, trần thuật .*

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Cho HS q/sát các VD  \* Nêu yêu cầu: Câu văn: *Hôm nay, Lan không đi học*. có thuộc 4 kiểu câu đã học không? Câu này được dùng để làm gì?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 96.* Câu phủ định** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Đặc điểm hình thức và chức năng** |  |
| **1**.GV chiếu VD mục 1. Gọi HS đọc. Hỏi:  - Các câu b, c, d có đặc điểm  hình thức gì khác so với câu a  - Những câu này có gì khác với câu (a) về chức năng ? | *HS quan sát, so sánh, nhận xét, trình bày:* | ***1. Ví dụ: sgk/52***  ***\* Ví dụ 1.*** |  |
| - Về hình thức: các câu b, c, d có các từ: *không,*  *chưa, chẳng* (các từ phủ định) ->Câu phủ định  -Về chức năng:  + Câu (a): khẳng định việc Nam đi Huế là có diễn ra.  + Câu (b,c,d): phủ định việc trên, tức là việc Nam đi Huế là không diễn ra (phủ định miêu tả)  -> Xác nhận không có sự việc Nam đi Huế. | |  |
| **2**.Gọi HS đọc đoạn trích mục 2. Hỏi: | *1HS đọc. Cả lớp suy nghĩ. HS xác định, trình bày* | ***\*Ví dụ 2.***  Câu có từ ngữ phủ định: |  |
| - Trong đoạn trích, những câu nào có từ ngữ phủ định ?  - Mấy ông thầy bói xem voi dùng những câu có từ ngữ phủ định để làm gì? | *- Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.(1)*  *- Đâu có !(2)*  ->Câu PĐ(1) dùng để phủ định ý kiến nhận định của ông sờ vòi.Câu PĐ(2) dùng để phủ định ý kiến nhận định của cả 2 ông sờ vòi và sờ ngà.  =>*Dùng để phủ định lời nói, nhận định của người trước đó hoặc để phản bác một ý kiến, nhận định của người đối thoại (câu phủ định bác bỏ).* | |  |
| **3**.Qua tìm hiểu các VD trên, em hãy rút ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt các đặc điểm, trả lời.*  *1 HS đọc ghi nhớ* | - Đặc điểm hình thức  - Chức năng  ***2. Ghi nhớ*** (SGK/53) |  |
| **4**.Hãy tìm câu phủ định trong VB “Chiếu dời đô”? | *HS tìm trong VB, trình bày. HS khác nhận xét.* |  |  |
| **5**.Câu PĐ “Trẫm rất đau xót... không thể không rời đổi” có gì khác các câu PĐ trên? Cách dùng như vậy có ý nghĩa gì? | *HS suy nghĩ, trao đổi bàn*  -Dùng 2 lần từ PĐ “không”(phủ định của phủ định)  ->*thể hiện ý nghĩa khẳng định, nhằm làm cho ý khẳng định được nhấn mạnh hơn.* | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**.Gọi HS đọc BT1. Nêu yêu cầu: Trong các đoạn trích, câu nào là câu PĐ bác bỏ ?Vì sao?  \* Các câu: “Bằng hành động đó.. cho tương lai.” và “Vả lại... hay giết thịt” là câu PĐ miêu tả.  Câu “Hai đứa ăn... còn đói gì nữa.”cũng có ý nghĩa bác bỏ nhưng không phải là câu PĐ. | *HS HĐ cá nhân, trả lời* | ***Bài 1:Tìm câu phủ định bác bỏ***. |  |
| b. *Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu!*  ->Câu ông giáo dùng để phản bác lại suy nghĩ của lão Hạc khi lão Hạc nghĩ rằng mình lừa con chó Vàng.  *c. Không, chúng con không đói nữa đâu.*  *->*Câu cái Tí muốn làm thay đổi điều mà nó cho là mẹ nó đang nghĩ: mấy đứa con đang đói quá. | |  |
| **7**.Gọi HS đọc BT2. Chia nhóm cho HS thảo luận. Nêu yêu cầu:  - Những câu trong các đoạn trích có phải là câu phủ định không ? Vì sao?  - Những câu PĐ này có gì đặc biệt so với các câu PĐ thông thường? | *HS HĐ nhóm tổ, đại diện trình bày.Nhóm khác n/xét* | ***Bài 2. Tìm hiểu ý nghĩa của các câu phủ định***. |  |
| \*Tất cả các câu đều là câu phủ định vì đều có các từ PĐ: *không, chẳng.*  -Điểm đặc biệt:Dùng 1 từ phủ định kết hợp 1 từ PĐ khác (*không phải là không*)hoặc với 1 từ nghi vấn (*ai chẳng*) hoặc kết hợp một từ PĐ khác và một từ bất PĐ (*không ai không*)  ->Những câu PĐ này không có ý nghĩa PĐ mà có ý nghĩa khẳng định. | |  |
| - Những câu PĐ này có ý nghĩa PĐ không? Vì sao?  - Đặt những câu không có từ ngữ phủ định mà có ý nghĩa tương đương. So sánh những câu mới đặt với những câu trước và cho biết có phải ý nghĩa của chúng hoàn toàn giống nhau không ? | \*Những câu không có từ phủ định mà có ý nghĩa tương đương với những câu trên.  a.Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường song có ý nghĩa  b.Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, ai cũng (mọi người đều) từng ăn trong Tết Trung thu, ăn nó như ăn cả mùa thu vào lòng vào dạ.  c.Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai cũng có một lần nghển cổ nhìn lên tán lá cao vút mà ngắm nghía một cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường.  ->Dùng hình thức PĐ của PĐ để thể hiện ý nghĩa khẳng định nhằm làm cho ý khẳng định được nhấn mạnh hơn | |  |
| **8**.Cho HS quan sát câu văn BT4. Hỏi:  -Nếu thay từ PĐ ***không*** bằng ***chưa*** thì nhà văn phải viết lại câu này như thế nào ?  -Nghĩa của câu có thay đổi không? Câu nào phù hợp với câu chuyện hơn ? Vì sao? | *HS HĐ nhóm bàn, trả lời* | ***Bài 3.Tìm hiểu cách sử dụng từ phủ định*** |  |
| - Thay ***không*** bằng ***chưa:*** Nghĩa của câu hoàn toàn thay đổi.  + ***không*** dậy được: sự việc dậy không diễn ra.  + ***chưa*** dậy được:sự việc dậy có thể sẽ diễn ra sau đó.  - Trong câu chuyện, Dế Choắt sau khi bị chị Cốc mổ đã nằm thoi thóp, không bao giờ dậy được nữa và chết. Vì vậy câu văn của Tô Hoài phù hợp hơn | |  |
| **9**.Cho HS q/sát các câu văn BT4. Gọi HS đọc. Hỏi:  - Các câu đó có phải là câu PĐ không?  - Các câu đó dùng để làm gì?  - Đặt những câu có ý nghĩa tương đương? | HS quan sát, 1HS đọc, lớp suy nghĩ, trả lời. | ***Bài 4.Phân biệt câu PĐ và câu có ý nghĩa PĐ.*** |  |
| - Các câu đó không phải là câu PĐ vì nó không có từ PĐ -> Được dùng để phủ định  - Các câu có ý nghĩa tương đương:  + Không đẹp chút nào cả.  + Chẳng có chuyện đó đâu.  + Bài thơ này không hay.  + Cụ tưởng tôi không khổ à? | |  |
| **10**.Gọi HS đọc đoạn trích, chú ý từ in đậm. Hỏi: Có thể  thay ***quên*** bằng ***không***, ***chưa*** bằng ***chẳng*** được không? Vì sao? | 1HS đọc, HS khac theo dõi, so sánh, nhận xét: | ***Bài 5. So sánh cách dùng từ phủ định.*** |  |
| Không thể thay thế ***quên*** bằng ***không***, ***chưa*** bằng ***chẳng*** được. Vì:  ***- quên:*** thể hiện tâm trạng đau xót, căm thù giặc đến mức không còn nghĩ đến việc ăn uống nữa.  - ***không***:chỉ phủ định việc ăn chứ không thể hiện tâm trạng như từ ***quên.***  ***- chưa:*** khẳng định hành động có thể xảy ra trong tương lai còn hiện tại chưa đủ điều kiện để hành động.  - ***chẳng***: hành động không bao giờ thực hiện được | |  |
| **11**.Hãy viết một đoạn đối thoại ngắn trong đó có dùng câu PĐ miêu tả và câu PĐ bác bỏ. | *HS viết cá nhân, trình bày* | ***Bài 5. Viết đoạn văn có dùng PĐ miêu tả và PĐ bác bỏ.*** |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| + Viết đoạn văn bày tỏ lòng yêu kính và biết ơn Bác có chứ câu phủ định | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| + Viết đoạn văn bày tỏ lòng yêu kính và biết ơn Bác có chứ câu phủ định  - Tìm một số câu phủ định trong các VB trong sgk và chức năng của chúng? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

- Tìm một số câu phủ định trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

***a. Bài vừa học:***

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập

- Tìm một số câu phủ định trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

***b. Bài mới***: - Chuẩn bị bài “*Hịch tướng sĩ*”

- Tìm hiểu về thể hịch và đặc điểm, chức năng của thể hịch

- Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi trong sgk

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 24: DỰ KIẾN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Tuần 25**

**Tiết 1+2**

**HỊCH TƯỚNG SĨ**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Bổ sung thêm kiến thức về văn nghị luận trung đại.

- Thấy được chức năng, yêu cầu, nội dung, hình thức của văn bản “*Hịch tướng sĩ*”

- Cảm nhận được lòng yêu nước tha thiết, tầm nhìn chiến lược của vị chỉ huy quân sự đại tài Trần Quốc Tuấn.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể hịch.

- Nhận biết đượckhông khí thời đại sục sôi thời Trần ở thời điểm dân tộc ta đang chuẩn bị cuộc kháng chiến chống giặc Mông – Nguyên xâm lược lần thứ hai.

- Phân tích được nghệ thuật lập luận, cách dùng các điển tích, điển cố trong văn bản nghị luận trung đại.

**3. Thái độ**

- Trân trọng tấm lòng yêu nước, chí căm thù giặc sâu sắc của vị anh hùng dân tộc TQT

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Sơ giản về thể Hịch.

- Hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của bài “*Hịch tướng sĩ*”.

- Tinh thần yêu nước, ý chí quyết thắng kẻ thù xâm lược của quân dân thời Trần.

- Đặc điểm văn chính luận ở “*Hịch tướng sĩ*”.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể hịch.

- Nhận biết đượckhông khí thời đại sục sôi thời Trần ở thời điểm dân tộc ta đang chuẩn bị cuộc kháng chiến chống giặc Mông – Nguyên xâm lược lần thứ hai.

- Phân tích được nghệ thuật lập luận, cách dùng các điển tích, điển cố trong văn bản nghị luận trung đại.

**3. Thái độ**

Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc..

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TV và TLV: Các BPNT, văn miêu tả....

- Tích hợp Lịch sử: 3 lần k/c chống quân Nguyên Mông thời đại nhà Trần (TKXIII)

**- Tích hợp giáo dục ANQP:** Lòng tự hào dân tộc về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của ông cha ta

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5'). Kiểm tra việc chuẩn bi bài của HS

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Ho¹t ®éng cña trß** | | | **Chuẩn KT-KN cÇn ®¹t** | | **Gchú** | |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | | | | |  | |
| \* **Tích hợp giáo dục ANQP: *Cho HS quan sát 1 số tranh ảnh về cuộc k/c chống quân Nguyên Mông, đền Vạn Kiếp***  **-** Nêu yêu cầu: Em hiểu gì về cuộc k/c này, về vị tướng chỉ huy cuộc k/c này?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** | | |  | |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 97.98. Văn bản.....*** | | |  | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | | | | |  | |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hinh thành kĩ năng đọc, trinh bày 1 phuts***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trifnh bày 1 phust***  **I. Đọc - Chú thích** | | | |  | |
| **1**. GV HD cách đọc: rõ ràng chú ý chuyển đổi giọng điệu cho phù hợp với nội dung từng đoạn. Nhấn giọng những từ ngữ thể hiện thái độ căm tức của TQT đối với quân giặc, chú ý tính chất cân xứng của văn biền ngẫu  - GV đọc một đoạn. Gọi HS đọc tiếp đến hết. | *HS nghe, xác định cách đọc*.  *3HS đọc VB, HS khác theo dõi, nhận xét.* | ***1.Đọc*** | | | |  |
| **2**. Hãy trình bày những hiểu biết của em về TQT và hoàn cảnh ra đời của bài Hịch? | *HS trình bày hiểu biết của mình* | ***2. Chú thích***  ***a. Tác giả***: Trần Quốc Tuấn (1231?-1300) là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc  ***b. Tác phẩm:*** viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai (1285). | | | |  |
| GV bổ sung: TQT là một vị anh hùng dân tộc văn võ song toàn, có công lớn với nước trong 3 lần k/c chống Nguyên Mông. Ông là người yêu nước thương dân, biết đặt lợi ích quốc gia lên trên hiềm khích gia đình, đoàn kết tôn thất, tướng lĩnh, mến trọng người có tài, có đức, phò vua đánh giặc cứu nước.  Theo biên niên lịch sử cổ trung đại VN thì bài Hịch được công bố vào tháng 9 năm 1284. Trong 3 cuộc k/c chống Nguyên-Mông thì cuộc k/c lần 2 là gay go, quyết liệt nhất. Giặc cậy thế mạnh ngang ngược, hống hách, một số tướng sĩ có tư tưởng cầu hoà, dao động. Để cuộc chiến đấu giành được thắng lợi, điều quan trọng là phải đánh bạt đựơc tư tưởng dao động, bàng quan, giành thế áp đảo. Vì vậy, TQT đã viết bài Hịch để nhằm nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng. | |
| **3**. Cho HS đọc các chú thích 17,18, 22, 23. | *HS đọc theo yêu cầu của GV* | ***c. Từ khó:*** sgk | | | |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 50- 55' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | | | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | | | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** |  |
| ***B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | | | | ***1. Tìm hiểu khái quát*** |  |
| **4**. Nêu yêu cầu cho HS thảo luận nhóm bàn:  - Bài văn được viết theo thể Hịch. Em hiểu Hịch là gì?  - Mục đích, tư tưởng chủ đạo của bài Hịch là gì?  - Từ đó hãy cho biết PTBĐ chủ yếu của bài Hịch là gì?  - Dựa vào kết cấu chung của thể Hịch, hãy chỉ ra các đoạn của bài Hịch và ý chính của mỗi đoạn? | *HS dựa vào CT, VB, thảo luận, trình bày* | | | |  |  |
| ***- Hịch***: là thể văn nghị luận......kêu gọi đấu tranh.  ***- Mục đích***: khích lệ tướng sĩ học tập *Binh thư yếu lược* do chính TQT biên soạn.  ***- Tư tưởng chủ đạo***: Nêu cao tinh thần quyết chiến,  quyết thắng kẻ thù xâm lược.  ***- PTBĐ chủ yếu***: Nghị luận  ***- Bố cục***: 4 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”. ->*Nêu gương các trung thần nghĩa sĩ trong sử sách.*  + Đoạn 2: Tiếp đến “ta cũng vui lòng” *->Tội ác của kẻ thù và lòng căm thù giặc của tác giả*  + Đoạn 3: Từ “Các ngươi ở cùng ta.....có được không” *->Phân tích phải trái, chỉ rõ đúng sai cho các tướng sĩ.*  + Đoạn 4: Còn lại: *->Thức tỉnh trách nhiệm và kêu gọi tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược.* | | | | |  |
| **6**. Lời hịch thường dùng lối văn biền ngẫu có hai vế song hành đối xứng, khi đọc nghe âm vang. Từ nhận xét này hãy chỉ ra một vài câu văn biền ngẫu tiêu biểu của bài Hịch ?  - Tác giả Trần Quốc Tuấn có vai trò gì trong bài Hịch này ? | *HS quan sát VB tìm đọc và trả lời* | | | |  |  |
| - Các câu văn biền ngẫu:  + Không có mặc thì ta cho áo.... cùng nhau vui cười.  + Nay các ngươi nhìn chủ nhục..... không biết căm.  + Ta thường tới bữa quên ăn... ta cũng vui lòng.  ->Vai trò của Trần Quốc Tuấn:  + Dùng lí lẽ và dẫn chứng để khích lệ lòng yêu nước, căm thù giặc của các tướng sĩ, từ đó mà ra sức học tập Binh thư.  + Dùng tình cảm yêu nước nồng nàn của mình để lôi cuốn t/cảm yêu nước của người đọc, người nghe. | | | | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết*** | ***HS tìm hiểu chi tiết VB*** | | | | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| **7.** Đọc đoạn chữ nhỏ kết hợp các CT, hãy cho biết  - Những nhân vật được nêu gương có địa vị xã hội như thế nào ?  - Các nhân vật này có điểm chung nào để trở thành gương sáng cho mọi người noi theo ? | *HS quan sát văn bản, tìm chi tiết và trả lời*. | | | | ***a. Nêu gương*** ***các trung thần nghĩa sĩ*** |  |
| - Có người là tướng như Do Vu, Cốt Đãi, Ngột Lang, Vương Công Kiên, Xích Tu Tư.  - Có người là gia thần như Dự Nhượng, Kính Đức.  - Có người làm quan nhỏ coi giữ ao cá như Thân Khoái.  =>*Họ sẵn sàng chết vì vua, vì chủ tướng, không sợ nguy hiểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.* | | | | |  |
| **8**. Để nêu gương các trung thần | *HS suy nghĩ và trả lời* | | | |  |  |
| nghĩa sĩ, tác giả đã dùng phép liệt kê dẫn chứng kết hợp với nhiều câu cảm thán. Điều này đã đem lại hiệu quả gì cho đoạn văn ? Tác dụng của các BPNT đó? | - Thuyết phục người đọc tin tưởng điều định nói bởi tính khách quan của các chứng cớ có thật. Bộc lộ tình cảm tôn, ngưỡng mộ của người viết đối với những gương sáng trong lịch sử.  =>***Khích lệ lòng trung quân ái quốc và ý chí lập công danh, xả thân vì nước của tướng sĩ thời Trần*** | | | | |  |
| **9**.Gọi HS đọc đoạn 2. Hỏi:  -“Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” mà tác giả nói tới ở đây thuộc về thời kì lịch sử nào của nước ta ?  -Trong thời buổi ấy, hình ảnh kẻ thù hiện lên như thế nào ?  - Có gì đặc sắc trong lời văn khắc hoạ kẻ thù ? Cách tạo lời văn như thế có tác dụng gì ?  Từ đó, kẻ thù của dân tộc hiện ra như thế nào ?  - Nhận xét thái độ của người viết đoạn văn này  - Việc tác giả khắc hoạ h/ảnh quân giặc như vậy để nhằm mục đích gì? | *1HS đọc, cả lớp theo dõi, phát hiện chi tiết,trả lời.* | | | | ***b.Hình ảnh kẻ thù và lòng căm thù giặc*** |  |
| -“Thời loạn lạc”, “buổi gian nan”: Thời Trần, quân Mông - Nguyên lăm le xâm lược nước ta.  ***\* Hình ảnh quân giặc:***  + *Sứ giặc đi lại nghênh ngang, uốn lưỡi cú diều sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó bắt nạt tể phụ*  *+ Đòi ngọc lụa, thu bạc vàng, vét kiệt của kho.... sao cho khỏi tai vạ về sau*.  - Nghệ thuật:  + Ngôn từ gợi hình gợi cảm (nghênh ngang, uốn lưỡi, đem thân dê chó ...), dùng hình ảnh ẩn dụ, so sánh kẻ thù với cú diều, dê, chó, hổ đói.  + Giọng văn mỉa mai, châm biếm  ->Khắc hoạ sinh động hình ảnh ghê tởm của kẻ thù. Gợi cảm xúc căm phẫn cho người đọc, người nghe  =>***Ngang ngược, ác độc, tham lam, tàn bạo.***  -> Thái độ căm ghét, khinh bỉ kẻ thù, đau xót cho đất nước.  ->***Chỉ ra nỗi nhục lớn khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm, khơi gợi lòng căm thù giặc*** | | | | |  |
| **10.**Theo dõi đoạn văn “Ta thường.... vui lòng”. Hỏi:  - Lòng yêu nước, căm thù giặc được TQT bộc bạch trong đoạn văn như thế nào?  - Em có nhận xét gì về giọng điệu, hình ảnh, lời văn được sử dụng trong đoạn? Tác dụng của những BPNT đó?  - Những tâm sự trên của TQT cho ta thấy được điều gì ?  - Việc vị chủ tướng tự nói lên nỗi lòng của mình có tác động như thế nào đến các tướng sĩ? | *HS theo dõi, đọc thầm, suy nghĩ, trả lời* | | | | \* ***Lòng yêu nước và căm thù giặc.*** |  |
| *+*“Ta thường tới bữa quên ăn.... uống máu quân thù”->*Đau xót đến quặn lòng trước tình cảnh đất nước, căm thù quân giặc đến bầm* *gan tím ruột*:.  +“Dẫu cho trăm thân này ...... ta cũng vui lòng”  -> *Sẵn sàng hi sinh bản thân để bảo vệ nền độc lập dân tộc*:.  - Nghệ thuật: Đoạn văn ngắn gọn (2 câu), giàu hình ảnh, lời văn mạnh mẽ mà thống thiết, sử dụng nhiều động từ chỉ trạng thái tâm lí và hành động mãnh liệt (quên ăn, vỗ gối, xẻ thịt, lột da, nuốt gan, uống máu ...) =>***Lòng căm thù giặc sôi sục và lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng***  ->*Lay động tình cảm yêu nước, khơi gợi sự đồng cảm của người đọc, người nghe.* | | | | |  |
| **11**.Gọi HS đọc đoạn 3 . Hỏi:  - Trước khi phê phán lối sống sai lầm của các tướng sĩ, TQT kể về mối quan hệ của mình với các tướng sĩ: Các ngươi ở cùng ta...chẳng kém gì”. Theo em, đây là mối quan hệ ntn?  Nêu mối quan hệ như vậy để nhằm mục đích gì? | *1HS đọc, HS quan sát đoạn văn, suy nghĩ, và trả lời* | | | | ***3. Phân tích phải trái, chỉ rõ đúng sai cho các tướng sĩ.*** |  |
| \****Nêu mối quan hệ ân tình giữa chủ và tướng***: mối quan hệ gắn bó khăng khít không thể tách rời trên mọi phương diện vật chất và tinh thần.  ->***Khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người.***  ***\* Phê phán những biểu hiện sai lầm của các tướng sĩ***  + Nhìn chủ nhục mà không biết lo... không biết căm. ->*Thái* | | | | |  |
| - Sau khi bày tỏ quan hệ thân tình, tác giả đã phê phán lối sống sai lầm của các tướng sĩ. Những sai lầm của tướng sĩ được nhắc tới trên các phương diện nào ? Hậu quả của lối sống sai lầm đó ra sao? | *độ bàng quan, vô trách nhiệm trước vận mệnh đất nước*:  + Lấy việc chọi gà làm vui đùa... hoặc mê tiếng hát.  *->Sự ham chơi, hưởng lạc*  ***\* Hậu quả của lối sống sai lầm:***  + Cựa gà trống không thể .. đau xót biết chừng nào ->*Mất hết sức lực chiến đấu*:  + Chẳng những thái ấp của ta ... có được không?  ->*Nước mất, nhà tan*: | | | | |  |
| **12**.Tiếp theo, tác giả đã khuyên răn tướng sĩ những điều đúng nên làm. Đó là những điều gì ? Lợi ích của những lời khuyên đó được khẳng định trên các phương diện nào ? | *HS đọc, quan sát đoạn văn và trả lời câu hỏi* | | | |  |  |
| ***\*Khuyên răn tướng sĩ những điều đúng nên làm:***  + Nên nhớ câu “đặt mồi lửa... làm răn sợ. ->*Nêu cao tinh thần cảnh giác*.  + Huấn luyện quân sĩ, tập duyệt cung tên.... ở Cảo Nhai *->Chăm lo luyện tập võ nghệ*.  ***- Lợi ích của những việc làm đúng:***  + Có thể bêu được đầu ... rữa thịt Nam Vân Vương... -> *Chống được ngoại xâm* .  + Chẳng những thái ấp của ta ... sử sách lưu thơm  ->*Còn nước, còn nhà* | | | | |  |
| **13**. Nhận xét cấu trúc câu văn và nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn? Tác dụng của nghệ thuật lập luận đó? | *HS nhận xét, trình bày.* | | | |  |  |
| - Câu văn biền ngẫu có cấu trúc giống nhau, cân đối nhịp nhàng. Những câu văn có t/chất k/định luôn có 2 vế chủ và tướng liền nhau, đi đôi với nhau. Dùng những điệp ngữ, phép liệt kê, so sánh và các hình ảnh cụ thể, sinh động.  - Lí lẽ sắc sảo kết hợp với tình cảm thống thiết.  ->*T/chất thuyết phục mạnh hơn, thiết thực, cụ thể hơn* | | | | |  |
| **14**.Việc TQT nêu mối ân tình giữa chủ soái và tướng lĩnh và phê phán những sai lầm như vậy để nhằm mục đích gì? | *HS suy nghĩ, tự bộc lộ* | | | |  |  |
| =>***Khơi gợi tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ với non sông đất nước của mỗi người***: từ bỏ lối sống cầu an hưởng lạc, chuẩn bị hành động đánh giặc cứu nước, báo đáp ân tình với chủ tướng, bảo vệ độc lập dân tộc. | | | | |  |
| **15**.Gọi HS đọc đoạn cuối. Hỏi  - Phần cuối bài Hịch, TQT kêu gọi tướng sĩ điều gì? Vì sao?  - Việc Trần Quốc Tuấn nói với tướng sĩ rằng “Nếu các ngươi ... tức là kẻ nghịch thù”điều đó thể hiện thái độ gì của ông đối với tướng sĩ và kẻ thù? | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | | | | ***4. Lời kêu gọi tướng sĩ*** |  |
| - Ra sức học tập “*Binh thư yếu lược*”. Vì:  + Cuốn “*Binh thư yếu lược*” là sách chọn lọc binh pháp của các nhà cầm quân nổi tiếng trong lịch sử. Trần Quốc Tuấn là tướng tài thời Trần đồng thời là tác giả cuốn sách này.  + Nước ta đang đứng trước nguy cơ bị ngoại xâm. Tướng sĩ muốn sống cầu an hưởng lạc.  ->***Thái độ dứt khoát, rõ ràng, cương quyết đối với tướng sĩ, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.*** | | | | |  |
| **16**.Lịch sử đã chứng minh như thế nào cho chủ trương kêu gọi tướng sĩ học tập Binh thư của Trần Quốc Tuấn ? | *HS tự liên hệ* | | | | Quân và dân nhà Trần đã liên tiếp chiến thắng 3 cuộc xâm lăng của giặc Mông - Nguyên trong thế kỷ XVIII. |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút | | | | | |  |
| * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | | | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | | | | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **17**. Hãy nêu một số nét độc đáo đã tạo nên sức thuyết phục người đọc cả nhận thức và tình cảm của bài văn?  Qua những nét nghệ thuật độc đáo đó , bài Hịch cho ta thấy được điều gì? | *HS tóm tắt, trả lời* | | | | ***1. Nghệ thuật*** |  |
| - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. Lập điểm rõ ràng, luận cứ chính xác.  - Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ..). chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức ; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện)  - Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động trong người đọc.  ***2. Nội dung ý nghĩa***  Bài Hịch nêu lên vấn đề về nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược | | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | | | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | | | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **18.** Cho HS làm BTTN | *HS đọc, lựa chọn,trả lời* | | | | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| ***1. Hịch tướng sĩ được viết theo thể văn gì?***  A. Văn xuôi. B. Văn vần. C.Văn biền ngẫu. D. Cả A,B,C.  ***2. Ý nào nói đúng nhất chức năng của thể Hịch?***  A.Dùng để ban bố mệnh lệnh của vua.  B.Dùng để công bố kết quả một sự nghiệp.  C.Dùng để trình bày với nhà vua sự việc,ý kiến hoặc đề nghị.  D.Dùng để cổ động,thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.  ***3. Kết cấu chung của thể hịch thường gồm mấy phần?***  A. Hai phần. B. Ba phần. C. Bốn phần. D. Năm phần. | | | | | |  |
| **19**. GV treo sơ đồ trống, cho HS lập một sơ đồ về kết cấu của bài Hịch? | HS lên bảng điền vào sơ đồ trống | | | | ***2. Lập sơ đồ kết cấu*** |  |
| Khích lệ lòng căm thù giặc, nỗi nhục mất nước  Khích lệ lòng trung quân ái và lòng ân nghĩa thuỷ chung của người cùng cảnh ngộ  Khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước  Khích lệ lòng tự trọng, liêm sỉ ở mỗi người để nhận rõ cái sai, thấy rõ điều đúng  Khích lệ lòng yêu nước, ý chí bất khuất, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược | | | | | |  |
| **20**. Viết đoạn văn PBCN về lòng yêu nước của TQT được thể hiện trong bài Hịch | *HS viết cá nhân, 1-2 HS trình bày* | | | | ***3. Viết đoạn văn*** |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học văn bản? | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết đoạn văn PBCN về lòng yêu nước của TQT được thể hiện trong bài Hịch  - Tìm đọc về vai trò của Trần Quốc Tuấn trong lịch sử dân tộc | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT

- Học thuộc và đọc diễn cảm một đoạn trong bài Hịch.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Hành động nói*”

+ Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi trong sgk

+ Tìm các VD về các kiểu hành động nói trong một văn bản cụ thể.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 25**

**Tiết 3**

**HÀNH ĐỘNG NÓI**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Nắm dược khái niệm hành động nói.

- Một số kiểu hành động nói.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được hành động nói trong các văn bản đã học và trong giao tiếp.

- Tạo lập được hành động nói phù hợp mục đích giao tiếp.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Khái niệm hành động nói.

- Các kiểu hành động nói thường gặp

**2. Kĩ năng**

- Xác định được hành động nói trong các văn bản đã học và trong giao tiếp.

- Tạo lập được hành động nói phù hợp mục đích giao tiếp.

**3. Thái độ**

Cẩn trọng khi thực hiện hành động nói..

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định mục đích của hành động nói trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

*Xác định các kiểu câu trong đoạn hội thoại sau và cho biết các câu đó dùng để làm gì?:*

A - Bạn đã làm bài tập về nhà chưa ?

B - Mình làm rồi, nhưng còn bài tập 5 khó quá mình không làm được.

A - Mình giúp bạn làm nhé!

B - Ôi, cảm ơn bạn !

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** | |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  | |
| \* Cho HS q/sát lại các VD trong phần KTBC.  \* Nêu yêu cầu: Các câu trong đoạn hội thoại trên chính là các hành động nói. Vậy em hiểu ntn về hành động nói ?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  | |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 99.* Hành động nói** |  | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  | |
| **I.HD HS tìm hiểu khái niệm hành động nói** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu khái niệm hành động nói** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Hành động nói là gì ?** |  | |
| **1.** GV chiếu đoạn trích. Gọi HS đọc. Hỏi:  - Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm MĐ chính là gì ? Câu nào thể hiện rõ nhất MĐ ấy ?  - Lí Thông có đạt được mục đích của minh không? Chi tiết nào nói lên điều đó ?  - Lí Thông thực hiện MĐ của mình bằng phương tiện gì?  - Nếu hiểu HĐ là “*Việc làm cụ thể của con người nhằm một MĐ nhất định*” thì việc làm của LT có phải là một hành động không? Vì sao ? | *HS quan sát, 1HS đọc. HS suy nghĩ, trả lời.* | ***1. Ví dụ:***  Đoạn trích: sgk/62 |  |
| - Mục đích: nhằm đẩy Thạch Sanh đi để mình hưởng lợi. *Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi.*  - Có vì nghe Lí Thông nói, Thạch Sanh tin ngay và vội vàng từ giã mẹ con Lí Thông ra đi (trở về túp lều cũ dưới gốc đa)  - Phương tiện thực hiện hành động: bằng lời nói  -> Việc làm của Lí Thông là một hành động, vì nó là một việc làm có mục đích. | |  |
| **2**. GV gọi một HS đứng lên và cho HS đó ngồi xuống. Hỏi:  - Cô đã dùng cách nào để điều khiển bạn đứng lên và ngồi xuống ? | *HS thực hiện theo yêu cầu của GV, suy nghĩ, trả lời.*  Dùng lời nói. | =>Đó chính là thực hiện một HĐ nói với mục đích điều khiển bạn đứng lên, ngồi xuống. |  |
| **3.** Qua các VD đó, em hiểu thế nào là hành động nói ?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời*  *1HS đọc ghi nhớ* | ***2. Ghi nhớ*:** sgk/62 |  |
| **II.HD HS tìm hiểu các kiểu hành động nói.** | **II. HS tìm hiểu các kiểu hành động nói.** | **II. Một số kiểu hành động nói thường gặp** |  |
| **4**.Trong đoạn trích ở mục I, ngoài câu đã phân tích, mỗi câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một MĐ. Những MĐ ấy là gì ? | *HS xác định mục đích của các câu, trả lời:*  Mỗi câu trong lời của Lí thông có một mục đích riêng | ***1. Ví dụ:***  \* Đoạn trích 1.  - Câu1- để trình bày  - Câu 2- để đe doạ  - Câu 3- để cầu khiến  - Câu 4- để hứa hẹn. |  |
| **5**.GV chiếu đoạn trích mục 2. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu: Chỉ ra các hành động nói và cho biết mục đích của mỗi hành động ?  GV chốt lại KT chuẩn. | *HS quan sát, HĐ cá nhân, trả lời* | \* Đoạn trích 2. |  |
| - Vậy thì bữa sau... ở đâu? -> *Hỏi*  - Con sẽ ăn.. thôn Đoài. -> *Thông báo*  - U nhất định... nữa ư? ->*Hỏi*  - Khốn nạn thân con... Trời ơi! -> *Bộc lộ cảm xúc* | |  |
| **6**. Qua tìm hiểu 2 đoạn trích trên, hãy liệt kê các kiểu hành động nói thường gặp?  \*GV chốt lại, gọi HS đọc | *HS liệt kê, trả lời*  *1HS đọc ghi nhớ* | =>***HĐ nói thường gặp:***  + Hỏi, trình bày.  + Điều khiển.  + Hứa hẹn.  + Bộc lộ cảm xúc  ***2. Ghi nhớ***: sgk/63 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **7**. GV chiếu BT1. Gọi HS đọc. Hỏi:  - TQT viết Hịch tướng sĩ nhằm mục đích gì ?  - Hãy xác định MĐ của HĐ nói thể hiện ở 1 câu trong bài Hịch và vai trò của câu ấy đối với việc thực hiện MĐ chung? | *HS q/sát, đọc. HS HĐ cá nhân, suy nghĩ trả lời.* | ***Bài 1***. Xác định MĐ nói trong bài Hịch |  |
| - Trần Quốc Tuấn viết Hịch tướng sĩ nhằm mục đích khích lệ tướng sĩ học tập *Binh thư yếu lược* do ông soạn ra và khích lệ lòng yêu nước của tướng sĩ.  - VD: *Ta thường ...vui lòng*.-> Trình bày | |  |
| **8**.Gọi HS đọc BT2. GV chia nhóm cho HS HĐ.  - Nhóm 1: thực hiện phần a.  - Nhóm 2: thực hiện phần b.  - Nhóm 3: thực hiện phần c.  \*GV nêu yêu cầu của BT.  \*Gọi HS báo cáo kết quả. | *HS HĐ theo nhóm, trao đổi, đại diện trình bày* | ***Bài 2.*** Xác định HĐ nói và MĐ nói của mỗi HĐ nói. |  |
| ***a***. HĐ1: Hỏi ; 2:Thông báo; 3:Cầu khiến, bộc lộ cảm xúc ; 4: Trình bày ; 5: Cầu khiến.  ***b***. HĐ 1: trình bày (kể) 2:Hứa hẹn.  ***c***. HĐ1: thông báo; 2: Hỏi; 3: Trình bày; 4: Hỏi; 5:Bộc lộ cảm xúc, trình bày. | |  |
| **9.**GọiHS đọc BT3. Hỏi:Đoạn trích có chứa ba từ “hứa”. Hãy xác định kiểu hành động nói | *HS làm việc cá nhân; suy nghĩ và trả lời.* | ***Bài 3***.Xác định kiểu HĐ nói. |  |
| - Anh phải hứa với em ....xa nhau.=>Điều khiển | |  |
| được thực hiện trong mỗi câu ấy ? | - Anh hứa đi =>Điều khiển (Yêu cầu.)  - Anh xin hứa =>Hứa hẹn  ->*không phải cứ dùng từ hứa thì đều có mục đích là hứa hẹn*. | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Viết một đoạn hội thoại, chỉ ra các hành động nói trong đoạn hội thoại đó. | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Xác định mục đích của mỗi hành động nói trong đoạn văn em viết. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Nắm vững khái niệm HĐ nói, các kiểu HĐ nói thường gặp

- Phân biệt hành động nói và từ chỉ hành động.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Bàn luận về phép học*”

- Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi trong sgk

- Liên hệ với mục đích và phươmg pháp học tập của bản thân

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 25**

**Tiết 4**

**HÀNH ĐỘNG NÓI ( Tiếp)**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

Nắm dược cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói.

**2. Kĩ năng**

Sử dụng các kiểu câu để thực hiện hành động nói phù hợp.

**3. Thái độ**

Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

Cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói.

**2. Kĩ năng**

Sử dụng các kiểu câu để thực hiện hành động nói phù hợp.

**3. Thái độ**

Cẩn trọng khi thực hiện hành động nói..

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định mục đích, cách thức thực hiện HĐ nói trong các VB đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

1. Cho HS làm các bài tập trắc nghiệm:

***a. Phương tiện để thực hiện hành động nói là gì?***

A. Nét mặt. B. Điệu bộ. C. Cử chỉ. D. Ngôn từ.

b. Khi nói ***“*Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có?*”*** Trần Quốc Tuấn đã thực hiện hành động hỏi?

A. Đúng. B. Sai.

2. Xác định mục đich nói và kiểu HĐ nói của các câu trong đoạn hội thoại sau?

A - Bạn đã làm bài tập về nhà chưa ?

B - Mình làm rồi, nhưng còn bài tập 5 khó quá mình không làm được.

A - Mình giúp bạn làm nhé!

B - Ôi, cảm ơn bạn !

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Cho HS q/sát lại các VD trong phần KTBC.  \* Nêu yêu cầu: Các HĐ nói trong các câu trên được thực hiện bằng cách nào ?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 102.* Hành động nói ...** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu cách thực hiện hành động nói**. | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu cách thực hiện hành động nói**. | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Cách thực hiện hành động nói** |  |
| **1**.GV đánh số thứ tự trước mỗi câu trần thuật trong đoạn trích. Cho HS xác định mục đích nói của những câu ấy bằng cách đánh dấu (+) vào ô thích hợp và dấu (-) vào ô không thích hợp vào bảng tổng hợp?  \* GV chiếu bảng tổng hợp. | *HS đọc ví dụ, suy nghĩ. 1HS điền dấu thích hợp vào ô trống.* | ***1.Ví dụ***:  Đoạn trích (sgk/70) |  |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu  Mục đích | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Hỏi | - | - | - | - | - | | Trình bày | + | + | + | - | - | | Điều khiển | - | - | - | + | + | | Hứa hẹn | - | - | - | - | - | | Bộc lộ c.xúc | - | - | - | - | - | | |  |
| **2**.Dựa vào kết quả tổng hợp ở bài 1, hãy trình bày quan hệ giữa các kiểu câu với những kiểu hành động nói mà em đã biết. Cho VD minh hoạ ?  \*GV HD học sinh làm | *HS thảo luận theo nhóm, đại diện trình bày* |  |  |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu  Mục đích | NV | CK | CT | TT | | Hỏi | + | - | - | - | | Trình bày | - | - | - | + | | Điều khiển | (+) | + | - | (+) | | Hứa hẹn | - | - | - | (+) | | Bộc lộ cảm xúc | (+) | - | + | (+) | | |  |
| **3.** Dựa vào bảng tổng hợp, hãy cho biết hành động nói có thể thực hiện bằng cách nào?  GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời*  Có 2 cách thực hiện hành động nói :  - Dùng kiểu câu có chức năng chính phù hợp hành động nói (trực tiếp)  - Dùng kiểu câu khác - chức năng chính không phù hợp với hành động nói (gián tiếp)  *1 HS đọc ghi nhớ* ***2. Ghi nhớ:***(SGK/71) | |  |
| **4**. Cho HS nhắc lại:  - Thế nào là hành động nói?  - Các kiểu HĐ nói và các cách thực hiện HĐ nói? | *1HS nhắc lại, HS khác nghe, ghi nhớ*. |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **5**.Gọi HS đọc BT. Nêu y/cầu:  - Tìm các câu nghi vấn trong “Hịch tướng sĩ”?  - Cho biết những câu ấy được dùng để làm gì?  - Vị trí của mỗi câu trong từng đoạn có liên quan ntn đến mục đích nói của nó? | *1HS đọc, suy nghĩ,* *tìm câu nghi vấn, trả lời:* | ***Bài 1.*** Xác định câu NV và mục đích nói |  |
| - Vì sao vậy? ->*Nêu vấn đề cho tướng sĩ chuẩn bị nghe phần lí giải của tác giả.*  - Lúc bấy giờ .. có được không ? ->*Khẳng định điều nêu ra trong câu* | |  |
| **6**. Gọi HS đọc BT2. Nêu yêu cầu cho HS trao đổi :  - Hãy chỉ ra những câu trần thuật có mục đích cầu khiến trong các đoạn trích của Bác ?  - Hình thức ấy có tác dụng như thế nào trong việc động viên quần chúng ? | *HS trao đổi trong bàn tìm câu TT có MĐ cầu khiến, xác định tác dụng* | ***Bài 2***: Xác định câu TT có MĐ CK, nêu t/dụng |  |
| a.- Vì vậy ... thống nhất Tổ quốc .  - Hễ còn một tên xâm lược .. quét sạch nó đi.  - Quân và dân miền Bắc ... miền Nam ruột thịt.  b.Điều mong muốn ... cách mạng thế giới.  =>*Làm cho quần chúng cảm thấy gần gũi với lãnh tụ và thấy nhiệm vụ mà lãnh tụ giao cho chính là nguyện vọng của mình.* | |  |
| **7**.Gọi HS đọc BT4. Hỏi:  - Tìm các câu có mục đích cầu khiến trong đoạn trích ?  - Mỗi câu ấy thể hiện quan hệ giữa các nhân vật và tính cách nhân vật như thế nào ? | *HS HĐ cá nhân, trả lời.* | ***Bài 3***. Tìm câu có MĐ CK, x/định quan hệ |  |
| - Anh đã nghĩ... thì em chạy sang ->*Dế Choắt yếu đuối -> lời đề nghị khiêm nhường, nhã nhặn.*  - Được, chú mình ... ra nào.  - Thôi, im cái điệu hát .. ấy đi.  ->*Dế Mèn huyênh hoang, hách dịch* | |  |
| **8**.Gọi HS đọc BT4. Hỏi: Trong các cách hỏi đường dưới đây, em nên dùng những cách nào để hỏi người lớn ? | *HS suy nghĩ, lựa chọn và trả lời* | ***Bài 4***: Chọn cách hỏi đường b, e. để phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, đối tượng giao tiếp. |  |
| **9**.Nêu yêu cầu BT5. Theo em, người nghe nên chọn HĐ nào trong các trường hợp đó ? | *HS lựa chọn, trả lời* | ***Bài 5***: Chọn hành động đưa lọ gia vị cho người kia và nói: “Mời anh”. |  |
| **\*Bài tập trắc nghiệm**: ***Nối các hành động ở cột A với mục đích ở cột B cho phù hợp***:   |  |  | | --- | --- | | A | B | | Hành động hỏi | Người nói kể tả, thông báo, nhận định những điều mình cho là đúng. | | Hành động bộc lộ tình cảm | Người nói tự ràng buộc mình vào các hành động cụ thể như làm hợp đồng, cam đoan làm việc gì đó. | | Hành động trình bày | Người nói muốn người nghe làm một việc gì đó. | | Hành động hứa hẹn | Người nói bày tỏ thái độ ca ngợi, chê bai, trách cứ, vui mừng,lo sợ. | | | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Viết một đoạn hội thoại, chỉ ra các hành động nói trong đoạn hội thoại đó. | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Xác định cách thực hiện mỗi hành động nói trong đoạn văn em viết. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Nắm vững HĐ nói, các kiểu HĐ nói thường gặp và các cách thực hiện HĐ nói

- Viết một đoạn hội thoại, chỉ ra các hành động nói và mục đích của mỗi hành động nói đó.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Ôn tập về luận điểm*

+ Xem lại Ngữ văn 7, tập hai: khái niệm luận điểm.

+ Đọc lại bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*, tìm các luận điểm của bài

**Tuần 26**

**Tiết 2+3**

**NƯỚC ĐẠI VIỆT TA**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Bổ sung thêm kiến thức về văn nghị luận trung đại.

- Thấy được chức năng, yêu cầu, nội dung, hình thức của một bài Cáo

- Nắm được đặc điểm, nội dung và hình thức của đoạn trích.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể cáo

- Nhận ra, thấy được đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận trung đại ở thể loại cáo

**3. Thái độ**

- Trân trọng tài năng và tấm lòng yêu nước của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Sơ giản về thể Cáo

- Hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của bài “*Bình Ngô đại cáo*”.

- Nội dung tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đất nước, về dân tộc.

- Đặc điểm văn chính luận của “*Bình Ngô đại cáo*”ở một đoạn trích.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể cáo

- Nhận ra, thấy được đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận trung đại ở thể loại cáo

**3. Thái độ**

Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc..

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TV và TLV: Các BPNT, văn miêu tả....

- Tích hợp Lịch sử: 10 năm k/c chống quân Minh xâm lược (TKXV)

- **Tích hợp giáo dục ANQP:** Tinh thần chiến đấu dũng cảm của tướng sĩ trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu, tư liệu về Nguyễn Trãi và tác phẩm

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5').

Chọn đọc thuộc lòng một đoạn trong bài *Hịch tướng* *sĩ* và cho biết mối liên quan của đoạn đó với nội dung của cả bài ?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Ho¹t ®éng cña trß** | **Chuẩn KT-KN cÇn ®¹t** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | | |  |
| \* **Tích hợp giáo dục ANQP:** ***Cho HS quan sát 1 số tranh ảnh về cuộc k/c chống giặc Minh TKXV***. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình*** | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** | |  |
| **-** Nêu yêu cầu: Em hiểu gì về cuộc k/c này, về người lãnh đạo cuộc k/c này?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* |  | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 101. Văn bản.....*** | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | | |  |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** | |  |
| **1**. GV HD cách đọc: *giọng điệu trang trọng, hùng hồn, tự hào. Chú ý các câu văn biền ngẫu cân xứng, nhịp nhàng* - \*GV đọc mẫu. Gọi HS đọc.  \* GV nhận xét | *HS nghe, xác định cách đọc*.  *1- 2 HS đọc VB, HS khác theo dõi, nhận xét.* | ***1.Đọc*** | |  |
| **2**. Hãy nêu một số nét chính về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và vị trí của đoạn trích?  **3**. Em hiểu “*Bình Ngô đại cáo*” nghĩa là ntn? Vì sao đánh giặc Minh mà lại gọi là Bình Ngô?  - Hãy giải nghĩa các CT 1,2,3. | *HS dựa vào CT trả lời* | ***2. Chú thích*** | |  |
| ***a. Tác giả:*** Nguyễn Trãi (1380-1442) là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.  ***b. Tác phẩm*** “***Bình Ngô đại cáo***”: ra đời trong không khí hào hùng của ngày vui đại thắng (1428), sau 10 năm k/c chống quân Minh xâm lược. Tác phẩm có ý nghĩa trọng đại như một bản tuyên ngôn.  \* ***Đoạn trích***: Nằm trong phần mở đầu của t/phẩm.  ***c. Từ khó:*** sgk/68 | | |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 22- 25' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** | |  |
| ***B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***1. Tìm hiểu khái quát*** | |  |
| **4**. Nêu yêu cầu cho HS thảo luận nhóm bàn:  - Bài văn được viết theo thể loại nào? Em hiểu gì về thể loại đó?  - Trong bố cục 4 phần của bài, đoạn trích nằm ở phần nào? Tóm tắt nội dung chính của phần này ? | *HS dựa vào CT để xác định và trình bày* | ***- Thể loại***: Cáo  ***- Nội dung***: | |  |
| Nêu nguyên lí nhân nghĩa:  + Tư tưởng nhân nghĩa của cuộc kháng chiến  + Chân lí về sự tồn tại độc lập, chủ quyền của dân tộc  ***- PTBĐ:*** nghị luận  (vì được viết bằng phương thức lập luận, lấy lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ tư tưởng độc lập dân tộc và thuyết phục người đọc, người nghe). | | |  |
| - Có thể coi đây là văn bản NL được không ? Vì sao ?  - Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nội dung mỗi phần? | ***- Bố cục***: 3 phần  + Hai câu đầu: *Nêu nguyên lí nhân nghĩa.*  + Tám câu tiếp: *Chân lí về sự tồn tại độc lập, chủ quyền của dân tộc.*  + Còn lại: *Khẳng định sức mạnh của chân lí nhân nghĩa và chủ quyền độc lập dân tộc.* | | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết*** | ***HS tìm hiểu chi tiết*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** | |  |
| **4**. Đọc 2 câu đầu văn bản và cho biết cốt lõi tư tưởng “Nhân nghĩa” ở đây là gì ?  - Theo tư tưởng nhân nghĩa của NT thì dân ở đây là ai ? Kẻ bạo ngược là kẻ nào? Qua đó cho ta thấy cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi ở đây là gì?  - Mở đầu bài Cáo, tác giả nêu cao nhân nghĩa vì dân. Điều đó cho ta thấy tính chất của cuộc kháng chiến là như thế nào? | HS dựa vào CT, quan sát đoạn trích để trả lời. | ***a. Tư tưởng nhân nghĩa của cuộc k/c*** | |  |
| - Tư tưởng nhân nghĩa:  + Yên dân: làm cho dân được hưởng thái bình, HP  + Trừ bạo: Diệt trừ mọi thế lực bạo tàn  (Dân là dân nước Đại Việt. Kẻ bạo ngược là quân xâm lược nhà Minh).  =>*Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của NT là diệt trừ mọi thế lực bạo tàn để cho dân được an hưởng thái bình, hạnh phúc (Trừ giặc Minh bạo ngược để giữ yên cuộc sống cho dân)*  ->Đây là cuộc kháng chiến chính nghĩa. Khi nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống xâm lược thì bảo vệ độc lập dân tộc cũng là việc làm nhân nghĩa. | | |  |
| **5 .**Gọi HS đọc đoạn 2 của VB. Hỏi: Sau khi nêu nguyên lí nhân nghĩa, NT đã khẳng định chân lí về sự tồn tại độc lập, chủ quyền của dân tộc. Hãy cho biết t/giả đã đưa ra những yếu tố nào để xác định độc lập, chủ quyền của dân tộc? | *1HS đọc, HS HĐ cá nhân, phát hiện, suy nghĩ, trả lời* | ***b. Chân lí về độc lập, chủ quyền của dân tộc*** | |  |
| Đất nước Đại Việt:  - Có nền văn hiến lâu đời  - Có lãnh thổ riêng  - Có phong tục tập quán riêng  - Có lịch sử tồn tại lâu dài qua các triều đại  - Có nhiều nhân tài, hào kiệt | | |  |
| **6**. Cho HS thảo luận: Nhiều ý kiến cho rằng ý thức dân tộc ở đoạn trích là sự tiếp nối và phát triển ý thức dân tộc ở bài thơ “Sông núi nước Nam”. Em có đồng ý như vậy không?Vì sao? | *HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày*. |  | |  |
| - ***Sông núi nước Nam***: ý thức dân tộc được xác định chủ yếu trên 2 yếu tố: lãnh thổ và chủ quyền bất khả xâm phạm.  - ***Nước Đại Việt ta***: ngoài 2 yếu tố trên còn có thêm các yếu tố phong tục tập quán, truyền thống lịch sử, đặc biệt là yếu tố văn hiến ->*Ý thức dân tộc phát triển toàn diện và sâu sắc hơn*.-> Quan niệm mới mẻ, phong phú và hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc. | | |  |
| **8.** Theo em “*văn hiến*” có nghĩa là gì? Tại sao NT lại đưa văn hiến lên hàng đầu so với các yếu tố khác?  \*Ngày nay, hội nhập là xu thế chung của thời đại song chúng ta vẫn phải giữ gìn bản sắc VH d/tộc. Có thể nói tư tưởng của NT dường như đi trước thời đại | *HS suy nghĩ, trình bày*  - Văn hiến: truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp  - Văn hiến là yếu tố cơ bản nhất, có vai trò quan trọng đối với dân tộc, là hạt nhân để xác định tư cách tồn tại độc lập của một dân tộc. Đưa văn hiến lên hàng đầu và việc nhấn mạnh thêm nền văn hiến nước ta luôn có sự xuất hiện của những người tài giỏi là cách đập thẳng vào luận điệu coi thường dân ta là man di, mọi rợ của bọn PK phương Bắc | | |  |
| **9. Nêu yêu cầu:**  **-** Khi nói về lịch sử tồn tại của dân tộc, NT đưa ra những dẫn | *HS trao đổi, trình bày* | |  |  |
| ->Khẳng định Đại Việt có chủ quyền ngang hàng với phương Bắc.( *Đế* và *vương* đều có nghĩa là vua nhưng *đế* là | | |  |
| chứng cụ thể “Từ Triệu, Đinh, Lí,Trần...xưng đế một phương” nhằm mục đích gì?  **-** Nhận xét cách viết của Nguyễn Trãi trong đoạn? Tác dụng của cách viết ấy? | thiên tử, con trời thì chỉ có một; còn *vương* là vua chư hầu thì có nhiều, phải phụ thuộc vào đế).  *\** Nghệ thuật:  - Liệt kê, đối để so sánh các triều đại của ta ngang hàng các triều đại lớn của phương Bắc.  - Các câu văn dài ngắn khác nhau, dung lượng hiện thực lớn, bao trùm nhiều thời đại.  - Đặt các triều đại của ta lên trên các triều đại phương Bắc, giọng văn hào sảng  -> ***Thể hiện ý thức, niềm tự hào dân tộc sâu sắc*** | | |  |
| **10.** Đểkhẳng định sức mạnh của chân lí nhân nghĩa và chủ quyền độc lập dân tộc. NT tiếp tục nêu rõ những dẫn chứng cụ thể trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc “Lưu Cung... chứng cớ còn ghi”. Điều đó có tác dụng gì? | *HS suy nghĩ, trao đổi, trả lời* | ***3.Khẳng định sức mạnh của chân lí nhân nghĩa và chủ quyền độc lập dân tộc***. | |  |
| - Tác dụng: Làm nổi bật các chiến công của ta và sự thất bại thảm hại của giặc , làm tăng sức thuyết phục cho sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và chân lí về chủ quyền độc lập dân tộc: chống xâm lược là chính nghĩa, nhất định thắng lợi, kẻ xâm lược là phi nhân nghĩa nhất định sẽ chuốc lấy thất bại. Đó là một sự thật không thể chối cãi được. | | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ**  ***1. Nghệ thuật*** | |  |
| **11.** Hãy chỉ ranhững nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích và phân tích tác dụng của chúng?  - Qua bài văn, tư tưởng và tình cảm nào của người viết được bộc lộ ?  \*GV chốt lại GN. Gọi Hs đọc | *HS suy nghĩ, khái quát, trình bày* |  |
| - Sử dụng từ ngữ thể hiện tính chất hiển nhiên, vốn có, lâu đời của nước Đại Việt độc lập tự chủ  - Sử dụng phép so sánh, đối lập, đặt Đại Việt ngang hàng với Trung Quốc.  - Câu văn biền ngẫu ngắn, mạnh như lời hùng biện đanh thép.  - Biện pháp liệt kê các dẫn chứng cụ thể, các yếu tố xác định tư cách độc lập của dân tộc Đại Việt.  - Kết hợp giữa lí lẽ và thực tế  \* Tác dụng: Khẳng định chân lí về sự tồn tại độc lập, chủ quyền của dân tộc Đại Việt ***->Đoạn văn tiêu biểu cho nghệ thuật hùng biện của VH trung đại.***  ***2. Nội dung tư tưởng, tình cảm:***  - Tư tưởng nhân nghĩa tiến bộ: lấy dân làm gốc  - VB có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập  *1HS đọc ghi nhớ* ***\* Ghi nhớ****:* sgk/69 | | |  |
| **12**. Nội dung nhân nghĩa và dân tộc được trình bày trong hình thức văn chính luận cổ có gì nổi bật ? | *HS suy nghĩ và trả lời:*  - Điểm nổi bật trong hình thức văn chính luận cổ:  + Giàu chứng cớ lịch sử. + Giàu xúc cảm tự hào.  + Giọng hùng hồn.  + Lời văn biền ngẫu nhịp nhàng, ngân vang. | | |  |
| - Từ nội dung văn bản, em hiểu gì về Nguyễn Trãi ? | =>Đại diện cho tư tưởng nhân nghĩa tiến bộ.  -> *Nguyễn Trãi: Giàu tình cảm và ý thức dân tộc; giàu lòng yêu nước thương dân.* | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** | |  |
| **13.** Cho HS làm BT TN | *HS đọc, lựa chọn* | ***\* Trắc nghiệm*** | |  |
| *1. Bình Ngô đại cáo được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay?*  A.Đúng . B.Sai.  *2. Dòng nào nói đúng nhất hoàn cảnh sáng tác của “Bình Ngô đại cáo”?*  A.Khi nghĩa quân Lam Sơn đã lớn mạnh.  B.Sau khi quân ta đã đại thắng giặc Minh xâm luợc.  C.Trước khi quân ta phản công giặc Minh xâm lược.  D.Khi giặc Minh đang đô hộ nước ta.  *3. Tác phẩm nào trước Nguyễn Trãi cũng đã khẳng định chủ quyền của dân tộc ta?*  A. *Tụng giá hoàn kinh sư* - Trần Quang Khải B. *Hịch tướng sĩ* - Trần Quốc Tuấn  C. *Nam quốc sơn hà* - Lí Thường Kiệt D. *Thuật hoài* - Phạm Ngũ Lão | | | |  |
| **13**. Đọc phần đầu bài *Bình Ngô đại cáo* em hiểu những điều sâu sắc nào về nước Đại Việt ta? | *HS suy nghĩ và tự bộc lộ*  - Nước ta có nền độc lập lâu đời, đáng tự hào.  - Cuộc kháng chiến chống quân Minh là cuộc kháng chiến vì dân, chính nghĩa.  - Nước ta có độc lập, chủ quyền và có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân xâm lược.  - Có bề dày đấu tranh và bảo vệ độc lập dân tộc.  - Một nền độc lập được XD trên tư tưởng nhân nghĩa, vì dân. | | |  |
| **14**.Hãy khái quát trình tự lập luận bằng một sơ đồ? | *HS suy nghĩ, lập sơ đồ* | Sơ đồ trình tự lập luận | |  |
| Nguyên lí nhân nghĩa  Yên dân  Trừ bạo  Chân lí về sự tồn tại độc lập chủ quyền của dân tộc Đại Việt  Văn hiến lâu đời  Lãnh thổ riêng  Phong tục riêng  Chế độ chủ quyền riêng  Lịch sử riêng  Sức mạnh của nhân nghĩa  Sức mạnh của độc lập dân tộc | | | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học văn bản? | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “Bình ngô đại cáo“ của Nguyễn Trãi. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT

- Học thuộc và đọc diễn cảm văn bản

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Hành động nói*”( tiếp theo)

- Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi

- Tìm hiểu cách sử dụng các kiểu câu để thực hiện hành động nói phù hợp

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 26**

**Tiết 4**

**ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM (KKHS TỰ HỌC)**

**THAY BẰNG: VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

Nắm được cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo cách diễn dịch và quy nạp

**2. Kĩ năng**

- Viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp

- Lựa chọn ngôn ngữ diễn đạt trong đoạn văn nghị luận.

**3. Thái độ**

Tự giác, tích cực trong học tập.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn nghị luận.

- Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo hai phương pháp diễn dịch và quy nạp

**2. Kĩ năng**

- Viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp

- Lựa chọn ngôn ngữ diễn đạt trong đoạn văn nghị luận.

- Viết được đoạn văn nghị luận trình bày luận điểm có độ dài 90 chữ về một vấn đề chính trị hoặc xã hội.

**3. Thái độ**

Tự giác, tích cực trong học tập.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các đoạn văn , bài văn nghị luận.

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

*Luận điểm là gì ? Luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận?*

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Có mấy cách trình bày nội dung trong một đoạn văn? Để trình bày LĐ thành một đoạn văn ta làm ntn?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 104.* Viết đoạn văn...** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu cách trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu cách trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận.** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận.** |  |
| **1**.GV chiếu 2 đoạn văn (mục 1). Gọi HS đọc. Hỏi:  - Đâu là những câu chủ đề (câu nêu luận điểm) trong mỗi đoạn văn? Ở vị trí nào ?  - Trong 2 đoạn văn trên, đoạn nào được viết theo cách diễn dịch và đoạn nào được viết theo cách quy nạp ?  - Phân tích cách trình bày diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn ? | *HS đọc 2 đoạn văn, suy nghĩ, trả lời* | ***1.Ví dụ:***  ***Đoạn văn: sgk*** |  |
| - Câu chủ đề:  a. Thật là ... đế vương muôn đời. => Cuối đoạn.  b. Đồng bào ta ... tổ tiên ta ngày trước. => Đầu đoạn.  - Cách trình bày:  + Đoạn (a) viết theo cách qui nạp: Từ các vấn đề được triển khai trong đoạn dẫn tới luận điểm chính.  + Đoạn (b) viết theo cách diễn dịch: Từ luận điểm chính triển khai vấn đề trong đoạn văn nghị luận | |  |
| **2**.Gọi HS đọc đoạn văn BT1. Yêu cầu: Hãy diễn đạt ý mỗi câu trong BT1 thành một LĐ ngắn, gọn, rõ. | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | **\* Bài 1/81**: Luận điểm |  |
| a. Cần phải tránh lối viết dài dòng, khó hiểu.  b. Nguyên Hồng thích được truyền nghề cho lớp trẻ. | |  |
| **3**. Gọi HS đọc đoạn văn mục 2. Hỏi:  - Lập luận là gì?  - Tìm luận điểm và cách lập luận trong đoạn văn trên ?  - Tác dụng của cách lập luận của tác giả trong đoạn văn đó? | *HS tìm luận điểm, cách lập luận, trả lời* | ***- Cách lập luận:*** |  |
| - ***Lập luận*** là dùng những lí lẽ và d/chứng để làm sáng tỏ v/đề để người đọc hiểu, tin và đồng tình với mình.  - ***Luận điểm của đoạn văn***: Bản chất “chó đểu” của vợ chồng Nghị Quế nói riêng và của giai cấp địa chủ nói chung =>*câu cuối*.  - ***Cách lập luận:*** Dùng phép tương phản: Tương phản giữa cảnh vợ chồng Nghị Quế chăm sóc chó với cảnh vợ chồng Nghị Quế giở giọng chó má với mẹ con chị Dậu để từ đó đi đến kết luận về bản chất “chó đểu” của giai cấp địa chủ.  - ***Tác dụng***: Làm cho luận điểm sáng tỏ, chính xác và có sức thuyết phục | |  |
| **4**. Em có nhận xét gì về việc sắp xếp các ý trong đoạn văn?  Nếu tác giả nhận xét về thái độ của mẹ con chị Dậu trước nhận xét về vợ chồng NQ thì đoạn văn sẽ bị ả/hưởng ntn?  - Trong đoạn văn, những cụm từ “*chuyện chó con, giọng chó má,*... được xếp cạnh | *HS nêu nhận xét về sự sắp xếp ý của đoạn văn.* | ***- Sắp xếp luận cứ:*** |  |
| - *Các ý được sắp xếp theo một thứ tự hợp lí.* Việc xếp luận cứ “*Nghị Quế giở giọng chó má với mẹ con chị Dậu*” sau luận cứ “*vợ chồng địa chủ cũng yêu gia súc*” là nhằm làm cho luận điểm “*chất chó đểu của giai cấp nó*” không bị mờ nhạt, mà nổi bật lên.  - *Tác dụng*: Làm cho đoạn văn tập trung vào ý chung, vừa khiến bản chất thú vật của bọn chúng hiện ra thành hình ảnh | |  |
| nhau. Cách viết ấy có tác dụng gì? Vì sao ? | rõ ràng ->Làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn. | |  |
| **5** .Qua các đoạn văn, em thấy khi trình bày LĐ trong bài văn NL cần chú ý những gì?  \*GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *HS trả lời theo ghi nhớ*  *1HS đọc ghi nhớ* | ***2.Ghi nhớ:*** (sgk/81) |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**.Gọi HS đọc đoạn văn BT2. Hỏi:  - Đoạn văn trên trình bày luận điểm gì và sử dụng những luận cứ nào ?  - Hãy nhận xét cách sắp xếp luận cứ và cách diễn đạt của đoạn văn ? | *1HS đọc, HS suy nghĩ cá nhân, trình bày.* | ***Bài 2. Xác định luận điểm, luận cứ.*** |  |
| - Đoạn văn trình bày luận điểm: ***“Tế Hanh là một người tinh lắm”.***  - Luận điểm ấy được chứng thực qua 2 luận cứ.  + Tế Hanh đã ghi được đôi nét thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê.  + Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới .. trao cho cảnh vật.  =>Được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, luận cứ sau biểu hiện một mức độ tinh tế cao hơn luận cứ trước khiến người đọc thấy hứng thú tăng thêm. | |  |
| **7**. Để làm sáng tỏ luận điểm “Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu” em sẽ đưa ra những luận cứ nào ? Những luận cứ ấy cần được sắp xếp như thế nào ? | *HS trao đổi nhóm bàn, trả lời* | ***Bài 4. Tìm luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm*** |  |
| Các luận cứ được sắp xếp như sau:  - Văn giải thích viết ra nhằm làm cho người đọc hiểu.  - Giải thích càng khó hiểu thì người viết càng khó đạt được mục đích.  - Ngược lại, giải thích càng dễ hiểu thì người đọc càng dễ lĩnh hội, dễ nhớ, dễ làm theo.  - Vì thế, văn giải thích phải được viết sao cho dễ nhớ. | |  |
| **8**.Cho HS viết các đoạn văn triển khai ý các luận điểm đã cho ? | *HS viết cá nhân theo yêu cầu của nhóm.Trình bày: (nhóm 1- phần a, nhóm 2 - phần b)* | ***Bài 3. Viết đoạn văn trình bày luận điểm*** |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Viết hoàn chỉnh đoạn văn BT3. | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Chỉ ra cách trình bày LĐ trong đoạn văn em viết.  - Vẽ sơ đồ tư duy cho bài | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Nắm vững cách trình bày luận điểm thành một đoạn văn.

- Làm hoàn chỉnh các BT.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm”*

- Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi trong sgk

- Liên hệ với mục đích và phươmg pháp học tập của bản thân

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 27**

**Tiết 1+2**

**BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC**

**THUẾ MÁU (KKHS TỰ HỌC)**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Bổ sung thêm kiến thức về văn nghị luận trung đại.

- Hiểu được hoàn cảnh sử dụng và đặc điểm của thể Tấu trong văn học trung đại

- Nắm được nội dung và hình thức của “*Bàn luận về phép học*”.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể Tấu

- Nhận biết, phân tích cách trình bày luận điểm trong đoạn văn diễn dịch và quy nạp, cách sắp xếp và trình bày luận điểm trong văn bản.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Những hiểu biết bước đầu về thể Tấu

- Quan điểm tư tưởng tiến bộ của tác giả về mục đích, phương pháp học và mối quan hệ của việc học với sự phát triển của đất nước.

- Đặc điểm hình thức lập luận của văn bản.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản được viết theo thể Tấu

- Nhận biết, phân tích cách trình bày luận điểm trong đoạn văn diễn dịch và quy nạp, cách sắp xếp và trình bày luận điểm trong văn bản.

**3. Thái độ**

Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc..

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TV và TLV: Các BPNT, nghệ thuật lập luận....

- Tích hợp Lịch sử: Quang Trung xây dựng đất nước

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu, tư liệu về Nguyễn Thiếp và tác phẩm

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5').

Đọc thuộc lòng một đoạn trích “Nước Đại Việt ta” và cho biết cảm nhận của em về đoạn trích?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Làm thế nào để học tốt?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình*** | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 105. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** |  |
| **1**.GV hướng dẫn đọc VB: *giọng điệu chân tình, bày tỏ thiệt hơn, vừa tự tin, vừa khiêm tốn.*  \*GV đọc mẫu. Gọi HS đọc.  \* GV nhận xét | *HS nghe, xác định cách đọc*.  *1- 2 HS đọc VB, HS khác theo dõi, nhận xét.* | ***1.Đọc*** |  |
| **2**.Dựa vào chú thích \* hãy nêu những nét khái quát tiêu biểu về tác giả Nguyễn Thiếp và xuất xứ của VB “*Bàn luận về phép học*”?  **3**. GV kiểm tra việc hiểu nghĩa từ trong phần giải nghĩa từ (SGK). | *HS dựa vào CT trả lời* | ***2. Chú thích*** |  |
| ***a. Tác giả***: Nguyễn Thiếp (1723-1804)  - Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, từng đỗ đạt nhưng về dạy học.  - Là cộng sự chân tình của vua Quang Trung.  ***b. Văn bản***: Là phần trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung tháng 8/1791.  ***c. Từ khó***: sgk/78 | |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 22- 25' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** |  |
| ***B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***1. Tìm hiểu khái quát*** |  |
| **4**. Văn bản là một phần của bài tấu của NT dâng vua Quang Trung. Dựa vào chú thích, hãy nêu những đặc | *HS xác định, trả lời*. | ***\* Thể Tấu:*** |  |
| là một loại văn thư của bề tôi thần dân gửi vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến đề nghị.  ***Đặc điểm***: Có thể được viết bằng văn xuôi, văn vần hay | |  |
| điểm chính của thể tấu ? Từ đó hãy nhận xét các đặc điểm của bài tấu này ? | văn biền ngẫu.Trong bài tấu, Nguyễn Thiếp dùng lí lẽ để làm rõ quan điểm về việc học chân chính, nhằm thuyết phục vua. Bày tỏ niềm tin với phép học chân chính có thể đào tạo được người tốt, làm cho quốc gia hưng thịnh | |  |
| **-** Người viết có vai trò gì trong bài tấu này? Vai trò giữa người viết với người đọc (nghe) có gì khác với thể Chiếu, Hịch, Cáo?  \*GV lưu ý HS: *Tấu trong nghệ thuật thường mang yếu tố hài.* | *HS so sánh, nhận xét* |  |  |
| - Đây là bài văn do NT dâng vua Quang Trung để bày tỏ kiến nghị của mình về việc chấn chỉnh sự học của quốc gia.  - Chiếu, Hịch, Cáo là những thể văn do vua chúa ban truyền xuống thần dân còn Tấu thì ngược lại | |  |
| **5.** Nội dung chính của VB là gì? Từ đó, có thể x/định bài tấu này thuộc kiểu VB nào? | ***- Nội dung chính***: Bàn về  phép học  ***- Kiểu VB***: nghị luận. | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết*** | ***HS tìm hiểu chi tiết*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| **6**.Phần đầu VB tác giả nêu khái quát mục đích chân chính của việc học. Mục đích đó là gì? | *HS suy nghĩ, xác định, trả lời* | ***a. Xác định mục đích chân chính của việc học*** |  |
| - Người không học không biết rõ đạo. Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người. Đạo học ngày trước là lấy mục đích hình thành nhân cách, đạo đức, đó là đạo tam cương và ngũ thường.  ->***Mục đích chân chính : học để làm người*** | |  |
| **7**.Sau khi nêu quan điểm của mình về mục đích chân chính của việc học, tác giả đã phê phán những lối học lệch lạc, sai trái nào?  - Theo em thế nào là lối học chuộng hình thức? Lối học cầu danh lợi?  - Tác giả đã chỉ rõ tác hại của lối học ấy là gì?  - Khi nhận đinh: “Chúa tầm thường .. tệ hại ấy”, tác giả đã chỉ ra những tác hại nào của việc học lệch lạc, sai trái đó ?  - Em có nhận xét gì về đặc điểm lời văn ở đoạn này? Tác dụng? | *HS theo dõi VB, phát hiện, suy nghĩ, trả lời* | ***b. Phê phán những lối học lệch lạc, sai trái:*** |  |
| Lối học chuộng hình thức cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương ngũ thường.  + *Lối học chuộng hình thức*: học thuộc lòng câu chữ mà không hiểu nội dung, chỉ có danh mà không có thực chất  + *Lối học cầu danh lợi*: học để có danh tiếng, được trọng vọng, được nhàn nhã, được nhiều lợi lộc.  -> Tác hại: làm cho “chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất nhà tan” ->***Làm đảo lộn giá trị con người, không còn người tài đức, gây ra những thảm hoạ khôn lường cho đất nước***  - Đặc điểm lời văn: Tác giả dùng câu châm ngôn vừa dễ hiểu, vừa tăng sức mạnh thuyết phục “Ngọc không mài...không biết rõ đạo”. Khái niệm học được giải thích bằng hình ảnh so sánh cụ thể nên dễ hiểu. Khái niệm đạo vốn trừu tượng, phức tạp được giải thích thật ngắn gọn, rõ ràng. Đoạn văn được cấu tạo bằng các câu ngắn, liên kết chặt chẽ khiến ý văn mạch lạc, dễ hiểu. | |  |
| **8**.***Cho HS thảo luận***: Theo em, quan niệm về mục đích của việc học đó có điểm nào tích cực, điểm nào cần bổ sung?  - Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả khi nói về mục | *HS thảo luận nhóm bàn, trình bày* |  |  |
| *- Tích cực*: Coi trọng mục tiêu đạo đức của việc học. Khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” trong nhà trường hôm nay là sự phát huy đạo học ngày trước.  ***- Cần bổ sung***: Mục đích học không chỉ rèn luyện đạo đức mà còn rèn năng lực trí tuệ; chỉ mới chú ý đến đạo đức mà chưa coi trọng việc học kiến thức KHKT để XD đất nước  - Đó là thái độ đúng đắn và tích cực cần được chúng ta phát huy trong việc học ngày hôm nay. | |  |
| đích của việc học? |  |
| **9**. Để khuyến khích việc học, Nguyễn Thiếp đã đề xuất những ý kiến nào ? Những ý kiến đó có tác dụng gì?  - Chính sách đó có gì giống với chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta hiện nay? | *HS theo dõi VB, phát hiện, suy nghĩ, trả lời* | ***c. Bàn về phép học.*** |  |
| ***- Đề xuất ý kiến khuyến khích việc học:*** Việc học phải được phổ biến rộng khắp “thầy trò trường học của phủ, huyện... tuỳ đâu tiện đấy mà đi học”  ->Tác dụng: ***việc học được phổ cập ở tất cả các vùng miền trong cả nước, tạo thuận lợi cho mọi người được đi học*** -> giống chính sách phổ cập GD của Đảng và Nhà nước hiện nay. | |  |
| **10**. Khi bàn về cách học, NT đã đề xuất những cách học nào ? Ý nghĩa và tác dụng của những cách học ấy?  - Trong số các cách học ấy em tâm đắc với phép học nào? Vì sao ?  \*3 PP học mà NT đưa ra là những PP học tập tích cực còn có ý nghĩa đến ngày nay. | *HS theo dõi VB, phát hiện, suy nghĩ, trả lời*  ***- Bàn về phương pháp học.***  ***+ Học từ thấp đến cao***: Học phải đi từ những điều đơn giản, dễ hiểu đến những điều phức tạp, khó hiểu  ***+Học rộng rồi tóm lược cho gọn***: Học xong phải biết nắm vững những điều cơ bản, quan trọng nhất nếu không kiến thức sẽ dàn trải, không sâu sắc.  ***+ Theo điều học mà làm***: Học phải áp dụng vào thực tế. Kiến thức chỉ được phát huy hết t/dụng khi được vận dụng và phục vụ vào thực tế cuộc sống  *->T/dụng:Tạo được nhiều người giỏi, giữ vững đạo đức, biết gắn học với hành, tránh được lối học hình thức.* | |  |
|  |
| **11**.Trong khi đề xuất ý kiến với vua về việc học,tác giả đã dùng những từ ngữ cầu khiến: *cúi xin, xin chớ bỏ qua*... Những từ ngữ đó cho em hiểu gì về thái độ của t/giả với việc học, với vua? | *HS tự bộc lộ suy nghĩ*  Chân thành với sự học, tin ở điều mình tấu trình là đúng đắn, tin ở sự chấp thuận của vua, giữ đạo vua tôi. |  |  |
| **12**.Theo lập luận của tác giả đạo học thành sẽ có tác dụng như thế nào ? | *HS suy nghĩ, trả lời*  =>Đạo học thành ***: Tạo được nhiều người tốt, triều đình ngay ngắn, thiên hạ thịnh trị.*** | |  |
| **13.** *Cho HS thảo luận*: Tại sao đạo học thành lại sinh ra nhiều người tốt và có thể khiến thiên hạ thịnh trị ?  - Nếu nói theo cách hiểu hôm nay thì đạo học thành sẽ có sức mạnh.  + Cải tạo con người.  + Cải tạo XH  + Thúc đẩy sự phát triển của XH theo hướng tích cực.  Em hiểu theo cách nào ? | *HS thảo luận nhóm bàn, đại diên trình bày* |  |  |
| - Mục đích học chân chính là cơ sở tạo ra người tài đức. Người có tài đức sẽ thành người tốt.  - Đạo học thành thì không còn lối học hình thức vì danh lợi cá nhân, không còn hình tượng chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nhiều người giỏi, có đạo đức, đỗ đạt làm quan sẽ khiến triều đình ngay ngắn.  - Đạo học thành sẽ tạo ra nhiều người biết trọng lẽphải (đạo lí) biết ứng dụng điều học vào công việc (hành động), không còn thói cầu danh lợi hoặc nịnh thần khiến việc cai trị quốc gia sẽ dễ dàng, nước nhà sẽ vững vàng, bình ổn. | |  |
| **14**.Theo em, đằng sau các lí lẽ bàn về tác dụng của phép học, người viết đã thể hiện một thái độ như thế nào ? | *HS tự bộc lộ*  Đề cao tác dụng của việc học chân chính tin tưởng ở đạo học chân chính. Kì vọng về tương lai đất nước. | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **15**. Nêu yêu cầu :  - Nhận xét ngôn ngữ, cách lập luận của tác giả trong văn bản? Tác dụng?  - Qua lập luận của tác giả em nhận thức được gì về mục đích và phương pháp học tập? | *HS, khái quát, trình bày* | ***1. Nghệ thuật*** |  |
| - Sử dụng nhiều từ ngữ cầu khiến; câu văn ngắn, lời văn mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu.  - Cách lập luận chặt chẽ, sáng rõ, sử dụng hình thức đối lập 2 quan niệm về việc học ->Tăng sức thuyết phục cho VB.  ***2. Nội dung ý nghĩa***  Văn bản nêu lên một quan niệm tiến bộ về sự học: học để làm người có đạo đức, có tri thức, học phải có phương pháp. học để làm người có đạo đức, có tri thức, học phải có phương pháp. | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **16**. Cho HS làm 1 số BTTN | *HS đọc BT, xác định* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| **17**. Xác định trình tự lập luận của VB bằng một sơ đồ ? | *HS trao đổi nhóm bàn, 1 HS lên bảng làm* | ***2. Xác định trình tự lập luận bằng một sơ đồ*** |  |

Mục đích của việc

học chân chính

Khẳng định q.điểm

PP đúng đắn

Phê phán những

lệch lạc, sai trái

Tác dụng của việc

học chân chính

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **-** Chỉ ra sự cần thiết của phương pháp “*Học đi đôi với hành*“ | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “Luận học pháp“ của Nguyễn Thiếp | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT

- Học thuộc và đọc diễn cảm một đoạn trong văn bản

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Viết đoạn văn trình bày luận điểm*

- Ôn tập về luận điểm và vai trò của luận điểm trong bài văn nghị luận.

- Hệ thống luận điểm và cách sắp xếp các luận điểm trong bài văn nghị luận.

- Chì các luận điểm, luận cứ, sắp xếp cho phù hợp.

+ Lập thành dàn bài cụ thể.

+ Tập viết một đoạn văn làm sáng tỏ một luận điểm trong bài.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 27**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG VÀ TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về luận điểm và hệ thống luận điểm trong bài văn nghị luận.

- Nâng cao một bước kĩ năng đọc – hiểu văn bản nghị luận và tạo lập văn bản NL

**2. Kĩ năng**

- Tìm hiểu, nhận biết, phân tích luận điểm.

- Sắp xếp các luận điểm trong bài văn nghị luận

**3. Thái độ**

Giáo dục HS ý thức học tập tích cực

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Khái niệm luận điểm.

- Quan hệ giữa luận điểm với vấn đề nghị luận, quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng**

- Tìm hiểu, nhận biết, phân tích luận điểm.

- Sắp xếp các luận điểm trong bài văn nghị luận

**3. Thái độ**

Giáo dục HS ý thức học tập tích cực

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các doạn văn , bài văn nghị luận.

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

Đọc tài liệu ngữ văn 7 tập 2.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra sách, vở bài tập của học sinh.

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu vấn đề: Trong VB “Chiếu dời đô”, vấn đề chủ yếu mà nhà vua đưa ra là gì? Vấn đề đó được làm sáng tỏ bằng cách nào?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 103.* Ôn tập về LĐ** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS ôn tập về luận điểm** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS ôn tập về luận điểm** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Khái niệm luận điểm** |  |
| **1**.Gọi HS đọc mục1. Nêu yêu cầu:  - Lựa chọn câu trả lời đúng để trả lời cho câu hỏi: Luận điểm là gì ?  - Luận điểm cần đảm bảo yêu cầu gì? | *HS đọc BT, suy nghĩ, lựa chọn, trả lời* | ***1. Khái niệm*** |  |
| - Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương cơ bản mà người viết (nói) nêu ra trong bài văn NL.  - Yêu cầu đối với luận điểm: cần phải chính xác, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và đủ làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra. | |  |
| **2**.Chia nhóm cho HS thảo luận. Nêu yêu cầu:  - Bài “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” của Hồ Chí Minh có mấy luận điểm? Luận điểm nào là LĐ xuất phát dùng làm cơ sở và luận điểm nào là | *HS trao đổi trong nhóm, xác định các luận điểm, trình bày.* | ***2. Xác định các LĐ***  ***a***. Bài “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” |  |
| Có 4 LĐ:  - LĐ1:Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước(LĐXP)  - LĐ2: Lòng yêu nước trong l/sử quá khứ dân tộc.  - LĐ3: Lòng yêu nước trong cuộc kh/chiến hiện tại.  - LĐ4: Bổn phận phát huy lòng yêu nước của chúng ta. (LĐ kết luận)  ***b***. Bài “*Chiếu dời đô*”  - Cách xác định luận điểm như vậy không đúng.Vì đó không phải là ý kiến, q/điểm mà chỉ là những vấn đề.  - Các luận điểm là:  + LĐ1. Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô.  + LĐ2. Việc đóng đô ở Hoa Lư là không phù hợp nữa  + LĐ3.Thành Đại La hội tụ mọi thuận lợi có thể xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. | |  |
| LĐ chính dùng làm kết luận của bài?  - Cách xác định các luận điểm bài “*Chiếu dời đô”* như mục 2b như vậy có đúng không ? Vì sao ?  - Theo em bài “Chiếu dời đô” có những luận điểm nào ? |  |
| **II.HD HS tìm hiểu mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề trong bài nghị luận.** | **II.HS tìm hiểu mối quan hệ giữa LĐ với vấn đề trong bài NL** | **II. Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề trong bài nghị luận.** |  |
| **4**.Theo dõi các LĐ trong bài “Tinh thần...ta”. Hãy cho biết:  - V/đề được đặt ra trong bài là gì ? Có thể làm sáng tỏ vấn đề này nếu trong bài viết Hồ Chí Minh chỉ đưa ra luận điểm “Đồng bào ta ngày nay...”  - Trong “*Chiếu dời đô*” nếu Lí Công Uẩn chỉ đưa ra luận điểm “Các triều đại ...” thì mục đích của nhà vua khi ban chiếu có thể đạt được không ? Vì sao ? | *HS theo dõi VB, suy nghĩ, trả lời* | ***1***.Bài “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”: |  |
| - Vấn đề đặt ra: Tinh thần yêu nước nồng nàn là truyền thống quý báu của nhân dân ta  - Không thể làm sáng tỏ vấn đề nếu chỉ có lòng yêu nước ngày nay vì như vậy chưa đủ để có thể trở thành truyền thống.  ***2***.Bài “*Chiếu dời đô*”  Nếu nhà vua chỉ đưa ra LĐ “Các triều đại ...thay đổi kinh đô” thì không đủ sức làm sáng tỏ v/đề cần phải dời đô đến Đại La của bài Chiếu và bài Chiếu của nhà vua ban ra sẽ không đủ sức thuyết phục quần thần. | |  |
| **6**.Từ sự tìm hiểu trên, em rút ra được những kết luận gì về mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận ?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS rút ra KL, trả lời*  *1HS đọc* | ->Để làm sáng tỏ v/đề cần giải quyết, LĐ cần phải c/xác, rõ ràng, phù hợp với y/cầu GQVĐ và đủ làm sáng tỏ toàn bộ v/đề được đặt ra.  ***\* Ghi nhớ***: Điểm 2/75 |  |
| **II.HD HS tìm hiểu mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài** **văn nghị luận** | **II.HS tìm hiểu mối quan hệ giữa các LĐ trong bài** **văn nghị luận** | **III. Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận** |  |
| **7**. GV chiếu 2 hệ thống LĐ cho HS quan sát. Gọi HS đọc. Hỏi:  - Để viết bài tập làm văn theo đề bài “*Hãy trình bày rõ vì sao chúng ta phải đổi mới phương pháp học tập*” em sẽ chọn hệ thống luận điểm nào? Vì sao?  (Nếu viết theo hệ thống LĐ2 thì bài viết không thể rõ ràng, mạch lạc, các ý còn luẩn quẩn, trùng lặp, chồng chéo). | *HS q/sát, đọc, so sánh, đối chiếu, lựa chọn.* | ***1.Ví dụ***: sgk/74 |  |
| - Chọn hệ thống LĐ thứ nhất vì nó đạt được yêu cầu giải quyết đầy đủ và sáng rõ v/đề được nêu trong đề.  + Các LĐ trong hệ thống LĐ thứ nhất hoàn toàn chính xác, được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: LĐ (a) là LĐ đặt vấn đề, LĐ(b) và (c) là LĐ làm sáng tỏ vấn đề  + Các luận điểm thực sự liên kết với nhau cùng hướng tới mục đích khẳng định sự cần thiết của việc phải thay đổi phương pháp học tập.  + Các luận điểm phân biệt rành mạch với nhau:  . LĐ(a) nêu v/đề,  . LĐ(b) kh/định việc cần thay đổi PP học tập cũ  . LĐ(c) kh/định việc cần phải theo PP HT mới. | |  |
|  |  |  |  |
| **8**.Từ việc tìm hiểu trên, em rút ra được kết luận gì về luận điểm và mối quan hệ giữa các LĐ trong bài văn nghị luận ?  \*GVchốt lại GN. Gọi HS đọc  \*Cho HS nhắc lại GN | *HS rút ra kết luận*  *1HS đọc ghi nhớ*  *1HS trình bày* | -> LĐ phải có hệ thống: có LĐ chính, LĐ phụ.  - Các LĐ phải liên kết chặt chẽ, sắp xếp theo trình tự.  ***2. Ghi nhớ***: Điểm 3,4/75 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **9.** Cho HS làm BTTN | *HS lựa chọn, trả lời* | ***\* Trắc nghiệm*** |  |
| **10**. Gọi HS đọc BT1/79. Hỏi:  - Đoạn văn nêu lên LĐ “NT là người anh hùng dân tộc” hay “Nguyễn Trãi như một ông tiên ở trong toà ngọc”?  - Hãy giải thích sự lựa chọn của em? | *1HS đọc, HS suy nghĩ và nêu luận điểm* | ***Bài 1: Tìm luận điểm của đoạn văn.*** |  |
| - LĐ của đoạn văn không phải là “*Nguyễn Trãi là một ông tiên*”, cũng không hẳn là “*Nguyễn Trãi* *là một anh hùng dân tộc*”  - LĐ của đoạn văn là “***Nguyễn Trãi là tinh hoa của đất nước, của dân tộc và thời đại lúc bấy giờ***” | |  |
| **11**. Nếu phải viết một bài tập làm văn để giải thích vì sao có thể nói rằng giáo dục là chìa  khoá của tương lai. Em sẽ chọn những luận điểm nào và sắp xếp các luận điểm ấy theo trình tự nào ? Vì sao ? | *HS lựa chọn, sắp xếp* | ***Bài 2: Lựa chọn và sắp xếp các luận điểm*** |  |
| \* *Giáo dục được coi là chìa khoá của tương lai vì:*  - GD là yếu tố quyết định đến việc điều chỉnh tốc độ gia tăng dân số, thông qua đó, quyết định môi trường sống, mức sống ... trong tương lai.  - GD trang bị kiến thức và nhân cách, trí tuệ và tâm hồn cho trẻ em hôm nay, những người làm nên thế giới ngày mai.  - Do đó, giáo dục là chìa khoá cho sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai.  - Giáo dục là chìa khoá cho sự phát triển chính trị và cho tiến bộ xã hội sau này. | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Lựa chọn 1 LĐ ở BT 2 để viết thành một đoạn văn. | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm hiểu mối quan hệ giữa các LĐ và với v/đề N qua các VB NL ở các VB NL đã học  . | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:***

- Nắm vững về LĐ, mối quan hệ giữa các LĐ và với v/đề NL

- Làm hoàn chỉnh các BT.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Viết đoạn văn trình bày luận điểm*.

+ Ôn tập cách trình bày nội dung trong một đoạn văn

+ Tìm hiểu cách trình bày luận điểm thành một đoạn văn.

* Rút kinh nghiệm
* Sửa bài tập khó trong sgk
* Thêm bài tập ngoài sgk để hs rèn luyện

**TUẦN 27: TIẾT 4: TRẢ BÀI KT GIỮA HKII**

**Tuần 28**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**HỘI THOẠI + HỘI THOẠI (TT)**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Hiểu khái niệm về vai xã hội trong hội thoại

- Biết xác định thái độ đúng đắn trong quan hệ giao tiếp

**2. Kĩ năng**

Xác định được các vai xã hội trong cuộc thoại

**3. Thái độ**

Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:* Vai xã hội trong hội thoại

**2. Kĩ năng**

Xác định được các vai xã hội trong cuộc thoại

**3. Thái độ**

Xác định thái độ đúng đắn trong quan hệ giao tiếp để đạt hiệu quả cao

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Văn bản tự sự

- Tích hợp KNS: giao tiếp trong cuộc sống

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Thế nào là hành động nói ? Cách thực hiện các hành động nói ?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| **\*** Nêu yêu cầu: Làm thế nào để có thể đạt hiệu quả cao trong giao tiếp?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 111.* Hội thoại** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu khái niệm vai xã hội** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu khái niệm vai xã hội** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Vai xã hội trong hội thoại** |  |
| **1**.GV chiếu đoạn trích sgk/92. Gọi HS đọc. Hỏi:  - Quan hệ giữa các nhân vật tham gia hội thoại trong đoạn trích trên là q/hệ gì ?  Ai ở vai trên, ai ở vai dưới ?  - Cách xử sự của người cô có gì đáng chê trách ?  - Tìm những chi tiết cho thấy nhân vật chú bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ thái độ lễ phép.  - Giải thích vì sao bé Hồng phải làm như vậy ? | *1HS đọc, cả lớp suy nghĩ, trao đổi, trả lời.* | ***1.Ví dụ:***  ***a*.** Đoạn trích: sgk/92 |  |
| ***- Quan hệ giữa hai nhân vật***: ***quan hệ gia tộc.***  + bà cô: vai trên,  + chú bé Hồng: vai dưới  ***- Cách xử sự của người cô***: thiếu thiện chí, vừa không  phù hợp với quan hệ ruột thịt vừa không thể hiện thái độ đúng mực của người trên đối với người dưới.  ***- Thái độ của bé Hồng***: im lặng, cúi đầu không đáp, cười dài trong tiếng khóc, cổ họng nghẹn ứ khóc không ra tiếng  Bé Hồng phải làm như vậy vì Hồng là người thuộc vai dưới, có bổn phận tôn trọng người trên. | |  |
| **2**.Theo dõi đoạn trích BT2/64. Hãy cho biết quan hệ giữa các nhân vật? Trong cuộc hội thoại đó, ai là vai trên?Ai là vai dưới? Tại sao bà lão láng giềng lại gọi chồng chị Dậu là “bác trai”?  **3**. Hãy chỉ ra một số quan hệ xã hội thông thường khác trong cuộc sống? Cách xưng hô trong các mối quan hệ này như thế nào? | *HS theo dõi đoạn trích, phát hiện, trả lời* | ***b***.Đoạn trích: sgk/64 |  |
| - Quan hệ: ***hàng xóm, láng giềng (quan hệ xã hội)***  + Bà lão láng giềng: vai trên  + Chị Dậu: vai dưới  - Bà lão gọi như vậy là thể hiện thái độ lịch sự, cách gọi thường thấy ở những người cao tuổi với những người chỉ đáng tuổi con mình.  *HS tìm, trả lời*  - Một số quan hệ xã hội:  + Quan hệ bạn bè: bạn - tôi, đằng ấy- đây...  + Quan hệ đồng nghiệp, đồng chí: đồng chí - tôi  + Quan hệ thầy trò : thầy (cô) – em (con)....  + Quan hệ cấp trên - cấp dưới.  + Quan hệ giữa người ít tuổi và người nhiều tuổi... | |  |
| **4**. Qua tìm hiểu các BT trên, em hiểu thế nào vai xã hội ?  -Vai XH được xác định bằng những quan hệ nào?  - Khi tham gia hội thoại, cần chú ý điều gì?  \*GV chốt lại GN, Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời*  - Vai XH: là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác  - Vai XH được xác định bằng các quan hệ XH  + Quan hệ trên dưới hay ngang hàng  + Quan hệ thân -sơ  - Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp khi tham gia hội thoại.  *1HS đọc ghi nhớ.* ***2. Ghi nhớ***: sgk/94 | |  |
| **5**. Cho HS làm Bài tập nhanh:  ***1.Trong hội thoại, người có vai xã hội thấp phải có thái độ như thế nào với người có vai xã hội cao hơn?***  ***2.Một người cha nói chuyện với một người con về công việc gia đình. Trong cuộc hội thoại đó quan hệ giữa hai người là quan hệ gì?*** | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**. Nêu yêu cầu BT1: Hãy tìm những chi tiết trong bài Hịch tướng sĩ thể hiện thái độ vừa nghiêm túc vừa khoan dung của Trần Quốc Tuấn đối với binh sĩ dưới quyền ? | *HS tìm, trả lời*  -Nếu các ngươi biết... kẻ nghịch thù.  - Nay ta bảo thật các ngươi..... sử sách lưu thơm. | ***Bài 1***:Tìm chi tiết thể hiện thái độ vừa nghiêm khắc vừa khoan dung của TQT: chỉ ra lỗi lầm, chê trách, khuyên bảo tướng sĩ rất chân tình. |  |
| **7**.Gọi HS đọc BT2. Cho HS thảo luận:  a.Hãy xác định vai xã hội của hai nhân vật tham gia cuộc thoại trong đoạn trích/  b.Tìm những chi tiết trong lời thoại của lão Hạc và lời miêu tả của nhà văn cho thấy thái độ vừa kính trọng, vừa thân tình của ông giáo đối với lão Hạc?  c.Những chi tiết nào trong lời thoại của lão Hạc và lời miêu tả của nhà văn nói lên thái độ vừa quý trọng vừa chân tình của lão đối với ông giáo? Những chi tiết nào thể hiện tâm trạng không vui và giữ ý của lão Hạc ? | *HS thảo luận theo 4 nhóm, xác định vai XH, tìm chi tiết và trình bày.* | ***Bài 2:***  ***a. Xác định vai XH*** |  |
| - Xét về địa vị XH: Ông giáo là người có địa vị cao hơn một nông dân nghèo như Lão Hạc.  - Xét về tuổi tác thì Lão Hạc có vị trí cao hơn.  ***b.Thái độ của ông giáo đối với Lão Hạc:***  + Cử chỉ thân mật: *nắm lấy vai lão, mời lão hút thuốc, uống nước, ăn khoai.*  + Lời lẽ: thể hiện sự kính trọng người già: *gọi lão Hạc là cụ, xưng hô gộp hai người là ông con mình;* thể hiện quan hệ bình đẳng: *xưng là tôi*  ***c.Thái độ của Lão Hạc với ông giáo:***  - gọi là ông giáo, dùng từ *dạy* thay cho từ *nói ->* thể hiện sự tôn trọng  - xưng hô gộp hai người là *chúng mình*, cách nói cũng xuề xoà *nói đùa thế* ->thể hiện sự chân tình  Nhưng qua cách nói của Lão Hạc ta vẫn thấy có một nỗi buồn, một sự giữ khoảng cách: Cười thì chỉ đưa đà, cười gượng, thoái thác chuyện ở lại ăn khoai, uống nước với ông giáo->phù hợp với tâm trạng lúc ấy và tính khí khái của lão Hạc. | |  |
| **8.** Gọi HS đọc BT3. Nêu yêu cầu: Thuật lại một cuộc thoại, phân tích vai XH, cách đối xử trong cuộc thoại. | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | ***Bài 3. Thuật lại cuộc hội thoại, phân tích vai XH*** |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết đoạn văn sự dụng yếu tố hội thoại trong đoạn văn đó? | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm một số vai XH khác nhau trong hoàn cảnh giao tiếp khác nhau của 1 người. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài cũ:***

-Nắm vững vai XH trong hội thoại, hoàn thành các bài tập

- Vận dụng và làm hoàn chỉnh các BT trong sgk

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận*”

- Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

- Tìm yếu tố biểu cảm trong một số đoạn văn nghị luận

**HỘI THOẠI ( TIẾP)**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** Hiểu khái niệm lượt lời và cách vận dụng chúng trong giao tiếp.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được các lượt lời trong các cuộc thoại

- Sử dụng đúng lượt lời trong giao tiếp

**3. Thái độ**

Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Khái niệm lượt lời

- Việc lựa chọn lượt lời để thể hiện thái độ và phép lịch sự trong giao tiếp.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được các lượt lời trong các cuộc thoại

- Sử dụng đúng lượt lời trong giao tiếp

**3. Thái độ**

Xác định vai xã hội đúng đắn trong quan hệ giao tiếp để đạt hiệu quả cao

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các đoạn văn , bài văn tự sự

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

- Vai xã hội là gì? Vai xã hội được xác định bởi yếu tố nào?

- Xác định vai xã hội của các nhân vật trong đoạn trích BT1/103.

=>giáo viên nhận xét và cho điểm

* **\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| **\*** Nêu yêu cầu: Trong cuộc thoại ở đoạn trích trên, mỗi nhân vật nói bao nhiêu lượt?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 115.* Hội thoại (Tiếp)** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu khái niệm lượt lời** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu khái niệm lượt lời** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Lượt lời trong hội thoại** |  |
| **1**.GV chiếu lại cuộc hội thoại giữa bé Hồng và bà cô. Nêu y/cầu cho HS trao đổi:  - Trong cuộc thoại đó, mỗi nh/vật nói bao nhiêu lượt ?  - Bao nhiêu lần lẽ ra Hồng | *HS quan sát, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Ví dụ*:**  Đoạn trích: sgk/92,93 |  |
| - Trong cuộc hội thoại:  + Người cô nói 6 lượt  + Bé Hồng nói 2 lượt  - 2 lần lẽ ra Hồng nói nhưng lại im lặng ->Sự bất bình đối | |  |
| được nói nhưng Hồng không nói ? Sự im lặng thể hiện thái độ nào của Hồng đối với những lời nói của người cô ?  - Vì sao Hồng không cắt lời bà cô khi bà nói những điều Hồng không muốn nghe ? | với bà cô.  - Vì Hồng ý thức được mình là người vai dưới nên không được phép xúc phạm bà cô. | |  |
| **2**.Trong cuộc hội thoại trên, mỗi lần người cô nói hay bé Hồng nói được gọi là một lượt lời. Em hiểu lượt lời trong hội thoại là gì? | *HS trình bày ý hiểu*  Lượt lời là một lần nói của người tham gia hội thoại |  |  |
| **3**. Để giữ lịch sự trong hội thoại cần lưu ý điều gì?  - Trong khi tham gia hội thoại, có thể biểu thị thái độ bằng những cách nào? | *HS suy nghĩ, trình bày:*  - Tôn trọng lượt lời người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.  - Để thể hiện thái độ trong hội thoại: dùng lời nói hoặc im lặng khi đến lượt lời của mình. | |  |
| **4**. Qua tìm hiểu ví dụ trên, em thấy khi tham gia hội thoại cần chú ý điều gì?  \* GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS trả lời dựa theo GN*  *1 HS đọc GN* | ***2. Ghi nhớ*:** (sgk/102) |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **5**.GV chiếu đoạn trích trong VB “Tức nước vỡ bờ”. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu  - Trong cuộc hội thoại đó, ai nói nhiều lượt lời nhất? Ai nói ít lượt lời nhất?  - Các nhân vật có nói đúng lượt lời của mình không? Ai không nói đúng lượt lời hay cắt lời người khác?  - Nhận xét vai XH của từng n/vật qua các lời thoại?  - Qua cách miêu tả cuộc hội thoại giữa các nhân vật, em thấy tính cách của mỗi nhân vật được thể hiện ntn ? | *1HS đọc, lớp nghe, suy nghĩ, trao đổi, trình bày* | ***Bài 1*.** Xác định tính cách nh/vật thể hiện qua lượt lời. |  |
| - Người nói nhiều lượt lời: tên cai lệ, chị Dậu.  - Người nói ít lượt lời: anh Dậu và người nhà lí trưởng  - Người không nói đúng lượt lời, cắt lời người khác: tên cai lệ  - Vai XH của các nhân vật:  + Chị Dậu: từ vai dưới, nhún nhường (*gọi ông - xưng cháu*) đến ngang hàng (*gọi ông - xưng tôi*) và lên vai trên (*gọi mày - xưng bà*).  + Tên cai lệ: từ vai trên bị chị Dậu hạ dần xuống vai dưới.  ->Tính cách của các nhân vật:  + Chị Dậu: Là người phụ nữ giàu lòng yêu thương chồng con, có tinh thần phản kháng và sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ .  + Anh Dậu: nhút nhát, yếu đuối, sợ hãi  + Cai lệ: hống hách, dữ dằn, tàn bạo, vô nhân đạo.  - Người nhà lý trưởng: phụ thuộc, tay sai. | |  |
| **6**.Cho HS đọc phân vai đoạn trích BT2. Cho HS thảo luận:  a. Sự chủ động tham gia cuộc thoại của Chị Dậu và cái Tí phát triển ngược chiều nhau như thế nào ?  b. Tác giả miêu tả diễn biến cuộc thoại như vậy có hợp với tâm lí nhân vật không? Vì sao?  c. Việc tác giả tô đậm sự hồn nhiên và hiếu thảo của cái Tí làm tăng kịch tính của câu chuyện như thế nào ? | *HS đọc phân vai, thảo luận theo nhóm bàn* | ***Bài 2***. Cuộc hội thoại của mẹ con chị Dậu |  |
| ***a***.Thoạt đầu, cái Tí nói rất nhiều rất hồn nhiên, còn chị Dậu thì chỉ im lặng. Về sau cái Tí nói ít hơn còn chị Dậu lại nói nhiều hơn.  ***b***.Tác giả miêu tả diễn biến cuộc thoại rất hợp với tâm lí nhân vật  - Thoạt đầu, cái Tí rất vô tư vì nó chưa biết là sắp bị bán đi; còn chị Dậu thì đau lòng buộc phải bán con nên im lặng.  - Về sau, cái Tí biết là sắp bị bán nên sợ hãi và đau buồn, ít nói hẳn đi, còn chị Dậu phải nói để thuyết phục đứa con phải nghe mình.  ***c***. Việc tác giả cái Tí hồn nhiên kể lể với mẹ những việc nó đã làm, khuyên bảo thằng Dần để phần những củ khoai to cho bố mẹ, hỏi thăm mẹ ... càng làm tăng nỗi đau trong lòng chị Dậu khi phải bán đứa con hiếu thảo, đảm đang như vậy và càng tô đậm nỗi bất hạnh sắp giáng xuống đầu cái Tí. | |  |
| **7**.Gọi HS đọc BT3. Hỏi:  -Trong đoạn trích có 2 lần n/vật “tôi” im lặng khi mẹ hỏi. Hãy cho biết sự im lặng của nhân vật “tôi” biểu thị điều gì? | *1HS đọc, cả lớp nghe, suy nghĩ, trả lời.* | ***Bài 3***.Sự im lặng trong cuộc thoại |  |
| - Lần 1:Biểu hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên, hãnh diện  - Lần 2: Biểu hiện sự xấu hổ, ân hận | |  |
| **8**.Gọi HS đọc BT4. Cho HS thảo luận:  Sự im lặng đó đúng trong những trường hợp nào? | *HS HĐ nhóm bàn, đại diện trình bày.* | ***Bài 4***. Nhận xét sự im lặng. |  |
| - *Im lặng là vàng* khi im lặng để giữ bí mật, để thể hiện sự tôn trọng người khác, để đảm bảo sự tế nhị trong giao tiếp...  *- Dại khờ, hèn nhát* khi im lặng trước những hành vi sai trái, trước áp bức bất công, trước sự xúc phạm nhân phẩm đối với con người...  =>Mỗi nhận xét chỉ đúng trong 1 số hoàn cảnh. | |  |

**\*Bài tập trắc nghiệm:**

***1. Thế nào là hành vi “cướp lời”(xét theo cách hiểu về lượt lời)?***

A. Nói tranh lượt lời của người khác.

B.Nói khi người khác đã kết thúc lượt lời của người khác.

C.Nói khi người khác chưa kết thúc lượt lời của người đó.

D.Nói xen vào khi người khác không yêu cầu.

***2. Trong hội thoại, khi nào người nói “im lặng” mặc dù đến lượt mình?***

A.Khi muốn biểu thị một thái độ nhất định.

B. Khi không biết nói điều gì.

C. Khi người nói đang ở trong tình trạng phân vân lưỡng lự.

D. Gồm cả A,B,C.

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Viết một đoạn hội thoại để trao đổi về việc làm bài tập và chỉ ra các lượt lời . | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm một số đoạn hội thoại, chỉ ra các lượt lời và xác định tính cách của nhân vật qua các lượt lời đó | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững khái niệm lượt lời

- Vận dụng và làm hoàn chỉnh các BT trong sgk

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Luyện tập đưa yếu tổ biểu cảm vào văn nghị luận”*

- Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hỏi và bài tập

- Các nhóm chuẩn bị giấy khổ lớn và bút dạ.

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa bài khó trong sgk

- Thêm ngữ liệu ngoài sgk giúp hs rèn luyện thêm

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 28**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**TÌM HIỂU YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN (TẬP TRUNG PHẦN 1)**

**LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN (TẬP TRUNG PHẦN II)**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Bổ sung, nâng cao hiểu biết về văn nghị luận .

- Nắm được vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận và cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết yếu tố biểu cảm và tác dụng của nó trong bài văn nghị luận

- Đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận hợp lí, có hiệu quả, phù hợp với lô-gíc lập luận của bài văn nghị luận

**3. Thái độ**

- Tự giác, tích cực trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Lập luận là phương thức biểu đạt chính trong văn nghị luận

- Biểu cảm là yếu tố hỗ trợ cho lập luận, góp phần tạo nên sức lay động, truyền cảm của bài văn nghị luận

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết yếu tố biểu cảm và tác dụng của nó trong bài văn nghị luận

- Đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận hợp lí, có hiệu quả, phù hợp với lô-gíc lập luận của bài văn nghị luận

**3. Thái độ**

Thấy được tầm quan trọng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các đoạn văn , bài văn nghị luận.

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

- Thế nào là văn nghị luận ?

- Để làm được bài văn nghị luận hay, có sức thuyết phục cần đảm bảo những yêu cầu cơ bản nào ?

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Làm cách nào để bài văn nghị luận có hiệu quả thuyết phục cao hơn?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 112.* Yếu tố biểu cảm ..** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn NL** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn NL** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận** |  |
| **1**.Gọi HS đọc VB. Hỏi:  - Hãy tìm những từ ngữ biểu lộ tình cảm mãnh liệt của tác giả và những câu cảm thán trong văn bản trên ?  -Về mặt sử dụng từ ngữ và đặt câu có tính chất biểu cảm, “Lời kêu gọi ...k/c” và “Hịch” có giống nhau không? | *1HS đọc, cả lớp nghe, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Ví dụ***:  ***Văn bản***: sgk/95 |  |
| - Từ ngữ biểu cảm: phải, thà, càng, nhất định, kiên quyết...  - Câu văn cảm thán: *Hỡi đồng bào toàn quốc!, Hỡi đồng bào !, Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân !, Chúng ta thà hi sinh tất cả .... không chịu làm nô lệ. Chúng ta phải đứng lên.*  -> Cả hai VB đều có nhiều từ ngữ, những câu văn biểu cảm song cả hai đều không phải là VB biểu cảm | |  |
| **2**. Tại sao cả 2 văn bản này vẫn được coi là những văn bản nghị luận chứ không phải là văn bản biểu cảm ? | *HS suy nghĩ, trả lời.*  Cả 2VB được viết ra là nhằm mục đích nêu quan điểm, ý kiến để bàn luận phải trái, đúng sai, nên suy nghĩ và hành động ntn. Vì vậy yếu tố biểu cảm chỉ đóng vai trò là yếu tố phụ trợ cho quá trình NL | |  |
| **3**.Theo dõi bảng đối chiếu. Cho biết vì sao những câu ở cột 2 hay hơn những câu ở cột 1 ? Từ đó cho biết yếu tố biểu cảm có vai trò như thế nào trong VB nghị luận? | *HS so sánh, đối chiếu, nhận xét.* | \* Vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận: |  |
| Vì: những câu ở cột 2 có từ ngữ, câu văn cảm thán nên nó có sức biểu cảm lớn hơn. Nó không chỉ nêu ra quan điểm mà còn thể hiện rõ cảm xúc của người viết. Do đó nó có sức tác động mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc, người nghe.  ->***Yếu tố biểu cảm tác động mạnh mẽ tới t/cảm của người đọc, người nghe, nó giúp cho văn nghị luận có hiệu quả thuyết phục cao hơn*** (giúp cho bài văn nghị luận trở nên hay hơn, gây được hứng thú hoặc cảm xúc mạnh mẽ, tạo nên cái hay cho văn bản). | |  |
| **4**.Gọi HS đọc mục 2/96, cho HS thảo luận:  - Làm thế nào để phát huy hết tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn NL?  - Người làm văn chỉ cần suy nghĩ về luận điểm và lập luận hay còn phải thật sự xúc động trước từng điều mà mình đang nói tới ?  - Ngoài rung cảm, người viết cần phải có phẩm chất gì khác nữa ?  - Có phải càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, càng đặt nhiều câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong văn nghị luận càng tăng hay không ? Vì sao ? | *HS thảo luận theo các gợi ý trong sgk/97, đại diện trình bày* | - Yêu cầu đối với người viết (nói) |  |
| - Người viết không chỉ cần suy nghĩ về vấn đề cần giải quyết mà còn phải thật sự xúc động trước điều mình đang nói tới.(Trong cả 2 VB trên, TQT và HCM đều xuất phát từ lòng yêu nước nồng nàn và lòng căm thù giặc sâu sắc khi cất lời kêu gọi nhân dân đứng lên chống xâm lược).  - Ngoài rung cảm, người viết phải thật sự có tình cảm, cảm xúc với những điều mình viết (nói); phải biết cách diễn tả cảm xúc chân thực bằng các phương tiện ngôn ngữ có tính truyền cảm.  - Trong văn NL, yếu tố biểu cảm chỉ có vai trò phục vụ cho NL Nếu yếu tố biểu cảm làm cho mạch NL bị phá vỡ, quá trình NL bị đứt đoạn thì yếu tố biểu cảm đó không có giá trị. Vì vậy người viết cần phải biết cách diễn tả cảm xúc của mình cho chân thật và yếu tố b/cảm không được phá vỡ mạch NL của bài văn | |  |
| **5**. Qua tìm hiểu VD trên, em thấy yếu tố BC có vai trò gì trong văn NL? Để bài văn NL có sức biểu cảm cao thì cần phải chú ý điều gì?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời theo ghi nhớ.*  *1 HS đọc ghi nhớ* | ***2. Ghi nhớ***: sgk/97 |  |
| \* Cho HS làm BT trắc nghiệm để củng cố: ***\* Trắc nghiệm***  ***1. Các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận có tác dụng như thế nào?***  A. Tác động mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc người nghe.  B. Thể hiện cụ thể , sinh động vấn đề nghị luận.  C. Giải thích rõ ràng hơn vấn đề nghị luận.  D. Cả A,B,C.  *2. Phần III – văn bản “Thuế máu”(“Kết quả của sự hi sinh”) có yếu tố biểu cảm không*?  A.Có. B. Không. | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**. Nêu yêu cầu BT1: Hãy chỉ ra các yếu tố biểu cảm trong phần I - VB “Thuế máu” và cho biết tác giả đã sử dụng những biện pháp gì để biểu cảm ?  - Tác dụng của các yếu tố biểu cảm ở đây là gì ? | *HS HĐ nhóm bàn, căn cứ VB phát hiện, suy nghĩ, trả lời* | ***Bài 1***. Chỉ ra yếu tố BC trong phần I - VB “Thuế máu” |  |
| - Nhại lại các từ xưng gọi của bọn thực dân trước và sau chiến tranh: “*tên da đen bẩn thỉu”, “An-nam-mít bẩn thỉu”, “con yêu”, “bạn hiền*” ...  ->Phơi bày giọng điệu dối trá của bọn thực dân: trước thì miệt thị, khinh bỉ; sau thì ca ngợi họ một cách giả dối trắng | |  |
|  | trợn  - Dùng hình ảnh mỉa mai bằng giọng điệu tuyên truyền của bọn thực dân: *Những người bản xứ đã chứng kiến cảnh kì diệu ..., bỏ xác tại những miền...., anh dũng đưa thân...,đón chào nồng nhiệt ....cút đi....*  -> Thái độ khinh bỉ sâu sắc, sự chế nhạo, cười cợt đối với giọng điệu tuyên truyền của bọn thực dân  =>Tạo hiệu quả về tiếng cười châm biếm, sâu cay | |  |
| **7**. GV chiếu đoạn văn BT2 Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu cho  HS thảo luận:  - Những cảm xúc gì được biểu hiện qua đoạn văn ?  - Tác giả đã làm thế nào để những đoạn văn đó không chỉ có sức thuyết phục lí trí mà còn gợi cảm ? | *HS thảo luận, đại diện trình bày* | ***Bài 2***: Phân tích yếu tố NL kết hợp yếu tố BC |  |
| - Những cảm xúc: nỗi buồn, xót xa vì tình trạng học “tủ” của HS, day dứt về việc HS phải nhấm bút trước một đề văn trong kì thi viết sau 7, 8 năm học văn.  - Cách diễn đạt gợi cảm:  + Trong đoạn văn, tác giả không chỉ phân tích điều hơn lẽ thiệt cho học trò để họ thấy tác hại của việc “học tủ” và “học vẹt”mà tác giả còn dùng những câu cảm thán, các từ ngữ giàu sức biểu cảm: *Nói làm sao cho các bạn hiểu..., Sao không...đến trường...*  + Đây là nỗi khổ tâm và nỗi buồn của một nhà giáo chân chính trước sự “xuống cấp” trong lối học văn và làm văn HS  + Giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, những câu nghi vấn có t/dụng bộc lộ cảm xúc. | |  |
| **8**. Nêu yêu cầu BT3: Viết một đoạn văn nghị luận trình bày luận điểm: *Chúng ta không nên học vẹt, học tủ”* | *HS viết cá nhân, 2-3HS trình bày, HS khác nhận xét* | ***Bài 3***. Viết đoạn văn trình bày luận điểm |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết đoạn văn có yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Chỉ ra cách trình bày LĐ và yếu tố biểu cảm trong đoạn văn em viết. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài cũ:*** Nắm vững vai trò, tác dụng của yếu tố BC trong văn NL.

Hoàn thành các bài tập

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: *Đi bộ ngao du*

- Đọc kĩ đề bài, lập dàn ý các luận điểm và luận cứ

- Viết đoạn văn triển khai 1 luận điểm có sử dụng yếu tố biểu cảm

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

-Sửa bài tập khó trong sgk

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 28**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3+4**

**LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM VÀO VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Củng cố chắc chắn hơn những hiểu biết về yếu tố biểu cảm trong baì văn nghị luận mà các em đã tìm hiểu ở tiết trước.

- Vận dụng những hiểu biết đó để tạp đưa yếu tố biểu cảm vào một câu, một đoạn, một bài văn nghị luận có đề tài gần gũi quen thuộc.

***2. Kĩ năng***

- Rèn luyện và nâng cao kĩ năng viết văn nghị luận.

***3. Thái độ***

- Có ý thức sử dụng yếu tố biểu cảm trong bài nghị luận.

**II. TRỌNG TÂM**

***1. Kiến thức***

- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận.

- Cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

***2. Kĩ năng***

- Xác định cảm xúc và biết cách diễn đạt cảm xúc đó trong bài văn nghị luận.

***3. Thái độ.***

- Có ý thức sử dụng yếu tố biểu cảm trong bài nghị luận.

***4. Những năng lực học sinh cần phát triển***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***b. Năng lực chuyên biệt***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy:**

- Phương pháp:

+Vấn đáp, thuyết trình.

+ Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

- Đồ dùng:

+ Tài liệu, giáo án, bài giảng điện tử.

**2. Trò:**

-Chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***Bước 1. Ổn định tổ chức(1'):***

Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

***Bước 2. Kiểm tra bài cũ:(3'*)**

H: Làm thế nào để yếu tố biểu cảm phát huy tác dụng cao nhất vào trong bài văn nghị luận?

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Các VB “Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ.. đều có tính thuyết phục cao. Theo em, yếu tố nào đã tạo nên tính thuyết phục cho văn bản?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 116.* Luyện tập đưa ..** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 3-5’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS ôn tập, củng cố kiến thức** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. HS ôn tập, củng cố kiến thức** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Củng cố kiến thức** |  |
| **1**. Cho HS nhắc lại:  -Trong văn NL, yếu tố biểu cảm có vai trò, tác dụng gì? Được thể hiện ntn?  - Để bài văn NL có sức biểu cảm cao thì người viết phải làm gì? | *HS nhắc lại kiến thức đã học* | 1. ***Vai trò của yếu tố b/cảm***  ***2. Các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận:*** |  |
| - Các yếu tố biểu cảm: từ ngữ, câu văn, ngữ điệu, cử chỉ... thể hiện cảm xúc, tâm trạng của người nói, viết.  - Yêu cầu biểu cảm: thể hiện sát, đúng, chân thành tâm trạng, cảm xúc của bản thân, phục vụ cho việc lập luận. | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập đưa yếu tố b/cảm vào đoạn văn** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập đưa yếu tố b/cảm vào đoạn văn** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập đưa yếu tố b/cảm vào đoạn văn** |  |
| ***B1. HD HS luyện nghe, nói có sử dụng yếu tố biểu cảm*** | ***Luyện nghe, nói có sử dụng yếu tố biểu cảm*** | ***1. Luyện nghe, nói*** |  |
| **2.** GV nêu đề bài.  - GV chiếu dàn ý trong sgk. Gọi HS đọc dàn ý và nêu yêu cầu cho HS thảo luận:  - Đề bài yêu cầu làm sáng tỏ vấn đề gì ?  - Để làm sáng tỏ vấn đề trên, | *HS thảo luận theo nhóm bàn, đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét.* | \* ***Đề bài***: sgk/108  -V/đề nghị luận: *Sự bổ ích của những chuyến tham quan du lịch.*  - Cách sắp xếp chưa hợp lí vì còn lộn xộn, chưa gọn gàng.  ->Sắp xếp lại: e->d->a->c->b |  |
| cách sắp xếp các luận điểm như đã nêu có hợp lí không? Vì sao? Nên sửa lại ntn  - Những cảm xúc nào được gợi lên từ những chuyến tham quan du lịch đó?  - Tìm những yếu tố biểu cảm thể hiện cảm xúc có thể đưa vào mỗi phần? |  | - Những cảm xúc được gợi lên từ những chuyến tham quan du lịch: thích thú, sảng khoái, phấn khởi.... |  |
| **3**. Hãy lập một dàn bài hoàn chỉnh từ các luận điểm đã có?  \*GV chiếu BP một dàn bài chuẩn để HS theo dõi. | *HS lập dàn bài theo nhóm tổ, đại diện TB* | *\*Dàn bài:* |  |
| ***1. Mở bài***: Nêu lợi ích của việc tham quan  ***2. Thân bài***: Nêu lợi ích cụ thể:  ***a. Về thể chất***: Những chuyến tham quan du lịch giúp ta thêm khoẻ mạnh (tăng cường sức khoẻ)  ***b. Về tình cảm***: những chuyến tham quan du lịch có thể giúp chúng ta:  - Tìm được thêm được nhiều niềm vui cho bản thân.  - Có thêm tình yêu với thiên nhiên, với quê hương, đất nước.  ***c. Về kiến thức***, những chuyến tham quan du lịch có thể giúp ta:  - Hiểu cụ thể hơn, sâu hơn những điều đã được học trong lớp, qua những điều mắt thấy tai nghe.  - Đưa lại nhiều bài học có thể còn chưa có trong sách vở của nhà trường.  ***3. Kết bài:*** Kh/định tác dụng của hoạt động tham quan. | |  |
| ***B2. HD HS luyện đọc, viết có sử dụng yếu tố biểu cảm*** | ***HS luyện đọc, viết có sử dụng yếu tố biểu cảm*** | ***2. Luyện đọc, viết*** |  |
| **4.** Gọi Hs đọc đoạn văn trong sgk/ 108. Nêu yêu cầu:  - Xác định một số từ ngữ, cách xưng hô có giá trị biểu cảm trong đoạn văn?  - Chỉ rõ yếu tố biểu cảm trực tiếp, gián tiếp được sử dụng? Nêu tác dụng của các yếu tố biểu cảm đó? | *HS đọc, trao đổi nhóm bàn, trình bày.* | ***\*Đoạn văn: sgk/108***  - Một số từ ngữ, cách xưng hô có giá trị biểu cảm: *biết bao hứng thú, ta hân hoan biết bao, ta thích thú biết bao....*  *->Người đọc thấy rõ lợi ích về tinh thần của việc đi bộ ngao du* |  |
| **5**. Nếu phải trình bày LĐ hãy cho biết:  - Luận điểm ấy gợi cho em cảm xúc gì?  - Theo em, đoạn văn nghị luận trong mục (b) đã thể hiện được cảm xúc ấy chưa?  - Làm thế nào để có thể biểu đạt những tình cảm mà em muốn gửi vào đoạn văn đó? | *HS suy nghĩ, trao đổi, trình bày* | *\* Trình bày luận điểm*: “Những chuyến tham quan du lịch ... nhiều niềm vui”, |  |
| - Gợi những cảm xúc về những niềm vui mà những chuyến tham quan du lịch mang lại: tính khí trở nên vui vẻ, nỗi buồn tan biến, giúp ta thêm yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, đất nước hơn....  - Đoạn văn mục (b) đã thể hiện được cảm xúc về những niềm vui mà chuyến tham quan đem lại: đó là cảm xúc trước cảnh thiên nhiên Vịnh Hạ Long. | |  |
| - Có cần đưa thêm vào đoạn văn những từ ngữ biểu cảm không?  - Em có dự định thay đổi một số câu văn để đoạn văn thêm sức truyền cảm không? | - Để có thể biểu đạt những tình cảm, cảm xúc: Cần tăng cường yếu tố biểu cảm để đoạn văn biểu hiện đúng những cảm xúc chân thực của bảm thân bằng cách đưa vào đoạn văn các từ ngữ biểu cảm như: biết bao nhiêu, thật diệu kì, làm sao**...** | |  |
| **6.** Cho HS viết lại đoạn văn trình bày luận điểm trên?  GV nhận xét, rút kinh nghiệm | *HS viết cá nhân(7*’*), trình bày trước tổ, lớp. HS khác nhận xét.* |  |  |

**\*Bài tập trắc nghiệm:**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Bởi vậy, cho đến khi chữ tôi, với cái nghĩa tuyệt đối của nó, xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo những chữ anh, chữ bác, chữ ông đã thấy chướng. Huống bây giờ nó đứng một mình!

Nhưng ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bỡ ngỡ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá!

***1. Tác giả đã kết hợp các phương thức biểu đạt nào trong đoạn trích***?

A. Nghị luận+miêu tả. B. Nghị luận+biểu cảm.

C. Miêu tả +biểu cảm. D. Nghị luận +tự sự.

***2 . Cảm xúc chủ yếu của tác giả được thể hiện qua đoạn trích là?***

A.Thông cảm với cái ***tôi***.

B. Khâm phục sức sống mạnh mẽ của cái ***tôi***.

C. Bất bình trước cái ***tôi*.**

D. Lo lắng cho số phận của cái ***tôi*** trên thi đàn Việt Nam.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Viết đoạn văn sử dụng yếu tố biểu cảm trong văn tự sự cần chú ý điều gì? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Gv giao bài tập  Vẽ sơ đồ tư duy | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

***Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học ở nhà (1'****)*

\* Bài cũ:

- Hoàn thành bài viết một cách hoàn chỉnh, chú trọng việc đưa yếu tố biểu cảm vào các luận điểm

- Hoàn thành bài tập về nhà.

\* Bài mới:

Chuẩn bị bài: Kiểm tra văn

- Ôn tập lại toàn bộ những kiến thức về phần văn bản trong học kì 2 để chuẩn bị tốt cho tiết kiểm tra sắp tới.

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa bài khó trong sgk

-Cho hs thực hành them bài ngoài sgk

**Tuần 29**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1+2**

**ĐI BỘ NGAO DU (KKHS TỰ HỌC)**

**ÔNG GIUỐC ĐANH MẶC LỄ PHỤC (KKHS TỰ HỌC)**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Hiểu được quan điểm đi bộ ngao du của tác giả

- Thấy nghệ thuật lập luận mang đậm sắc thái cá nhân của nhà văn Pháp Ru-xô

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu văn bản nghị luận nước ngoài.

- Tìm hiểu, phân tích các luận điểm, luận cứ, cách trình bày vấn đề trong một bài văn nghị luận cụ thể.

**3. Thái độ**

Cóý thức hơn về vấn đề giáo dụcvà rèn luyện bản thân

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Mục đích, ý nghĩa của việc đi bộ theo quan điểm của tác giả.

- Cách lập luận chặt chẽ, sinh động, tự nhiên của nhà văn.

- Lối viết nhẹ nhàng, có sức thuyết phục khi bàn về lợi ích, hứng thú của việc đi bộ ngao du.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu văn bản nghị luận nước ngoài.

- Tìm hiểu, phân tích các luận điểm, luận cứ, cách trình bày vấn đề trong một bài văn nghị luận cụ thể.

**3. Thái độ**

Cóý thức hơn về vấn đề giáo dụcvà rèn luyện con người, thấy được lợi ích của việc đi bộ

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần TV và TLV: Các BPNT, văn nghị luận....

- Tích hợp KNS: Biết đi ra ngoài xã hội để tìm hiểu, học hỏi

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu,

Tư liệu về tác giả và tác phẩm

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5').

Hãy sắp xếp các văn bản cho đúng với nền văn học của các quốc gia

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tác phẩm** | **N­ước** |
| Cô bé bán diêm | C­rơg­xtan |
| Đánh nhau với cối xay gió | Pháp |
| Chiếc lá cuối cùng | Đan Mạch |
| Hai cây phong | Tây Ba Nha |
| ??? | Mĩ |

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| \*Từ việc KTBC, nêu yêu cầu: Em biết được nước Pháp có văn bản nào đã học ? Của những tác giả nào?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 113,114. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 5- 7' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS ®äc - t×m hiÓu chó thÝch** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đäc-t×m hiÓu chó thÝch** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. §äc - Chó thÝch** |  |
| **1**. GV HD cách đọc: Giọng rõ ràng, dứt khoát, tình cảm, thân mật, nhấn giọng ở những từ “ tôi ”, “ ta ” xen kẽ với các câu kể, câu hỏi, câu cảm; chú ý những từ ngữ mang đậm sắc thái cá nhân.  \*GV đọc mẫu. Gọi HS đọc.  \* GV nhận xét | *HS nghe, xác định cách đọc*.  *3 HS đọc 3 đoạn của VB, HS khác nhận xét.* | **1.Đọc** |  |
| **2.** GV giới thiệu chân dung Ru xô. Nêu yêu cầu;  - Hãy nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm và xuất xứ của đoạn trích?  \* GV chốt lại những nét chính về tác giả và một số tác phẩm chính của Ru-xô | *HS dựa vào CT và hiểu biết để trình bày* | **2. Chú thích**  ***a. Tác giả*** |  |
| ***Ru-xô (1712-1778***) là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội Pháp.  ***b. Tác phẩm :***  ***Văn bản “Đi bộ ngao du”*** Trích trong quyển V- (quyển cuối cùng của tác phẩm), khi Ê-min đã khôn lớn trưởng thành. | |  |
| \* Ru-xô là nhà văn Pháp. Ông mồ côi mẹ từ nhỏ, phải tự lao động để kiếm sống. Ông hầu như chưa trải qua một trường lớp chính quy nào. Tuy nhiên chính cuộc sống từng trải đã dạy ông nhiều điều bổ ích hơn bất cứ một trường lớp nào. Cuộc đời của ông là cuộc đời của một con người “nhiều cay đắng mà vinh quang”. Bài học lớn nhất của ông là tự học, kiên cường vượt qua mọi thử thách, quyết tâm theo đuổi chí hướng của mình. Quan điểm triết học của Ru-xô rất tiến bộ: đề cao con người tự nhiên, chống lại con người xã hội, đấu tranh cho một nền giáo dục dân chủ tự do, lên án XH đương thời đã chà đạp, làm tha hoá con người. Văn của Ru-xô thường nhẹ nhàng, giàu hình ảnh và có sức lôi cuốn độc giả.  Tác phẩm *“Ê-min hay Về giáo dục*” viết năm 1762, là một thiên luận văn tiểu thuyết bàn về việc giáo dục một em bé có tên là Ê-min từ khi em mới ra đời cho đến lúc em trưởng thành. Tác phẩm chia thành 5 quyển tương ứng với 5 giai đoạn liên tiếp của quá trình giáo dục Ê-min. | | |  |
| **3**. Cho HS giải nghĩa một số từ khó trong sgk | *HS dựa vào CT để trả lời* | ***c. Từ khó*** |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 52- 55' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản** |  |
| ***B1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***HS tìm hiểu khái quát văn bản*** | ***1. Tìm hiểu khái quát*** |  |
| **4**.GV chiếu yêu cầu, cho HS thảo luận chia sẻ cặp đôi:  - Xác định kiểu văn bản, nội dung, PTBĐ của VB?  - Theo cách lập luận của tác giả, VB có thể chia làm mấy luận điểm? Chỉ ra các đoạn văn tương ứng với từng luận điểm?  - Nhận xét về cách sắp xếp bố cục và cách trình bày luận điểm của tác giả trong VB? | *HS thảo luận chia sẻ cặp đôi, trình bày* | - ***Thể loại***: văn nghị luận  - ***Nội dung***: Lợi ích của việc đi bộ  - ***PT BĐ***: lập luận  - ***Bố cục***: 3 luận điểm |  |
| - LĐ1 (Đoạn1): Đi bộ ngao du thì con người được tự do thưởng ngoạn  - LĐ2(Đoạn 2): Đi bộ ngao du có khả năng giúp con người mở rộng tầm tri thức, hiểu biết.  - LĐ3(Đoạn 3): Đi bộ ngao du có tác dụng tốt đến sức khoẻ và tinh thần.  *->****Bố cục, luận điểm rõ ràng, mạch lạc theo cách sắp xếp riêng.*** | |  |
| **5**. Nếu hiểu ngao du là dạo chơi đó đây thì nghĩa của “Đi bộ ngao du” là gì ?  - Theo em cách đặt tên *“Đi bộ ngao du”* đã sát với nội dung VB này chưa ? Vì sao?  - Đề tài và nhân vật trong văn bản có gì khác so với các văn bản NL khác đã học ? | *HS suy nghĩ trả lời* |  |  |
| -“Đi bộ ngao du: Dạo chơi đó đây bằng cách đi bộ.  - Tên bài sát với nội dung văn bản. Vì tên này đã khái quát được nội dung văn bản(bàn về lợi ích của việc dạo chơi mọi nơi theo cách đi bộ)  - Đề tài và nhân vật: đây là đề tài sinh hoạt đời thường. Tính chất chủ quan của tác giả luôn được nhấn mạnh trong vai “tôi” hoặc “ta” | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết*** | ***HS tìm hiểu chi tiết*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| **6**.Gọi HS đọc đoạn 1. Nêu yêu cầu:  - Trong đoạn văn này, tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu nào? Nhằm mục đích gì?  - Những điều thú vị nào được kể trong khi con người đi bộ ngao du? | *1HS đọc. Cả lớp nghe, suy nghĩ, trả lời* | ***a. Đi bộ ngao du thì con người được tự do*** ***thưởng ngoạn*** |  |
| - Kiểu câu: trần thuật nhằm kể lại những điều thú vị của người ngao du bằng cách đi bộ  - Những điều thú vị:  + Ưa đi lúc nào thì đi, thích dừng lúc nào thì dừng, muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tuỳ  -> *Chủ động mọi thời gian*  + Có thể quan sát khắp nơi, xem xét tất cả những gì thấy hay, dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh; ở đâu ưa thích -> lưu lại, thấy chán->bỏ đi. | |  |
|  | + Nhìn thấy một dòng sông­ -> đi men theo sông; thấy một khu rừng rậm ­-> đi vào d­ưới bóng cây;  thấy một hang động ­->đến tham quan;  thấy một mỏ đá ­-> xem xét các khoáng sản....  + Không phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm, chẳng cần những lối đi có sẵn, ...  + Tôi đi qua bất cứ nơi nào con ng­ười có thể đi qua, tôi xem tất cả những gì mà con ngư­ời có thể xem.  + Tôi h­ưởng thụ tất cả sự tự do mà con ngư­ời có thể hưởng thụ. | |  |
| **7**. Nhận xét cách xưng hô của tác giả và biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong đoạn? Tác dụng của các BPNT đó?  - Khi nào tác giả xưng là tôi, khi nào xưng là ta? Cách lặp lại đại từ “tôi” hoặc “ta” trong khi kể có ý nghĩa gì?  - Các cụm từ “*ta ưa đi, ta thích dừng, ta muốn hoạt động, tôi ưa thích, tôi hưởng thụ”* xuất hiện liên tục có ý nghĩa gì ? | *HS nhận xét, suy nghĩ* |  |  |
| - Ngôi kể: ngôi thứ nhất “tôi” hoặc “ta”.  - Biện pháp nghệ thuật: Liệt kê ->Thuyết phục người đọc tin vào lợi ích của việc đi bộ ngao du mà tác giả đã rút ra từ kinh nghiệm của bản thân mình  - Cách lặp lại từ *tôi, ta*: Nhấn mạnh kinh nghiệm của bản thân trong việc đi bộ ngao du, từ đó tác động vào lòng tin của người đọc.  - Các cụm từ: Nhấn mạnh sự thoả mãn các cảm giác tự do cá nhân của người đi bộ ngao du.  *->Thấy được nhiều điều thú vị trong thiên nhiên, tự do, thoải mái tuỳ theo ý thích chủ động, không bị phụ thuộc*  ***->Thoả mãn nhu cầu hoà hợp với tự nhiên, đem lại cảm giác tự do thưởng ngoạn cho con người.*** | |  |
| **8.** Khi đi bộ con người sẽ gặp phải những trở ngại gì? Cách khắc phục những trở ngại đó?  Như vậy đi bộ còn thú vị về điều gì nữa? | *HS phát hiện, suy nghĩ, trình bày.* |  |  |
| - Nếu thời tiết xấu -> đi ngựa  - Nếu thấy chán -> Tìm những thứ để giải trí  - Nếu mệt -> Vận động hai cánh tay để đôi chân nghỉ  ->***Có thể khắc phục những trở ngại ngẫu nhiên*** | |  |
| **9**. Nhận xét về nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn?  - Qua lập luận của mình, tác giả muốn thuyết phục bạn đọc tin vào những lợi ích nào của việc đi bộ ngao du? | *HS nhận xét, trình bày* |  |  |
| *->Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng phong phú xác thực, cách thay đổi đại từ nhân x­ưng, kết hợp yếu tố biểu cảm, câu trần thuật.*  ***=> Đi bộ ngao du – niềm hạnh phúc tự do thưởng ngoạn*** | |  |
| **10**. Khi quả quyết rằng: “Tôi chỉ ... đó là đi bộ”, tác giả đã tự thấy mình là người như thế nào? | *HS bộc lộ suy nghĩ*  *-*Tác giả là người :  + ưa thích ngao du bằng đi bộ.  + Quý trọng sở thích và nhu cầu cá nhân.  + Muốn mọi người cũng yêu thích đi bộ như mình | |  |
| **\*** Cho HS làm BTTN:  *1. Văn bản “Đi bộ ngao du” dùng ph­ương thức biểu đạt nào là chính?*  A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Thuyết minh  *2. Nội dung chính của đoạn 1 trong văn bản “Đi bộ ngao du” là gì?*  A. Niềm vui khi không phải đi xe ngựa B. Hứng thú khi đi bộ ngao du.  C. Sự tiện lợi của đi bộ ngao du D. Nỗi buồn khi đi bộ ngao du  **(Hết tiết 1, chuyển tiết 2)** | | |  |
| **TIẾT 2.** | | |  |
| **11**. Gọi HS đọc đoạn 2. Hỏi:  - Theo tác giả, đi bộ ngao du là đi như thế nào?  - Em hiểu gì về những nhân vật này? Đi như Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go là đi như thế nào?  - Khi đi như vậy ta sẽ thu nhận được những gì?  - Những kiến thức thu nhận được nhờ đi bộ ngao du có giá trị như thế nào? | *1HS đọc, cả lớp nghe.*  *HS trao đổi, phát hiện, suy nghĩ, trả lời.* | ***2. Đi bộ ngao du có khả năng mở rộng tầm tri thức, hiểu biết.*** |  |
| - Đi như Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go: vừa đi vừa quan sát, nghiền ngẫm.  - Thu nhận được:  + Biết được những tài nguyên thiên nhiên phong phú dưới chân mình và TNTN của trái đất.  + Biết được những sản vật đặc trưng của khí hậu từng vùng và cách thức trồng trọt những đặc sản ấy.  + Những kiến thức về khoa học về tự nhiên: đất, đá, hoa lá, những hoá thạch...  ->*những kiến thức của một nhà khoa học tự nhiên*  - Giá trị: Phong phú hơn các phòng sưu tập của vua chúa, mỗi vật đều đúng chỗ của nó, được sắp xếp đâu ra đấy, không ai có thể làm tốt hơn | |  |
| **12**.Nhận xét kiểu câu, những biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng để nói về giá trị của những kiến thức thu nhận được nhờ đi bộ ngao du? Tác dụng của chúng? | *HS nhận xét, trả lời*.  - Kiểu câu: nghi vấn ->Khẳng định những điều có thể thu nhận được khi đi bộ ngao du  - Nghệ thuật: So sánh kết hợp lời bình luận ->Đề cao kiến thức thực tế khách quan, đề cao kiến thức của các nhà khoa học am hiểu đời sống thực tế, xem thường kiến thức sách vở giáo điều | |  |
| **13**. Từ lập luận của tác giả, những lợi ích nào của việc đi bộ ngao du được khẳng định ?  Từ đó bộc lộ quan điểm nào của tác giả về việc đi bộ? | *HS suy nghĩ, trả lời*  - Lợi ích: ***Mở rộng tầm hiểu biết về tự nhiên, đời sống thực tế ngoài trường lớp, sách vở thông thường.***  ->Khích lệ mọi người hãy đi bộ để mở rộng tầm hiểu biết, mở mang năng lực khám phá đời sống, làm giàu trí tuệ, đầu óc được sáng láng. | |  |
| **14**. Tìm những câu tục ngữ, ca dao của ta cũng có nội dung nói về việc đó? | *HS liên hệ, tìm, trả lời*.  - Đi một ngày đàng học một sàng khôn.  - Đi cho biết đó, biết đây.....ngày nào khôn. | |  |
| **15**. Đọc đoạn 3 và cho biết:  - Những lợi ích cụ thể nào của việc đi bộ được đề cập tới?  - Nhận xét việc sử dụng từ ngữ, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn? Tác dụng của các BPNT đó?  - Bằng lí lẽ và kinh nghiệm thực tế đó, tác giả muốn bạn đọc tin vào những tác dụng nào của việc đi bộ ngao du ?  Qua đó bộc lộ quan điểm gì của tác giả? | *HS đọc thầm, suy nghĩ, trao đổi, trả lời.* | ***3. Đi bộ ngao du có tác dụng tốt đến sức khoẻ và tinh thần.*** |  |
| - Lợi ích: Sức khoẻ được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ; khoan khoái và hài lòng với tất cả; hân hoan khi về đến nhà; thích thú khi ngồi vào bàn ăn; ngủ ngon giấc.  - Nghệ thuật:  +Sử dụng các tính từ liên tiếp như: *Vui vẻ, khoan khoái, hân hoan, thích thú*; những câu cảm thán :  *Ta hân hoan biết bao... Ta thích thú biết bao*...  ->Nêu bật cảm giác phấn chấn trong tinh thần của người đi bộ ngao du.  +So sánh đối lập hai trạng thái tinh thần: Đi bộ ngao du (*vui vẻ, hân hoan*) >< ngồi trong xe ngựa (*mơ màng, buồn*) ->Khẳng định lợi ích tinh thần của đi bộ ngao du  =>***Khơi dậy niềm vui sống, tinh thần được sảng khoái, vui vẻ, yêu cuộc sống và yêu đời hơn***  ->Muốn tránh được buồn bã cáu kỉnh thì nên đi bộ . | |  |
|  |  |
| **16**. Theo em trật tự sắp xếp các luận điểm như vậy có hợp lí không? Vì sao? | *HS nhận xét, trả lời*  - Trật tự sắp xếp các luận điểm hợp lí, lô gíc, tạo được sự chặt chẽ, mạch lạc cho văn bản  - Vì: Đối với Ru-xô, tự do là yếu tố quan trọng hàng đầu. Ông luôn khao khát tự do, suốt đời ông đấu tranh cho tự do. Ông lại là người thuở nhỏ hầu như không được học hành, luôn khao khát kiến thức vì vậy cả đời ông phải nỗ lực tự học->việc trau dồi kiến thức được xếp thứ hai . | |  |
| **17**.Trong đoạn trích, đại từ nhân xưng luôn thay đổi, khi thì “ta”, khi thì “tôi”, lúc lại là Ê-min...Cách sử dụng như vậy có tác dụng gì? | *HS nhận xét, trả lời.*  - Khi xưng “ta”:Tác giả xác định cho mình một vị thế khách quan để nêu ra các lí lẽ  - Khi xưng “tôi”:Tác giả đang nói về những cảm nhận và cuộc sống từng trải của riêng ông.  ->Nhấn mạnh kinh nghiệm của bản thân, tạo nên sắc thái đa dạng, sinh động cho lời văn. Từ đó tác động vào lòng tin của người đọc vào việc đi bộ . | |  |
| **18**.Từ văn bản này, em hiểu được gì về nhà văn Ru-xô? | *HS bộc lộ cảm nhận* | Ru-xô là con người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên, c/sống |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết trình. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **HS đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **19.** Cho HS làm BTTN để tổng kết  *Câu 1. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản Đi bộ ngao du là gì?*  A. Lập luận hợp lí, chặt chẽ.  B. Kết hợp lí lẽ với các dẫn chứng lấy từ thực tiễn cuộc sống của tác giả  C. Giọng văn giàu cảm xúc.  D. Gồm cả A, B, C*.*  *Câu 2. Nội dung chính của văn bản Đi bộ ngao du là gì?*  A. Bàn về chuyện đi bộ ngao du. C. Bàn về vấn đề giáo dục.  B. Bàn về lợi ích của việc đi bộ ngao du. D. Bàn về vấn đề thể thao. | | |  |
| GV chốt lại GN. Gọi HS đọc. | *1HS đọc Ghi nhớ.* | \****Ghi nhớ***: sgk/102 |  |
| **20.** Qua tìm hiểu VB, em rút ra cho mình bài học gì? | *HS tự bộc lộ.*  Muốn tự do thưởng ngoạn, mở rộng tầm hiểu biết, tăng cường sức khoẻ, bồi bổ tinh thần nên đi bộ ngao du. | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **20**. Cho HS làm BTTN | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | ***1.Trắc nghiệm*** |  |
| 1. Nội dung của văn bản “Đi bộ ngao du” là gì?  A. Đi bộ ngao du- tự do thưởng ngoạn.  B. Đi bộ ngao du- tính tình vui vẻ.  C. Đi bộ ngao du- đầu óc sáng láng.  D. Cả A,B,C.  2 . Qua đoạn trích,có thể thấy nhà văn Ru-xô là người như thế nào?  A. Giản dị B. Quý trong tự do.  C. Yêu mến thiên nhiên. D. Gồm cả A,B,C. | | |  |
| **21**.Viết đoạn văn trình bày luận điểm: *Đi bộ ngao du có nhiều ích lợi đối với con người.* | *HS viết cá nhân, 2-3 HS trình bày, HS khác n/xét.* | ***2. Viết đoạn văn*** |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **-** Lập sơ đồ lập luận của văn bản | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm đọc toàn bộ tác phẩm | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

-Đọc diễn cảm VB***,*** nắm vững phần ghi nhớ

- Làm hoàn chỉnh BT2 (viết đoạn văn)

***b. Bài mới***: Chuẩn bị cho bài kiểm tra Văn

- Ôn lại các văn bản đã học ở chương trình HKII

- Nắm vững nội dung, nghệ thuật, hoàn cảnh ra đời, PTBĐ, những chi tiết đặc sắc, tiêu biểu...)... của các tác phẩm.

\* Ruts kinh nghiệm

- Nhấn mạnh lợi ích của việc đi bộ trong đời sống thực tế

-Hướng dẫn học sinh viết bài văn nghị luận ngắn về lợi ích của việc đi bộ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 29**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU TẬP TRUNG CÁC YÊU CẦU I,II)**

***(Luyện tập):*LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU (TẬP TRUNG CÁC YÊU CẦU 1,3,6)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Trang bị cho HS 1 số hiểu biết sơ giản về trật từ từ trong câu, cụ thể là:

+ Khả năng thay đổi trật tự từ

+ Hiệu quả diễn đạt của những trật tự từ khác nhau

***2. Kĩ năng***

- Hình thành ở học sinh ý thức lựa chọn trật tự từ trong nói, viết cho phù hợp với yêu cầu phản ánh thực tế và diễn tả tư tưởng, tình cảm của bản thân.

***3. Thái độ***

- Biết cách lựa chọn trật tự từ trong câu cho phù hợp.

**II. TRỌNG TÂM**

***1. Kiến thức***

- Cách sắp xếp trật tự từ trong câu.

- Tác dụng diễn đạt của những trật tự từ khác nhau.

***2. Kĩ năng***

- Phân tích hiệu quả diễn đạt của việc lựa chọn trật tự từ trong một số văn bản đã học.

- Phát hiện và sửa chữa được một số lỗi trong sắp xếp trật tự từ.

***3. Thái độ.***

- Biết cách lựa chọn trật tự từ trong câu cho phù hợp.

***4. Những năng lực học sinh cần phát triển***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***b. Năng lực chuyên biệt***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy:**

- Phương pháp:

+Vấn đáp, thuyết trình.

+ Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

- Đồ dùng:

+ Tài liệu, giáo án, bài giảng điện tử.

**2. Trò:**

-Chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***Bước 1. Ổn định tổ chức(1'):***

Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

***Bước 2. Kiểm tra bài cũ (2')***

H: Thế nào là lượt lời? Trong giao tiếp, chúng ta cần chú ý điều gì để việc giao tiếp đạt hiệu quả cao nhất?

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | | | |  |
| \* GV chiếu 1 câu văn. Gọi HS đọc và yêu cầu thay đổi vị trí các từ trong câu để tạo thành câu mới. So sánh ý nghĩa của các câu mới với nghĩa của nó ban đầu.  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán*  *-Ghi tên bài vào vở* | | | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | | ***Tiết 118.* Lựa chọn…** | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu chung về sự thay đổi trật tự từ trong câu.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu về sự thay đổi trật tự từ trong câu.** | | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Nhận xét chung** | |  |
| **1**.GV chiếu đoạn trích. Hỏi  - Có thể thay đổi trật tự từ trong câu in đậm theo những cách nào mà không làm thay đổi nghĩa cơ bản của câu?  - Vì sao tác giả chọn trật tự từ như trong đoạn trích ?  ->Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại một hiệu quả diễn đạt riêng | *HS đọc đoạn trích, suy nghĩ, trao đổi, trả lời* | | | ***1. Ví dụ***  Đoạn văn: sgk/110 | |  |
| - Có thể thay đổi trật tự từ trong câu như sau:  1. Cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ.  2. Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, gõ đầu roi xuống đất.  3. Thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất.  4. Bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất thét.  5. Bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét.  6. Gõ đầu roi xuống đất, bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ thét.  -> 6 lần thay đổi  - Lựa chọn trật tự từ như vậy vì:  + Việc lặp lại từ “Roi” ở ngay đầu câu có tác dụng liên kết chặt câu ấy với câu trước.  + Việc đặt từ “thét” ở cuối câu có tác dụng liên kết với câu sau.  + Việc mở đầu bằng cụm từ “gõ đầu roi xuống đất” có tác dụng nhấn mạnh sự hung hãn của tên cai lệ. | | | | |  |
| **2**. Hãy thử chọn một trật tự từ khác và nhận xét về tác dụng của sự thay đổi ấy ? | *HS lựa chọn, nhận xét.*  VD: Cai lệ gõ đầu roi xuống đất....hút nhiều xái cũ.  ->Việc sắp xếp cụm từ “gõ đầu roi xuống đất” ngay sau | | | | |  |
| *GV gợi ý*: Sự thay đổi ấy có t/dụng nhấn mạnh không? Có liên kết với câu đứng trước hoặc sau không? Hiệu quả của các cách diễn đạt có giống nhau không?  GV chiếu cho HS tham khảo bảng sơ kết. | CN khiến cho h/động đó không được nhấn mạnh -> tính cách của tên cai lệ không được bộc lộ rõ nét. | | | | |  |
| Câu | Nhấn mạnh sự hung hãn | Liên kết với  câu đứng trước | | Liên kết với câu đứng sau |  |
| 1 | - | + | | + |
| 2 | - | + | | - |
| 3 | - | - | | - |
| 4 | - | - | | + |
| 5 | - | - | | + |
| 6 | + | - | | + |
| **3**.Từ tìm hiểu VD, em rút ra kết luận gì về cách sắp xếp trật tự từ khi viết văn?  GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời*  *1 HS đọc ghi nhớ* | | | **=>** Cách sắp xếp trật tự từ  ***2. Ghi nhớ*:** sgk/111 | |  |
| **II. HD HS tìm hiểu tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ.** | **II. HS tìm hiểu tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ.** | | | **II. Một số tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ** | |  |
| **4**.GV chiếu các đoạn văn mục(1). Gọi HS đọc. Hỏi:  - Trật tự từ trong những bộ phận câu in đậm ở VD 1 thể hiện điều gì ?  - So sánh tác dụng của những cách sắp xếp trật tự từ trong các bộ phận câu in đậm ở VD 2. | *HS quan sát đoạn trích, suy nghĩ và trả lời.* | | | ***1. Ví dụ***.  **\* VD1:** | |  |
| 1a.Thể hiện thứ tự trước sau của các hoạt động.  1b.  - Thể hiện thứ bậc cao thấp của các nhân vật, thể hiện thứ tự xuất hiện của các nhân vật.  - Thể hiện trình tự quan sát, thể hiện sự tương ứng với trật tự cụm từ đứng trước (cai lệ mang roi song, người nhà lí trưởng mang dây thừng)  **\*VD2**  - Cách viết của nhà văn Thép Mới có hiệu quả diễn đạt cao hơn vì nó có nhịp điệu hơn và đảm bảo được sự hài hoà về ngữ âm. | | | | |  |
| **6**.Từ những điều đã phân tích ở các mục I, II hãy rút ra n/xét về t/dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu?  GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trình bày.*  *1HS đọc ghi nhớ* | | | ***=> Tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu***  ***2.Ghi nhớ***: (sgk/112) | |  |
| **7.** Cho HS làm BT TN để củng cố. | *HS đọc, lựa chọn đáp án, trình bày* | | | ***\* Trắc nghiệm*** | |  |
| ***1. Trật tự từ của câu nào thể hiện thứ tự trước sau theo thời gian?***  A.Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập muôn đời.  B. Đám than đã vạc hẳn lửa.  C. Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị.  D. Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu.  ***2. Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu là gì?***  A.Thể hiện tài năng của ngưòi nói.  B. Làm cho câu trở nên sinh động ,hấp dẫn.  C. Thể hiện quan niệm của ngưòi nói về sự việc được nói đến trong câu . | | | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** | |  |
| **8**. Gọi HS đọc BT1. GV chia nhóm cho HS thảo luận: Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu và những câu  in đậm ?  - Nhóm 1: phần a  - Nhóm 2: phần b  - Nhóm 3: phần c  \*GV chốt lại. | *HS thảo luận theo 3 nhóm, đại diện trình bày, nhóm khác bổ sung* | | | ***Bài 1.*** Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ | |  |
| a. Kể tên các vị anh hùng dân tộc theo thứ tự xuất hiện của các vị ấy trong lịch sử.  b. Đặt cụm từ “*đẹp vô cùng*” trước bổ ngữ “*Tổ quốc*  *ta ơi”* -> ***để nhấn mạnh cái đẹp của non sông mới được giải phóng.***  - Đảo cụm từ “*hò ô*” lên trước “*tiếng hát*”-> *để bắt vần với sông Lô (vần lưng) tạo cảm giác kéo dài, thể hiện sự mênh mang của sông nước, đồng thời cũng đảm bảo cho câu thơ bắt vần với câu trước*  ***->Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm cho lời thơ.***  c. Lặp lại các từ, cụm từ “*mật thám*”, *“đội con gái*”  ->***Liên kết chặt chẽ câu đó với câu đứng trước.*** | | | | |  |
| **9**.Cho HS viết đoạn văn ngắn (4-6 câu) trình bày luận điểm. Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong các câu đó. | HS HĐ cá nhân, 2-3HS trình bày, HS khác nhận xét | | | ***Bài 2***.Viết đoạn văn trình bày luận điểm: *Đi bộ rất có lợi đối với sức khoẻ* | |  |

\* **Hoạt động 4:Vận dụng (5')**

- Phương pháp: hoạt động cá nhân, nhóm

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Nêu ví dụ về trường hợp sắp xếp trật tự từ chưa hợp lí của em hoặc bạn em, phân tích. | - Cho VD thực tế | **IV. Vận dụng** |  |

\* **Hoạt động 5:Tìm tòi, mở rộng (1')**

- Phương pháp: hoạt động cá nhân, nhóm

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Tìm đọc thêm những ví dụ về sắp xếp trật tự từ | - Thực hiện ở nhà |  |  |

***Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học ở nhà (1'****)*

\* Bài cũ:

- Học bài, nắm vững những tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu

- Sưu tầm một số câu có trật tự từ đặc biệt để phân tích tìm hiểu tác dụng của việc sắp xếp đó.

- Hoàn thành bài tập

\* Bài mới:

Chuẩn bị bài: Trả bài kiểm tra giữa hk2

* Rút kinh nghiệm
* Sửa bài tập khó trong sgk
* Thêm ngữ liệu ngoài sgk giúp hs rèn luyện thêm

***(Luyện tập)***

**LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU (TẬP TRUNG CÁC YÊU CẦU 1,3,6)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Biết vận dụng những kiến thức về trật tự từ trong câu để phân tích hiệu quả diễn đạt của một số trật tự từ trích từ một số tác phẩm văn học, chủ yếu là các tác phẩm đã học.

- Viết được một số đoạn văn ngắn thể hiện khả năng sắp xếp trật tự từ hợp lí.

- Rèn luyện kĩ năng hành văn cho học sinh.

***2. Kĩ năng***

- Phân tích được hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong văn bản.

- Lựa chọn trật tự từ hợp lí trong nói và viết, phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.

***3. Thái độ***

- Biết cách lựa chọn trật tự từ trong câu cho phù hợp.

**II. TRỌNG TÂM**

***1. Kiến thức***

- Tác dụng diễn đạt của một số cách sắp xếp trật tự từ.

***2. Kĩ năng***

- Lựa chọn trật tự từ hợp lí trong nói và viết, phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.

***3. Thái độ.***

- Biết cách lựa chọn trật tự từ trong câu cho phù hợp.

***4. Những năng lực học sinh cần phát triển***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng CNTT; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***b. Năng lực chuyên biệt***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy:**

- Phương pháp:

+Vấn đáp, thuyết trình, dạy học dự án.

+ Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

- Đồ dùng:

+ Tài liệu, giáo án, bài giảng điện tử.

**2. Trò:**

-Chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***Bước 1. Ổn định tổ chức(1'):***

Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

***Bước 2. Kiểm tra bài cũ (2')***

H: Hãy trình bày một số tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu?

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | | | |  |
| \* GV chiếu 1 câu văn. Gọi HS đọc và yêu cầu thay đổi vị trí các từ trong câu để tạo thành câu mới. So sánh ý nghĩa của các câu mới với nghĩa của nó ban đầu.  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán*  *-Ghi tên bài vào vở* | | | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | | ***Tiết 118.* Lựa chọn…** | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu chung về sự thay đổi trật tự từ trong câu.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu về sự thay đổi trật tự từ trong câu.** | | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Nhận xét chung** | |  |
| **1**.GV chiếu đoạn trích. Hỏi  - Có thể thay đổi trật tự từ trong câu in đậm theo những cách nào mà không làm thay đổi nghĩa cơ bản của câu?  - Vì sao tác giả chọn trật tự từ như trong đoạn trích ?  ->Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại một hiệu quả diễn đạt riêng | *HS đọc đoạn trích, suy nghĩ, trao đổi, trả lời* | | | ***1. Ví dụ***  Đoạn văn: sgk/110 | |  |
| - Có thể thay đổi trật tự từ trong câu như sau:  1. Cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ.  2. Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, gõ đầu roi xuống đất.  3. Thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất.  4. Bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất thét.  5. Bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét.  6. Gõ đầu roi xuống đất, bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ thét.  -> 6 lần thay đổi  - Lựa chọn trật tự từ như vậy vì:  + Việc lặp lại từ “Roi” ở ngay đầu câu có tác dụng liên kết chặt câu ấy với câu trước.  + Việc đặt từ “thét” ở cuối câu có tác dụng liên kết với câu sau.  + Việc mở đầu bằng cụm từ “gõ đầu roi xuống đất” có tác dụng nhấn mạnh sự hung hãn của tên cai lệ. | | | | |  |
| **2**. Hãy thử chọn một trật tự từ khác và nhận xét về tác dụng của sự thay đổi ấy ? | *HS lựa chọn, nhận xét.*  VD: Cai lệ gõ đầu roi xuống đất....hút nhiều xái cũ.  ->Việc sắp xếp cụm từ “gõ đầu roi xuống đất” ngay sau | | | | |  |
| *GV gợi ý*: Sự thay đổi ấy có t/dụng nhấn mạnh không? Có liên kết với câu đứng trước hoặc sau không? Hiệu quả của các cách diễn đạt có giống nhau không?  GV chiếu cho HS tham khảo bảng sơ kết. | CN khiến cho h/động đó không được nhấn mạnh -> tính cách của tên cai lệ không được bộc lộ rõ nét. | | | | |  |
| Câu | Nhấn mạnh sự hung hãn | Liên kết với  câu đứng trước | | Liên kết với câu đứng sau |  |
| 1 | - | + | | + |
| 2 | - | + | | - |
| 3 | - | - | | - |
| 4 | - | - | | + |
| 5 | - | - | | + |
| 6 | + | - | | + |
| **3**.Từ tìm hiểu VD, em rút ra kết luận gì về cách sắp xếp trật tự từ khi viết văn?  GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời*  *1 HS đọc ghi nhớ* | | | **=>** Cách sắp xếp trật tự từ  ***2. Ghi nhớ*:** sgk/111 | |  |
| **II. HD HS tìm hiểu tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ.** | **II. HS tìm hiểu tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ.** | | | **II. Một số tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ** | |  |
| **4**.GV chiếu các đoạn văn mục(1). Gọi HS đọc. Hỏi:  - Trật tự từ trong những bộ phận câu in đậm ở VD 1 thể hiện điều gì ?  - So sánh tác dụng của những cách sắp xếp trật tự từ trong các bộ phận câu in đậm ở VD 2. | *HS quan sát đoạn trích, suy nghĩ và trả lời.* | | | ***1. Ví dụ***.  **\* VD1:** | |  |
| 1a.Thể hiện thứ tự trước sau của các hoạt động.  1b.  - Thể hiện thứ bậc cao thấp của các nhân vật, thể hiện thứ tự xuất hiện của các nhân vật.  - Thể hiện trình tự quan sát, thể hiện sự tương ứng với trật tự cụm từ đứng trước (cai lệ mang roi song, người nhà lí trưởng mang dây thừng)  **\*VD2**  - Cách viết của nhà văn Thép Mới có hiệu quả diễn đạt cao hơn vì nó có nhịp điệu hơn và đảm bảo được sự hài hoà về ngữ âm. | | | | |  |
| **6**.Từ những điều đã phân tích ở các mục I, II hãy rút ra n/xét về t/dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu?  GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trình bày.*  *1HS đọc ghi nhớ* | | | ***=> Tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu***  ***2.Ghi nhớ***: (sgk/112) | |  |
| **7.** Cho HS làm BT TN để củng cố. | *HS đọc, lựa chọn đáp án, trình bày* | | | ***\* Trắc nghiệm*** | |  |
| ***1. Trật tự từ của câu nào thể hiện thứ tự trước sau theo thời gian?***  A.Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập muôn đời.  B. Đám than đã vạc hẳn lửa.  C. Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị.  D. Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu.  ***2. Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu là gì?***  A.Thể hiện tài năng của ngưòi nói.  B. Làm cho câu trở nên sinh động ,hấp dẫn.  C. Thể hiện quan niệm của ngưòi nói về sự việc được nói đến trong câu . | | | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** | |  |
| **8**. Gọi HS đọc BT1. GV chia nhóm cho HS thảo luận: Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu và những câu  in đậm ?  - Nhóm 1: phần a  - Nhóm 2: phần b  - Nhóm 3: phần c  \*GV chốt lại. | *HS thảo luận theo 3 nhóm, đại diện trình bày, nhóm khác bổ sung* | | | ***Bài 1.*** Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ | |  |
| a. Kể tên các vị anh hùng dân tộc theo thứ tự xuất hiện của các vị ấy trong lịch sử.  b. Đặt cụm từ “*đẹp vô cùng*” trước bổ ngữ “*Tổ quốc*  *ta ơi”* -> ***để nhấn mạnh cái đẹp của non sông mới được giải phóng.***  - Đảo cụm từ “*hò ô*” lên trước “*tiếng hát*”-> *để bắt vần với sông Lô (vần lưng) tạo cảm giác kéo dài, thể hiện sự mênh mang của sông nước, đồng thời cũng đảm bảo cho câu thơ bắt vần với câu trước*  ***->Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm cho lời thơ.***  c. Lặp lại các từ, cụm từ “*mật thám*”, *“đội con gái*”  ->***Liên kết chặt chẽ câu đó với câu đứng trước.*** | | | | |  |
| **9**.Cho HS viết đoạn văn ngắn (4-6 câu) trình bày luận điểm. Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong các câu đó. | HS HĐ cá nhân, 2-3HS trình bày, HS khác nhận xét | | | ***Bài 2***.Viết đoạn văn trình bày luận điểm: *Đi bộ rất có lợi đối với sức khoẻ* | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Chỉ ra sự sắp xếp trật tự từ trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của sự sắp xếp đó?  *Mọc giữa dòng sông xanh*  *Một bông hoa tím biếc. (Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)* | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm một số ví dụ có sự sắp xếp trật tự từ khác nhau và tìm hiểu tác dụng của sự sắp xếp đó? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ trong câu

- Vận dụng và làm hoàn chỉnh các BT trong sgk

***b. Bài mới***: Chuẩn bị cho tiết *Luyện tập*

- Ôn tập lại kiến thức về văn nghị luận, các thao tác lập luận

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa tất cả các bài trong sgk

- Thêm ngữ liệu ngoài sgk giúp hs rèn luyện thêm

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 29**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**TÌM HIỂU VỀ CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**TRONG VĂN NGHỊ LUẬN (TẬP TRUNG PHẦN I)**

**LUYỆN TẬP ĐƯA CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**TRONG VĂN NGHỊ LUẬN (TẬP TRUNG PHẦN II)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Thấy được tự sự và miêu tả thường là những yếu tố rất cần thiết trong 1 bài văn nghị luận, vì chúng có khả năng giúp người nghe (người đọc) nhận thức được nộ dung nghị luận một cách dễ dàng, sáng tỏ hơn.

- Nắm được những yêu cầu cần thiết của việc đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận, để sự nghị luận có thể đạt được hiệu quả cao thuyết phục cao.

***2. Kĩ năng***

- Vận dụng các yểu tố tự sự và miêu tả vào đoạn văn nghị luận.

***3. Thái độ***

- Có ý thức sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả trong bài nghị luận.

**II. TRỌNG TÂM**

***1. Kiến thức***

- Hiểu sâu hơn về văn nghị luận, thấy được tự sự và miêu tả là những yếu tố rất cần thiết trong bài văn nghị luận.

- Nắm được cách thức cơ bản khi đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

***2. Kĩ năng***

- Vận dụng các yểu tố tự sự và miêu tả vào đoạn văn nghị luận.

***3. Thái độ.***

- Có ý thức sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả trong bài nghị luận.

***4. Những năng lực học sinh cần phát triển***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***b. Năng lực chuyên biệt***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy:**

- Phương pháp:

+Vấn đáp, thuyết trình.

+ Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

- Đồ dùng:

+ Tài liệu, giáo án, bài giảng điện tử.

**2. Trò:**

-Chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***Bước 1. Ổn định tổ chức(1'):***

Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

***Bước 2. Kiểm tra bài cũ (2')***

H: Yếu tố biểu cảm có vai trò ntn trong văn nghị luận? Kể tên một vài văn bản nghị luận có yếu tố biểu cảm?

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| **\*** GV nêu vấn đề: trong bài TLV, các em thấy có chỗ nào vừa sức, chỗ nào khó? Đã kết hợp được những yếu tố nào trong bài văn nghị luận? | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán*  *-Ghi tên bài vào vở* | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng |  | ***Tiết 119. Trả bài TLV số 6*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I. HD HS tìm hiểu yêu cầu, biểu điểm, đáp án của bài tập làm văn** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Tìm hiểu yêu cầu, biểu điểm, đáp án** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Trả bài** |  |
| **\*** GV trả bài cho HS.  \* GV cùng HS xây dựng lại đáp án  \* GV công bố biểu điểm, đáp án của bài. | *- HS nhận bài, xem lại*  *- HS đối chiếu đáp án, biểu điểm, ghi kiến thức*  *cơ bản vào vở* |  |  |
| **Phần I. Đọc hiểu** **(3.0 điểm).**  ***- Từ câu 1 đến câu 4***: mỗi câu chọn đúng đáp án được 0,25 điểm, tổng 1 điểm.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | | **Đáp án** | B | B | C | A |   ***- Câu 5*** (***0,5đ).*** Luận điểm của đoạn văn: Môi trường sống có một ý nghĩa to lớn và vô cùng quan trọng, cho nên chúng ta phải có trách nhiệm bảo vệ nó.  ***- Câu 6 (0,5đ).*** Cách lập luận trong đoạn văn:  +Từ việc nêu ra ý nghĩa to lớn và quan trọng của môi trường, người viết đưa ra các dẫn chứng về việc môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng, cuối cùng để rút ra kết luận: chúng ta phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường.  + Tác dụng: Làm cho luận điểm sáng tỏ và có sức thuyết phục  ***- Câu 7(1đ).*** HS viết được suy nghĩ của bản thân về trách nhiệm của bản thân và mọi người trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường.  **Phần II. Tạo lập văn bản (7.0 điểm).**  ***\* Về hình thức: 1,0 đ***  - Bố cục khoa học, rõ ràng, đủ ba phần MB. TB, KB  - Trình bày sạch đẹp, không sai lỗi chính tả.  - Dung lượng bài viết hợp lí.  ***\* Về kĩ năng: 2,0 đ***  - Diễn đạt lưu loát, ngôn ngữ trong sáng. Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu  - Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể, sinh động.  ***\* Về nội dung***: ***4.0 đ***  ***a. Mở bài***: Giới thiệu tầm quan trọng của phư­ơng pháp học đi đôi với hành.  ***b. Thân bài***: Trình bày làm rõ các luận điểm.  ***\*.Thế nào là học và hành:***  - Học là quá trình tiếp thu tri thức cơ bản mà nhân loại đã tích lũy đ­ược qua hàng ngàn năm thông qua hoạt động học tập ở trư­ờng, qua sách vở và học ở ngoài đời.  - Hành là vận dụng những điều đã học được vào thực tế công việc cụ thể hàng ngày.  - Mối quan hệ giữa học và hành: học là cơ sở cho hành, chỉ đạo soi sáng cho hành ; hành | | |  |
| giúp vận dụng, củng cố kiến thức cho việc học.  ***\* Tại sao phải học đi đôi với hành.***  - Mục đích tối cao của việc học là không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết, nhằm phục vụ cho công việc đạt hiệu quả cao hơn. Vì vậy học mà không hành thì việc học trở nên vô ích, mất thời gian, tiền của, công sức mà không mang lại lợi ích thiết thực nào.  - Hành mà không học thì hành không trôi chảy: Nếu chỉ làm việc (hành) theo thói quen và kinh nghiệm, không có lí thuyết (học) soi sáng thì năng suất và chất l­ượng công việc sẽ thấp. Đối với những công việc đòi hỏi phải phải có trình độ hiểu biết khoa học kĩ thuật thì lại càng phải học không ngừng.  - Trong thời đại khoa học kĩ thuật phát triển nhanh chóng như­ hiện nay, nếu không học sẽ không thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.  ***c. Kết bài***: Khẳng định lại vấn đề  - Học và hành luôn đi đôi, không nên coi nhẹ mặt nào. Có như­ vậy thì hiệu quả lao động sản xuất mới đ­ược nâng cao. | | |  |
| **II. HD HS nhận ra ưu, nhược điểm trong bài** | **HS xác định ưu, nhược điểm trong bài** | **II.Nhận xét ưu, nhược điểm** |  |
| **3**.Cho HS tự nhận ưu, nhược điểm của mình.  - GV nhận xét ưu nhược điểm trong bài của HS. | *HS tự nhận ra ưu, nhược điểm.*  *HS nghe, rút kinh nghiệm* | **1. Ưu điểm** |  |
| - Đa số nắm được yêu cầu của bài văn NL , biết vận dụng kiến thức để làm bài.  - Biết kết hợp tốt các phương pháp lập luận trong bài.: Thương, Trang, Tú,.....  - Bố cục tương đối rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ.  - Nội dung nghị luận khá sinh động, phong phú, cụ thể  **2. Nhược điểm:**  - Trong bài viết chưa rõ các luận điểm, còn mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ đặt câu chưa chuẩn về mặt nghĩa, câu thiếu dấu ở trong bài viết: Cường, Hùng, Quý ...  - Các ý trong bài còn lộn xộn: Thái Hùng, Việt Cường, Nam..  ***\* Nguyên nhân***: Chưa nắm vững kiến thức về văn nghị luận.  Chuẩn bị bài chưa chu đáo, làm bài chưa tập trung.  ***\* Cách khắc phục.***  ***-*** Ôn lại kiến thức về văn nghị luận, cách lập luận trong bài nghị luận  - Cần chuẩn bị bài chu đáo, làm bài nghiêm túc. Kiểm tra bài trước khi nộp. | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **III.HD HS chữa lỗi** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS chữa lỗi** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. Chữa lỗi** |  |
| **4**. GV chiếu đoạn văn, câu văn của những HS bị mắc lỗi. Cho HS quan sát, gọi HS đọc. Nêu yêu cầu;  - Hãy phát hiện lỗi sai trong những câu trên? Đó là những lỗi gì?  - Hãy sửa lại các lỗi đó? | *HS quan sát, đọc, phát hiện lỗi, sửa lại.* | - Lỗi chính tả.  - Lỗi dùng từ.  - Lỗi diễn đạt. |  |
| \*GV định hướng cho HS và lắng nghe HS sửa, chốt lại và yêu cầu HS chữa vào vở hoặc phía dưới bài làm của chính HS mắc lỗi.  **5**.GV đọc một số đoạn văn hay cho HS tham khảo.  **6**. Qua tiết trả bài này em rút ra được những bài học gì khi làm các bài kiểm tra sau ? | *HS lắng nghe, sửa, chữa vào bài làm của chính bản thân mình bị mắc lỗi.*  *HS nghe, học tập và tự rút kinh nghiệm*  HS trả lời theo cảm nhận của bản thân | ***\*Một số đoạn văn, bài văn tham khảo.*** |  |

\* **Hoạt động 4:Vận dụng (7')**

- Phương pháp: hoạt động cá nhân, nhóm

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Cho HS viết đoạn văn triển khai luận điểm “Tham quan, du lịch đem đến cho ta hiểu biết về vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương đất nước” có sử dụng yếu tố miêu tả. | - Viết đoạn văn |  |  |

\* **Hoạt động 5:Tìm tòi, mở rộng (2')**

- Phương pháp: hoạt động cá nhân, nhóm

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm đọc một số bài văn hay, học tập cách viết của các tác giả đó. | - Đọc bài |  |  |

***Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học ở nhà (1'****)*

\* Bài cũ:

- Học bài, nắm vững nội dung bài học.

- Hoàn thành bài tập

\* Bài mới:

Chuẩn bị bài: Ông Giuốc - đanh mặc lễ phục

+Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu vài nét về tác giả và tác phẩm

+Phân tích nhân vật Giuốc - đanh trong đọan trích để thấy được mục đích của tác giả khi xây dựng kiểu nhân vật như nhân vật này.

* Rút kinh nghiệm
* Nhấn mạnh vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài văn nghị luận
* - Sửa bài tập khó trong sgk

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**LUYỆN TẬP ĐƯA CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

Củng cố những kiến thức về tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận và tập đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng**

- Tiếp tục rèn kĩ năng viết văn nghị luận.

- Biết chọn các yếu tố tự sự và miêu tả cần thiết và biết cách đưa các yếu tố đó vào bài văn nghị luận thuần thục hơn.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận

- Tầm quan trọng của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài văn nghị luận

**2. Kĩ năng**

- Tiếp tục rèn kĩ năng viết văn nghị luận.

- Xác định và lập hệ thống luận điểm cho bài văn nghị luận

- Biết chọn các yếu tố tự sự và miêu tả cần thiết và biết cách đưa các yếu tố đó vào bài văn nghị luận thuần thục hơn.

- Biết đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào một bài văn nghị luận có độ dài 400 chữ

**3. Thái độ**

Thấy được tầm quan trọng của yếu tố yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các văn bản nghị luận

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS

**\*Bước 3:** Dạy - học bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \*Nêu yêu cầu: Trong VB “Thuế máu”, nếu không có những chi tiết miêu tả hay kể về những thủ đoạn bắt lính của nhà cầm quyền thì người đọc có thể hiểu rõ bộ mặt giả dói, trơ trẽn của CQTD không?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 124. Luyện tập*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12 - 15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS củng cố kiến thức về văn nghị luận** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS ôn tập, củng cố KT** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Củng cố kiến thức** |  |
| **1**.GV nêu yêu cầu cho HS nhắc lại:  - Yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò ntn trong bài văn NL  - Khi đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn NL cần chú ý điều gì? | *HS nhớ lại kiến thức, trình bày* | 1. Yêú tố tự sự và miêu tả giúp cho việc trình bày luận cứ được rõ ràng, cụ thể, sinh động -> sức thuyết phục mạnh mẽ hơn  2. Yếu tố tự sự và miêu tả làm luận cứ phải phục vụ cho việc làm rõ luận điểm, không phá vỡ mạch NL của bài văn. |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 20 - 25 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** |  |
| **2.** Đọc và quan sát hệ thống luận điểm sgk đã nêu, theo em nên đưa vào bài viết những luận điểm nào? Vì sao?  **3**. Cần sắp xếp các luận điểm theo hệ thống như thế nào để bài viết có bố cục rành mạch, hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục được người đọc, người nghe?  \* GV cho HS tham khảo dàn ý: | *HS đọc, suy nghĩ, lựa chọn, giải thích*. | ***\* Đề bài***:  Trang phục và văn hoá.  ***1. Xác lập luận điểm*** |  |
| - Nên đưa các luận điểm: a,b,c,e.  - Luận điểm (d) không phù hợp với yêu cầu của đề bài vì nội dung nói về chống ma tuý và ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai.  ***2. Sắp xếp luận điểm***  - Có thể sắp xếp theo thứ tự: a-c-e-b.  - Thêm kết luận: Các bạn cần thay đổi lại trang phục cho lành mạnh, đứng đắn | |  |
| ***A. Mở bài***. *Nêu vấn đề*  Trang phục là một nét văn hoá trong đời sống của con người.  ***B. Thân bài***  - Gần đây, cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn lành mạnh, giản dị như trước nữa.  - Các bạn lầm tưởng rằng những cách ăn mặc đó sẽ làm cho mình trở thành người “văn minh”, “sành điệu”.  - Việc ăn mặc cần phù hợp với thời đại(ăn cho mình, mặc cho người) nhưng cũng phải phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, với lứa tuổi, với hoàn cảnh sống và nói lên phẩm chất tốt đẹp của con người.  - Việc chạy theo “mốt” ăn mặc như thế làm mất thời gian của các bạn, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập và gây tốn kém cho cha mẹ.  - Các bạn cần thay đổi lại trang phục cho lành mạnh, đứng đắn.  ***C.Kết bài***: *Khẳng định lại vấn đề, rút ra bài học cho bản thân.* | | |  |
| **4**. Em thấy có nên đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào trong quá trình lập luận không? Vì sao? | *HS suy nghĩ, trả lời:* | ***3.Vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả*** |  |
| Nên đưa vào vì các yếu tố đó giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài được rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn, góp phần làm tăng sức thuyết phục | |  |
| **5**. Gọi HS đọc 2 đoạn văn NL trong sgk/125,126.  - Hãy nhận xét về việc đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào trong đoạn văn NL đó?  - Trong các yếu tố tự sự và miêu tả đó, yếu tố nào không phù hợp hoặc không thực sự xuất phát từ yêu cầu của việc bàn luận?  - Các yếu tố đó có vai trò, tác dụng gì trong việc nghị luận? | *1HS đọc, trao đổi nhóm bàn, trả lời*. |  |  |
| - Yếu tố không phù hợp: “Lại có bạn quên cả việc học tập.....các trò chơi điện tử”.  - Vai trò, tác dụng:  + Đoạn văn (a):Yếu tố TS và MT giúp người viết làm rõ về ông Giuốc-đanh học làm sang để từ đó hướng các bạn các kiểu ăn mặc không lành mạnh của các bạn HS  + Đoạn văn(b): Sử dụng yếu tố tự sự, kể lại câu chuyện HS ăn mặc không lành mạnh liên hệ đến việc ăn mặc của chính bản thân mình để đi đến kết luận, làm tăng sức thuyết phục của luận điểm  **->*Giúp cho việc NL rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn*** | |  |
| **6**. Qua tìm hiểu việc đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận trên, em học tập và rút được kinh nghiệm gì ? | *HS tự bộc lộ*  - Việc đưa yếu tố tự sự và miêu tả phải phù hợp với luận điểm, xuất phát từ luận điểm, phù hợp với luận điểm, không phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.  - Kết hợp chặt chẽ giữa miêu tả, tự sự và nghị luận, tránh sa đà vào miêu tả hoặc tự sự đơn thuần. | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết thành đoạn văn có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm hiểu tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn, bài văn | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết thành đoạn văn có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm hiểu tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn, bài văn | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững tác dụng của yếu tố miêu tả và tự sự

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài viết số 7

- Ôn lại toàn bộ kiến thức về văn nghị luận đã học

- Nắm vững vai trò, tác dụng của các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm để vận dụng vào việc làm bài.

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa tất cả các bài trong sgk

-Thêm ngữ liệu ngoài sgk giúp hs rèn luyện thêm

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 30: DỰ KIẾN KIỂM TRA HKII**

**Tuần 31**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG ( PHẦN VĂN) KKHS TỰ HỌC**

**ÔN TẬP THI HKII**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 31**

**Ngày dạy**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**CHỮA LỖI DIỄN ĐẠT**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Phát hiện và khắc phục được một số lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc

**2. Kĩ năng**

- Phát hiện và chữa được một số lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc

**3. Thái độ**

Tích cực, tự giac học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Hiệu quả của việc diễn đạt hợp lô-gíc

**2. Kĩ năng**

- Phát hiện và chữa được một số lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc

**3. Thái độ**

Ý thức hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các văn bản đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | |  |
| \* GV Nêu yêu cầu: Khi làm bài văn em thường mắc lỗi nào?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán*  *- Suy nghĩ, trình bày* | | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 126.* Chữa lỗi …** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 3-5’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | |  |
| **I.HD HS củng cố kiến thức** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS ôn tập, củng cố KT** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Củng cố kiến thức** |  |
| \*GVlưu ý HS:  - Giữa các TP câu và các từ ngữ trong câu luôn có quan hệ với nhau ntn?  - Nguyên nhân dẫn đến việc diễn đạt sai lô-gic? | *HS nghe.* | | Giữa các TP câu và các từ ngữ trong câu luôn có quan hệ về lô-gíc. |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | |  |
| **III.HD HS phát hiện và chữa lỗi sai** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS phát hiện và chữa lỗi sai** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Phát hiện và chữa lỗisai** |  |
| **1**.GV chiếu các câu trong BT1. Gọi HS đọc.  - Chia 4 nhóm cho HS HĐ. Nêu yêu cầu: Chỉ ra lỗi sai trong mỗi câu và chữa những lỗi đó?  GV gợi ý:  - Trong các kết hợp A, B và C hay A mà còn B; vừa A vừa B, ...thì quan hệ trong các kết hợp đó có gì chưa hợp lí?  - Dựa trên cơ sở kết hợp đó, hãy sửa lại cho đúng? | *HS quan sát BT, 1HS đọc. HS HĐ nhóm (mỗi nhóm 2 câu): phát hiện, chữa lỗi, trình bày.* | | ***Bài 1. Phát hiện và chữa lỗi sai trong các câu*** |  |
| ***\** Câu a.** có kiểu kết hợp A,B và C khác (A,B và C phải cùng loại, trong đó C là từ có nghĩa rộng, A,B là từ có nghĩa hẹp) nhưng ***Quần áo, giày dép*** (từ ngữ có nghĩa hẹp), ***đồ dùng học tập*** (từ ngữ có nghĩa rộng) thuộc 2 loại khác nhau ->*kết hợp sai*  *=> Sửa lại:* Đưa A, B, C về cùng một cấp độ k/quát  + Thay ***đồ dùng học tập*** bằng ***đồ dùng sinh hoạt***  + Thay ***quần áo, giày dép*** bằng ***sách vở, bút thước***  **\* Câu b*.*** Câu có kiểu kết hợp A nói chung và B nói riêng (A,B phải cùng loại với nhau và A phải có nghĩa rộng hơn B) nhưng ***thanh niên*** (chỉ một lứa tuổi), ***bóng đá*** (một môn thể thao) thuộc 2 lĩnh vực khác nhau, A không có nghĩa rộng hơn B.  *=> Sửa lại:* Đưa A, B, C về cùng loại  + *thanh niên nói chung* và trong *sinh viên nói riêng*  + *thể thao nói chung* và trong *bóng đá nói riêng*  ***\** Câu c.** Câu có kiểu kết hợp A,B và C ( A,B,C phải thuộc cùng một trường từ vựng, các yếu tố có mối qhệ đẳng lập với nhau) nhưng ***Lão Hạc, Bước đường cùng*** (tên các tác phẩm) không cùng một trường từ vựng với ***Ngô Tất Tố*** (tên tác giả).  *=>Sửa lại:* Đưa A, B, C về cùng trường từ vựng  +“Lão Hạc”,“Bước đường cùng” và “Tắt đèn” ...  + Nam Cao, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố ...  ***\** Câu d**. Câu có kiểu lựa chọn A hay B (A,B phải ngang hàng nhau) nhưng ***trí thức*** (có nghĩa tổng thể), ***bác sĩ*** (một | | |  |
|  | bộ phận thuộc tầng lớp trí thức), B nằm trong nghĩa bao hàm của A.  *=>Sửa lại:* Đưa các từ ngang hàng nhau  + kĩ sư hay bác sĩ  + giáo viên hay bác sĩ.  **\* Câu e.** Câu có kiểu kết hợp không chỉ A mà còn B (A,B phải ngang hàng, không bao hàm nhau) nhưng ***ngôn từ*** (một khía cạnh của ***nghệ thuật*** trong tác phẩm*.*  *=>Sửa lại .* Đưa về cùng cái chung hoặc cái riêng.  + nội dung và nghệ thuật (cùng cái chung)  + bố cục và ngôn từ (cùng cái chung)  **\* Câu g.** Kiểu câu có sự kết hợp trái ngược, đối lập qua QHT “còn”(A,B phải cùng nằm trong cùng một phạm trù) nhưng ***cao gầy*** (phạm trù hình dáng), không cùng phạm trù ***mặc áo ca rô (***phạm trù trang phục)  *=>Sửa lại .* Đưa về cùng một phạm trù.  + một người thì cao gầy còn một người thì thấp béo  + một người thì mặc áo trắng còn một người thì mặc áo ca rô.  **\* Câu h.**Dùng sai QHT vì từ “nên” chỉ qhệ nhân quả nhưng các vế câu không có mối quan hệ nhân quả.  *=>Sửa lại* Thay bằng QHT khác cho đúng với nội dung và bỏ từ “***chị***” thứ 2 để tránh trùng lặp.  ***\** Câu i*.*** Xác định sai mối quan hệ giữa các vế câu nên dùng QHT sai. Hai vế câu không có mối quan hệ ĐK- KQ do đó không thể nói không có cái này thì không thể có cái kia và ngược lại  *=>Sửa lại :* Thay “*có được*” bằng “*hoàn thành được*” hoặc *“đảm nhiệm được*”  **\* Câu k**. “*Có hại cho sức khoẻ*” cũng có nghĩa là “*giảm tuổi thọ của con người*”.(nghĩa bao hàm nhau). Vì vậy tách 2 ý này thành 2 vế câu khác nhau là không cần thiết  *=>Sửa lại :* Thay vế câu bằng những từ ngữ ngang hàng, không bao hàm nhau.  *...* vừa có hại cho sức khoẻ, vừa tốn kém về tiền bạc  *HS khái quát, trình bày*  =>Các lỗi thường gặp : | | | |
| **2.** Từ nhữnglỗi sai trong các câu văn trên đây, em thấy có những lỗi nào thường gặp trong văn bản? |
| - CN và VN mâu thuẫn với nhau.  - Liệt kê không đồng loại  - Sử dụng quan hệ từ không đúng với nội dung câu văn. | | |  |
| **3**. Hãy tìm những lỗi diễn đạt sai trong lời nói, bài viết của bản thân hoặc của người khác? | *HS tự tìm các lỗi sai, đặc biệt là trong bài viết của mình và trình bày.* | ***Bài 2. Phát hiện và chữa lỗi trong bài viết*** | |  |
| **4**. Từ việc tìm hiểu về các lỗi diễn đạt trên, em rút ra kinh nghiệm gì? | *HS tự trình bày* | ->Cẩn trọng khi viết văn, tránh lỗi diễn đạt để bài văn mạch lạc.... | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Cho HS đọc một đoạn văn trong bài TLV của HS, phát hiện lỗi sai và sửa lại | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm và phát hiện lỗi sai trong bài viết TLV của em hay bạn em, chỉ ra cách sửa? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học:***

-Liên hệ thực tế trong giao tiếp hằng ngày (hoặc bài làm của bản thân), rút kinh nghiệm về cách diễn đạt

-Tự phát hiện các lỗi lôgic và sửa các lỗi đó.

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức đã học, chuẩn bị cho KT TV 45’ và KT HKII.

***b. Bài mới***: ***Chuẩn bị bài*** “Văn bản tường trình”

- Ôn tập lại về văn nghị luận, chú ý vận dụng các yếu tố TS, MT, BC vào bài văn

- Tìm hiểu một số đề bài nghị luận trong sgk.

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa toàn bộ bài tập trong sgk

-Thêm ngữ liệu ngoài sgk để hs rèn luyện thêm

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 31**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3+4**

**LUYỆN TẬP VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

Củng cố những kiến thức về tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận và tập đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng**

- Tiếp tục rèn kĩ năng viết văn nghị luận.

- Biết chọn các yếu tố tự sự và miêu tả cần thiết và biết cách đưa các yếu tố đó vào bài văn nghị luận thuần thục hơn.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận

- Tầm quan trọng của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài văn nghị luận

**2. Kĩ năng**

- Tiếp tục rèn kĩ năng viết văn nghị luận.

- Xác định và lập hệ thống luận điểm cho bài văn nghị luận

- Biết chọn các yếu tố tự sự và miêu tả cần thiết và biết cách đưa các yếu tố đó vào bài văn nghị luận thuần thục hơn.

- Biết đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào một bài văn nghị luận có độ dài 400 chữ

**3. Thái độ**

Thấy được tầm quan trọng của yếu tố yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các văn bản nghị luận

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS

**\*Bước 3:** Dạy - học bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \*Nêu yêu cầu: Trong VB “Thuế máu”, nếu không có những chi tiết miêu tả hay kể về những thủ đoạn bắt lính của nhà cầm quyền thì người đọc có thể hiểu rõ bộ mặt giả dói, trơ trẽn của CQTD không?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 124. Luyện tập*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12 - 15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS củng cố kiến thức về văn nghị luận** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS ôn tập, củng cố KT** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Củng cố kiến thức** |  |
| **1**.GV nêu yêu cầu cho HS nhắc lại:  - Yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò ntn trong bài văn NL  - Khi đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn NL cần chú ý điều gì? | *HS nhớ lại kiến thức, trình bày* | 1. Yêú tố tự sự và miêu tả giúp cho việc trình bày luận cứ được rõ ràng, cụ thể, sinh động -> sức thuyết phục mạnh mẽ hơn  2. Yếu tố tự sự và miêu tả làm luận cứ phải phục vụ cho việc làm rõ luận điểm, không phá vỡ mạch NL của bài văn. |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 20 - 25 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** |  |
| **2.** Đọc và quan sát hệ thống luận điểm sgk đã nêu, theo em nên đưa vào bài viết những luận điểm nào? Vì sao?  **3**. Cần sắp xếp các luận điểm theo hệ thống như thế nào để bài viết có bố cục rành mạch, hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục được người đọc, người nghe?  \* GV cho HS tham khảo dàn ý: | *HS đọc, suy nghĩ, lựa chọn, giải thích*. | ***\* Đề bài***:  Trang phục và văn hoá.  ***1. Xác lập luận điểm*** |  |
| - Nên đưa các luận điểm: a,b,c,e.  - Luận điểm (d) không phù hợp với yêu cầu của đề bài vì nội dung nói về chống ma tuý và ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai.  ***2. Sắp xếp luận điểm***  - Có thể sắp xếp theo thứ tự: a-c-e-b.  - Thêm kết luận: Các bạn cần thay đổi lại trang phục cho lành mạnh, đứng đắn | |  |
| ***A. Mở bài***. *Nêu vấn đề*  Trang phục là một nét văn hoá trong đời sống của con người.  ***B. Thân bài***  - Gần đây, cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn lành mạnh, giản dị như trước nữa.  - Các bạn lầm tưởng rằng những cách ăn mặc đó sẽ làm cho mình trở thành người “văn minh”, “sành điệu”.  - Việc ăn mặc cần phù hợp với thời đại(ăn cho mình, mặc cho người) nhưng cũng phải phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, với lứa tuổi, với hoàn cảnh sống và nói lên phẩm chất tốt đẹp của con người.  - Việc chạy theo “mốt” ăn mặc như thế làm mất thời gian của các bạn, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập và gây tốn kém cho cha mẹ.  - Các bạn cần thay đổi lại trang phục cho lành mạnh, đứng đắn.  ***C.Kết bài***: *Khẳng định lại vấn đề, rút ra bài học cho bản thân.* | | |  |
| **4**. Em thấy có nên đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào trong quá trình lập luận không? Vì sao? | *HS suy nghĩ, trả lời:* | ***3.Vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả*** |  |
| Nên đưa vào vì các yếu tố đó giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài được rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn, góp phần làm tăng sức thuyết phục | |  |
| **5**. Gọi HS đọc 2 đoạn văn NL trong sgk/125,126.  - Hãy nhận xét về việc đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào trong đoạn văn NL đó?  - Trong các yếu tố tự sự và miêu tả đó, yếu tố nào không phù hợp hoặc không thực sự xuất phát từ yêu cầu của việc bàn luận?  - Các yếu tố đó có vai trò, tác dụng gì trong việc nghị luận? | *1HS đọc, trao đổi nhóm bàn, trả lời*. |  |  |
| - Yếu tố không phù hợp: “Lại có bạn quên cả việc học tập.....các trò chơi điện tử”.  - Vai trò, tác dụng:  + Đoạn văn (a):Yếu tố TS và MT giúp người viết làm rõ về ông Giuốc-đanh học làm sang để từ đó hướng các bạn các kiểu ăn mặc không lành mạnh của các bạn HS  + Đoạn văn(b): Sử dụng yếu tố tự sự, kể lại câu chuyện HS ăn mặc không lành mạnh liên hệ đến việc ăn mặc của chính bản thân mình để đi đến kết luận, làm tăng sức thuyết phục của luận điểm  **->*Giúp cho việc NL rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn*** | |  |
| **6**. Qua tìm hiểu việc đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận trên, em học tập và rút được kinh nghiệm gì ? | *HS tự bộc lộ*  - Việc đưa yếu tố tự sự và miêu tả phải phù hợp với luận điểm, xuất phát từ luận điểm, phù hợp với luận điểm, không phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.  - Kết hợp chặt chẽ giữa miêu tả, tự sự và nghị luận, tránh sa đà vào miêu tả hoặc tự sự đơn thuần. | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết thành đoạn văn có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm hiểu tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn, bài văn | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết thành đoạn văn có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm hiểu tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn, bài văn | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững tác dụng của yếu tố miêu tả và tự sự

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài viết số 7

- Ôn lại toàn bộ kiến thức về văn nghị luận đã học

- Nắm vững vai trò, tác dụng của các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm để vận dụng vào việc làm bài.

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa các bài tập khó trong sgk

-Cho them ngữ liệu ngoài sgk để hs rèn luyện

**Tuần 32**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1+2**

**TỔNG KẾT PHẦN VĂN**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Củng cố, hệ thống hoá và khắc sâu kiến thức cơ bản, giá trị tư tưởng nghệ thuật của các văn bản thơ đã học ở lớp 8.

**2. Kĩ năng**

- Khái quát, hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu các tư liệu để nhận xét về các tác phẩm văn học trên một số phương diện cụ thể.

- Cảm thụ, phân tích những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của một số tác phẩm thơ hiện đại đã học.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Một số khái niệm liên quan đến đọc – hiểu van bản như chủ đề, đề tài, nội dung yêu nước, cảm hứng nhân văn.

- Hệ thống các văn bản thơ đã học, nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại ở từng văn bản

- Sự đổi mới thơ Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 trên các phương diện: thể loại, đề tài, chủ đề, ngôn ngữ.

- Sơ giản về thơ Đường luật, thơ mới

**2. Kĩ năng**

- Khái quát, hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu các tư liệu để nhận xét về các tác phẩm văn học trên một số phương diện cụ thể.

- Cảm thụ, phân tích những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của một số tác phẩm thơ hiện đại đã học.

**3. Thái độ**

Yêu thích các tác phẩm thơ văn

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các văn bản đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Chuẩn bị theo HD của GV và trong sgk

- Lập bảng hệ thống hoá các tác phẩm thơ (các bài 18, 19, 20, 21)

- Tìm hiểu sự giống và khác nhau về hình thức nghệ thuật giữa thơ Đường luật và thơ mới

- Trình bày cảm nhận về một số đoạn tho trong các tác phẩm đã học....

**IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | | | | | |  |
| \* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi giải ô chữ bí mật. Từ chìa khóa: THƠ MỚI | | | | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán* | | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** | |  |
| - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | | | | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 129.* Tổng kết …** | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | | | | |  |
| **I.HD HS hệ thống hoá kiến thức về các văn bản thơ đã học (Từ bài 15)** | | | | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. HS hệ thống hoá KT về các văn bản thơ** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Hệ thống hoá kiến thức về các văn bản thơ** | |  |
| 1.GV yêu cầu các nhóm trình bày bảng thống kê của nhóm đã chuẩn bị.  GVchiếu bảng thống kê cho HS đối chiếu | | | | HS các nhóm trình bày bảng thống kê của nhóm mình, nhóm khác n/xét.  HS đối chiếu, bổ sung | |  | |  |
| **TT** | **Tác giả,**  **Tác phẩm** | **Hoàn cảnh ra đời** | **Thể loại**  **PTBĐ** | | **Giá trị nội dung chủ yếu** | | **Đặc điểm nghệ thuật nổi bật** |  |
| **1** | ***Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác -*** Phan Bội Châu  (1867-1940) | Năm 1946, sau khi PBC bị bắt giam ở Trung Quốc | - Thất ngôn bát cú  - Biểu cảm | | Phong thái ung dung, đường hoàng và khí phách hiên ngang, kiên cường, bất khuất vượt lên trên cảnh ngục tù khốc liệt của nhà chí sĩ yêu nước PBC | | Giọng điệu hào hùng; khẩu khí rắn rỏi |  |
| **2** | ***Đập đá ở Côn Lôn -*** Phan Châu Trinh  (1872-1926) | Năm 1908, khi PCT bị bắt và bị đày ra Côn Đảo | - Thất ngôn bát cú  - Biểu cảm | | Hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp nguy nan vẫn không sờn lòng đổi chí | | Bút pháp lãng mạn, giọng điệu hào hùng; hình tượng nghệ thuật có tính đa nghĩa |  |
| **3** | ***Muốn làm thằng Cuội***  Tản Đà  (1889-1939) | Trích trong quyển “*Khối tình con I*” (1917) | - Thất ngôn bát cú  - Biểu cảm | | Tâm sự của Tản Đà: bất hoà sâu sắc với thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng | | Kết hợp tự sự với trũ tình; Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, giàu tính khẩu ngữ; giọng thơ hóm hỉnh, duyên dáng |  |
| **4** | ***Hai chữ nước nhà -*** Trần T. Khải  (1895-1983) | Trích trong “*Bút quan hoài I*” (1924) | - Song thất lục bát  - Biểu cảm | | Tâm sự yêu nước của Trần Tuấn Khải và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào | | Kết hợp tự sự với biểu cảm ; nhịp điệu phong phú, giọng điệu trũ tình, thống thiết |  |
| **5** | ***Nhớ rừng***  Thế Lữ  (1907-1989) | Trong phong trào thơ mới, góp phần mở đường cho thắng lợi của Thơ mới | - Thơ tự do 8 chữ  - Biểu cảm | | Niềm khát khao tự do mãnh liệt và tâm sự yêu nước của tác giả được diễn tả qua lời của con hổ bị nhốt ở vườn bách thú | | Bút pháp lãng mạn, nhiều BP NT, hình tượng NT có nhiều tầng ý nghĩa ; âm điệu tho biến hoá qua từng đoạn |  |
| **6** | ***Ông đồ***  Vũ Đình Liên  (1913-1996) | Trong phong trào tho mới | - Thơ ngũ ngôn  - Biểu cảm | | Niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa | | Thể tho ngũ ngôn hiện đại ; bình dị, cô đọng mà giàu gợi cảm |  |
| **7** | ***Quê hương -***  Tế Hanh  Sinh 1921 | Trong phong trào tho mới, in trong tập *Nghẹn ngào* (1939) | - Thơ tự do 8 chữ  - Biểu cảm | | Vẻ đẹp của bức tranh làng quê và tình yêu quê hương trong sáng, thiết tha của nhà thơ. | | Sáng tạo h/ả c/sống lao động thơ mộng; liên tưởng, so sánh độc đáo; lời thơ bay bổng, đầy cảm xúc |  |
| **8** | ***Khi con tu hú -*** Tố Hữu  (1920-2002) | Năm 1939, khi tác giả đang bị giam trong nhà lao Thừa Phủ | Lục bát  Biểu cảm | | Lòng yêu cuộc sống, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày gian khổ | | Thể thơ lục bát giản dị, giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển.; lời tho đầy ấn tượng; các biện pháp tu từ linh hoạt |  |
| **9** | ***Tức cảnh Pác Bó***  Hồ Chí Minh  (1890-1969) | Tháng 2/1941 | Tứ tuyệt  Biểu cảm | | Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ. | | Ngắn gọn hàm súc; vừa cổ điển, truyền thống, vừa có t/chất hiện đại; Lời thơ bình dị, giọng vui đùa, hóm hỉnh |  |
| **10** | ***Ngắm Trăng***  Hồ Chí Minh  (1890-1969) | Năm 1942, trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch | Tứ tuyệt  Biểu cảm | | Tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh tù ngục cực khổ, tối tăm | | Lời thơ giản dị mà hàm súc; sự đối sánh, tương phản |  |
| **11** | ***Đi đường***  Hồ Chí Minh  (1890-1969) | Năm 1942, trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch | Tứ Tuyệt  Biểu cảm | | Từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đời thường: vượt qua gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang. | | Kết cấu chặt chẽ; lời tho tự nhiên, bình dị, gợi hình ảnh và giàu cảm xúc, mang ý nghĩa tu tưởng sâu sắc |  |
| **2**. Nêu sự khác biệt về hình thức nghệ thuật giữa các văn bản thơ ở các bài 15, 16 và hai bài 18, 19? Theo em các bài thơ ấy mới ở chỗ nào? | | | | *HS so sánh, phân biệt sự khác nhau* | | ***\* Sự khác biệt về hình thức nghệ thuật giữa thơ mới và thơ cũ*** | |  |
| ***- Thơ cũ*** (bài 15, 16) là hai bài thơ được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, ra đời trước năm 1932: *hạn định số câu, số tiếng, niêm luật chặt chẽ gò bó; cảm xúc tư duy cũ, cái tôi cá nhân chưa được đề cao và biểu hiện trực tiếp.*  - Thơ mới (bài 18, 19) là hai bài thuộc phong trào thơ mới  + Cảm xúc mới, tư duy mới, đề cao cái tôi cá nhân trực tiếp, phóng khoáng, tự do.  + Thể thơ tự do: tự do trong số câu, số chữ; ngắt nhịp và gieo vần linh hoạt, lời thơ tự nhiên, bình dị, giảm tính công thức, ước lệ, không bị ràng buộc bởi những qui tắc nghiệt ngã của thi pháp thơ cổ điển.  + Tuy vẫn sử dụng các thể thơ truyền thống nhưng đổi mới cảm xúc và tư duy hơn. | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | | | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | | | | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** | |  |
| **3**. Đọc những câu thơ em thích nhất trong 4 bài trên? | | | | *HS tự lựa chọn, trình bày* | |  | |  |
| **4**.Hãy chỉ ra những điểm chung cơ bản của các bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác, Đập đá ở Côn Lôn, Ngắm trăng, Đi đường”?  GV kết luận: | | | | *HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.* | | \* Điểm chung của các bài thơ:“Vào nhà ngục ... cảm tác, Đập đá ở Côn Lôn, Ngắm trăng, Đi đường” | |  |
| - Đều là những bài thơ của những người tù yêu nước viết trong nhà ngục của kẻ thù.  - Đều thể hiện khí phách hiên ngang, tinh thần bát khuất kiên cường của người tù cách mạng.  - Coi thường mọi gian khổ, bình tĩnh, ung dung trong mọi thử thách  - Khao khát tự do, luôn lạc quan cách mạng. | | | |  |
| **5**. Cho HS chơi trò chơi “*Đuổi hình bắt chữ*” về phong trào tho mới | | | | *HS quan sát hình, tim ra ô chữ* | | ***\* Trò chơi*** | |  |
| **6.** Viết đoạn văn ngắn (4-6 câu) trình bày cảm nhận của em về một đoạn thơ mà em thích. | | | | *HS viết cá nhân, 1-2 HS trình bày. HS khác nhận xét* | | ***\* Viết đoạn văn trình bày cảm nhận*** | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Qua một số bài thơ của Bác trích trong tập “*Nhật kí trong tù*”, em học tập được những gì? | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm đọc một số bài thơ trong phong trào thơ mới? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học:***

- Hoàn thành bài tập, ghi nhớ nội dung chủ yếu của các văn bản.

- Học thuộc, chép lại những câu thơ hay mà em thích nhất, lí giải vì sao em thich.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs chuẩn bị sẵn tại nhà theo hướng dẫn

-Chia các nhóm lên bảng trình bày

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 32**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3+4**

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Ôn tập, củng cố kiến thức về các kiểu câu, hành động nói, lựa chọn trật tự từ trong câu

- Nâng cao hiểu biết và kĩ năng sử dụng tiếng Việt

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng các kiểu câu phù hợp với hành động nói để thực hiện những mục đích giao tiếp khác nhau

- Lựa chọn trật tự từ phù hợp để tạo câu có sắc thái khác nhau trong giao tiếp và làm văn

**3. Thái độ**

Tích cực, tự giác trong học tập.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định.

- Các hành động nói và cách thực hiện hành động nói bằng các kiểu câu khác nhau

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng các kiểu câu phù hợp với hành động nói để thực hiện những mục đích giao tiếp khác nhau

- Lựa chọn trật tự từ phù hợp để tạo câu có sắc thái khác nhau trong giao tiếp và làm văn

**3. Thái độ**

Ý thức hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các văn bản đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | | **Hoạt động của trò** | | | | | | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | | | | | | | | | | |  |
| \* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi giải ô chữ bí mật. Từ chìa khóa: CÂU CẢM THÁN  - Từ phần trình bày của HS, | | | | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán* | | | | | | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** | | |  |
| dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | | | | *-Ghi tên bài vào vở* | | | | | | ***Tiết 125.* Ôn tập …** | | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | | | | | | | | | |  |
| **I.HD HS hệ thống hoá kiến thức** | | | | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS hệ thống hoá KT** | | | | | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Hệ thống hoá kiến thức** | | |  |
| **1**. Gọi các nhóm trình bày về đặc điểm hình thức và chức năng của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định?  \*GV chốt lại trên BP, cho HS đối chiếu | | | | *Đại diện các nhóm trình bày theo theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà* *trên BP*  *HS đối chiếu, chuẩn lại* | | | | | | ***1. Các kiểu câu***  - Câu nghi vấn.  - Câu cầu khiến.  - Câu cảm thán  - Câu trần thuật  - Câu phủ định | | |  |
|  | ***Câu***  ***nghi vấn*** | ***Câu***  ***cầu khiến*** | | | | ***Câu***  ***cảm thán*** | | | ***Câu***  ***trần thuật*** | | ***Câu***  ***phủ định*** | |  |
| ***Đặc điểm hình thức*** | - Có chứa các từ nghi vấn: ai, gì, nào, à, ư, hay...  - Dấu kết thúc câu: dấu chấm hỏi, dấu chấm, chấm than | - Có chứa các từ cấu khiến: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào....  - Dấu kết thúc câu: dấu chấm than, dấu chấm | | | | - Có chứa từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, trời ơi, biết bao ..  - Dấu kết thúc câu: dấu chấm than | | | - Không có đặc điểm của câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán  - Dấu kết thúc câu: dấu chấm, dấu chấm than, dấu chấm lửng. | | - Có chứa từ ngữ phủ định: không, chưa, chẳng... | |  |
| ***Chức năng*** | -Dùng để hỏi  -Dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ đinh, đe doạ, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... | -Dùng để ra lệnh khuyên bảo, sai khiến | | | | -Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói, người viết | | | -Dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả.  -Dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc | | -Dùng để  +Thông báo, xác nhận không có sự việc, tính chất, quan hệ nào đó(PĐMT)  +Phản bác 1 ý kiến, 1 nh/định | |  |
| **2**. Hành động nói là gì? Các kiểu hành động nói? Cách thực hiện hành động nói? | | | | *HS trả lời theo nội dung đã học* | | | | | | ***2.Hành động nói***  - Khái niệm  - Các kiểu HĐ nói  - Cách thực hiện | | |  |
| **3**.Việc sắp xếp trật tự từ trong câu có những tác dụng gì? | | | | *HS trình bày* | | | | | | ***3. Lựa chọn TTT trong câu:*** | | |  |
| - Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.  - Nhấn mạnh h/ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.  - Liên kết câu với câu khác trong VB.  - Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói | | | | | | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | | | | | | | | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | | | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | | | | | | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** | | |  |
| **4**.GV chiếu đoạn trích BT1. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  Mỗi câu trong đoạn trích trên thuộc kiểu câu nào? | | | *HS quan sát,1HS đọc.*  *HS suy nghĩ, trả lời.* | | | | | | | ***Bài 1. Xác định kiểu câu*** | | |  |
| - Câu 1: Câu TT ghép có một vế là dạng câu PĐ.  - Câu 2: Câu trần thuật thuật đơn  - Câu 3: Câu TT ghép, vế 2 có một VN phủ định. | | | | | | | | | |  |
| **5**.Dựa theo nội dung của câu 2 trong bài 1 hãy đặt một câu nghi vấn ? | | | *HS suy nghĩ, đặt câu. HS khác nhận xét, bổ sung.* | | | | | | | ***Bài 2. Đặt câu NV***  VD: | | |  |
| - Cái bản tính tốt của người ta có thể bị những gì che  lấp mất*?( Hỏi theo kiểu câu bị động)*  - Những gì có thể che lấp mất cái bản tính tốt của người ta ? *(Hỏi theo kiểu câu chủ động)*  - Cái bản tính tốt của người ta có thể bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỉ che lấp mất không ?  - Những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỉ có thể che lấp mất cái bản tính tốt của người ta không? | | | | | | | | | |  |
| **6**.Cho HS chơi trò chơi tiếp sức: Hãy đặt câu cảm thán chứa một trong những từ như vui, buồn, hay, đẹp ... ?  GV làm trọng tài, nhận xét, công bố kết quả. | | | *HS chơi trò chơi tiếp sức trong 5*’*theo các tổ* | | | | | | | ***Bài 3. Đặt câu cảm thán có các từ: vui buồn, hay,*** | | |  |
| VD: - Chao ôi, buồn!  - Ôi, vui quá!  - Ôi, chiếc áo của bạn đẹp làm sao! | | | | | | | | | |  |
| **7**.GV chiếu đoạn trích BT4. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  a.Trong những câu trên, câu nào là câu trần thuật, câu nào là câu cầu khiến, câu nào là câu nghi vấn ?  b.Câu nào trong số những câu NV trên được dùng để hỏi?  c.Câu nào trong số những câu nghi vấn trên không dùng để hỏi ? Nó được dùng làm gì ? | | | *HS q/sát, 1HS đọc. HS làm bài trên giấy trong, đại diện trình bày.* | | | | | | | ***Bài 4. Xác định kiểu câu và chức năng của các câu*** | | |  |
| a.Câu trần thuật: 1, 3, 6  - Câu cầu khiến: 4  - Câu nghi vấn: 2, 5, 7  b. Câu nghi vấn dùng để hỏi: Câu 7  c. Câu nghi vấn không để hỏi:  - Câu 2: Dùng để biểu lộ sự ngạc nhiên của lão Hạc.  - Câu 5: Dùng để giải thích, khuyên (đề nghị) | | | | | | | | | |  |
| **8**.GV chiếu BT1/131, phát phiếu học tập cho HS làm theo yêu cầu: xác định hành động nói của các câu đã cho? | | | *HS làm BT trên phiếu, 1HS lên bảng điền. HS khác nhận xét* | | | | | | | ***Bài 1.Xác định hành động nói*** | | |  |
| Câu 1: Kể (Trình bày)  Câu 2: Bộc lộ cảm xúc.  Câu 3: Nhận định (Trình bày)  Câu 4: Đề nghị. (Điều khiển)  Câu 5: Giải thích câu 4. (Trình bày)  Câu 6: Phủ định bác bỏ. (Trình bày)  Câu 7: Hỏi. | | | | | | | | | |  |
| **9**.Hãy sắp xếp các câu nêu ở BT1 vào bảng TK theo mẫu?  GV chiếu kết quả thảo luận, cho HS nhận xét | | | *HS thảo luận theo bàn,sắp xếp, điền vào giấy trong, trình bày. HS khác n/xét.* | | | | | | | ***Bài 2.Sắp xếp, điền vào bảng tổng kết*** | | |  |
|  | | | ***TT*** | | ***Kiểu câu*** | | ***Hành động nói*** | | | | | ***Cách dùng*** |  |
| 1 | | Trần thuật | | Kể | | | | | Trực tiếp |
| 2 | | Nghi vấn | | Bộc lộ cảm xúc | | | | | Gián tiếp |
| 3 | | T.thuật | | Nhận định | | | | | Trực tiếp |
| 4 | | Cầu khiến | | Đề nghị | | | | | Trực tiếp |
| 5 | | Nghi vấn | | Trình bày | | | | | Gián tiếp |
| 6 | | T.thuật | | P.định bác bỏ | | | | | Gián tiếp |
| 7 | | Nghi vấn | | Hỏi | | | | | Trực tiếp |
| **10**.Hãy viết một hoặc vài ba câu theo các yêu cầu:  a.Cam kết không tham gia các HĐ tiêu cực:đua xe trái phép, cờ bạc, nghiện hút...  b.Hứa tích cực học tập, rèn luyện và đạt kết quả cao trong năm học tới. | | | *HS HĐ cá nhân theo 2 nhóm, trình bày, nhận xét.*  -Tổ 1,2: phần a  -Tổ 3,4 : phần b | | | | | | | ***Bài 3.Đặt câu.***  VD:  - Em xin cam kết với BGH, với các thầy cô giáo sẽ không tham gia các hoạt động tiêu cực như..... | | |  |
| **11**.GV chiếu đoạn trích BT1. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  Giải thích lí do sắp xếp trật tự của các bộ phận câu in đậm nối tiếp nhau trong đoạn văn sau ? Tác dụng của cách sắp xếp ấy? | | | *HS quan sát,suy nghĩ và trình bày.* | | | | | | | ***Bài 1.Giải thích sự sắp xếp trật tự từ.*** | | |  |
| -Các trạng thái và hoạt động của sứ giả được sắp xếp theo trình tự xuất hiện và thực hiện: Đầu tiên là trạng thái kinh ngạc => mừng rỡ, cuối cùng là hoạt động về tâu vua.  -T/dụng: Biểu thị thứ tự trước sau của các hoạt động, trạng thái. | | | | | | | | | |  |
| **12**.Theo dõi các câu trong BT2. Hãy cho biết trong các câu (a), (b), việc sắp xếp các từ ngữ in đậm ở đầu câu có tác dụng gì ?  **13**.Đọc, đối chiếu hai câu văn BT3 và cho biết câu nào mang tính nhạc rõ ràng hơn? Vì sao? | | | *HS theo dõi, suy nghĩ, trả lời*  a.Nối kết câu  b.Nhấn mạnh đề tài của câu nói.  *HS đọc, đối chiếu, trả lời* | | | | | ***Bài 2. Tác dụng của TTT trong câu.***  ***Bài 3.*** | | | | |  |
|  |
| Câu a có tính nhạc rõ hơn. Vì từ “ *mác*” vần với tiếng “*nhạc*” trong cụm từ “khúc *nhạc* đồng quê” tạo nên nhạc điệu du dương của câu văn. | | | | | | | | | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Chỉ ra sự sắp xếp trật tự từ trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của sự sắp xếp đó?  *Mọc giữa dòng sông xanh*  *Một bông hoa tím biếc. (Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)* | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm một số VD có sự sắp xếp trật tự từ khác nhau và tìm hiểu t/dụng của sự sắp xếp đó? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học:***

-Nắm vững đặc điểm, chức năng của một số kiểu câu, hành động nói, cách lựa chọn trật tự từ trong câu...

- Vận dụng và làm hoàn chỉnh các BT

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức đã học, chuẩn bị cho KT TV 45 phút và KT HKII.

***b. Bài mới***: ***Chuẩn bị bài*** “Chữa lỗi diễn đạt” ***(Lỗi lô gíc)***

- Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hỏi và bài tập

- Các nhóm chuẩn bị giấy khổ lớn và bút dạ.

\*Rút kinh nghiệm

- Cho hs chuẩn bị tại nhà

-Sửa toàn bộ bài tập trong sgk

-Cho thêm ngữ liệu ngoài sgk

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 33**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH + LUYỆN TẬP VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**(KKHS TỰ HỌC)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Giúp học sinh nắm vững các nội dung sau:

- Hiểu những trường hợp cần viết văn bản tường trình.

- Nắm được những đặc điểm của văn bản tường trình.

- Biết cách làm một văn bản tường trình đúng cách.

**2. Kĩ năng**

- Nhận diện và phân biệt văn bản tường trình với các văn bản hành chính khác.

- Tái hiện lai một sự việc trong văn bản tường trình.

**3. Thái độ**

- Có thái độ ý thức sử dụng văn bản hành chính.

**II. TRỌNG TÂM**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống kiến thức về văn bản hành chính.

- Mục đích yêu cầu và quy cách làm một văn bản tường trình.

**2. Kĩ năng**

- Nhận diện và phân biệt văn bản tường trình với các văn bản hành chính khác.

- Tái hiện lai một sự việc trong văn bản tường trình.

**3. Thái độ.**

- Có thái độ ý thức sử dụng văn bản hành chính.

**4. Những năng lực học sinh cần phát triển**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng CNTT; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***b. Năng lực chuyên biệt***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* GV Nêu yêu cầu: Trong cuộc sống, khi nào em cần phải viết bản tường trình? Viết để làm gì?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán*  *- Suy nghĩ, trình bày* | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 130.* Văn bản …** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 3-5’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS hình thành khái niệm về văn bản tường trình.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS hình thành khái niệm về văn bản tường trình.** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Đặc điểm của văn bản tường trình.** |  |
| **1**.Gọi học sinh đọc hai bản tường trình. Nêu yêu cầu cho HS thảo luận:  -Trong các văn bản trên, ai là người phải viết tường trình và viết cho ai ? Bản tường trình được viết nhằm mục đích gì ? | *2 HS đọc, quan sát SGK. HS trao đổi trong bàn và trả lời.*  ***a***.HS Phạm Việt Dũng gửi cô giáo bộ môn Ngữ văn. ->*Trình bày lí do nộp bài muộn để cô giáo hiểu và cho phép được nộp bài.* | ***1. Văn bản*:** sgk/133  - ***VB a***: Tường trình về việc nộp bài chậm.  **- *VB b:*** Tường trình về việc mất xe đạp.  ->Gửi người có liên quan đến sự việc. Trình bày toàn |  |
|  | ***b***. HS Vũ Ngọc Kí gửi thầy hiệu trưởng.  *->trình bày việc mất xe đạp tại trường để nhà trường biết và tìm giúp.* | bộ các sự việc xảy ra để người giải quyết hiểu đúng bản chất sự việc và có phương hướng kết luận, xử lí đúng đắn, chính xác. |  |
| **2**.Nội dung và thể thức bản tường trình có gì đáng chú ý?  - Người viết phải có thái độ như thế nào đối với sự việc tường trình ? | *HS quan sát văn bản và trả lời.* | - Nội dung và hình thức văn bản tường trình |  |
| + Hình thức: Các phần giống với VB đơn từ.  + Nội dung: Trình bày đầy đủ, chính xác thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc, nguyên nhân, hậu quả....  - Người viết phải trình bày đầy đủ, chính xác các sự việc xảy ra với thái độ hết sức khách quan . | |  |
| **3**. Hãy nêu một số trường hợp cần viết bản tường trình trong h/tập và SH? | *HS tự nêu các trường hợp cần viết tường trình* | - Tình huống cần viết tường trình: |  |
| **4**.Gọi HS đọc các tình huống mục II.1. Hỏi: Trong các tình huống đó, tình huống nào có thể và cần phải viết bản tường trình ? Vì sao ?  - Trong các tình hống đó, ai phải viết ? Viết cho ai ? | *1HS đọc. HS xác định, trả lời.* |  |  |
| - Tình huống cần viết tường trình: (a,b).  + TH(a):Lớp trưởng viết gửi cho thầy, cô chủ nhiệm.  + TH(b): Người làm hỏng dụng cụ thí nghiệm viết gửi thầy cô giáo bộ môn đó.  - Tình huống (d) tuỳ tài sản bị mất lớn hay nhỏ mà viết tường trình.  + TH(d): Bố mẹ em viết gửi công an. | |  |
| **5.**Từ các tình huống trên, em có nhận xét gì về các tình huống cần viết VB tường trình? | *HS suy nghĩ, nhận xét, trả lời* | **->**Tình huống cần viết tường trình: |  |
| - Sự việc đã xảy ra gây hậu quả.  - Người có thẩm quyền giải quyết chưa có cơ sở hiểu đúng bản chất sự việc.  - Mục đích: để người có thẩm quyền giải quyết có phương hướng kết luận, xử lí đúng đắn, chính xác. | |  |
| **6.** Qua các tình huống viết tường trình, em thấy tường trình có gì khác với đơn  từ, kiến nghị? | *HS so sánh, n/xét, trả lời* | \* Phân biệt tường trình, đơn từ, đề nghị: |  |
| - ***Đơn từ:*** nhằm mục đích trình bày nguyện vọng cá  nhân để cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.  - ***Đề nghị***: nhằm mục đích trình bày các ý kiến, giải pháp do cá nhân hay tập thể đề xuất để cấp có thẩm quyền nghiên cứu, giải quyết.  - ***Tường trình***: nhằm trình bày khách quan, chính xác các sự việc xảy ra để người có trách nhiệm nắm và hiểu được cụ thể về sự việc, từ đó có phương hướng xử lí đúng đắn. | |  |
| **7.** Qua việc tìm hiểu về VB tường trình, em hiểu như thế nào về VB tường trình?  GV chốt lại GN. Gọi HS đọc. | *HS tóm tắt, trả lời theo điểm 1,2/ ghi nhớ.*  *1 HS đọc điểm 1,2 ghi nhớ.* | ***2. Ghi nhớ:*** Điểm 1,2/136. |  |
| **II.HD HS cách làm văn bản tường trình.** | **II. HS tìm hiểu cách làm văn bản tường trình.** | **II. Cách làm văn bản tường trình.** |  |
| **8**. Nêu yêu cầu:  - Quan sát các VB, em thấy VB tường trình có những mục | *HS q/sát VB, suy nghĩ, trình bày theo các mục trong sgk/135,136.* | ***1. Cách làm:***  Các mục trong VB tường trình: sgk/135,136*.* |  |
| nào? Nội dung mỗi mục gồm những gì?  - Để VB tường trình đầy đủ, có giá trị thì người viết phải tuân thủ những yêu cầu gì?  - Khi viết văn bản tường trình cần lưu ý những gì ? | *HS trả lời theo điểm 3/GN*.  *HS trả lời theo mụcIII.3.* | ***2. Ghi nhớ:***  Điểm 3/136.  ***3. Lưu ý:*** sgk/136 |  |
| **9**. Gọi HS đọc lại toàn bộ phần ghi nhớ. | *1HS đọc ghi nhớ. Cả lớp lắng nghe, ghi nhớ.* |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** |  |
| **10.** Nêu yêu cầu BT1: Tình huống nào sau đây cần viết VB tường trình? | *HS đọc, lựa chọn, trình bày* | ***Bài 1.*** X/định tình huống cần viết VB tường trình  -> Tình huống cần viết: a, c, d. |  |
| a. Thầy giáo chủ nhiệm muốn biết vụ lộn xộn trong giờ ra chơi của lớp.  b. Em bị ốm không thể đi tham quan cùng các bạn trong lớp.  c. Một người bị tình nghi là kẻ gian muốn chứng minh mình ngoại phạm.  d. Môt cửa hàng bị mất tài sản, muốn làm rõ sự việc với nhà chức trách. | |
| **11.** Cho HS q/sát VB tường trình trong sách BTTN/197. Hãy cho biết VB đó còn thiếu mục nào? | *HS quan sát, suy nghĩ, tìm hiểu, trình bày* | ***Bài 2.*** Xác định mục còn thiếu:  - Ngày tháng, địa điểm viết TT |  |
| **12.** Dựa vào cách làm VB tường trình, hãy viết VB tường trình cho tình huống (b)/135. | *HS viết theo 3 nhóm (Mỗi nhóm viết 1 mục), trình bày, nhận xét,* | ***Bài 3***. Viết VB tường trình việc em làm hỏng dụng cụ thí nghiệm trong giờ thực hành |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết một văn bản tường trình buổi liên hoan văn nghệ của trường | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm một số tình huóng khác cần phải viết tường trình | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học:***

- Nắm vững cách làm, thể thức trình bày VB tường trình

- Vận dụng và làm hoàn chỉnh các BT trong sgk

- Sưu tầm 1 số Vb tường trình để so sánh, đối chiếu, phân tích, nhận diện

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Luyện tập văn bản tường trình”*

- Ôn tập lại các kiến thức về TV đã ôn tập

- Làm lại một số BT TV

\* Rút kinh nghiệm

- Hướng dẫn kĩ phần cách viết văn bản tường trình

-Cho hs thực hành

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**LUYỆN TẬP VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**A.Môc tiªu**

Gióp häc sinh:

-¤n tËp l¹i nh÷ng tri thøc vÒ v¨n b¶n t­êng tr×nh: Môc ®Ých, yªu cÇu, cÊu t¹o cña mét b¶n t­êng tr×nh.

-N©ng cao n¨ng lùc viÕt t­êng tr×nh cho häc sinh.

**B.ChuÈn bÞ**

***1.ThÇy***: B¶ng phô, nam ch©m, ®Ìn chiÕu+mµn chiÕu.

***2.Trß***: Bót d¹+giÊy khæ lín.

**C.C¸c b­íc lªn líp**

***1.KiÓm tra bµi cò***

-Trong tr­êng hîp nµo th× cÇn ph¶i viÕt b¶n t­êng tr×nh ?

-Gi¸o viªn treo b¶ng phô vµ yªu cÇu häc sinh nhËn xÐt vÒ b¶n t­êng tr×nh gi¸o viªn ghi trªn b¶ng phô:

**b¶n t­êng tr×nh**

***VÒ viÖc lµm mÊt s¸ch th­ viÖn***

KÝnh göi: ThÇy HiÖu tr­ëng tr­êng THCS Thèng NhÊt

C« phô tr¸ch Th­ viÖn nhµ tr­êng.

Tªn em lµ NguyÔn Minh TiÕn, häc sinh líp 8A Tr­êng THCS Thèng NhÊt, xin tr×nh bµy víi c¸c thÇy, c« mét viÖc nh­ sau:

ChiÒu thø n¨m ngµy 12 th¸ng 3 n¨m 2009, em cã ®Õn phßnh th­ viÖn cña nhµ tr­êng ®Ó m­în mét sè s¸ch tham kh¶o vµ ®äc t¹i chç. Trong thêi gian ®äc s¸ch em cã ®i ra ngoµi kho¶ng 5 phót. Sau khi trë l¹i, em thÊy sè s¸ch em m­în bÞ thiÕu mÊt mét quyÓn. Ngay lóc Êy em ®· b¸o víi c« phô tr¸ch Th­ viÖn vµ ®· t×m song kh«ng thÊy.

VËy em lµm b¶n t­êng tr×nh nµy b¸o c¸o râ sù thùc ®Ó nhµ tr­êng ®­îc biÕt vµ gióp ®ì em t×m ra cuèn s¸ch bÞ mÊt cña th­ viÖn.

Ng­êi lµm t­êng tr×nh

(KÝ tªn)

NguyÔn Minh TiÕn

(B¶n t­êng tr×nh thiÕu: +Quèc hiÖu, tiªu ng÷

+§Þa ®iÓm vµ thêi gian lµm t­êng tr×nh

+Lêi cam ®oan)

***\*§Æt vÊn ®Ò vµo bµi****:*

LuyÖn tËp vÒ c¸ch lµm VB t­êng tr×nh

***2.D¹y vµ häc bµi míi***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | **Häat ®éng cña trß** | **Néi dung cÇn ®¹t** | | **Ghi ch** |
| **Ho¹t ®éng1:*H­íng dÉn HS «n tËp l¹i vÒ v¨n b¶n t­êng tr×nh.*** | | **I.¤n tËp lÝ thuyÕt** | |  |
| **1**. V¨n b¶n t­êng tr×nh lµ g×? Môc ®Ých viÕt VB t­êng tr×nh? | *HS tr¶ lêi theo GN*. | -Kh¸i niÖm.  -Môc ®Ých | |  |
| **2**.V¨n b¶n t­êng tr×nh vµ v¨n b¶n b¸o c¸o cã g× gièng vµ kh¸c nhau ? | *HS so s¸nh ph©n biÖt vµ tr¶ lêi.* | -Ph©n biÖt v¨n b¶n t­êng tr×nh vµ v¨n b¶n b¸o c¸o. | |  |
| \*Gièng: §Òu lµ nh÷ng VB hµnh chÝnh c«ng vô, cã h×nh thøc 3 phÇn gièng nhau.  \*Kh¸c:  -V¨n b¶n b¸o c¸o: Th«ng b¸o kÕt qu¶ ®· ®¹t ®­îc.  Néi dung cña b¸o c¸o kh«ng nhÊt thiÕt ph¶i tr×nh bµy tÊt c¶ c¸c môc quy ®Þnh s½n  -V¨n b¶n t­êng tr×nh lµ v¨n b¶n tr×nh bµy l¹i kh¸ch quan, chÝnh x¸c c¸c sù viÖc ®· x¶y ra.  Néi dung cña v¨n b¶n t­êng tr×nh ph¶i tu©n thñ ®óng tÊt c¶ c¸c môc quy ®Þnh . | | |  |
| **3**.Nªu bè côc phæ biÕn cña v¨n b¶n t­êng tr×nh? Nh÷ng môc nµo kh«ng thÓ thiÕu trong kiÓu v¨n b¶n nµy? PhÇn néi dung t­êng tr×nh cÇn nh­ thÕ nµo ? | *HS suy nghÜ, tr×nh bµy* | -Bè côc cña v¨n b¶n t­êng tr×nh: | |  |
| -Gåm 3 phÇn: Më ®Çu, néi dung, kÕt thóc.  -Nh÷ng môc kh«ng thÓ thiÕu: thêi gian, ®Þa ®iÓm, diÔn biÕn sù viÖc, nh÷ng ng­êi liªn quan, ®Ò nghÞ ...  b.Néi dung: Ng­êi viÕt ph¶i tr×nh bµy ®Çy ®ñ, chÝnh x¸c thêi gian ®Þa ®iÓm, diÔn biÕn sù viÖc, nguyªn nh©n, hËu qu¶....  =>Khi lµm mét v¨n b¶n t­êng tr×nh, ng­êi ta cÇn ph¶i ®¶m b¶o ®Çy ®ñ c¸c môc cña VB t­êng tr×nh. | | |  |
| **Ho¹t ®éng 2: *H­íng dÉn HS luyÖn tËp lµm v¨n b¶n t­êng tr×nh*.** | | **II.LuyÖn tËp** | |  |
| **4**.GV chiÕu c¸c t×nh huèng BT1. Gäi HS ®äc. Nªu y/cÇu:  -ChØ ra nh÷ng chç sai trong viÖc sö dông v¨n b¶n ë c¸c t×nh huèng sau ?  -Trong nh÷ng t×nh huèng ®ã nªn sö dông kiÓu VB nµo? | *1HS ®äc, HS kh¸c quan s¸t, suy nghÜ, tr¶ lêi:* | ***Bµi 1.ChØ ra chç sai:*** C¶3 t×nh huèng ®Òu kh«ng viÕt b¶n t­êng tr×nh. | |  |
| a.Th­êng ®i häc muén lµ vi ph¹m néi quy -> CÇn ph¶i viÕt b¶n kiÓm ®iÓm.  b.ChuÈn bÞ §¹i héi chi ®éi->CÇn viÕt giÊy xin phÐp tæ chøc §¹i héi hoÆc b¶n b¸o c¸o kÕ ho¹ch §¹i héi.  c.CÇn viÕt b¸o c¸o. | | |  |
| **5**.H·y nªu mét sè t×nh huèng th­êng gÆp trong cuéc sèng mµ em cho lµ ph¶i lµm v¨n b¶n t­êng tr×nh ? | *HS nªu VD* | | ***Bµi 2.T×nh huèng cÇn viÕt b¶n t­êng tr×nh:*** |  |
| a.Em m­în s¸ch cña th­ viÖn nh­ng kh«ng kiÓm tra, vÒ nhµ míi ph¸t hiÖn s¸ch ®· bÞ mÊt mét sè trang.  b.Tæ em ®­îc ph©n c«ng t­íi c©y v­ên tr­êng ®Õn n¬i em thÊy mét sè c©y bÞ tr©u bß giÉm g·y.  c.Chøng kiÕn mét vô va quÖt xe m¸y, em t­êng tr×nh l¹i cho c¸c chó c«ng an n¾m ®­îc sù viÖc ®Ó gi¶i quyÕt. | | |  |
| **6**.GV lùa chän t×nh huèng (a) vµ cho HS viÕt mét v¨n b¶n t­êng tr×nh ?  Yªu cÇu c¸c nhãm tr×nh bµy.  Tæ chøc cho HS nhËn xÐt, gãp ý vÒ thÓ thøc tr×nh bµy, néi dung, diÔn ®¹t, dïng tõ...  GV tæng kÕt, nhËn xÐt vÒ tõng bµi, rót ra kÕt luËn chung. | *HS H§ theo nhãm tæ, lµm bµi vµo giÊy khæ lín. §¹i diÖn tr×nh bµy. HS quan s¸t nhËn xÐt, gãp ý, rót kinh nghiÖm.*  *HS l¾ng nghe*, *rót kinh nghiÖm* | ***Bµi 3.ViÕt b¶n t­êng tr×nh:***  Em m­în s¸ch cña th­ viÖn nh­ng kh«ng kiÓm tra, vÒ nhµ míi ph¸t hiÖn s¸ch ®· bÞ mÊt mét sè trang. | |  |
| 7.§Ó viÕt ®­îc mét v¨n b¶n t­êng tr×nh ®óng theo qui ®Þnh th× cÇn ®¶m b¶o nh÷ng yÕu tè nµo ? | HS tr¶ lêi |  | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Viết văn bản tường trình | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Vẽ sơ đồ tư duy | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**IV. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

-Hoµn thµnh v¨n b¶n t­êng tr×nh ®· lµm vµo giÊy ®Ó giê sau nép cho GV.

-¤n tËp l¹i kiÕn thøc v¨n häc, chuÈn bÞ cho tiÕt tr¶ bµi kiÓm tra v¨n.

-ChuÈn bÞ cho tiÕt “Tæng kÕt phÇn V¨n” (TiÕp theo)

+Ghi nhí néi dung cña c¸c v¨n b¶n nghÞ luËn ®· häc.

+Tr¶ lêi c¸c c©u hái vµ bµi tËp.

* Rút kinh nghiệm
* Cho hs them kootj số đề tài thực hành tại lớp
* Sửa kĩ các looix hs hay mắc phải

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 33**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**VĂN BẢN THÔNG BÁO + LT VĂN BẢN THÔNG BÁO (KKHS TỰ HỌC)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. KiÕn thøc**:

- NhËn biÕt vµ n¾m ®­îc ®Æc ®iÓm, c¸ch lµm lo¹i v¨n b¶n th«ng b¸o.

**2. KÜ n¨ng:**

- RÌn kÜ n¨ng nhËn diÖn hoµn c¶nh ph¶i t¹o lËp vµ sö dông v¨n b¶n th«ng b¸o

- NhËn diÖn vµ ph©n biÖt Vb cã chøc n¨ng th«ng b¸o víi c¸c VB hµnh chÝnh kh¸c.

- T¹o lËp VB HC cã chøc n¨ng th«ng b¸o.

**3. Th¸i ®é** :

- Cã ý thøc,tr¸ch nhiÖm khi lµm mét v¨n b¶n th«ng b¸o.

**II. TRỌNG TÂM:**

**1. KiÕn thøc**:

- HÖ thèng KT vÒ VB hµnh chÝnh

- Môc ®Ých, yªu cÇu, ND cña Vb hµnh chÝnh cã ND th«ng b¸o

**2. KÜ n¨ng:**

- RÌn kÜ n¨ng nhËn diÖn hoµn c¶nh ph¶i t¹o lËp vµ sö dông v¨n b¶n th«ng b¸o v

- NhËn diÖn vµ ph©n biÖt Vb cã chøc n¨ng th«ng b¸o víi c¸c VB hµnh chÝnh kh¸c.

- T¹o lËp VB HC cã chøc n¨ng th«ng b¸o.

**3. Th¸i ®é** :

- Cã ý thøc,tr¸ch nhiÖm khi lµm mét v¨n b¶n th«ng b¸o.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các văn bản thông báo

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUÈN BÞ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. B¶ng phô, m¸y chiÕu.

**2. Chuẩn bị của trò**: §äc bµi, tr¶ lêi c¸c c©u hái vµ bµi tËp

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

**Hoạt động 1: Khởi động**

* Thời gian: 3'
* Mục tiêu: Giới thiệu bài mới.
* PPDH: Thuyết trình.

Thùc tÕ cuéc sèng cã nhiÒu kiÓu VB hµnh chÝnh kh¸c nhau . Mçi kiÓu VB hµnh chÝnh cã chøc n¨ng, nhiÖm vô kh¸c nhau. Giê häc h«m nay chóng ta sÏ t×m hiÓu vÒ VB rh«ng b¸o vµ nh÷ng tr­êng hîp cÇn ph¶i viÕt v¨n b¶n th«ng b¸o.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

* Thời gian: 10-15'

- PPDH: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.

* KTDH: KT động não*,* KTB

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy** | | **Ho¹t ®éng cña trß** | **Néi dung cÇn ®¹t** | **Chi ch** |
| **Ho¹t ®éng 1*: H­íng dÉn HS h×nh thµnh kh¸i niÖm v¨n b¶n th«ng b¸o.*** | | | **I. §Æc ®iÓm cña v¨n b¶n th«ng b¸o.** |  |
| **1**.Gäi HS ®äc 2 VB (sgk/140). Nªu yªu cÇu:  - Trong v¨n b¶n trªn ai lµ ng­êi th«ng b¸o? Ai lµ ng­êi nhËn th«ng b¸o? Quan hÖ gi÷a ng­êi th«ng b¸o vµ ng­êi nhËn? | *2 HS ®äc, HS q/s¸t VB l¾ng nghe, suy nghÜ vµ tr¶ lêi.*  \* V¨n b¶n 1: Ng­êi th«ng b¸o lµ «ng Phã HT. Ng­êi nhËn th«ng b¸o lµ c¸c GV CN vµ c¸c líp tr­ëng trong toµn tr­êng. | | ***1. V¨n b¶n***: sgk/140  - Ng­êi th«ng b¸o: cÊp trªn.  - Ng­êi nhËn th«ng b¸o: cÊp d­íi.  - Môc ®Ých: ®Ó cÊp d­íi biÕt vµ thùc hiÖn. |  |
| - Môc ®Ých th«ng b¸o lµ g×? | \*V¨n b¶n 2: Ng­êi th«ng b¸o lµ liªn ®éi tr­ëng; ng­êi nhËn lµ c¸c chi ®éi. | |  |  |
| 2.Néi dung th«ng b¸o th­êng lµ g×? | *HS suy nghÜ vµ tr¶ lêi.*  ND chÝnh lµ nh÷ng th«ng tin cô thÓ tõ phÝa c¸c c¬ quan, ®oµn thÓ, ng­êi tæ chøc cho nh÷ng ng­êi d­íi quyÒn, thµnh viªn, ®oµn thÓ hoÆc nh÷ng ai quan t©m tíi néi dung TB ®Ó biÕt thùc hiÖn hay tham gia. | | - Néi dung chÝnh lµ nh÷ng th«ng tin cô thÓ |  |
| **3**.NhËn xÐt thÓ thøc cña v¨n b¶n th«ng b¸o? | *HS so s¸nh vµ chØ râ.*  Tu©n thñ theo mét sè ®Ò môc b¾t buéc vµ cã mét sè ®iÓm kh¸c biÖt so víi c¸c VB HC c«ng vô kh¸c | | - ThÓ thøc: Tu©n thñ theo mét sè ®Ò môc b¾t buéc |  |
| **4**. H·y nªu lªn mét sè tr­êng hîp cÇn ph¶i viÕt v¨n b¶n th«ng b¸o trong häc tËp vµ trong cuéc sèng hµng ngµy? | *HS nªu ®­îc mét vµi tr­êng hîp cô thÓ.* VD:  - Th«ng b¸o vÒ viÖc tuyÓn sinh vµo c¸c tr­êng.  - Th«ng b¸o vÒ viÖc kØ luËt häc sinh vi ph¹m qui chÕ tr­êng häc.  - Th«ng b¸o vÒ viÖc quyªn gãp ñng hé ®ång bµo b·o lôt | |  |  |
| **Ho¹t ®éng 2: *H×nh thµnh cho HS c¸ch viÕt v¨n b¶n th«ng b¸o*** | | | **II.C¸ch lµm v¨n b¶n th«ng b¸o.** |  |
| ***B1. H×nh thµnh cho häc sinh hiÓu biÕt vÒ nh÷ng t×nh huèng cÇn viÕt th«ng b¸o.*** | | | ***1. T×nh huèng cÇn lµm VB th«ng b¸o.*** |  |
| **5**.Trong c¸c t×nh huèng a,b,c t×nh huèng nµo ph¶i viÕt th«ng b¸o? Ai th«ng b¸o vµ th«ng b¸o cho ai? | *HS ®äc yªu cÇu cña môc 1*.*HS x¸c ®Þnh vµ tr¶ lêi*.  - a: Ph¶i viÕt t­êng tr×nh.  - b: Ph¶i viÕt th«ng b¸o.  - Ng­êi viÕt: HiÖu tr­ëng  - Ng­êi nhËn :GVCN c¸c líp vµ h/sinh toµn tr­êng.  - c: Ph¶i viÕt th«ng b¸o.  - Ng­êi viÕt:Tæng p/tr¸ch.  - Ng­êi nhËn: Chi ®éi tr­ëng c¸c chi ®éi | |  |  |
| **6.** Tõ c¸c t×nhhuèng trªn |  | |  |  |
| *Ho¹t ®éng 3*:H×nh thµnh cho häc sinh c¸ch viÕt mét th«ng b¸o. | | | **2.C¸ch lµm v¨n b¶n th«ng b¸o.** |  |
| 6.Mét v¨n b¶n th«ng b¸o cÇn cã nh÷ng môc nµo? | HS quan s¸t v¨n b¶n mÉu vµ tr¶ lêi. | | a;ThÓ thøc më ®Çu.  b;Néi dung th«ng b¸o.  c;ThÓ thøc kÕt thóc v¨n b¶n. |  |
| *3.Cñng cè bµi:*  7.ThÕ nµo lµ v¨n b¶n th«ng b¸o?V¨n b¶n th«ng b¸o cã nh÷ng ®Æc ®iÓm g×? | 2 HS ®äc ghi nhí. | | \*Ghi nhí(sgk/143) |  |
| 8.Khi viÕt v¨n b¶n th«ng b¸o cÇn l­u ý ®iÒu g×? | HS tr¶ lời | | 3.L­u ý. |  |

**Ho¹t ®éng 3: LuyÖn tËp:**

***- Thêi gian***: 10p

***- Ph­¬ng ph¸p & KT:*** §µm tho¹i,ph¸t vÊn, thuyÕt tr×nh, nhãm+ KÜ thuËt ®éng n·o

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **Chuẩn KTKN** |
| ? ViÕt 1 v¨n b¶n th«ng b¸o vÒ kÕ ho¹ch thi kh¶o s¸t k× II?  => GV nhËn xÐt, chèt kiÕn thøc | - HS chuÈn bÞ 10 p, tr×nh bµy, nhËn xÐt.  - HS nghe, rót kinh nghiÖm | **III. LuyÖn tËp.**  - ViÕt 1 v¨n b¶n th«ng b¸o vÒ kÕ ho¹ch thi kh¶o s¸t k× II. |
| **HĐ 4: Vận dụng: Thời gian:**3’ | | |
| HS trao đổi bài cho bạn, nhân xét, sửa lỗi bài của bạn. | HS trao đổi bài cho bạn, nhân xét, sửa lỗi bài của bạn. |  |
| **5.Phát triển mở rộng: Thời gian***:* 2’ | | |
| Sưu tầm một số văn bản thông báo các loại đếo sánh, đối chiêú, nhận diện. | HS ghi yêu cầu, về nhà làm. |  |

**4. Giao bµi vµ h­íng dÉn häc bµi, chuÈn bÞ bµi ë nhµ *: 2*** phót

***4.1. Giao bµi vµ h­íng dÉn häc bµi:***

- Häc lÝ thuyÕt.

- Hoµn thµnh bµi tËp SGK.

***4.2. ChuÈn bÞ bµi tiÕt sau:***

- ChuÈn bÞ tiÕt: Ch­¬ng tr×nh ®Þa ph­¬ng phÇn tiÕng ViÖt.

\* Rút kinh nghiệm

- Hướng dẫn kĩ phần cách viết văn bản thông báo

-Cho hs thêm một số chủ đề để viết văn bản

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 34**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**TỔNG KẾT PHẦN VĂN(TT)**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Củng cố, hệ thống hoá và khắc sâu kiến thức cơ bản, giá trị tư tưởng nghệ thuật của các văn bản thơ đã học ở lớp 8.

**2. Kĩ năng**

- Khái quát, hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu các tư liệu để nhận xét về các tác phẩm văn học trên một số phương diện cụ thể.

- Cảm thụ, phân tích những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của một số tác phẩm thơ hiện đại đã học.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Một số khái niệm liên quan đến đọc – hiểu van bản như chủ đề, đề tài, nội dung yêu nước, cảm hứng nhân văn.

- Hệ thống các văn bản thơ đã học, nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại ở từng văn bản

- Sự đổi mới thơ Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 trên các phương diện: thể loại, đề tài, chủ đề, ngôn ngữ.

- Sơ giản về thơ Đường luật, thơ mới

**2. Kĩ năng**

- Khái quát, hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu các tư liệu để nhận xét về các tác phẩm văn học trên một số phương diện cụ thể.

- Cảm thụ, phân tích những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của một số tác phẩm thơ hiện đại đã học.

**3. Thái độ**

Yêu thích các tác phẩm thơ văn

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Các văn bản đã học

- Tích hợp KNS,, dân số, môi trường

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Chuẩn bị theo HD của GV và trong sgk

- Lập bảng hệ thống hoá các tác phẩm thơ (các bài 18, 19, 20, 21)

- Tìm hiểu sự giống và khác nhau về hình thức nghệ thuật giữa thơ Đường luật và thơ mới

- Trình bày cảm nhận về một số đoạn tho trong các tác phẩm đã học....

**IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT - KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | | | | | |  |
| \* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi giải ô chữ bí mật. Từ chìa khóa: THƠ MỚI | | | | ***Hình thành kĩ năng q/sát tư duy, thuyết trình***  *- Nghe, phán đoán* | | ***Kĩ năng quan sát, tư duy, thuyết trình*** | |  |
| - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới.  - Ghi tên bài lên bảng | | | | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 129.* Tổng kết …** | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | | | | |  |
| **I.HD HS hệ thống hoá kiến thức về các văn bản thơ đã học (Từ bài 15)** | | | | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. HS hệ thống hoá KT về các văn bản thơ** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Hệ thống hoá kiến thức về các văn bản thơ** | |  |
| 1.GV yêu cầu các nhóm trình bày bảng thống kê của nhóm đã chuẩn bị.  GVchiếu bảng thống kê cho HS đối chiếu | | | | HS các nhóm trình bày bảng thống kê của nhóm mình, nhóm khác n/xét.  HS đối chiếu, bổ sung | |  | |  |
| **TT** | **Tác giả,**  **Tác phẩm** | **Hoàn cảnh ra đời** | **Thể loại**  **PTBĐ** | | **Giá trị nội dung chủ yếu** | | **Đặc điểm nghệ thuật nổi bật** |  |
| **1** | ***Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác -*** Phan Bội Châu  (1867-1940) | Năm 1946, sau khi PBC bị bắt giam ở Trung Quốc | - Thất ngôn bát cú  - Biểu cảm | | Phong thái ung dung, đường hoàng và khí phách hiên ngang, kiên cường, bất khuất vượt lên trên cảnh ngục tù khốc liệt của nhà chí sĩ yêu nước PBC | | Giọng điệu hào hùng; khẩu khí rắn rỏi |  |
| **2** | ***Đập đá ở Côn Lôn -*** Phan Châu Trinh  (1872-1926) | Năm 1908, khi PCT bị bắt và bị đày ra Côn Đảo | - Thất ngôn bát cú  - Biểu cảm | | Hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp nguy nan vẫn không sờn lòng đổi chí | | Bút pháp lãng mạn, giọng điệu hào hùng; hình tượng nghệ thuật có tính đa nghĩa |  |
| **3** | ***Muốn làm thằng Cuội***  Tản Đà  (1889-1939) | Trích trong quyển “*Khối tình con I*” (1917) | - Thất ngôn bát cú  - Biểu cảm | | Tâm sự của Tản Đà: bất hoà sâu sắc với thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng | | Kết hợp tự sự với trũ tình; Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, giàu tính khẩu ngữ; giọng thơ hóm hỉnh, duyên dáng |  |
| **4** | ***Hai chữ nước nhà -*** Trần T. Khải  (1895-1983) | Trích trong “*Bút quan hoài I*” (1924) | - Song thất lục bát  - Biểu cảm | | Tâm sự yêu nước của Trần Tuấn Khải và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào | | Kết hợp tự sự với biểu cảm ; nhịp điệu phong phú, giọng điệu trũ tình, thống thiết |  |
| **5** | ***Nhớ rừng***  Thế Lữ  (1907-1989) | Trong phong trào thơ mới, góp phần mở đường cho thắng lợi của Thơ mới | - Thơ tự do 8 chữ  - Biểu cảm | | Niềm khát khao tự do mãnh liệt và tâm sự yêu nước của tác giả được diễn tả qua lời của con hổ bị nhốt ở vườn bách thú | | Bút pháp lãng mạn, nhiều BP NT, hình tượng NT có nhiều tầng ý nghĩa ; âm điệu tho biến hoá qua từng đoạn |  |
| **6** | ***Ông đồ***  Vũ Đình Liên  (1913-1996) | Trong phong trào tho mới | - Thơ ngũ ngôn  - Biểu cảm | | Niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa | | Thể tho ngũ ngôn hiện đại ; bình dị, cô đọng mà giàu gợi cảm |  |
| **7** | ***Quê hương -***  Tế Hanh  Sinh 1921 | Trong phong trào tho mới, in trong tập *Nghẹn ngào* (1939) | - Thơ tự do 8 chữ  - Biểu cảm | | Vẻ đẹp của bức tranh làng quê và tình yêu quê hương trong sáng, thiết tha của nhà thơ. | | Sáng tạo h/ả c/sống lao động thơ mộng; liên tưởng, so sánh độc đáo; lời thơ bay bổng, đầy cảm xúc |  |
| **8** | ***Khi con tu hú -*** Tố Hữu  (1920-2002) | Năm 1939, khi tác giả đang bị giam trong nhà lao Thừa Phủ | Lục bát  Biểu cảm | | Lòng yêu cuộc sống, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày gian khổ | | Thể thơ lục bát giản dị, giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển.; lời tho đầy ấn tượng; các biện pháp tu từ linh hoạt |  |
| **9** | ***Tức cảnh Pác Bó***  Hồ Chí Minh  (1890-1969) | Tháng 2/1941 | Tứ tuyệt  Biểu cảm | | Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ. | | Ngắn gọn hàm súc; vừa cổ điển, truyền thống, vừa có t/chất hiện đại; Lời thơ bình dị, giọng vui đùa, hóm hỉnh |  |
| **10** | ***Ngắm Trăng***  Hồ Chí Minh  (1890-1969) | Năm 1942, trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch | Tứ tuyệt  Biểu cảm | | Tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh tù ngục cực khổ, tối tăm | | Lời thơ giản dị mà hàm súc; sự đối sánh, tương phản |  |
| **11** | ***Đi đường***  Hồ Chí Minh  (1890-1969) | Năm 1942, trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch | Tứ Tuyệt  Biểu cảm | | Từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đời thường: vượt qua gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang. | | Kết cấu chặt chẽ; lời tho tự nhiên, bình dị, gợi hình ảnh và giàu cảm xúc, mang ý nghĩa tu tưởng sâu sắc |  |
| **2**. Nêu sự khác biệt về hình thức nghệ thuật giữa các văn bản thơ ở các bài 15, 16 và hai bài 18, 19? Theo em các bài thơ ấy mới ở chỗ nào? | | | | *HS so sánh, phân biệt sự khác nhau* | | ***\* Sự khác biệt về hình thức nghệ thuật giữa thơ mới và thơ cũ*** | |  |
| ***- Thơ cũ*** (bài 15, 16) là hai bài thơ được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, ra đời trước năm 1932: *hạn định số câu, số tiếng, niêm luật chặt chẽ gò bó; cảm xúc tư duy cũ, cái tôi cá nhân chưa được đề cao và biểu hiện trực tiếp.*  - Thơ mới (bài 18, 19) là hai bài thuộc phong trào thơ mới  + Cảm xúc mới, tư duy mới, đề cao cái tôi cá nhân trực tiếp, phóng khoáng, tự do.  + Thể thơ tự do: tự do trong số câu, số chữ; ngắt nhịp và gieo vần linh hoạt, lời thơ tự nhiên, bình dị, giảm tính công thức, ước lệ, không bị ràng buộc bởi những qui tắc nghiệt ngã của thi pháp thơ cổ điển.  + Tuy vẫn sử dụng các thể thơ truyền thống nhưng đổi mới cảm xúc và tư duy hơn. | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | | | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | | | | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** | |  |
| **3**. Đọc những câu thơ em thích nhất trong 4 bài trên? | | | | *HS tự lựa chọn, trình bày* | |  | |  |
| **4**.Hãy chỉ ra những điểm chung cơ bản của các bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác, Đập đá ở Côn Lôn, Ngắm trăng, Đi đường”?  GV kết luận: | | | | *HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.* | | \* Điểm chung của các bài thơ:“Vào nhà ngục ... cảm tác, Đập đá ở Côn Lôn, Ngắm trăng, Đi đường” | |  |
| - Đều là những bài thơ của những người tù yêu nước viết trong nhà ngục của kẻ thù.  - Đều thể hiện khí phách hiên ngang, tinh thần bát khuất kiên cường của người tù cách mạng.  - Coi thường mọi gian khổ, bình tĩnh, ung dung trong mọi thử thách  - Khao khát tự do, luôn lạc quan cách mạng. | | | |  |
| **5**. Cho HS chơi trò chơi “*Đuổi hình bắt chữ*” về phong trào tho mới | | | | *HS quan sát hình, tim ra ô chữ* | | ***\* Trò chơi*** | |  |
| **6.** Viết đoạn văn ngắn (4-6 câu) trình bày cảm nhận của em về một đoạn thơ mà em thích. | | | | *HS viết cá nhân, 1-2 HS trình bày. HS khác nhận xét* | | ***\* Viết đoạn văn trình bày cảm nhận*** | |  |

**Hoạt động 4: vận dụng.5’**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KTKN**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| Qua một số bài thơ của Bác trích trong tập “*Nhật kí trong tù*”, em học tập được những gì? | - Thực hiện ở nhà | **V. Vận dụng** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| - Tìm đọc một số bài thơ trong phong trào thơ mới? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |  |

**Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2 ‘)***

***a. Bài vừa học:***

- Hoàn thành bài tập, ghi nhớ nội dung chủ yếu của các văn bản.

- Học thuộc, chép lại những câu thơ hay mà em thích nhất, lí giải vì sao em thich.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs chuẩn bị sẵn tại nhà theo hướng dẫn

- Nhấn mạnh các phần trọng tâm

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 34**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG ( PHẦN TIẾNG VIỆT)**

**PHƯƠNG NGỮ**

-GV hướng dẫn hs chuẩn bị ở nhà sưu tầm phương ngữ của các địa phương trên khắp mọi miền Tổ quốc

- Những lưu ý khi sử dụng phương ngữ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 34**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3+4**

**ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN**

**I. MứC Độ CầN ĐạT**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống kiến thức, kĩ năngvề Vb thuyết minh, tự sự, nghị luận, hành chính.

Cách kết hợp yếu tố MT, BC, TS, trong văn NL.

**2. Kĩ năng:**

- Khái quát, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu Vb đã học.

- So sánh, đối chiếu, phân tíchcách sử dụng các phương thức biểu đạt trong các VB thuyết minh, tự sự, nghị luận, hành chính và trong tạo lập VB.

**3. Thái độ** :

- Giáo dục ý thức HT tích cực cho HS.

**II.TRỌNG TÂM:**

**1. Kiến thức:** Qua tiết học, HS nắm được chắc hơn:

- Hệ thống kiến thức, kĩ năngvề Vb thuyết minh, tự sự, nghị luận, hành chính.

Cách kết hợp yếu tố MT, BC, TS, trong văn NL.

**2. Kĩ năng:**

- Khái quát, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu Vb đã học.

- So sánh, đối chiếu, phân tíchcách sử dụng các phương thức biểu đạt trong các VB thuyết minh, tự sự, nghị luận, hành chính và trong tạo lập VB.

**3. Thái độ** :

- Giáo dục ý thức HT tích cực cho HS.

**4. Kiến thức tích hợp**

-Tích hợp các văn bản đã học

**5. Định hướng phát triển năng lực**

- Nhóm năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thu thập - xử lý thông tin, năng lực giao tiếp; năng lực tư duy sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**III. CHUẩN Bị**

1- GV : PP : Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm

2 - HS : Ôn lại kiểu bài TLV đó học

**IV. tổ chức DẠY và HỌC:**

**1. ổn định tổ chức lớp**. (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:**(2 phút)

KT sự chuẩn bị của học sinh

**3. Tổ chức dạy và học bài mới**

**Hoạt động 1: Hoạt động khởi động:**

***- Thời gian***: 1p

- ***Phương pháp & KT***: Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **Chuẩn KTKN** | **Ghi chú** |
| ***GV dẫn dắt vào bài***: mục đích tiết học để củng cố, hệ thống hoá kiến thức kĩ năng của phần tập làm văn đã học trong năm. Nắm chắc khái niệm và bút pháp viết các VBTM, biết kết hợp các yếu tố TS, MT, BC trong văn bản nghị luận. | HS suy nghÜ, l¾ng nghe |  |  |

**Hoạt động 2: HĐ hỡnh thành KT :**

- Thời gian: 30 p

- Phương pháp & KT: Đàm thoại, thuyết trình, vấn đáp, nhóm + Kĩ thuật động não

-Hỡnh thành năng lực: Năng lực giao tiếp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRề** | **Chuẩn KTKN** | **Ghi chỳ** |
| - GV chia h/s thành 4 nhóm thảo luận 4 nội dung:  *1. Em hiểu thế nào về tính thống nhất của văn bản? Cho VD?*  *2.Tính thống nhất thể hiện rõ nhất ở phần nào ? cho VD ?*  *3. Chủ đề của văn bản là gì ? Phân biệt chủ đề Vb với câu chủ đề ?*  *4.Tính thống nhất của c/đ được thể hiện như thế nào ?*    - Chia lớp thành 3 nhóm , thảo luận:  *1. Thế nào là văn bản tự sự ? Em đã học những văn bản tự sự nào trong chương trình lớp 9 ?*  *2. Tóm tắt văn bản tự sự để làm gì ? Làm thế nào để tóm tắt văn bản tự sự có hiệu quả ?*  *3. Các yếu tố miêu tả và biểu cảm tham gia vào văn bản tự sự như thế nào ?*  - Thảo luận theo nhóm bàn:  *? Kể tên các kiểu văn bản thuyết minh ? Đặc điểm VB TM ?*  *? Có những kiểu, phương pháp thuyết minh nào ?*  *? Sự khác biệt giữa các kiểu bài thuyết minh ?*  *? Trình bày dàn ý ?*  ? Thế nào là luận điểm ? Luận điểm đóng vai trò gì trong bài văn nghị luận ?  ? Có những pp lập luận nào?  ? Thế nào là luận cứ ? Luận chứng? Luận cứ , luận chứng có vai trò gì đ/v luận điểm ?  ? Thế nào là VB tường trình, văn bản thông báo? Lấy VD?  ? Đặc điểm của VB trường trình và văn bản thông báo?  => Gv chốt ý | - HS thảo luận theo tổ trình bày ngắn gọn khái quát.  - Các tổ cử đại diện trình bày.  - Chủ đề được thể hiện trong câu chủ đề, trong nhan đề văn bản, trong các đề mục, trong quan hệ giữa các phần, trong các từ ngữ then chốt thường lặp đi lặp lại một cách chú ý.    + TS là văn bản bằng lời kể của mình tái hiện lại câu chuyện ...  + Tóm tắt VBTS để người đọc, nghe hình dung nắm bắt được n/d chủ yếu.  + Các yếu tố biểu cảm , m/t giúp cho VBTS thêm sinh động gần gũi  + HS thảo luận theo nhóm – Trình bày nhận xét.  + Luận điểm là ý kiến, quan điểm của người viết để làm rõ, làm sáng tỏ việc cần bàn.Luận điểm có vai trò cực kì quann trọng trong b/v NL ...  + Luận cứ ...  Luận chứng ...  - HS trình bày  -> Nhận xét nội dung | **I. Tính thống nhất của văn bản**  - ***Tính thống nhất của văn bản***: Hướng vào 1 chủ đề, không xa rời hay hướng vào chủ đề khác.  -Tính thống nhất thể hiện rõ nhất ở phần TB, ở sự mạch lạc, liên kết giữa các phần, các đoạn trong VB.  - ***Chủ đề*** của văn bản là: Vấn đề và đối tượng chính mà VB biểu thị.  **II. Ôn tập về văn bản tự sự**  1- ***Khái niệm VBTS:***  là văn bản bằng lời kể của mình tái hiện lại câu chuyện ...  ***2. Tóm tắt VBTS***  3***. Vai trò của các yếu tố BC, MT.***  **III. Ôn tập về văn bản thuyết minh.**  1- ***Khái niệm VBTS***  ***2. Đặc điểm VB TM***  3. ***Các Phương pháp TM***  ***4. Dàn ý .***  **IV. Ôn tập văn bản nghị luận.**  + Luận điểm  + Luận cứ ...  + Luận chứng ...  + PP lập luận  **VI. Văn bản hành chính**  - VB tường trình, VB tthông báo  + Khái niệm  + Đặc điểm. |  |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*- Thời gian*: 6 p

*- Phương pháp & KT:* Đàm thoại, phát vấn, thuyết trình, nhóm+ Kĩ thuật động não

- Hỡnh thành năng lực: Tư duy, hợp tác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRề** | **Chuẩn KTKN** | **Ghi chỳ** |
| ? Chỉ rõ tính thống nhất chủ đề Vb trong bài “ Cây xanh"  ? Tìm luận điểm trong bài “Đi bộ ngao du”? | - HS làm cá nhân, trình bày, nhận xét. | **VII. Luyện tập**  Bài tập1  Bài tập2 |  |
| **HĐ 4: Vận dụng:**  **- Thời gian:**3’ | | |  |
| Nhận xét về các luận điểm trong bài viết TLV số 6, số 7 của mỡnh. Viết lại cho sinh động, đúng đắn hơn. |  |  |  |
| **HĐ 5:Phát triển mở rộng:**  **- Thời gian***:* 2’ | | |  |
| Sưu tầm những bài NL hay, học cỏch lập luận chuẩn bị cho bài KTHK. | HS ghi yờu cầu, về nhà làm. |  |  |

**4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà *:*** 2 phút

***4.1. Giao bài và hướng dẫn học bài:***

+ Hoàn thiện yêu cầu bài tập trên lớp

***4.2. Chuẩn bị bài tiết sau:***

+ Ôn tập tổng hợp để kiểm tra HKI

+ Xem lại các đề bài.

* Rút kinh nghiệm
* Sửa bài tập trong sgk
* Cho thêm ngữ liệu ngoài sgk giúp hs rèn luyện

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 35: ÔN TẬP, HỆ THỐNG KIẾN THỨC HỌC KÌ II**